

**CÁC YẾU TỐ PHÁP LÝ
VÀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ
TRONG VIỆC CẢI QUẢN TỈNH DÒNG**

ELEMENTI GIURIDICI
E PRASSI AMMINISTRATIVI
NEL GOVERNO
DELL'ISPETTORIA



DIREZIONE GENERALE OPERE DON BOSCO
ROMA

**CÁC YẾU TỐ PHÁP LÝ
VÀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ
TRONG VIỆC CẢI QUẢN TỈNH DÒNG**

ELEMENTI GIURIDICI
E PRASSI AMMINISTRATIVI
NEL GOVERNO
DELL'ISPETTORIA



DIREZIONE GENERALE OPERE DON BOSCO
ROMA

Mục Lục

GIỚI THIỆU	7
0. NHẬP ĐỀ: LUẬT VÀ VIỆC THỰC HÀNH SALÊDIÊNG	10
0.1 Ý nghĩa của các cơ cấu cai quản và các qui tắc cộng đoàn	10
0.2 Luật phổ quát và luật riêng	11
0.3 Sự phục vụ của Quyền bính là để thực thi các qui tắc cộng đoàn	13
1. GIÁM TỈNH VÀ BAN CỐ VẤN NGÀI	16
1.1 Diện mạo và bốn phận của Giám Tỉnh	16
1.2 Các phẩm chất được đòi hỏi cho việc bổ nhiệm Giám Tỉnh	20
1.3 Bổ nhiệm Giám Tỉnh	21
1.4 Nhậm chức	21
1.5 Nhiệm kỳ Giám Tỉnh	22
1.6 Thành phần Ban Cố Vấn Tỉnh	22
1.7 Các phẩm chất được đòi hỏi cho việc bổ nhiệm Cố Vấn Tỉnh	23
1.8 Bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh	24
1.9 Nhiệm kỳ các Cố Vấn Tỉnh	26
1.10 Sự ưng thuận và ý kiến của BCV Tỉnh	26
2.TU NGHỊ TỈNH	29
2.1 Bản chất và các nhiệm vụ của Tu Nghị Tỉnh	29
2.2 Việc triệu tập và tần suất Tu Nghị Tỉnh	30
2.3 Thành phần Tu Nghị Tỉnh	31
2.4 Thể thức các cuộc bầu cử vào Tu Nghị Tỉnh	32
2.5 Các qui tắc đặc biệt cho việc điều hành Tu Nghị Tỉnh	36
3. THƯ KÝ TỈNH	38
3.1 Diện mạo Thư Ký Tỉnh	38
3.2 Các nhiệm vụ của Thư Ký Tỉnh	39
3.3 Các phẩm chất của Thư Ký Tỉnh	42

3.4	Bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Thư Ký Tỉnh	43
4.	GIA NHẬP TU HỘI: TIỀN TẬP VIỆN VÀ TẬP VIỆN	44
I.	Các qui tắc liên quan đến Tiền Tập Viện	44
4.1	Tiếp nhận vào Tiền tập viện	44
4.2	Các mục tiêu	44
4.3	Môi trường đào luyện	45
4.4	Thời gian Tiền tập viện	45
II.	Các Qui tắc liên quan đến Tập Viện	46
4.5	Nhà của Tập viện	46
4.6	Tập Sư	48
4.7	Tiếp nhận vào Tập Viện	49
4.8	Thời gian Tập Viện và sự gián đoạn Tập Viện	53
5.	TUYÊN KHẤN SALÊDIÊNG	55
5.1	Khẩn tạm và khẩn trọn	55
5.2	Tiếp nhận vào khẩn lần đầu	57
5.3	Tái khẩn tạm	60
5.4	Khẩn trọn	61
5.5	Cử hành việc Khẩn Dòng	65
5.6	Nhận lại vào Tu Hội	65
5.7	Tu sĩ đang làm nghĩa vụ quân sự	67
6.	CÁC TÁC VỤ VÀ CHỨC THÁNH	69
6.1	Các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ	69
6.2	Chức phó tế	71
6.3	Chức linh mục	76
7.	RA KHỎI TU HỘI	79
7.1	Chuyển sang một Tu Hội khác	79
7.2	Vắng mặt tạm thời khỏi nhà dòng	81
7.3	Sống ngoài nội vi	84
7.4	Một tu sĩ khẩn tạm rời Tu Hội “khi lời khẩn mãn hạn”	87
7.8	Miễn chuẩn chức phó tế	96

7.9 Miễn chuẩn bậc độc thân linh mục	97
7.10 Thái hồi khỏi Tu Hội	105
7.11 Giúp đỡ các hội viên trong trường hợp rời bỏ Tu Hội	118
8. NHÀ VÀ CỘNG THỂ ĐỊA PHƯƠNG	119
8.1 Mở và thiết lập một Nhà Salêdiêng theo giáo luật	119
8.2 Thay đổi mục đích một Nhà	121
8.3 Bổ nhiệm Giám Đốc của một Nhà được thiết lập theo giáo luật	122
8.4 Bổ nhiệm các Cố Vấn và các chức vụ khác trong cộng thể địa phương	123
8.5 Chỉ định hội viên cho một Nhà	125
8.6 Nhận một Giáo Xứ	126
8.7 Đóng cửa một Nhà theo giáo luật	128
9. TỈNH DÒNG	129
9.1 Thiết lập hay giải thể một Tỉnh	129
9.2 Thiết lập một Á Tỉnh	129
9.3 Hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt	130
9.4 Phụ Tỉnh	130
9.5 Trụ sở Tỉnh	131
9.6 Việc nhập tịch của một hội viên vào một tỉnh	132
9.7 Chuyển hội viên từ một hạt sang một hạt khác	132
9.8 Các hội viên làm việc tại các cơ cấu ngoài Salêdiêng	134
10. BỐN PHẬN VÀ NĂNG QUYỀN ĐẶC BIỆT CỦA GIÁM TỈNH	135
10.1 Các bốn phận và năng quyền liên quan đến đời sống thiêng liêng của tu sĩ	135
10.2 Việc tông đồ của các hội viên	139
10.3 Các nơi thờ phượng	142
10.4 Thánh Lễ	143
10.5 Các chế tài hình sự	145
10.6 Miễn chuẩn và cho phép	148
11. QUẢN TRỊ TÀI SẢN VẬT CHẤT	150
11.1 Các hoạt động ngoại thường	151
11.2 Mua tậu bất động sản	153

11.3 Chuyển nhượng bất động sản có hay không kèm theo nghĩa vụ (bán hay tặng)	154
11.4 Vay mượn	155
11.5 Tiếp nhận tài sản thừa kế, các vật di tặng hay dâng cúng	156
11.6 Phá hủy nhà hiện hữu, xây cất nhà mới, và các thay đổi quan trọng trong một nhà	157
11.7 Trợ cấp suốt đời, học bổng, bổng lễ hay các quỹ đặc biệt và các tổ chức từ thiện	158
11.8 Các yêu cầu khác chiều theo Qui Chế	158
11.9 Các quan hệ kinh tế giữa Nhà Salêdiêng và Giáo xứ Salêdiêng	162
11.10 Các qui tắc giáo luật về của thừa kế, di tặng, dâng cúng và các “thiện ý” khác	166
12. LIÊN LẠC GIỮA VĂN PHÒNG TỈNH VÀ VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG	169
12.1 Sự cần thiết của truyền thông. Các liên lạc giữa Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và BCV ngài	169
12.2 Công việc phục vụ của Văn Phòng Trung Ương	172
12.3 Công việc phục vụ của Văn Phòng Tỉnh	173
12.4 Liên lạc với Tòa Thánh	179
12.5 Một số qui tắc chung về các thủ tục	180
13. VĂN KHỐ TỈNH VÀ VĂN KHỐ NHÀ	184
13.1 Tầm quan trọng của Văn Khố đối với Tu Hội chúng ta	184
13.2 Các văn khố lịch sử và hiện hành, và văn khố “mật”	186
13.3 Những người chịu trách nhiệm về văn khố	187
13.4 Nội dung của Văn Khố	188
13.5 Sắp xếp văn khố	191
13.6 Bảo quản tài liệu	194
PHỤ LỤC	198
DANH SÁCH CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG CHO VĂN KHỐ	199
PHỤ LỤC A-2	201
TIẾP NHẬN VÀO TẬP VIỆN	201
PHỤ LỤC A-3	202
THÔNG TRI VỀ MỘT HỘI VIÊN RỜI BỎ TU HỘI KHI MẮN HẠN KHẮN TẠM	202
PHỤ LỤC A-4	206
THÔNG BÁO VỀ MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI	206
PHỤ LỤC A-5	207
CURRICULUM VITAE	207

PHỤ LỤC A-6	209
SOCIETAS S.FRANCISCI SALESII “LITTERAE DIMISSORIAE”	209
THƯ GIỚI THIỆU TRUYỀN CHỨC	209
PHỤ LỤC A-7	210
“TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN”	210
PHỤ LỤC A-8	212
VẮNG MẶT KHỎI NHÀ DÒNG	212
PHỤ LỤC A-9	214
ÂN BAN CHUYỂN SANG GIÁO PHẬN – MẪU ĐƠN XIN	214
PHỤ LỤC A-10	215
THẢI HỒI MỘT HỘI VIÊN	215
PHỤ LỤC A-11	216
THẢI HỒI MỘT HỘI VIÊN	216
PHỤ LỤC A-12	218
“THÔNG CÁO”	218
VỀ VIỆC THẢI HỒI MỘT HỘI VIÊN MẤT TUNG TÍCH	218
PHỤ LỤC A-13	220
MIỄN CHUẨN BẬC ĐỘC THÂN LINH MỤC	220
MẪU DỰ THẢO HỢP ĐỒNG - NHẬN GIÁO XỨ	230
PHỤ LỤC A-15	234
THỐNG KÊ CUỐI NĂM (“FLASH”)	234
PHỤ LỤC A-16	241
MẪU VỀ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHO HỘI VIÊN	241
PHỤ LỤC A-17	244
MẪU CHO MỖI NHÀ	244
PHỤ LỤC A-18	246
MẪU CHO VĂN KHỐ TRUNG ƯƠNG	246
MỤC LỤC PHÂN TÍCH	248

GIỚI THIỆU

Năm 1987 cuốn *Cẩm Nang* ‘Elementi giuridici e prassi amministrativa nel governo dell’ispettorato’ [‘Các Yếu Tố Pháp Lý và Thực Hành Quản Trị trong việc cai quản Tỉnh Dòng’] đã được xuất bản, theo sau cuốn ‘*Manuale del segretario ispettoriale*’ [‘Sổ Tay Thư Ký Tỉnh’] được phát hành trước đó. Cuốn sách tích hợp các khía cạnh có tính chất pháp luật hay liên quan đến việc thực hành quản trị trong Tỉnh Dòng, đồng thời lưu ý tới Bộ Giáo Luật đã được công bố năm 1983¹ cũng như bản văn Hiến Luật canh tân của Tu Hội Salêdiêng chúng ta được phê chuẩn năm 1984.

Giờ đây, sau hơn mười lăm năm, khoảng thời gian mà bản văn đã được sử dụng để tham khảo và hướng dẫn về các khía cạnh pháp lý và để thi hành các đòi hỏi pháp qui trước hết ở cấp Tỉnh, chúng tôi quyết định công bố một ấn bản mới, được duyệt lại một phần. Sở dĩ có ấn bản mới này không chỉ vì ấn bản cũ đã hết, nhưng chủ yếu vì đây là cơ hội để cập nhật, gắn liền những thay đổi trong một số phần luật của chúng ta cũng như trong một số khía cạnh thực hành của giáo hội. Riêng về những gì liên quan đến luật riêng của chúng ta, cần nhớ rằng trong các Tổng Tu Nghị (TTN) gần đây nhất của chúng ta (từ TTN23 đến TTN25), một số sửa đổi đã được đưa vào các bản văn của Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát—dù chỉ là những sửa đổi nhỏ—và cần phải lưu ý đến những sự sửa đổi này,² cùng với các nghị quyết khác của các Tổng Tu Nghị. Ngoài ra, năm 2000, ấn bản duyệt lại của ‘Ratio’ [Chỉ Nam Đào Luyện SDB] được công bố, với bản bổ sung của nó [‘Các Tiêu Chí và Qui Tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng’]. Liên quan đến Hội Thánh, ngoài một số giải thích pháp lý chi tiết, một cách đặc biệt chúng ta phải tuân theo các qui tắc đã được Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích cung cấp năm 1991 về trường hợp các phép miễn chuẩn bậc độc thân linh mục. Tất cả những điểm trên đây đã được xem xét và dẫn tới kết luận rằng cần có một quyển cẩm

¹ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Sacrae disciplinae leges*, Roma, 25-1-1983.

² Năm 2003, một ấn bản sửa đổi của HL và QC được công bố, trong đó các sửa đổi do các TTN thực hiện đã được đưa vào.

nam cập nhật. So với bản văn cũ, các thay đổi trong bản văn mới không nhiều, nhưng cần được xét đến. Cha Tổng Đại Diện, đặc biệt về phần pháp lý, đã làm việc chung với Cha Tổng Thư Ký trong việc duyệt lại bản văn.

Như đã chỉ ra trong ấn bản 1987, cuốn 'Cẩm Nang' hiện tại chủ yếu và chuyên biệt nhằm tới Giám Tỉnh và các cộng sự viên của ngài trong việc cai quản và tổ chức tỉnh dòng một cách tốt đẹp; cách riêng, Thư Ký Tỉnh được lưu tâm, vì ngài ở bên cạnh Giám Tỉnh để giúp đỡ Giám Tỉnh trong diễn trình thực hành pháp lý và quản trị, và trông coi Văn Khố của tỉnh.

Do thể loại của nó, quyển cẩm nang này liên hệ trực tiếp tới cuốn sách nói về tác vụ sinh động hoá của Giám Tỉnh, 'L'ispettore salesiano: un ministero per l'animazione e il governo della comunità ispettoriale' ['Giám Tỉnh Salêdiêng: một tác vụ cho việc sinh động hoá và cai quản cộng thể tỉnh']; trên thực tế, nó lấy lại nhiều đề tài có trong cuốn sách ấy, nhưng khai triển từ quan điểm chuyên môn về luật pháp.

Về bố cục nội dung, sách này vẫn giống như trong ấn bản 1987, như có thể thấy nhanh ở phần Mục Lục tổng quát.

Sau một bài dẫn nhập về ý nghĩa các qui tắc cộng đoàn, hai chương đầu xem xét các khía cạnh liên quan đến các cơ quan cai quản Tỉnh: Giám Tỉnh, Ban Cố Vấn Tỉnh, Tu Nghị Tỉnh (Ch. 1 và 2). Vai trò Thư Ký Tỉnh được chú ý đặc biệt, với các chức năng được mô tả ở Chương 3.

Ba chương tiếp theo nói đến 'qui trình' của mỗi hội viên: các giai đoạn gia nhập Tu Hội và đào luyện tiếp theo (Ch. 4, 5 và 6).

Nguyên một chương (Ch. 7) được dành để trình bày các tình huống cụ thể của các hội viên đang xem xét việc rời bỏ Tu Hội, cách này hay cách khác. Có thể nhận thấy rõ đặc biệt chương này đã đưa thêm những điểm cập nhật khác nhau, hoặc là để phù hợp với các qui định từ Tông Toà (như trong trường hợp miễn chuẩn bậc độc thân linh mục) hay để cắt nghĩa một cách sâu hơn một số cách thức tiến hành trong soạn thảo các tài liệu về các trường hợp.

Các Ch. 8 và 9 đề ra toàn bộ những qui tắc lần lượt cho các Nhà và Tỉnh.

Chương tiếp theo (Ch. 10) trình bày tổng quát các bốn phận và năng quyền mà luật dành cho Giám Tỉnh trong vai trò là Bề Trên Cấp Cao và là Đấng Bản Quyền Dòng.

Sau một cái nhìn tổng quan về các thủ tục kinh tế và quản trị (Ch. 11), hai chương cuối trình bày hai đề tài quan trọng nhất cho việc tổ chức cộng thể: liên hệ giữa Giám Tỉnh và Văn Phòng Điều Hành Trung Ương (Ch. 12) và các Văn Khố, của Tỉnh cũng như của các cộng thể địa phương (Ch. 13).

Để kết thúc, có thể nhắc lại những gì được viết trong ấn bản 1987, bằng cách nhấn mạnh rằng ở đây bàn đến một vấn đề mang tính chất thực hành: trên thực tế, bản văn được trình bày như một tóm lược các qui tắc được lấy từ luật phổ quát và từ luật riêng của chúng ta, với các thủ tục phải theo khi thi hành các nhiệm vụ khác nhau. Nhưng vì đối với người Salêdiêng chúng ta, mọi luật lệ đều vô nghĩa nếu nó bị tách rời khỏi mục đích cơ bản của ơn gọi và sứ mạng của Tu Hội chúng ta, nên một lần nữa cần nhắc lại tầm quan trọng của việc đọc văn bản này dưới sự soi sáng của các hướng dẫn chính từ Luật đời sống của chúng ta.

Bằng cách này, cả các 'khía cạnh pháp lý' và 'thực hành quản trị' có thể hữu ích để thể hiện kế hoạch của Chúa trong tinh thần Cha Thánh Bosco của chúng ta nơi cộng thể tỉnh và các cộng thể địa phương.

Rôma, ngày 24 tháng 5, 2004.

Lm. Marian Stempel

Tổng Thư Ký

Lm. Francesco Maraccani

Tổng Đại Diện

0. NHẬP ĐỀ: LUẬT VÀ VIỆC THỰC HÀNH SALÊDIÊNG

Cẩm Nang này có mục đích giúp Giám Tỉnh và các cộng sự của ngài - trước hết là Thư Ký Tỉnh - trong việc thi hành thực tiễn của nhiệm vụ cai quản trong Tỉnh. Nó trực tiếp gắn liền với cuốn sách mô tả việc phục vụ của Giám Tỉnh (*‘Một Thừa Tác Vụ sinh động hoá và cai quản cộng thể Tỉnh’*), ở đó chúng ta thấy những nguyên tắc và những tiêu chí cơ bản cho việc sinh động hoá và cai quản Tỉnh Dòng, và chúng ta cũng thấy những vấn đề thực tiễn liên quan để cơ cấu cai quản và những người có liên quan được nhìn từ quan điểm luật pháp. Vì thế, có thể cuốn sách này lấy lại một số đề tài liên quan đến việc phục vụ của Giám Tỉnh, nhưng từ một viễn tượng khác và với điểm nhấn đặc biệt về luật.

0.1 Ý nghĩa của các cơ cấu cai quản và các qui tắc cộng đoàn

- 1 Trước khi bắt đầu nói về các khía cạnh pháp lý, chúng ta nên lưu ý đến ý nghĩa của các cơ cấu và các qui tắc cộng đoàn trong Tu Hội chúng ta.

Thực vậy, Hiến Luật, vốn phù hợp với tất cả truyền thống của chúng ta, ngay từ những khoản luật đầu tiên đã cho thấy rõ bản chất và mục đích của Tu Hội. Đó là kết hợp các anh em (giáo sĩ và giáo dân) thành một cộng thể những con người thánh hiến, để họ có thể là những *‘dấu chỉ và người mang tình yêu Thiên Chúa đến cho thanh thiếu niên, đặc biệt những em nghèo khổ nhất’* (HL 2). Mục đích mà Tu Hội (và, trong đó, mỗi cộng thể) hướng tới là sự thánh thiện của các hội viên, được thực hiện qua việc chu toàn sứ mạng giáo dục và phúc âm hoá giới trẻ nghèo (x. HL 23).

Nhưng khi bàn về một cộng thể gồm những con người được đặt trong một bối cảnh nhân loại và giáo hội và với những công việc mục vụ xác định, thì cộng thể này cần có những cơ cấu và qui

tắc để bảo đảm việc thi hành sứ mạng có qui củ và hiệu quả.

Như thế, các cơ cấu và qui tắc cộng đoàn được coi như là những *phương tiện để làm cho kế hoạch giáo dục và mục vụ của cộng thể trở nên thực tế và có thể thực hiện được*: Tổng Tu Nghị Đặc Biệt (TTNDB) nói rõ điều này bằng cách nhắc đến các nguyên tắc chung của đời sống tu trì: “Đời tu tự bản chất mang tính đoàn sủng, vì thế nó có một chiều kích thiêng liêng, nơi tạo nên sự vững bền của nó. Do chính sự kiện các tu sĩ là những con người và có các mục tiêu chuyên biệt phải cùng nhau đạt tới, cho nên họ cần phải lập và có một tổ chức như xã hội.”¹

Từ những nguyên tắc trên đây, chúng ta có thể hiểu được sự không thể thiếu của các qui tắc cộng đoàn, có tính pháp lý và thực hành, nhưng cùng với chúng, chúng ta không quên *khía cạnh thiêng liêng* mà trong đó chúng được phải xét đến, vì chúng luôn luôn nhắm tới sự hoàn thành sứ mạng mục vụ.

Ngoài ra, TTNDB tiếp tục nhắc tới ý muốn của Đấng Sáng Lập của chúng ta: “Don Bosco muốn một Tu Hội Dòng thực sự, và ngài muốn Tu hội ấy được tổ chức tốt, để song song với cung cách gia đình trong thực thi quyền bính, phải có một cơ cấu được xây dựng một cách sư phạm xoay quanh con người của bề trên.”²

0.2 Luật phổ quát và luật riêng

- 2 Các ‘qui tắc cộng đoàn’ để hướng dẫn và điều hành Tu Hội chúng ta - ở các cấp khác nhau - là những qui tắc nào để có thể có một cộng thể Salêdiêng được tổ chức tốt nhằm chu toàn sứ mạng?

¹ TTN20, 706; cf. *A Guide to the Salesian Constitutions*, Roma 1986, tr. 865; cf. Tông Hiến *Sacrae disciplinae leges*. AAS 1983, Pars III, p. XXIII.

² TTN20, 714.

Câu trả lời không khó: chúng ta tìm thấy những qui tắc hiệu lực và chắc chắn về tổ chức này trong luật phổ quát của Hội Thánh và trong luật riêng của Tu Hội chúng ta.

Luật phổ quát của Hội Thánh - được sưu tập trong *Bộ Giáo Luật* [từ đây viết tắt là *CIC-Codex Iuris Canonici*] - là một tập hợp toàn thể các qui tắc có giá trị đối với tất cả các Dòng Tu, và Tu Hội chúng ta cũng phải tuân thủ để sứ mạng của Tu Hội thực sự có tính Giáo hội, theo ý muốn của Đấng Sáng Lập. Vì Tu Hội Salêdiêng tiếp nhận sứ mạng từ Hội Thánh và thi hành sứ mạng nhân danh Hội Thánh (x. HL 6, 31, 44), nên các hội viên cần phải trung thành với các qui định vốn tạo nên ý nghĩa Hội Thánh cho các hành động của mình.

Từ điều này chúng ta có thể rút ra một hệ quả thực hành. Những người có trách nhiệm hướng dẫn Tỉnh cần phải có một sự hiểu biết về luật phổ quát của Hội Thánh và sống phù hợp với luật này; do đó người thi hành chức năng ‘chưởng ấn’ của Tỉnh, nghĩa là Thư Ký Tỉnh, cần có năng lực chuyên môn cho vai trò này.

3 ***Luật riêng của Tu Hội*** dựa trên luật phổ quát của Hội Thánh. Trên thực tế, Bộ Giáo Luật được canh tân sau Công Đồng Vaticanô II đã muốn dành nhiều xác định cụ thể cho các Dòng Tu: mỗi Dòng được kêu gọi diễn tả bằng các bộ luật riêng những gì là đặc trưng cho đoàn sủng chuyên biệt của mình vì lợi ích của toàn thể dân Thiên Chúa.

Chiếu theo HL 191, luật riêng của Tu Hội chúng ta bao gồm các nguồn sau đây:

1. *Hiến Luật*, biểu thị ‘bộ luật cơ bản’ và chứa đựng những yếu tố thiết yếu có khả năng xác định căn tính và sứ mạng của Tu Hội, các mục đích của Tu Hội, và tinh thần làm cho Tu Hội sống động, cũng như những yếu tố nòng cốt của tổ chức

cộng đoàn. (xem CIC 587).

2. *Qui Chế Tổng Quát*, khai triển các yếu tố thiết yếu của bộ luật cơ bản thành các qui tắc thực hành thích ứng với các tình huống thay đổi - luôn luôn ở cấp độ phổ quát.
3. Các *Nghị Quyết của các Tổng Tu Nghị*, xác định những đường hướng làm việc cho các cộng thể và hội viên trong một thời kỳ nhất định (ví dụ một thời kỳ sáu năm) hay để đạt những mục đích cụ thể. Chính theo các đường hướng này mà có các nghị quyết của các TTN liên quan đến các lãnh vực như đời sống cộng đoàn, kế hoạch giáo dục và mục vụ, kế hoạch đào luyện, kế hoạch truyền giáo, v.v...
4. Các *Chỉ Nam Chung*, chứa đựng một tập hợp các qui tắc có giá trị cho toàn thể Tu Hội về những đề tài chuyên biệt (vd., Chỉ Nam Đào Luyện, gọi là *Ratio Fundamentalis Institutionis et Studiorum* – FSDB).
5. Các *Chỉ Nam Tỉnh* và các *Nghị Quyết của các Tu Nghị Tỉnh*, gồm những qui tắc áp dụng ở cấp cộng thể Tỉnh.

Trong những trang sau, các văn kiện có giá trị pháp qui trên đây sẽ được tham chiếu thường xuyên.

0.3 **Sự phục vụ của Quyền bính là để thực thi các qui tắc cộng đoàn**

- 4** Việc phục vụ của quyền bính trong các cộng thể gắn chặt với việc thảo luận về kế hoạch của cộng thể và với các cơ cấu và qui tắc để thực thi kế hoạch ấy.

Bộ Giáo Luật nhấn mạnh vai trò nền tảng của quyền bính trong mọi cộng đoàn tu sĩ: quyền bính được trình bày như là một trong số những yếu tố cơ bản và đặc trưng của mọi hình thức đời tu (x. CIC 596 và 608); và trong khi nhìn nhận rằng cơ sở xa của quyền bính-vâng phục là đoàn sủng do Thiên Chúa ban cho

Đấng Sáng Lập (đó là lý do tại sao bản chất đoàn sủng của nhóm được làm nổi bật), luật phổ quát nhấn mạnh rằng quyền bính-vâng phục ấy nằm trong bối cảnh Hội Thánh: khi Hội Thánh phê chuẩn và nhìn nhận tính xác thực của các đoàn sủng, Hội Thánh không chỉ nhìn nhận quyền bính của Bề Trên Dòng, nhưng cũng vạch ra những yếu tố chính trong việc phục vụ quan trọng của họ. Giáo Luật điều 618-619 được dành để làm rõ những đặc quyền của quyền bính trong cộng đoàn tu trì.³

Về cộng thể Salêdiêng, theo phong thái của Don Bosco, điều 121 của Hiến Luật chỉ ra vai trò và các đặc trưng của quyền bính: quyền bính là một sự phục vụ các anh em, được thi hành nhân danh và noi gương Đức Kitô, nhằm “thúc đẩy lòng bác ái, phối hợp nỗ lực của mọi người, sinh động hoá, hướng dẫn, quyết định, sửa sai, để hoàn thành sứ mạng của chúng ta.” Ở đây chúng ta thấy tóm lược các khía cạnh tiêu biểu của quyền bính Salêdiêng đã được nêu ra ở các điều 44, 55 và 65 của Hiến Luật.

Bên trong việc phục vụ sinh động hoá và hướng dẫn này có sự thi hành việc cai quản liên quan đến việc tuân giữ các qui tắc cộng đoàn: đây là một nhiệm vụ không thể từ bỏ của Bề Trên, người được kêu gọi để hướng dẫn cộng thể trung thành với kế hoạch của cộng thể, nhờ đó cộng thể có thể thi hành đầy đủ sứ mạng của mình.

Hiển nhiên vai trò này chạm tới mỗi Bề Trên trong cộng thể của mình, nhưng nó mang một tầm quan trọng riêng ở cấp tỉnh, vì cộng thể tỉnh có ý nghĩa đặc biệt liên quan đến việc thực thi sứ mạng Salêdiêng trong một bối cảnh giáo hội và xã hội cụ thể.

Trong khi cuốn sách được dành đặc biệt cho thừa tác vụ sinh

³ Cf. *The Salesian Rector*, Rome 1986, n. 282-283.

động hoá của Giám Tỉnh⁴ và vì thế nó đã cung cấp các lý do sâu xa cho việc thực thi quyền bính, sinh động hoá và hướng dẫn của Giám Tỉnh, '*cuốn sách về cai quản*' này cũng muốn là một sự giúp đỡ hữu ích về các thủ tục pháp lý-quản trị cần thiết trong việc điều hành cộng thể Tỉnh.

⁴ Cf. L'Ispettore salesiano. Un ministero per l'animazione e il governo della comunità ispettoriale, Roma 1987.

1. GIÁM TỈNH VÀ BAN CỐ VẤN NGÀI

1.1 Diện mạo và bốn phận của Giám Tỉnh

5 Điều 161 của Hiến Luật nói: “Đứng đầu mỗi Tỉnh là Giám Tỉnh.”

Vì thế, Giám Tỉnh là Bề Trên Dòng có trách nhiệm về mọi nhà và mọi hội viên của cộng thể tỉnh (HL 162).

Theo luật phổ quát của Hội Thánh, Giám Tỉnh là:

- *Một Bề Trên cấp cao*, vì ngài được trao phó việc cai quản một hạt pháp lý của Tu Hội (Tỉnh Dòng hay *Ispettoria*) (x. CIC 620);
- *Một Đấng Bản Quyền Dòng* (x. CIC 134 §1) vì ngài được hưởng quyền cai quản và quyền tài phán “thông thường” (x. CIC 129, về toà trong và toà ngoài) trên các hội viên và các cộng thể, trong những giới hạn được qui định bởi luật.

Cần lưu ý rằng trong các *Á Tỉnh (Visitatorie)*, Bề Trên Á Tỉnh có cùng những thẩm quyền và quyền giống như Giám Tỉnh. Và trong các *Hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt* cũng thế, trừ những gì đã được qui định trong một Qui Chế cụ thể của Hạt pháp lý.

Hiến Luật Tu Hội chúng ta trình bày hình ảnh của Giám Tỉnh trước hết như là một người sinh động hoá và mục tử (x. HL 44 và 161) và xác định rõ các trách nhiệm được uỷ thác cho ngài trong các lãnh vực khác nhau của đời sống và sứ mạng của cộng thể tỉnh (x. HL 161).

Hiến Luật cũng nhấn mạnh rằng Giám Tỉnh, dù có quyền bính “thường quyền”, ngài thi hành thừa tác vụ của mình trong sự hiệp nhất với Bề Trên Cả, trung tâm hiệp nhất của toàn thể Tu Hội.

6 Đọc qua các bản văn Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát, chúng ta

có thể tóm lược các *bốn phận chính* được trao phó cho Giám Tỉnh:

– *Đối với các hội viên và các nhà:*

- chăm lo việc đào luyện các hội viên, đặc biệt các tập sinh và các hội viên trẻ (HL 161);
- cố gắng tiếp xúc thường xuyên với các hội viên và thực hiện việc “kinh lý tỉnh” hằng năm tại mỗi nhà (QC 146);
- sinh động hoá đời sống tu trì và sứ mạng tông đồ của tỉnh (HL 161; x. HL 44);
- giữ liên lạc với các giám đốc, và phải họp các giám đốc mỗi năm ít là một lần để bàn về các việc chung của Tỉnh (QC 145);
- kiểm soát việc quản trị tài sản vật chất của tỉnh và của mỗi nhà (HL 161).

– *Đối với Gia Đình Salêdiêng:*

bằng các cuộc tiếp xúc thích hợp với các nhóm khác nhau của Gia Đình Salêdiêng, và thông qua uỷ viên của mình, ngài cố gắng cổ vũ tinh thần thuộc về Gia Đình Salêdiêng và một sự hiểu biết sâu về ơn gọi chung (QC 147); nhiệm vụ này là một phần của trách nhiệm mà HL 5 uỷ thác cho Tu Hội Salêdiêng, đó là “gìn giữ sự hiệp nhất tinh thần, khích lệ sự đối thoại và cộng tác huynh đệ nhằm làm phong phú cho nhau và đạt hiệu năng tông đồ lớn lao hơn.” Qui Chế Tổng Quát cắt nghĩa một số nhiệm vụ chuyên biệt của Giám Tỉnh trong việc sinh động hoá Tỉnh trong lãnh vực này:

- “Với sự hỗ trợ của các uỷ viên chuyên trách, Giám Tỉnh và Giám Đốc có nhiệm vụ gây cho các cộng thể ý thức về bốn phận phải đảm nhận trong Gia Đình Salêdiêng.” (QC 36);
- “Đối với các Con Đức Mẹ Phù Hộ, đáp ứng những yêu

cầu của họ và tùy khả năng của chúng ta, chúng ta dành cho họ sự trợ giúp huynh đệ và thừa tác vụ linh mục.” (QC 37);

- “Chúng ta cố gắng nâng đỡ thiêng liêng cho các Chí Nguyễn Don Bosco và cho các Tu Hội Dòng cũng như Tu Hội Đời, mà trong nội qui của họ, đã khẳng định sống kế hoạch tông đồ phù hợp với tinh thần Salêdiêng.” (QC 40);
- Qui Chế mời gọi cộng thể khích lệ và nâng đỡ *Hội Cựu Học Viên Don Bosco* (x. QC 39)., Bề Trên Cả được các Cựu Học Viên nhìn như là trung tâm hiệp nhất, ngài thúc đẩy để các Giám Tỉnh sinh động hoá các cộng thể và chính *Hiệp Hội*: “Cách riêng Giám Tỉnh phải coi là quan trọng việc chỉ định một uỷ viên tỉnh có trình độ và thích hợp. Ngài phải lên kế hoạch các cuộc họp của các giám đốc thể nào để có thể giúp các vị này hiểu rõ hơn trách nhiệm của các cộng thể trong việc sinh động hoá và hành động, và giúp họ chọn ra (nếu cần) các uỷ viên địa phương có khả năng cất nghĩa và thi hành nhiệm vụ này của mỗi cộng thể.”¹
- Đối với *Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng*, ngoài những gì được nói tại điều 38 của *Qui Chế Tổng Quát*, dưới đây là một số trích dẫn lấy từ Qui Chế Đời Sống Tông Đồ [viết tắt: RVA-*Regolamento di vita apostolica*] của chính các CTV Salêdiêng: “Do trách nhiệm chuyên biệt của Tu Hội Thánh Phanxicô Salêdiêng, các Giám Tỉnh Salêdiêng đại diện cho Bề Trên Cả ở cấp địa phương, và với cộng tác của các giám đốc, bảo đảm sự hiệp nhất và hiệp thông.

¹ Xem Thư Cha Bề Trên Cả về “Các Cựu Học Viên Don Bosco” trong AGC 321 1987, tr. 38 (bản tiếng Anh).

Các ngài cố gắng hiến sự trợ giúp thiêng liêng cho các Trung Tâm và đưa các cộng thể tu sĩ của chính các ngài quảng đại dấn thân phục vụ việc linh động hoá” (RVA 23, số 3). “Hiệp nhất với Bề Trên Cả và chia sẻ thừa tác vụ của Bề Trên Cả, Giám Tỉnh có một trách nhiệm đặc biệt trong việc sinh động hoá, hướng dẫn và thúc đẩy...” (RVA 42, số 2). “Các Uỷ Viên được bổ nhiệm bởi các Giám Tỉnh của họ (SDB hay FMA) sau khi nghe ý kiến các thành viên của Hội Đồng Cộng Tác Viên có liên quan, và lưu ý tới các nhu cầu của các Trung Tâm” (RVA 46, số 2). Sau cùng, điều 45 §2 của RVA nói về nhu cầu phải có sự ưng thuận của Giám Tỉnh SDB (và nếu cần, cả sự ưng thuận của Giám Tỉnh FMA) cho việc thiết lập một Trung Tâm địa phương của các Cộng Tác Viên.

- *Đối với các cộng sự viên giáo dân*
 - Giám Tỉnh phải tỏ ra quan tâm sâu sắc tới tinh thần Salêdiêng của họ và phải kiểm chứng xem họ được hội nhập vào các công cuộc của chúng ta như thế nào (QC 148).
- *Đối với các tổ chức xã hội và giáo hội*
 - Giám Tỉnh phải chăm lo các mối tương quan với các vị có thẩm quyền và các tổ chức giáo hội và tôn giáo trong khu vực thuộc hạt pháp lý của ngài; trong nhiệm vụ này, ngài cũng phải giữ các mối quan hệ với các Giám Mục, các Bề Trên Dòng và các nhà chức trách dân sự trong hạt của ngài.

7 Một bốn phận hàng năm rất quan trọng đối với nhiệm vụ sinh động hoá và hướng dẫn được trao cho Giám Tỉnh là ngài phải

thực hiện việc “**kinh lý tỉnh**”. Cuốn Cẩm Nang Giám Tỉnh² nói chi tiết về ý nghĩa của cuộc kinh lý này đối với sự tiếp xúc của ngài với các hội viên và đối với các cộng thể nhằm đạt được sự mạng chung và tình huynh đệ. Sau đây là những khía cạnh tổ chức và pháp lý được chỉ rõ tại điều 146 của *Qui Chế Tổng Quát*. Luật của chúng ta nói:

1. Mỗi năm một lần, ngài sẽ thực hiện thật chu đáo cuộc kinh lý tỉnh tại các cộng thể.
2. Trong cuộc kinh lý như thế, ngài sẽ gặp gỡ từng hội viên, họp Ban Cố Vấn địa phương và cùng với cộng thể kiểm điểm các việc sau: tuân giữ tu trì, chứng tá đời thánh hiến, nhiệt tình tông đồ trong các hoạt động mục vụ, sự chăm lo phát triển các ơn gọi, tình hình kinh tế. Trong nhiệm vụ này, ngài có thể nhờ các Cố Vấn Tỉnh trợ giúp.
3. Khi kết thúc cuộc kinh lý, ngài sẽ ghi lại những nhận xét và quyết định có tính cách tổng quát trong một cuốn sổ dành riêng được lưu trong văn thư lưu trữ của nhà. Những điều tín cần, ngài sẽ thông báo riêng. Vào lần kinh lý sau, ngài sẽ kiểm lại xem các điều ấy có được thi hành hay không.

1.2 **Các phẩm chất được đòi hỏi cho việc bổ nhiệm Giám Tỉnh**

8 Đáp lại những điều được chỉ thị bởi Bộ Giáo Luật (x. CIC 623), Hiến Luật (x. điều 162) xác định rõ các phẩm chất cần thiết sau đây để một hội viên có thể được bổ nhiệm một cách hữu hiệu làm Giám Tỉnh.

a. Ngài phải là một *linh mục*; điều kiện này phù hợp với qui tắc

² *L'Ispezzore salesiano*, Roma 1987, các số 425-435.

được đưa ra tại điều 121 của Hiến Luật về tư cách linh mục để hướng dẫn cộng thể Salêdiêng.

b. Ngài phải đã *khấn trọn đời ít là mười năm*; điều kiện này đáp ứng yêu cầu rằng người được gọi để sinh động hoá cộng thể tỉnh phải có kinh nghiệm hữu hiệu về đời sống và tinh thần Salêdiêng.

1.3 **Bổ nhiệm Giám Tỉnh**

9 1.3.1 Theo qui tắc của Hiến Luật 162, Giám Tỉnh *được Bề Trên Cả bổ nhiệm với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn ngài*.

1.3.2 Sự bổ nhiệm của Bề Trên Cả được thực hiện *“sau khi tham khảo rộng rãi Tỉnh liên hệ”*.

Phải tuân theo các điểm cụ thể sau đây khi làm cuộc tham khảo này:

- *việc tham khảo được áp dụng cho tất cả các hội viên của Tỉnh (kể cả các hội viên được chuyển tạm thời sang một Tỉnh khác vì lý do học hành hay bệnh tật)*³;
- *nó được công bố bởi Bề Trên Cả, theo các điều kiện do chính Bề Trên Cả thiết lập;*
- *các kết quả được gửi trực tiếp về Bề Trên Cả, và sẽ được ngài trực tiếp kiểm tra hoặc nhờ một người đại diện.*

1.4 **Nhậm chức**

10 Sau khi được bổ nhiệm bởi Bề Trên Cả và Ban Cố Vấn ngài, để đảm nhận đầy đủ quyền bính, Giám Tỉnh cần phải *nhậm chức* Bề Trên trong Tỉnh mà ngài đã được trao phó.

³ Các qui tắc cho việc tham dự các Tu Nghị Tỉnh cũng có giá trị cho các hội viên tham gia vào cuộc tham khảo này; các qui tắc này có thể thấy tại QC 165 và được trích dẫn trong Cẩm Nang này ở số 28.

Việc nhậm chức được diễn ra trong một cử hành cộng đoàn, với sự hiện diện của một Đại Diện Bề Trên Cả (Cố Vấn Vùng hay vị Giám Tỉnh tiền nhiệm hay một Cố Vấn Tỉnh).

Trong lễ nhận chức, Giám Tỉnh đọc lời *Tuyên xưng Đức Tin* theo qui định của Hiến Luật (121)⁴ kèm với lời thề trung thành và ký vào văn kiện tương ứng. Về lời “Tuyên xưng Đức Tin” và lời thề trung thành, xem PHỤ LỤC A-7.

Văn kiện chứng nhận việc nhậm chức được Giám Tỉnh ký tên, sẽ được gửi về Văn Phòng Trung Ương sớm bao có thể.

1.5 **Nhiệm kỳ Giám Tỉnh**

- 11** 1.5.1 Theo qui định của Hiến Luật (điều 163), Giám Tỉnh giữ nhiệm kỳ *sáu năm*.

Luật riêng của Tu Hội qui định rằng *thông thường* (trừ khi có lý do nghiêm trọng tương xứng) khi mãn nhiệm kỳ sáu năm, Giám Tỉnh không được tái nhiệm trong tỉnh ngài vừa phục vụ, hay trong bất cứ Tỉnh nào khác.

- 1.5.2 Trong thời gian sáu năm tại nhiệm, Giám Tỉnh có thể được Bề Trên Cả, với sự ưng thuận của Ban Tổng Cố Vấn, chuyển đến một nơi khác hay chỉ định ngài vào một chức vụ khác nếu xét thấy là cần thiết vì lợi ích Tu Hội (HL 163).

1.6 **Thành phần Ban Cố Vấn Tỉnh**

- 12** Giáo Luật điều 627.1 nói: “Các Bề Trên phải có Ban Cố Vấn riêng theo qui tắc của Hiến Luật, và phải nhờ đến Ban Cố Vấn ấy khi thi hành nhiệm vụ.”

Tuân theo giáo luật, Hiến Luật nói rằng Giám Tỉnh phải được

⁴ Xem CIC 833, 8.

trợ giúp bởi một Ban Cố Vấn, họ “hỗ trợ ngài trong tất cả những gì liên quan đến việc sinh động hoá và cai quản tỉnh.” (HL 164). Thuộc thẩm quyền Giám tỉnh triệu tập BCV, sắp xếp nghị trình và chủ tọa các phiên họp.

Trong khi bản văn Hiến Luật khuyên rằng “trong những điều có tầm mức quan trọng hơn, ngài nên luôn luôn lắng nghe BCV của mình” (HL 165), thì Qui Chế điều 155 qui định rằng “Giám Tỉnh phải triệu tập Ban Cố Vấn mỗi tháng ít là một lần và thông báo trước các vấn đề cần được bàn tới.”

13 Về *thành phần Ban Cố Vấn Tỉnh*, Hiến Luật Salêdiêng (số 164) nói rằng Ban Cố Vấn Tỉnh gồm có:

- Phó Giám Tỉnh;
- Quản Lý Tỉnh;
- và thông thường là ba hay năm Cố Vấn khác.

Quyết định về sĩ số thành viên BCV (ba hay năm) - không kể Phó Giám Tỉnh và Quản Lý Tỉnh - sẽ tùy thuộc tình hình và nhu cầu của Tỉnh (số hội viên, địa bàn hoạt động, các điều kiện sinh động hoá...) và sẽ được chính Giám Tỉnh đề nghị cho Bề Trên Cả.

Hiến Luật không có dự liệu nào về việc các Cố Vấn sẽ được trao một lãnh vực sinh động hoá cụ thể (tương tự như trong Ban Tổng Cố Vấn); tuy nhiên, điều đó không cấm Giám Tỉnh chỉ định các Cố Vấn giúp ngài một cách đặc biệt trong một lãnh vực chuyên biệt (Mục vụ Giới Trẻ, Đào Luyện, Gia Đình Salêdiêng...).

1.7 Các phẩm chất được đòi hỏi cho việc bổ nhiệm Cố Vấn Tỉnh

14 1.7.1 Để một hội viên có thể được bổ nhiệm làm Cố Vấn Tỉnh, HL đòi hỏi họ phải là một hội viên *đã khẩn trôn đời ít là năm năm và không còn ở trong giai đoạn đào luyện ban đầu* (nghĩa là, đối với một sư huynh, phải đã học xong các môn đào luyện chuyên biệt; đối với một hội viên giáo sĩ, thì phải là linh mục hay phó tế vĩnh

viễn) (x. HL 166).

Những điều kiện này đáp ứng nhu cầu đối với một Cố Vấn Tỉnh, là người được gọi để cộng tác với Giám Tỉnh trong việc phân định và sinh động hoá, đó là họ đã hoàn tất việc đào luyện của mình và đã có kinh nghiệm đích thực về đời sống và hoạt động Salêdiêng.

1.7.2 Một yêu cầu *đối với Phó Giám Tỉnh* đó là phải là *linh mục*. Nhu cầu này gắn liền với sự kiện rằng, vì là người thay mặt cho Giám Tỉnh trong việc điều hành thông thường của tỉnh, Phó Giám Tỉnh là một Bề Trên Cấp Cao và là Đấng Bản Quyền Dòng (giống như vị Tổng Đại Diện trong một giáo phận); vì vậy các qui tắc chung tại điều 121 của HL được áp dụng cho Phó Giám Tỉnh. Cũng nên lưu ý đặc biệt rằng, chiếu theo Giáo Luật điều 833.8 và Hiến Luật điều 121, Phó Giám Tỉnh phải tuyên xưng đức tin trước khi nhậm chức vụ.

1.8 **Bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh**

15 1.8.1 Việc bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh thuộc thẩm quyền Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài (HL 167). Do tầm quan trọng mà các Cố Vấn Tỉnh nắm giữ trong việc sinh động hoá tỉnh, Hiến Luật muốn chính Bề Trên Cả phân định những người thích hợp nhất để trợ giúp Giám Tỉnh trong các nhiệm vụ quan trọng của ngài. Tuy nhiên, Giám Tỉnh được mời *đưa ra các đề nghị* cho Bề Trên Cả, vì Giám Tỉnh là người trực tiếp hiểu biết Tỉnh và các nhu cầu của tỉnh, cho nên điều hợp lý là Giám Tỉnh đề nghị cho Bề Trên Cả những người mà ngài thấy là thích hợp nhất để cộng tác với mình.

16 1.8.2 Hiến Luật qui định rằng để bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh, phải thực hiện *một cuộc tham khảo rộng rãi* giữa các hội viên của Tỉnh (HL 167).

Chiếu theo qui tắc của QC 154, thể thức của cuộc tham khảo này được ấn định bởi Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài. Các chỉ dẫn của Bề Trên Cả và BCV ngài được công bố tại Công Báo của Ban Tổng Cố Vấn (AGC–*Acts of the General Council*) số 312.⁵

A. *Việc Tham khảo*

1. *Tất cả các hội viên của tỉnh* phải được tham khảo. Trong bốn phần sinh động hoá của mình, Giám Tỉnh phải nhắc nhở dậy một ý thức tham gia và đồng trách nhiệm (HL 123).
2. Mỗi hội viên phải được mời *chỉ ra trên một mẫu thích hợp tên của ba người theo thứ tự ưu tiên* kèm theo lý do cho sự chọn lựa này: Việc tham khảo này phải được làm riêng cho Phó Giám Tỉnh, Quản Lý Tỉnh và từng Cố Vấn sắp mãn nhiệm. Cần lưu ý rằng, chiếu theo HL 167, các thành viên BCV sắp mãn nhiệm kỳ ba năm đầu tiên có thể được tái xác nhận.
3. Giám Tỉnh *thực hiện việc tham khảo này ít là mỗi ba năm* và nó có hiệu lực cho ba năm sau đó. Có nghĩa là ngày kết thúc nhiệm kỳ ba năm của các Cố Vấn Tỉnh phải được liệt kê và được thông báo cho các hội viên cùng với các nhiệm vụ cụ thể họ đảm nhận trong BCV.
4. Việc tham khảo phải được thực hiện đúng lúc để các đề nghị kịp đến được với Bề Trên Cả để xem xét tại một trong hai phiên họp toàn thể của Ban Tổng Cố Vấn.

B. *Xem xét và đánh giá các kết quả*

5. Việc đếm và đánh giá các phiếu trả lời của các hội viên phải được *thực hiện bởi Giám Tỉnh*. Ngài sẽ xem xét và phân tích

⁵ Xem AGC 312, 1985, tr. 54-55.

các ghi nhận từ các hội viên gửi đến để có thể điền một cách chính xác vào các *mẫu thích hợp* do Văn Phòng Trung Ương gửi đến. Giám Tỉnh sẽ gửi cho Bề Trên Cả một bản của mỗi mẫu với kết quả của cuộc tham khảo.

6. Giám Tỉnh lưu ý tới các kết quả tham khảo và sau khi suy nghĩ cẩn thận, sẽ quyết định về các *đề nghị mà ngài sẽ gửi cho Bề Trên Cả*, cùng với các kết quả của cuộc tham khảo trên một mẫu khác do Văn Phòng Trung Ương cung cấp. Giám Tỉnh có thể tham vấn những người đáng tin cậy, nhưng vì bản chất của việc tham khảo và các mục đích của nó, nó không phải là đề tài được đưa vào cho BCV Tỉnh xem xét và biểu quyết.

1.9 **Nhiệm kỳ các Cố Vấn Tỉnh**

- 17 Hiến Luật ấn định nhiệm kỳ của mỗi Cố Vấn Tỉnh là *ba năm* (HL 167). Khi mãn nhiệm kỳ ba năm, Cố Vấn *có thể được tái bầu* theo qui trình nói trên (tham khảo, đề nghị của Giám Tỉnh, bổ nhiệm của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài).

Hiến Luật cũng nói rằng, trong nhiệm kỳ ba năm, một Cố Vấn *có thể được miễn nhiệm*. Trong trường hợp này, luật qui định rằng, vì việc bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh là thuộc thẩm quyền Bề Trên Cả, cho nên việc miễn nhiệm một Cố Vấn Tỉnh, cả trong trường hợp mà đương sự xin, cũng *chỉ tùy thuộc một mình Bề Trên Cả*.

1.10 **Sự ưng thuận và ý kiến của BCV Tỉnh**

- 18 Hiến Luật và Qui Chế chỉ ra những nhiệm vụ chính của BCV trợ giúp Giám Tỉnh trong những gì liên quan đến việc sinh động hoá và cai quản tỉnh (x. HL 164-165; QC 155).

Các trường hợp mà Giám Tỉnh phải có sự ưng thuận hay phải nghe ý kiến của BCV đều được chỉ rõ. Trong những trường hợp này, cần lưu ý rằng:

- Khi luật đòi phải có sự *ung thuận* của BCV Tỉnh, nếu Giám Tỉnh không hợp BCV và không nhận được sự *ung thuận* tích cực (phiếu thuận của đa số Cổ Vấn hiện diện) thì các *hành vi của ngài vô hiệu*. Cần lưu ý rằng khi đưa ra bỏ phiếu xin sự *ung thuận* này, *Giám Tỉnh không tham gia bỏ phiếu*, hoặc phiếu của ngài không được tính để giải quyết số phiếu ngang nhau của các Cổ Vấn.
- Khi luật đòi phải có *ý kiến* của BCV, Giám Tỉnh buộc phải xin ý kiến BCV, nhưng khi quyết định ngài không buộc phải theo ý kiến của đa số.

Với tiền đề trên, sẽ trình bày tiếp theo đây các trường hợp khác nhau đòi phải có sự *ung thuận* hay phải có *ý kiến* BCV Tỉnh, như được ghi trong Hiến Luật hay Quy Chế Tổng Quát:

19

A. Các trường hợp Giám Tỉnh phải có sự *ung thuận* của BCV:

1. Nhận vào Tập Viện, tuyên khẩn, các thừa tác vụ và các chức thánh (HL 108);
2. Bổ nhiệm hay chuyển một Giám Đốc (HL 177);
3. Bổ nhiệm Tập Sư (HL 112);
4. Thiết lập các Phụ Tỉnh và bổ nhiệm các Bề Trên Phụ Tỉnh (HL 159);
5. Xin Bề Trên Cả và Ban Tổng Cổ Vấn cho phép mở hay đóng cửa một nhà, thay đổi mục đích các công cuộc hiện hữu, và khởi sự các công cuộc ngoại thường (HL 132);
6. Triệu tập một Tu Nghị Tỉnh ngoại thường (HL 172);
7. Các hoạt động kinh tế như được liệt kê tại điều 188 Hiến Luật (cũng x. QC 193);
8. Xác định những lãnh vực hoạt động nào sẽ được đại diện trong các BCV địa phương (HL 180);
9. Thay đổi các cơ cấu thông thường và các vai trò trong các cộng thể (HL 182);
10. Cho phép các hội viên sống ngoài nhà dòng (CIC 665 §1; x.

HL 165);

11. Các hợp đồng với Đăng Bản Quyền sở tại và các cơ quan giáo hội và dân sự (QC 23 và 25);
12. Thiết lập các văn phòng truyền giáo và các chi nhánh (QC 24);
13. Cho phép một hội viên làm việc mục vụ trong các tổ chức ngoài Salêdiêng (QC 35);
14. Quyết định thay đổi trụ sở Tỉnh (QC 153);
15. Chỉ định một Điều Hành Viên cho Tu Nghị Tỉnh và mời các chuyên gia và quan sát viên dự Tu Nghị Tỉnh (QC 168);
16. Xác định cách thức làm các cuộc tham khảo cho việc bổ nhiệm các Giám Đốc (QC 170);
17. Chuyển một Giám Đốc tới một chức vụ khác trước khi vị này hết nhiệm kỳ (QC 171);
18. Phê chuẩn ngân sách dự trù và bảng cân đối thu chi hằng năm của tỉnh (HL 190; QC 196);
19. Xác định phần đóng góp bắt buộc của các nhà cho nhu cầu của tỉnh (Qui Chế Tổng Quát 197);
20. Cho phép có những sửa đổi, giải pháp cho những vấn đề kinh tế, và những sáng kiến có tầm quan trọng đáng kể trong các nhà (QC 200).

20

B. *Các trường hợp Giám Tỉnh phải nghe ý kiến BCV:*

1. trong việc chọn và chuẩn bị nhân sự cho các cộng thể đào luyện (QC 157);
2. trong việc chọn các cha xứ (QC 27);
3. trong việc gởi tạm thời một hội viên sang một Tỉnh khác (QC 151);
4. trong việc bổ nhiệm Thư Ký Tỉnh (QC 157);
5. trong việc thiết lập các trụ sở và các văn phòng thư ký, và thiết lập các ủy ban tham vấn hay ủy ban hoạt động mục vụ cấp tỉnh (QC 160).

2. TU NGHỊ TỈNH

2.1 Bản chất và các nhiệm vụ của Tu Nghị Tỉnh

21 Các điều 170 và 171 của Hiến Luật xác định bản chất và thẩm quyền của Tu Nghị Tỉnh. Các khía cạnh này được trình bày đầy đủ ở các chỗ khác,¹ nhưng ở đây là chỗ thích hợp để nhắc lại các yếu tố thiết yếu:

Xét từ quan điểm đoàn sủng, Tu Nghị Tỉnh cơ bản là “cuộc họp huynh đệ trong đó các cộng thể địa phương củng cố ý thức mình thuộc về cộng thể tỉnh” (HL 170); do đó Tu Nghị Tỉnh là nơi và lúc ưu việt để xây dựng cộng thể tỉnh với tinh thần đồng trách nhiệm và để xem xét và đánh giá sứ mạng của cộng thể tỉnh.

Xét về mặt pháp lý, Tu Nghị Tỉnh là *Hội Nghị Đại Diện* các hội viên của các cộng thể địa phương. Thật vậy, các cuộc bầu cử ở cấp địa phương và tỉnh bảo đảm sự hiện diện cân xứng của tất cả các cộng thể và của tất cả các hội viên, và phản ánh toàn bộ các hoạt động và các công cuộc của Tỉnh.

22 Các trách nhiệm của Tu Nghị Tỉnh được chỉ rõ tại điều 171 của Hiến Luật và điều 167 của Qui Chế Tổng Quát:

- a. Ấn định những việc liên quan tới *bước tiến tốt đẹp của tỉnh*; cách riêng, tìm các phương thức thích hợp để cổ vũ đời tu trì và mục vụ của cộng thể tỉnh (HL 171, 1 và 2).

Nhiệm vụ này bao gồm:

- nghiên cứu và phân tích bản báo cáo của Giám Tỉnh về tình trạng của tỉnh (QC 167, 1);

¹ *Guide to the Reading of the Salesian Constitutions*, Rome 1986, tr. 883tt.; cũng xem *The Salesian Provincial*, Rome 1987, các số 416-421.

- đề nghị các ý tưởng và tiêu chí cho việc lên kế hoạch và tái tổ chức các công cuộc của tỉnh (167, 3);
 - sự đóng góp mà Tu Nghị Tỉnh có thể cống hiến cho Kế hoạch giáo dục và mục vụ của tỉnh (x. QC 4).
- b. Soạn thảo và duyệt lại *Chỉ Nam Tỉnh* trong những vấn đề được dành cho quyền quyết định ở cấp tỉnh (HL 171, 4).²
- c. Nghiên cứu và đánh giá các quyết nghị của Tổng Tu Nghị trước đã được thực thi như thế nào và chuẩn bị thích hợp cho Tổng Tu Nghị tiếp theo. Về trường hợp cuối cùng này, Tu Nghị Tỉnh phải bầu một hay nhiều đại biểu dự Tổng Tu Nghị và các đại biểu dự khuyết (HL 171 § 3, §5; QC 167 §2).

2.2 Việc triệu tập và tần suất Tu Nghị Tỉnh

- 23** 2.2.1 *Việc triệu tập Tu Nghị Tỉnh* được thực hiện bởi Giám Tỉnh (HL 172) bằng một thư luân lưu thích hợp gửi cho các hội viên của tỉnh.

Trong thư triệu tập, Giám Tỉnh cắt nghĩa các mục tiêu Tu Nghị Tỉnh đề nghị, thông báo tên của Điều Hành Viên và đề ra thời gian dự kiến cho việc chuẩn bị và cử hành Tu Nghị Tỉnh.

- 24** 2.2.2 *Thông thường Tu Nghị Tỉnh sẽ được triệu tập ba năm một lần* (HL 172).

Nhịp độ ba năm có thể được thay đổi khi một Tổng Tu Nghị được triệu tập vì các lý do được dự liệu bởi điều 143 của Hiến Luật (Bề Trên Cả qua đời hay từ nhiệm) hay bởi điều 149 (Tổng Tu Nghị Đặc Biệt).

² Xem AGC 315, 1985, tr. 35-43.

25 2.2.3 Trong những trường hợp đặc biệt cần thiết, khi lợi ích của tỉnh đòi hỏi, một *Tu Nghị Tỉnh ngoại thường* có thể được triệu tập. Quyết định triệu tập này được Giám Tỉnh thực hiện với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn ngài, và phải tham khảo Bề Trên Cả (HL 172).

2.3 **Thành phần Tu Nghị Tỉnh**

26 Thành phần Tu Nghị Tỉnh được xác định bởi điều 173 của Hiến Luật.

Một số là thành viên Tu Nghị Tỉnh theo luật, số khác được bầu.

2.3.1 Các thành viên theo luật ('ex officio' - 'do chức vụ') là:

- Giám Tỉnh và các Cố Vấn Tỉnh;
- Bề Trên Phụ Tỉnh của mỗi Phụ Tỉnh;
- Điều Hành Viên Tu Nghị Tỉnh;
- các Giám Đốc của tất cả các nhà được lập theo giáo luật; hay, nếu một Giám Đốc bị ngăn trở nghiêm trọng, Phó Giám Đốc sẽ thay thế với sự chấp thuận trước của Giám Tỉnh;
- Tập Sư.

2.3.2 Các thành viên được bầu ra:

Về các thành viên này, Hiến Luật cung cấp hai cuộc bầu cử ở hai cấp khác nhau:

- a. *cấp địa phương*: mỗi nhà, hay mỗi nhóm nhà, bầu đại biểu của mình dự Tu Nghị Tỉnh theo những gì được qui định dưới đây;
- b. *cấp tỉnh*: các đại biểu được bầu giữa các hội viên của tỉnh (không thuộc số các thành viên theo luật hay đã được bầu tại các nhà) theo tỷ lệ 1 trên 25 hay một phần hai mươi lăm số hội viên của tỉnh.

2.4 Thể thức các cuộc bầu cử vào Tu Nghị Tỉnh

27 Đây là chỗ thích hợp để tóm lược các thể thức các cuộc bầu cử cho Tu Nghị Tỉnh như được vạch ra bởi Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát.

2.4.1 Đối với các cuộc bầu cử ở cấp mỗi nhà:

- a. Trong trường hợp một ***nhà được thiết lập theo giáo luật mà có ít nhất sáu hội viên***: các hội viên thuộc nhà này họp lại, dưới sự chủ tọa của Giám Đốc, để bầu ra một đại biểu cho Tu Nghị Tỉnh và một đại biểu dự khuyết cho đại biểu chính thức nếu người này dứt khoát không thể dự Tu Nghị Tỉnh (QC 161-162). Các qui tắc bỏ phiếu được đề ra tại điều 153 của Hiến Luật: cả đại biểu chính thức và dự khuyết đều được bầu bằng phiếu kín; ai nhận được đa số phiếu tuyệt đối của những người hiện diện thì được coi là đắc cử. Nếu vòng phiếu đầu tiên không có kết quả, sẽ có vòng phiếu thứ hai và thứ ba. Nếu vòng phiếu thứ ba cũng không có kết quả, sẽ có vòng phiếu thứ tư, trong vòng phiếu này chỉ chọn giữa hai ứng viên đã được số phiếu cao nhất ở vòng phiếu thứ ba. Nếu ở vòng phiếu thứ tư này hai ứng viên có số phiếu ngang nhau, ứng viên có tuổi khẩn cao hơn sẽ được chọn, còn nếu hai ứng viên có tuổi khẩn bằng nhau, người có tuổi đời cao hơn sẽ được chọn.
- b. Trong trường hợp một ***nhà được thiết lập theo giáo luật mà có dưới sáu hội viên***: Giám Tỉnh sẽ thu xếp để các hội viên của nhà này họp lại với các hội viên của một (hay vài ba) nhà khác có cùng tình trạng, và dưới sự chủ tọa của vị Giám Đốc có tuổi khẩn lần đầu cao hơn, họ sẽ tiến hành cuộc bỏ phiếu chọn một đại biểu và một người dự khuyết theo các qui tắc bầu cử nói trên.

Nếu vì những lý do nào khác mà các nhà được thiết lập theo

giáo luật trong các điều kiện nêu trên không thể hợp lại với nhau, Giám Tỉnh sẽ thu xếp để các hội viên của nhà có dưới sáu hội viên hợp lại với các hội viên của một nhà ở gần đó đã được thiết lập theo giáo luật và có sáu hội viên hay nhiều hội viên hơn (QC 163).

- c. Trong trường hợp một ***hiện diện Salêdiêng chưa được thiết lập theo giáo luật***: vì nhà này luôn luôn phải được liên kết với một nhà (ở gần đó) đã được thiết lập theo giáo luật, Giám Tỉnh sẽ thu xếp để các hội viên của nhà chưa được thiết lập theo giáo luật hợp lại với các hội viên của nhà họ được liên kết, và cùng với các hội viên ấy, với các quyền bầu cử và ứng cử ngang nhau, họ sẽ tiến thành cuộc bầu cử để chọn ra một đại biểu và một người dự khuyết cho Tu Nghị Tỉnh.

28 2.4.2 *Đối với các cuộc bầu cử ở cấp tỉnh*, thủ tục được vạch ra tại điều 165 của Qui Chế Tổng Quát. Dưới đây là trích dẫn nguyên văn điều QC này:

1. Sau khi mỗi cộng thể đã bầu xong đại biểu của mình, Giám Tỉnh sẽ thông tri cho các hội viên danh tính của những người đã đắc cử và giới thiệu danh sách các hội viên khẩn trộn trong tỉnh có thể được bầu đi dự Tu Nghị Tỉnh. Danh sách này sẽ bao gồm cả những hội viên tạm thời vắng mặt vì lý do chính đáng, nhưng không gồm những hội viên của các tỉnh khác có mặt cũng vì lý do chính đáng;
2. Những hội viên tạm thời vắng mặt khỏi tỉnh vì lý do chính đáng sẽ tham dự cuộc bầu cử đại biểu của cộng thể mà họ đang ở. Ngược lại, đối với cuộc bầu cử đại biểu của cộng thể tỉnh, họ sẽ được giám tỉnh của họ gọi cho lá phiếu thích hợp để họ điền vào cách thoả đáng và gửi về cho ngài;
3. Con số người được bầu sẽ theo tỷ lệ cứ hai mươi lăm người thì được bầu một người, hay là một phần hai mươi lăm số

hội viên của tỉnh. Khi tính con số này, phải kể cả các hội viên khẩn trọn và khẩn tạm lẫn các hội viên tạm vắng vì lý do chính đáng;

4. Mỗi hội viên có quyền cử tri sẽ được Giám Tỉnh của mình gửi cho một lá phiếu và họ sẽ ghi trên đó danh tính những người họ muốn bầu dựa theo số người đã qui định;
5. Giám tỉnh có nhiệm vụ thu phiếu và phải bảo đảm sự bí mật của lá phiếu;
6. Việc kiểm phiếu sẽ do các kiểm phiếu viên được Giám Tỉnh chỉ định Những ai theo thứ tự được nhiều phiếu hơn sẽ đắc cử. Khi số phiếu ngang nhau, ai có tuổi khẩn dòng cao hơn hoặc sau cùng người có tuổi đời cao hơn sẽ đắc cử;
7. Nếu trong danh sách của tỉnh mà người đại biểu dự khuyết của một cộng thể đắc cử, thì cộng thể này sẽ hội lại một lần nữa để bầu người dự khuyết khác. Nếu có ai đã đắc cử trong danh sách của tỉnh nhưng không thể đi dự Tu Nghị Tỉnh được, thì người ấy sẽ được thay thế bởi hội viên có số phiếu cao nhất trong số những người không đắc cử.

29 2.4.3 *Về việc tham dự các cuộc bầu cử* (x. HL 174; QC 165), cần lưu ý những điểm sau:

- a. ***trong cộng thể địa phương*** tất cả các hội viên đang sống trong cộng thể đều tham dự cuộc bầu cử đại biểu và người dự khuyết, kể cả những hội viên chỉ được chuyển tạm thời (trừ khi họ chỉ là khách qua đường); cụ thể, các sinh viên trong các nhà đào luyện hay trong các học viện và các hội viên tạm thời được chuyển tới một nhà vì bệnh tật đều bỏ phiếu trong cuộc bầu cử đại biểu và người dự khuyết;
- b. ***trong cộng thể tỉnh*** tất cả các hội viên khẩn trọn và khẩn tạm mà vào lúc bầu cử cho Tu Nghị, *đang sống và làm việc trong tỉnh*, đều tham gia vào cuộc bầu cử đại biểu, cả những

người đã chính thức nhập tịch (trong tỉnh) và những người đã được chuyển tạm thời vì lý do công việc. Các hội viên từ một tỉnh khác mà đang có mặt trong tỉnh chỉ vì lý do học hành, sức khoẻ hay một công việc lệ thuộc trực tiếp vào giám tỉnh mà họ thuộc về thì bị loại trừ (những hội viên này tham dự cuộc bầu cử cho tỉnh mà họ thuộc về).

Các hội viên của tỉnh mà *vắng mặt khỏi tỉnh một cách hợp pháp* cũng tham gia vào cuộc bỏ phiếu của tỉnh. Họ là những sinh viên sống ngoài tỉnh và những người ở những nơi khác vì các lý do sức khoẻ hay hoạt động tông đồ cho tỉnh hay những người vắng mặt hợp pháp (*absentia a domo*), miễn là trong trường hợp cuối này, không thấy nhắc gì đến việc họ bị mất quyền bầu cử và ứng cử trong văn kiện cho phép họ vắng mặt.³

30 2.4.4 Trong những trường hợp đặc biệt, luật riêng của chúng ta cho phép ***bầu phiếu bằng thư***. Qui Chế điều 164 nói về vấn đề này như sau:

Ngoài những gì được qui định ở điều 165 Qui Chế Tổng Quát, việc bầu phiếu bằng thư có thể được chấp nhận, tùy sự thẩm định của Giám Tỉnh:

1. khi vì cách trở hay có những lý do nghiêm trọng khác, các hội viên của các cộng thể không đủ sáu hội viên không thể hội lại với nhau, cũng không thể nhập vào một nhà khác có từ sáu hội viên trở lên để bầu người đại biểu cho Tu Nghị Tỉnh;

³ Các hội viên sống ngoài nội vi thì không tham dự cuộc bầu cử các đại biểu cho Tu Nghị Tỉnh (và cũng không thể được chọn) cho dù họ đã được Bề Trên Cả ban Đặc ân sống ngoài nội vi hay đã được chuyển “*ad experimentum*” [thử luyện] sang một giáo phận (Những hội viên này ở trong tình trạng sống ngoại vi trong thời kỳ thử). Giáo luật điều 687 nói rằng các tu sĩ sống ngoài nội vi không có quyền bầu cử và ứng cử.

2. khi một hội viên có lý do nghiêm trọng không thể dự cuộc bầu đại biểu trong cộng thể của mình;
3. khi một thành viên của Tu Nghị Tỉnh không thể tham dự cuộc bầu đại biểu của tỉnh đi dự Tổng Tu Nghị.

31 2.4.5 *Về tính cách đại diện thích đáng* trong Tu Nghị Tỉnh, Giám Tỉnh phải lưu ý tới những gì được qui định tại điều 169 Qui Chế Tổng Quát:

Trong các cuộc bầu cử, tham khảo và bổ nhiệm, cần lưu ý sao cho thành phần cấu tạo của các Tu Nghị và các Ban Cố Vấn, diễn tả được sự hiện diện ý nghĩa về mối tương quan bổ sung của các hội viên giáo sĩ và giáo dân, vốn là nét đặc trưng của Tu Hội chúng ta.

2.5 **Các qui tắc đặc biệt cho việc điều hành Tu Nghị Tỉnh**

32 2.5.1 *Chỉ định Điều Hành Viên*

Việc chỉ định Điều Hành Viên của Tu Nghị Tỉnh thuộc thẩm quyền Giám tỉnh, với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn ngài (QC 168).

Giám Tỉnh nên lo liệu việc này kịp thời để các hội viên có thể gửi các đề nghị hay nhận xét tới Điều Hành Viên hay nhận được các thông tin từ vị này.

Sau khi chỉ định Điều Hành Viên, Giám Tỉnh và BCV cũng có thể chỉ định một *Ủy Ban Chuẩn Bị* cho Tu Nghị Tỉnh.

33 2.5.2 *Các chuyên gia và quan sát viên tại Tu Nghị Tỉnh*

Với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn, Giám Tỉnh có năng quyền mời những người Salêdiêng cũng như những người ngoài tham dự Tu Nghị Tỉnh với tư cách chuyên gia và quan sát viên. Những người này tham dự các buổi họp của Tu Nghị, được trình bày ý kiến, nhưng không có quyền bỏ phiếu (QC 168).

34 2.5.3 *Các qui tắc tiến hành Tu Nghị Tỉnh*

Sau khi đã được triệu tập và tuyên bố khai mạc, chính Tu Nghị Tỉnh có nhiệm vụ thiết lập các qui tắc cho việc tiến hành Tu Nghị Tỉnh (QC 167 §4).

Khi soạn thảo các qui tắc tiến hành của mình, Tu Nghị Tỉnh phải lưu ý tới các qui định đã được thiết lập bởi luật phổ quát và bởi luật riêng của chúng ta, cũng như những qui tắc có thể có trong “Chỉ Nam Tỉnh”; Chỉ Nam Tỉnh trên thực tế có thể thiết lập những qui tắc được coi là có giá trị đủ lâu dài để có thể được áp dụng cho các Tu Nghị Tỉnh tiếp theo.

35 2.5.4 *Thể thức thay thế đại biểu dự các Tu Nghị*

Trong số các qui tắc mà Tu Nghị Tỉnh phải quyết định, có những qui tắc liên quan đến *thể thức thay thế đại biểu dự Tổng Tu Nghị* (x. QC 162). Các thủ tục này chỉ cụ thể về cách thức mà mỗi cá nhân đại biểu dự khuyết sẽ thay thế đại biểu này hay đại biểu khác tham dự Tu Nghị trong trường hợp đại biểu này bị ngăn trở: đương nhiên trường hợp này liên quan đến các tỉnh có nhiều hơn một đại biểu.

3. THƯ KÝ TỈNH

Trong việc thi hành tác vụ của mình, Giám Tỉnh nhờ đến hoạt động của các cộng sự viên, là những người ở bên và hỗ trợ ngài: trước hết là BCV Tỉnh—như ta đã thấy¹—giúp ngài trong việc phục vụ, sinh động hoá và hướng dẫn, cũng như trong việc thẩm định những gì là cần thiết cho đời sống và sứ mạng của cộng thể tỉnh; rồi của các cộng sự viên tham gia vào các nhóm làm việc khác nhau của tỉnh (các uỷ ban hay các hội đồng) bằng việc nghiên cứu và hành động trong các lãnh vực khác nhau của đời sống và hoạt động Salêdiêng: đào luyện, mục vụ giới trẻ, Gia Đình Salêdiêng, truyền thông xã hội, kinh tế.

Trong số các cộng sự viên của Giám Tỉnh, *Thư Ký Tỉnh* có một vai trò đặc biệt, là cộng sự viên gần cách riêng với giám tỉnh, nhất là trong các việc liên quan đến các khía cạnh tổ chức và pháp lý của đời sống tỉnh.

Cuốn Cẩm Nang này liên quan một cách đặc biệt tới Thư Ký Tỉnh cũng như chính Giám Tỉnh, vì nó đề cập đặc biệt tới các nhiệm vụ pháp lý và quản trị trong việc cai quản Tỉnh Dòng.

3.1 Diện mạo Thư Ký Tỉnh

36 Vai trò của Thư Ký Tỉnh được mô tả một cách cơ bản và đầy đủ bởi điều 159 Qui Chế Tổng Quát như sau:

“Để giúp Giám Tỉnh và Ban Cố Vấn ngài, có một Thư Ký với chức năng công chứng viên.

“Trong các phiên họp của Ban Cố Vấn, Thư Ký được phát biểu, nhưng không có quyền bỏ phiếu trừ khi ngài là một trong số các Cố Vấn, và ghi biên bản các phiên họp. Ngài chịu trách nhiệm về

¹ Xem các số **12-20** ở trên.

văn khố lưu trữ tỉnh, lo thu thập và ghi chép các số liệu thống kê. Ngài được Giám Tỉnh bổ nhiệm sau khi đã lắng nghe Ban Cố Vấn, và tại chức *ad nutum* ('tùy ý' Giám Tỉnh).

Như đã thấy, điều khoản này của Qui Chế rõ ràng đưa chúng ta trở lại với điều 144 của HL khi mô tả vai trò của Tổng Thư Ký. Trên thực tế, tất cả các nhiệm vụ mà luật của chúng ta xác định cho Tổng Thư Ký đối với toàn thể Tu Hội thì đều được chuyển cho cấp tỉnh.

Từ bản văn của Qui Chế Tổng Quát, có thể thấy ngay lập tức rằng Thư Ký Tỉnh được mô tả là người cộng sự chặt chẽ của Giám Tỉnh và BCV Tỉnh; ngài phục vụ Giám Tỉnh và BCV, và qua đó phục vụ Tỉnh.

Một đảng, Thư Ký được trình bày như một người đáng tin cậy của Tỉnh và BCV trong việc thi hành các công việc thông thường liên quan đến các hội viên và các cộng thể; đảng khác, Thư Ký chu toàn một công việc phục vụ cộng đoàn quan trọng đối với sinh hoạt ổn định và đối với lịch sử của Tỉnh Dòng.

3.2 **Các nhiệm vụ của Thư Ký Tỉnh**

Có thể hiểu rõ hơn các bốn phận mà Thư Ký Tỉnh được trao phó bằng cách tìm hiểu bốn chức năng cơ bản sau đây:

37 3.2.1 *Chức năng công chứng viên*

Yếu tố được thấy nổi bật trong Qui Chế Tổng Quát (QC 159) là câu xác định “có chức năng công chứng viên”.

“có chức năng công chứng viên” có nghĩa là Thư Ký tỉnh đóng vai trò “công chứng viên” hay “chưởng ấn” trong cộng thể tỉnh. Trên thực tế:

- ngài ghi sổ các văn liệu thuộc cai quản của tỉnh và gửi theo mẫu được yêu cầu cho trụ sở trung ương (sổ ít và xác định:

alla sede centrale);

- ngài giữ vai trò “công chứng viên” trong các vụ việc có tính chất pháp lý phải gửi về Tổng Tòa.
- chữ ký của ngài trên các văn kiện chính thức là bằng chứng công khai về tính hợp lệ của các thủ tục.

Một nhiệm vụ đặc biệt của Thư Ký Tỉnh được bao gồm trong chức năng “chương ấn” của ngài là tham dự các cuộc họp BCV (không có quyền bỏ phiếu, trừ khi ngài cũng là một Cố Vấn) và ghi lại *biên bản các cuộc họp này*. Đây là một nhiệm vụ tự bản chất rất tế nhị và quan trọng, bởi vì trong biên bản các cuộc họp của BCV lưu giữ trung thành ký ức về hành trình mà Giám Tỉnh và BCV đang làm trong việc tìm thánh ý Chúa và trong việc hướng dẫn các cộng thể. Thư Ký Tỉnh sẽ đặc biệt cẩn thận trong việc ghi chép biên bản các cuộc họp BCV, ghi lại các nghị quyết và các đường nét cơ bản của tiến trình phân định đã thực hiện trong BCV. Các biên bản được lưu trong văn khố tỉnh (tại một nơi dành riêng) là một tài liệu có tầm quan trọng nền tảng.

38 3.2.2 *Phụ trách các công việc của Văn Phòng Tỉnh*

Thư Ký Tỉnh phụ trách một số công việc phục vụ thuộc trách nhiệm của trung tâm tỉnh. Đáng lưu ý đặc biệt là các công việc sau đây:

- công việc “văn thư tỉnh” bao gồm việc ghi lưu tất cả các văn thư liên lạc chính thức của các văn phòng của tỉnh;
- cẩn thận thu thập, sắp xếp và cất giữ các tài liệu liên quan đến *các hội viên cũng như các nhà và tỉnh*; dành riêng một khu trong văn phòng thư ký để lưu giữ các chi tiết cá nhân và các hồ sơ;
- thu thập các *số liệu thống kê*, liên quan đến tỉnh cần phải gửi về Trung Ương Tu Hội.

Cũng có nhiều nhiệm vụ mang tính chất hậu cần mà vai trò Thư

Ký Tỉnh luôn luôn sẵn sàng phục vụ vì lợi ích các hội viên và cộng thể.

39 3.2.3 *Kênh thông tin và truyền thông*

Do vị trí của mình—gần Giám Tỉnh và BCV và vì có trách nhiệm về những dịch vụ khác nhau tại trung tâm tỉnh—Thư Ký Tỉnh là người có khả năng *khuyến khích việc truyền thông và thông tin*:

- cả giữa tỉnh và trung ương Tu Hội (bằng việc mau mắn gửi đi các tài liệu, số liệu và thông tin);
- cả trong cộng thể tỉnh, bằng cách thu thập thông tin từ các cộng thể và cũng truyền thông tới các cộng thể tất cả những việc mà Giám Tỉnh uỷ thác cho ngài.

Mặc dù việc phát hành “Tờ Tin Tức” của tỉnh thường được trao cho một êkíp phụ trách trong Tỉnh, êkíp này có thể tìm được nơi Thư Ký Tỉnh một điểm tham chiếu rất hữu ích cho các thông tin cần truyền đi.

Nhất trí với Giám Tỉnh, Thư Ký Tỉnh cũng có nhiệm vụ phổ biến các *Công Báo* và các *văn kiện chính thức* được đưa ra bởi Giám Tỉnh cùng với BCV Tỉnh.

40 3.2.4 *Phụ trách Văn Khố tỉnh*

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất mà Qui Chế Tổng Quát trao cho Thư Ký Tỉnh (và cho Tổng Thư Ký ở cấp thế giới) là trách nhiệm chăm lo và bảo quản Văn khố của Tỉnh.

Đề tài này sẽ được trình bày một lần nữa trong Chương nói về Văn Khố, nhưng ngay bây giờ cũng cần nhấn mạnh tầm quan trọng của Văn Khố trong lịch sử của Tỉnh, để bảo tồn và lưu truyền lại các khía cạnh chân chính của truyền thống gia đình.

3.3 Các phẩm chất của Thư Ký Tỉnh

41

Đối với các nhiệm vụ mà Thư Ký Tỉnh được mời gọi để phục vụ Giám Tỉnh và BCV ngài, thật quan trọng là Thư Ký Tỉnh vun trồng một số phẩm chất phải nổi bật nơi ngài. Một số phẩm chất này là:

- với chức năng “công chứng viên”, Thư Ký Tỉnh không thể thiếu một *sự hiểu biết tốt về Giáo Luật và luật riêng của Tu Hội chúng ta*: thực vậy, Thư Ký Tỉnh được gọi để làm cho người ta ý thức về những gì mà luật đòi hỏi để các hành vi có hiệu lực; cách riêng, đối với một số việc thực hành pháp lý, thông thường vai trò “công chứng viên” là thuộc thẩm quyền của ngài.
- là người tín nhiệm của Giám Tỉnh và BCV Tỉnh (như người ta thường nói, Thư Ký Tỉnh là “bàn tay và trí nhớ của các ngài”), Thư Ký Tỉnh cần phải nổi bật về *sự cộng tác trung thành và tín nghĩa, khiêm tốn và tận tụy, thận trọng và quân bình*. Như tên gọi chứng tỏ (“*a secretis*” - “giữ bí mật”), ngài phải là người cẩn trọng, có khả năng giữ bí mật, và đồng thời có tính dễ chịu và có khả năng tương quan. Đây là một khía cạnh phải nhấn mạnh: vì ngài tham dự các cuộc họp của BCV, nên ngài phải vô cùng kín đáo liên quan đến các vấn đề được bàn luận trong BCV và các tiến trình phân định mà các vị thực hiện trong đó.
- ngoài ra, còn một điều quan trọng nữa là Thư Ký Tỉnh phải có một *sự bén nhạy Salêdiêng* và một tình yêu lớn lao đối với Tu Hội và đối với Tỉnh dòng mà ngài được kêu gọi phục vụ; ngài sẽ biết cách tìm thấy trong công việc của mình - đôi khi có vẻ khô khan và khiến ngài phải nhốt mình trong văn phòng - một ý nghĩa tông đồ qua sự cố gắng hiến mà ngài đem đến cho việc xây dựng cộng thể và sứ mạng của cộng thể;
- sau cùng, phải nói rằng Thư Ký Tỉnh cần ý thức mình phải

không ngừng *cập nhật bản thân*, cả trong lãnh vực kỹ thuật, để việc phục vụ được hiệu quả và có giá trị.

Đây là những phẩm chất người Thư Ký phải cố gắng vun trồng, ý thức được những giới hạn của mình nhưng đồng thời tin tưởng vào sự trợ giúp của Chúa.

3.4 **Bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Thư Ký Tỉnh**

- 42** Luật riêng của chúng ta qui định rằng việc bổ nhiệm Thư Ký Tỉnh thuộc thẩm quyền của Giám Tỉnh, là người phải lắng nghe ý kiến của BCV Tỉnh (QC 159). Nhìn đến các chức năng mà Thư Ký Tỉnh phải chu toàn để phục vụ tỉnh, luật của chúng ta không xác định thời hạn cho nhiệm kỳ của Thư Ký. Ngài tại nhiệm “*ad nutum*” (tuỳ ý của) Giám Tỉnh. Dựa trên phẩm chất và khả năng chuyên môn mà Thư Ký Tỉnh phải có, Giám Tỉnh cùng với BCV sẽ lượng định thời hạn thích hợp cho nhiệm vụ được giao phó cho Thư Ký Tỉnh; trong mọi trường hợp, việc phục vụ tỉnh và Tu Hội đòi rằng không được thay đổi Thư Ký Tỉnh quá thường xuyên.

4. GIA NHẬP TU HỘI: TIỀN TẬP VIỆN VÀ TẬP VIỆN

Chương này sẽ xem xét các qui tắc và thể thức liên quan đến việc gia nhập Tu Hội của một tân hội viên.

Các giai đoạn TIỀN TẬP VIỆN và TẬP VIỆN sẽ được trình bày trong hai đoạn liên tiếp sau đây.¹

I. CÁC QUI TẮC LIÊN QUAN ĐẾN TIỀN TẬP VIỆN

Hiến Luật (x. HL 109) đã qui định rằng trước khi vào Tập Viện, ứng sinh phải đã trải qua một thời kỳ “chuẩn bị đặc biệt”: đây là giai đoạn ngay trước thời kỳ Tập Viện, nên được gọi là Tiền tập viện.

4.1 Tiếp nhận vào Tiền tập viện

43 Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát không có qui định nào về qui trình tiếp nhận vào Tiền tập viện. Tuy nhiên văn kiện *Ratio* (Chỉ Nam Đào Luyện) đề ra một số tiêu chí để việc tiếp nhận vào giai đoạn này đáp ứng được các đòi hỏi của ơn gọi và sứ mạng của chúng ta.²

Cá nhân mỗi Tỉnh phải vạch ra trong *Chỉ Nam Tỉnh* các thể thức thuận lợi nhất để dẫn đưa các ứng sinh vào thời gian chuẩn bị đặc biệt và tăng cường này cho Tập Viện (x. QC 88).

4.2 Các mục tiêu

44 Các mục tiêu của thời kỳ ngay trước Tập Viện này được vạch ra

¹ Các qui tắc trích dẫn ở đây chỉ về các văn kiện *Ratio Institutionis et Studiorum* (FSDB, Roma, 2000) và “Các Tiêu Chí và Qui Tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng” (Roma, 2000), cũng như Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát.

² Xem FSDB 351; “Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng”, 112.

tại điều 109 của Hiến Luật: đây là một thời gian đặc biệt nhằm giúp ứng sinh đào sâu chọn lựa ơn gọi của họ; sự trưởng thành nhân bản và Kitô hữu và kiểm chứng sự thích hợp cần thiết của họ để bắt đầu Tập Viện.

Kinh nghiệm này cũng giúp cho Tu Hội đánh giá mức độ trưởng thành của ứng sinh để vào Nhà Tập.³

4.3 **Môi trường đào luyện**

45 Luật của chúng ta dành cho các *Chỉ Nam Tỉnh* quyết định cụ thể về môi trường mà ứng sinh cho đời sống Salêdiêng phải thực hiện việc chuẩn bị trực tiếp này (x. QC 88). Tuy nhiên, một số điều kiện không thể bỏ qua đã được luật xác định:

- kinh nghiệm này phải diễn ra trong một *cộng thể Salêdiêng* nơi cung cấp cho ứng sinh cơ hội để hiểu biết và tiếp xúc sống động với đời sống cộng thể và tông đồ Salêdiêng (HL 109, QC 88).⁴
- phải có một người hướng dẫn đích thân theo dõi tiến tập sinh và giúp họ trưởng thành trong chọn lựa ơn gọi của họ (HL 109).⁵

Về các môn học trong thời kỳ này, xem những chỉ dẫn của FSDB 342 và 353.

4.4 **Thời gian Tiền tập viện**

46 Thời gian trải nghiệm Tiền tập viện phải kéo dài *ít là sáu tháng* (QC 88).⁶

³ TTN21, 269; cũng xem FSDB 331.

⁴ Xem FSDB 344, 348.

⁵ Xem FSDB 345.

⁶ Xem FSDB 349.

Trong việc ấn định các thể thức để bắt đầu Tập viện, *Ratio* xin chúng ta lưu ý đến điều 643 §1.1 của Giáo Luật, theo đó tuổi tối thiểu để vào Nhà Tập là đã đủ 17 tuổi.⁷

II. CÁC QUI TẮC LIÊN QUAN ĐẾN TẬP VIỆN

Tập Viện là một thời gian đặc biệt đánh dấu khởi đầu của kinh nghiệm tu trì Salêdiêng (x. HL 110; CIC 646). Nó là một kinh nghiệm đời sống, không chỉ dẫn đưa tập sinh tới một sự hiểu biết có chiều sâu về ơn gọi mà họ được kêu gọi và trưởng thành trong ơn gọi ấy, nhưng còn là một kinh nghiệm đã nối kết họ mật thiết với Tu Hội và sứ mạng của Tu Hội rồi (mặc dù sự tháp nhập thực sự sẽ diễn ra trong hành vi tuyên khấn).

Vì tầm quan trọng của thời kỳ này, cả luật phổ quát và luật riêng đều đưa ra một số qui tắc để bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả của thời kỳ thử luyện này.

4.5 Nhà của Tập viện

- 47** 4.5.1 “Để được hữu hiệu, thời kỳ tập viện phải diễn ra trong một Nhà được chỉ định hợp pháp cho mục đích ấy” (CIC 647 §2; x. HL 111).

- 4.5.2 *Bề Trên Cả*, với sự ưng thuận của BCV ngài, là người có thẩm quyền thiết lập theo giáo luật hay giải thể Nhà của Tập viện, cũng như phê chuẩn việc di dời sang một cộng thể khác thích hợp. Theo qui tắc của luật, các hành vi này phải được thực hiện dưới dạng một sắc lệnh bằng văn bản (CIC 647 §1; HL 132 §1.3).⁸

Để thiết lập nhà tập theo giáo luật, Giám Tỉnh sau khi được sự ưng thuận của BCV Tỉnh, phải gửi cho Bề Trên Cả các văn kiện

⁷ Xem FSDB 351.

⁸ Xem FSDB 373. Về địa điểm của Nhà làm tập viện, cũng xem QC 89 và FSDB 374.

sau đây:

- một đơn xin chi tiết, nêu các lý do và nhận định của BCV Tỉnh cùng với việc chọn Bốn Mạng (một màu nhiệm của Chúa, Đức Mẹ, một vị Thánh hay Chân Phước) mà Nhà này được đặt dưới sự bảo trợ của Ngài.
- sự ưng thuận bằng văn bản của Đấng Bản Quyền sở tại (x. CIC 609 §1) (điều này cần khi đây là việc thiết lập theo giáo luật một Nhà mới, còn nếu chỉ là di dời Tập Viện tới một Nhà đã được thiết lập theo giáo luật rồi thì không cần).

48 4.5.3 *Trong những trường hợp riêng*, và theo ngoại lệ, Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài, có thể cho phép một ứng sinh cho đời sống Salêdiêng *trải qua kinh nghiệm tập viện của mình tại một nhà khác của Tu Hội* đã được thiết lập theo giáo luật, dưới sự hướng dẫn của một hội viên thay cho vai trò của Tập Sư (x. CIC 647 §2).

Trong trường hợp này, đơn xin phải được Giám Tỉnh gửi cho Bề Trên Cả, trong đơn phải nêu các lý do ngoại lệ⁹ để xin Đặc Ân này. Giám Tỉnh cũng nêu tên của người sẽ đóng vai trò của Tập Sư để hướng dẫn thiêng liêng cho ứng sinh.

49 4.5.4 Bộ Giáo Luật ban cho Giám Tỉnh *thẩm quyền cho phép một nhóm tập sinh được cư ngụ* trong một thời gian nhất định tại một nhà khác của Tu Hội do Giám Tỉnh chỉ định (x. CIC 647 §3).

Luật riêng của chúng ta¹⁰ nói rằng:

- Giám Tỉnh có thẩm quyền ban phép này là vị Giám Tỉnh mà nhà của tập viện ở dưới quyền ngài. Để cư ngụ tại một nhà khác không thuộc cùng một tỉnh, cần phải có sự thoả thuận

⁹ Xem FSDB 376.

¹⁰ Xem FSDB 375.

- với vị Giám Tỉnh liên hệ;
- việc chỉ định nhà nào làm Tập Viện phải được thực hiện bởi một sắc lệnh bằng văn bản;
- cùng các tập sinh phải có các vị hướng dẫn đào luyện, nhất là Tập Sư;
- thời gian ở bao lâu phải được nói rõ trong sắc lệnh;
- nhà dòng (đó) phải hoàn toàn là Salêdiêng và đã được thiết lập theo giáo luật.

4.6 Tập Sư

Tập sư là vị hướng dẫn thiêng liêng, phối hợp và sinh động hoá mọi công việc đào luyện của tập viện (HL 112). Ngài là người trực tiếp và duy nhất chịu trách nhiệm hướng dẫn từng tập sinh (CIC 650 §2) và làm việc chung với vị hướng dẫn cộng thể đào luyện trong chương trình đào luyện tổng thể.¹¹

Hiến Luật chỉ ra các phẩm chất chính của người được kêu gọi thực hiện một nhiệm vụ quan trọng như thế, đồng thời xác định những thể thức theo luật đòi hỏi trong việc bổ nhiệm (x. CIC 651 §1).

Về các phẩm chất, Hiến Luật nói rõ: “Ngài phải là con người có kinh nghiệm thiêng liêng Salêdiêng, thận trọng, được cập nhật về những thực tại tâm lý và các vấn đề về hoàn cảnh giới trẻ. Ngài phải có khả năng giao tiếp dễ dàng với người khác, biết đối thoại, và làm cho tập sinh tín nhiệm qua sự dịu hiền của ngài” (HL 112). Ngài phải là hội viên “khẩn trọng” (HL 112).

¹¹ Mặc dù ở đây nói về tầm quan trọng của Tập Sư, nhưng không được quên rằng cần có một êkip hướng dẫn đào luyện để hỗ trợ Tập Sư. Về điểm này, *Ratio* nói: “Êkip đào luyện phải có qui mô và trình độ thích đáng. Phải đa dạng trong thành phần nhân sự và các vai trò; cách riêng, phải cố gắng hết sức để thấy rằng giữa các hội viên chịu trách nhiệm việc đào luyện, cũng có các sư huynh Salêdiêng (FSDB 378).

50 4.6.1 *Bổ nhiệm Tập Sư*

Việc bổ nhiệm Tập sư thuộc thẩm quyền Giám Tỉnh với sự ưng thuận của BCV ngài (HL 112). Để có hiệu lực, việc bổ nhiệm phải được *Bề Trên Cả phê chuẩn*.

Để làm điều này, Giám Tỉnh sẽ gửi đến Bề Trên Cả “Đề nghị bổ nhiệm Tập Sư” (trên mẫu thích hợp ĐỀ NGHỊ VỀ BỔ NHIỆM TẬP SƯ) với nhận định và phiếu bầu của BCV Tỉnh.

51 4.6.2 *Nhiệm kỳ của Tập Sư*

Tập Sư giữ nhiệm kỳ *ba năm*. Hết thời hạn ba năm, ngài có thể được *tái xác nhận* bởi Giám Tỉnh với sự ưng thuận của BCV Tỉnh, ngay cả cho những nhiệm kỳ ba năm khác (HL 112).

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự phê chuẩn của Bề Trên Cả luôn cần thiết cho việc tái xác nhận Tập Sư, với các cách thức như đã nói ở trên. Thực vậy, luật của chúng ta không cho phép xác nhận Tập Sư mà không có sự phê chuẩn của Bề Trên Cả (khác với trường hợp bổ nhiệm Giám Đốc của một nhà: x. QC 170).

4.7 Tiếp nhận vào Tập Viện

52 4.7.1 *Các đòi hỏi cho việc tiếp nhận vào Tập Viện*

Điều 90 Qui Chế Tổng Quát nói: “Ứng sinh làm đơn xin được nhận vào Tập Viện khi cảm thấy mình được chuẩn bị đủ và sẵn sàng.” Do đó, lời xin tự do và xác tín của ứng sinh là điều kiện đầu tiên để khởi đầu kỳ thử luyện Tập Viện.

Luật riêng của chúng ta chỉ ra một số *tiêu chí* hay *yếu tố tích cực* xác minh khả năng của tiền tập sinh cho đời sống Salêdiêng:

xem QC 90 và FSDB 335 trong đó các tiêu chí này được liệt kê.¹²

Ngoài ra, để việc tiếp nhận vào Tập Viện có hiệu lực, Qui Chế Tổng Quát qui định rằng không được có bất kỳ ngăn trở nào được liệt kê trong các điều 643-644 của Bộ Giáo Luật. Sau đây là các *ngăn trở* làm cho việc tiếp nhận vô hiệu:

- một người chưa đủ 17 tuổi;
- một người chồng/vợ, khi cuộc hôn nhân còn hiệu lực;
- người đang còn liên kết với một Tu hội thánh hiến bằng mối ràng buộc thánh hay đã gia nhập một tu đoàn tông đồ, miễn là vẫn giữ nguyên những qui định của Giáo luật điều 684;
- người vào Tu hội do ảnh hưởng của bạo lực, sợ hãi nghiêm trọng hay lường gạt, hoặc người được Bề Trên nhận vào dưới một ảnh hưởng tương tự như thế.

Bộ Giáo Luật cũng khuyên: “Các Bề Trên không được thu nhận các giáo sĩ triều vào Tập viện mà không tham khảo Đấng Bản Quyền riêng của những người này và cũng không được thu nhận những người mắc những món nợ không thể chi trả.” (x. CIC 644)

Về vấn đề này, cũng xem thêm các giải thích trong “*Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi*” các số 114-116.

53 4.7.2 *Các tài liệu cần thiết*

Trước khi tiếp nhận vào Tập Viện, Thư Ký Tỉnh phải cẩn thận kiểm tra xem có đủ các tài liệu sau đây không. Chúng cần thiết để bảo đảm một số điều kiện của việc tiếp nhận:

- *đơn xin của ứng sinh* gửi cho Giám Đốc của nhà Tiền tập

¹² Cũng xem “Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng”. Roma 2000, các số 113-116.

viện, trong đơn ứng sinh tự do bày tỏ ý định của mình muốn làm thời thử của kỳ Tập Viện với mục đích đảm nhận đời sống và sứ mạng Salêdiêng;

- *giấy chứng nhận rửa tội và thêm sức*;
- *giấy chứng nhận tình trạng tự do*;
- đối với người đã được nhận vào một Tu Hội thánh hiến hay một Tu Đoàn tông đồ, cần có chứng thư của Bề Trên cấp cao của Tu Hội hay Tu Đoàn ấy (CIC 645 §2);
- đối với người đến từ một giáo phận, chứng thư về thừa tác vụ cuối cùng hay việc truyền chức thánh (phó tế hay linh mục) và các chứng thư của Đấng Bản Quyền sở tại hay của Giám Đốc chủng viện (nếu chỉ đơn giản là một chủng sinh) (CIC 645 §2).¹³
- *giấy khai sinh*;
- *tình trạng gia đình* (thành phần của gia đình gốc);
- *giấy chứng nhận sức khoẻ* (giấy chứng nhận sức khoẻ thể chất và tâm lý).¹⁴

Tại những quốc gia có thể được, cần xin giới chức thẩm quyền *giấy phép miễn hoặc hoãn thi hành nghĩa vụ quân sự*. Các giấy tờ này phải được thêm vào trong hồ sơ của ứng sinh.

Tất cả các tài liệu phải được đặt trong một HỒ SƠ CÁ NHÂN thích hợp và lưu giữ tại Văn Phòng Tỉnh (x. mẫu PN 86). Các dữ liệu chính yếu sẽ phải được chuyển vào lúc thích hợp cho Tập Sự.

54 4.7.3 *Qui trình tiếp nhận vào Tập Viện*

Qui trình tiếp nhận một ứng sinh từ Tiền tập viện vào Tập Viện

¹³ Xem ““Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng”. Roma 2000, số 116

¹⁴ Cũng xem FSDB 352, ở đó có nói đến việc kiểm tra sức khoẻ thể chất và tâm lý trước và sau Tiền tập viện.

gồm:

1. *Ở cấp địa phương* (nhà mà tiền tập sinh đã sống thời kỳ tiền tập viện): đơn xin của thỉnh sinh được Giám Đốc cùng với BCV nhà xem xét, đưa ra nhận định và bỏ phiếu (cần lưu ý rằng trong trường hợp này, Giám Đốc có thể bỏ phiếu cùng với các Cố Vấn);
2. *Ở cấp tỉnh*, đơn của thỉnh sinh được xem xét, lưu ý đến nhận định của Giám Đốc và BCV địa phương. BCV tỉnh cho nhận định của mình và bỏ phiếu cho đơn xin (cần lưu ý ở đây, Giám Tỉnh không bỏ phiếu);
3. Sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV tỉnh, *việc tiếp nhận vào Tập Viện thuộc thẩm quyền của Giám Tỉnh*.

Việc tiếp nhận vào Tập Viện *phải được ghi lại trên mẫu thích hợp* (xem mẫu AN'04 trong PHỤ LỤC A-2). Mẫu này được làm ba bản, một bản lưu tại Văn khố Tỉnh, một gửi cho Tập Sư và bản thứ ba gửi cho Văn Phòng Trung Ương. Các dữ liệu cá nhân chính yếu của ứng sinh, hữu ích cho việc lưu trữ tài liệu Salêdiêng, phải được viết trên mẫu này.

Về *hướng ơn gọi chuyên biệt* (sư huynh hay linh mục), *Ratio* nói: “Hướng ơn gọi chuyên biệt của một người là sư huynh hay linh mục tương lai phải được làm sáng tỏ trong thời kỳ Tập Viện trước khi khẩn, để có thể biệt loại hóa việc đào luyện trong thời kỳ khẩn tạm, và lập một chương trình của các môn học và các hoạt động tương ứng (x. TTN20, 660; TTN21, 299). Hướng ơn gọi chuyên biệt này phải trở thành dứt khoát cho mỗi người trước khi bắt đầu giai đoạn đào luyện chuyên biệt theo sau thời Tập Vụ.”¹⁵ Trừ trường hợp một tập sinh đã thụ phong (phó tế hay linh mục), hướng ơn gọi chuyên biệt sẽ phải rõ ràng vào

¹⁵ Xem FSDB 323.

cuối thời Tập Viện lúc viết đơn xin khẩn lần đầu.

4.8 **Thời gian Tập Viện và sự gián đoạn Tập Viện**¹⁶

55 4.8.1 *Thời gian Tập Viện*

Thời gian Tập Viện kéo dài *12 tháng*. Qui tắc này của luật phổ quát (xem CIC 648) được nhắc đến trong luật riêng của chúng ta (x. HL 111). Thời gian Tập Viện bắt đầu từ lúc ứng sinh, sau khi được Giám Tỉnh chấp nhận, vào nhà của tập viện và đặt mình dưới sự hướng dẫn của Tập Sư (x. HL 111).

Về việc tính thời gian này, cần lưu ý đến các qui định của Giáo Luật; về vấn đề này, xem các điều giáo luật 201, 202, 203.

56 4.8.2 *Gián đoạn trong thời kỳ Tập Viện*

Có thể có những lúc gián đoạn trong thời gian Tập Viện. Giáo Luật (x. CIC 649 §1) và luật riêng của chúng ta (HL 111) nói:

- a. vắng mặt 15 ngày thì chấp nhận được nếu có lý do chính đáng; nếu những ngày vắng mặt vượt quá 15 ngày, phải bù lại;
- b. vắng mặt ở Tập Viện quá ba tháng làm cho Tập Viện vô hiệu và phải bắt đầu lại;
- c. theo Giáo Luật 647 §3, các thời gian sống tại một nhà Salêdiêng khác do Giám Tỉnh ấn định, thì không kể là những ngày vắng mặt.¹⁷ Mặt khác, HL của chúng ta không dự liệu cho các thời kỳ hoạt động tông đồ ở bên ngoài Nhà Tập được nhắc tới ở điều 678 §2 của giáo luật; vì thế những thời kỳ này được coi là vắng mặt.

Ngoài những sự vắng mặt được phép, cần lưu ý rằng việc *tuyên*

¹⁶ Xem FSDB 379.

¹⁷ Xem FSDB 375. cũng xem số **49** của Cẩm Nang này.

khẩn lần đầu có thể được làm trước thời hạn, với phép của Giám Tỉnh thẩm quyền nhưng không được quá 15 ngày (x. CIC 649 §2).

57 4.8.3 Kết thúc Tập Viện

- a. Tập Viện kết thúc với việc tuyên khẩn, sau khi tập sinh đã làm đơn xin tuyên khẩn và đã được chấp nhận hợp lệ.
- b. Trong thời gian Tập Viện, tập sinh nào nghĩ rằng mình không phù hợp với ơn gọi Salêdiêng thì có thể tự do rời bỏ Tu Hội bất cứ lúc nào.
- c. Nếu Tập Sư và các vị hướng dẫn đào luyện xét định rằng tập sinh không phù hợp với đời sống Salêdiêng (trong năm tập hay vào cuối năm tập, khi họ không được nhận vào tuyên khẩn), tập sinh ấy bị thải hồi.

Việc thải hồi thuộc thẩm quyền Giám Tỉnh của tỉnh trong đó có Nhà của Tập viện (x. QC 90).¹⁸

Sự ra đi của một tập sinh phải được thông báo nhanh cho Văn Phòng Trung Ương.

- d. Sau cùng, phải lưu ý rằng trong các trường hợp đặc biệt, Giám Tỉnh có thể *kéo dài thời kỳ Tập Viện, tuy nhiên không quá sáu tháng*, chiếu theo qui tắc của Giáo Luật điều 653.¹⁹

¹⁸ Xem FSDB 385.

¹⁹ QC 93; FSDB 380.

5. TUYÊN KHẤN SALÊDIÊNG

58 Tuyên khấn là điểm đến trong hành trình đức tin của người trẻ đã được gọi và đã sống kinh nghiệm về các giá trị của ơn gọi Salêdiêng trong thời Tiền tập viện và Tập Viện. Hiến Luật nhấn mạnh tầm quan trọng của hành vi nền tảng này trong đời sống của người Salêdiêng và nêu rõ một số điểm có ý nghĩa:

- hành vi tuyên khấn là lời đáp của người Salêdiêng hoàn toàn tự nguyện hiến mình cho Thiên Chúa để phục vụ giới trẻ: “Đây là một trong những sự chọn lựa cao cả nhất mà một tín hữu có thể thực hiện một cách có ý thức” (HL 23).
- tuyên khấn cũng bao gồm một sự dẫn thân của Tu Hội Salêdiêng đối với người tuyên khấn; Bề Trên của Tu Hội (Bề Trên Cả hay đại diện của ngài) công khai tiếp nhận việc tuyên khấn và với niềm vui đón nhận hội viên mới vào số các hội viên của cộng thể (x. HL 23-24);
- tuyên khấn cũng là một hành vi công khai trước Hội Thánh: thật vậy, thông qua Bề Trên, chính Hội Thánh tiếp nhận việc tuyên khấn, công khai nhìn nhận nghĩa vụ mà người tuyên khấn đảm nhận và chấp nhận người tu sĩ vào sứ mạng Hội Thánh được trao phó cho Tu Hội Salêdiêng.

Vì giá trị của hành vi tuyên khấn, luật đặt ra một số điều kiện để bảo vệ tính hiệu lực và ý nghĩa của nó.

5.1 Khấn tạm và khấn trọn

59 Tự bản chất, khấn trọn là hành vi trọng tâm và dứt khoát của việc tháp nhập vào Tu Hội; toàn thể thời gian chuẩn bị và trưởng thành của người Salêdiêng trẻ đều được qui hướng về hành vi này. Vào cuối thời kỳ Tập Viện, tập sinh đã đích thân quyết định hiến mình hoàn toàn cho Thiên Chúa và dẫn thân

suốt đời trong sứ mạng Salêdiêng.

Tuy nhiên, vì ý thức sự mỏng dòn của con người và nhu cầu có đủ thời gian cho sự trưởng thành nhân cách tu sĩ, kỷ luật của Hội Thánh đã quyết định rằng vào cuối thời kỳ Tập Viện, phải có thêm một thời gian cho sự xác minh và cho kinh nghiệm sống cụ thể. Đây là thời kỳ *khẩn tạm*.

Thời kỳ khẩn tạm này là thời kỳ thật sự của đời sống thánh hiến (x. HL 113); nó không chỉ là một thời kỳ chuyển tiếp, nhưng nó có ý nghĩa và giá trị riêng của nó; người tuyên khấn là một hội viên thực thụ của Tu Hội, được hiến dâng cho Thiên Chúa và cho giới trẻ (x. HL 105); tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng thời kỳ này có mục đích dẫn tới sự trưởng thành trong việc tuyên khấn trọn đời, là lúc sự thánh hiến của người Salêdiêng được chuẩn nhận dứt khoát.

Dựa theo Bộ Giáo Luật (x. điều 655), luật riêng của chúng ta nói rằng thời kỳ khẩn tạm *thông thường kéo dài sáu năm*. Điều 113 của Hiến Luật nói rằng:

- a. *trong giai đoạn ba năm đầu thông thường sẽ là khẩn ba năm hay từng năm một, và tùy thuộc vào:*
- lựa chọn tự do của ứng sinh khi viết đơn xin khấn;
 - Giám Tỉnh chấp nhận đơn xin khấn dựa theo nhận định của các vị hướng dẫn đào luyện.

Ratio nói thêm rằng, trong một số trường hợp, đặc biệt khi hướng tới việc tuyên khấn trọn đời, không có gì cản trở việc tuyên khấn với kỳ hạn hai năm (vẫn luôn luôn tôn trọng những qui định của CIC 658 §2).¹

- b. *trong giai đoạn ba năm thứ hai, thông thường sẽ là khẩn ba*

¹ Xem FSDB 390.

năm: có nghĩa là thông thường hội viên được khuyến khẩn ba năm, tuy vẫn luôn luôn tôn trọng tự do hoàn toàn của họ.

Vì những lý do đặc biệt theo phán đoán của Giám Tỉnh, kỳ hạn khẩn tạm ba năm có thể *được gia hạn, nhưng không vượt quá chín năm* (x. HL 11; CIC 657 §2).

5.2 Tiếp nhận vào khẩn lần đầu

60 5.2.1 Tuyên khẩn lần đầu kết thúc thời kỳ của tiến trình trưởng thành thời Tập Viện. Việc tuyên khẩn này được thực hiện cuối năm tập sau khi tập sinh viết đơn và đã được tiếp nhận hợp lệ. Như đã nói ở trên khi bàn về Tập Viện, Giám Tỉnh—vì lý do chính đáng—có thể cho phép *tuyên khẩn lần đầu trước thời hạn, tuy không được quá mười lăm ngày* (CIC 649 §2).

61 5.2.2 Các điều kiện để việc tuyên khẩn lần đầu có hiệu lực được vạch ra trong Bộ Giáo Luật điều 656:

- ứng sinh phải đã tròn tối thiểu mười tám tuổi;
- thời kỳ Tập Viện đã được thực hiện hữu hiệu;
- việc nhận cho khẩn phải được tự do thực hiện do Bề Trên có thẩm quyền với sự biểu quyết của BCV chiếu theo qui tắc của luật;
- lời tuyên khẩn phải được phát biểu cách minh nhiên và tự do, nghĩa là không do bạo lực, sợ hãi nghiêm trọng hoặc lòng gạt; sự hiện diện của các nhân chứng vào lúc tuyên khẩn được đòi hỏi cũng để bảo đảm sự tự do này;
- việc nhận lời khẩn phải được thực hiện do Bề Trên hợp pháp hay do đại diện của ngài.

62 5.2.3 *Thủ tục phải theo* cho việc tiếp nhận tuyên khẩn là:

1. *Đơn xin của ứng sinh*: đây là yếu tố đầu tiên và cơ bản, được diễn tả trong sự tự do hoàn toàn bởi người có ý định tuyên khẩn. *Ratio* của chúng ta nhấn mạnh rằng, dù kính trọng

cách thức riêng của mỗi người, đơn xin khẩn cần bao gồm các yếu tố chung sau đây:

- ý thức về hành vi công khai mà mình có ý định thực hiện;
- tự do khi thực hiện hành vi này;
- có ý dẫn thân suốt đời mình (cho dù làm đơn xin khẩn tạm);
- nhắc đến việc mình đã có sự phân định cá nhân và đã xin ý kiến của vị linh hướng và cha giải tội;
- chỉ ra hướng theo ơn gọi chuyên biệt là linh mục hay sư huynh Salêdiêng.²

2. *Ý kiến và phiếu biểu quyết của BCV địa phương*: Giám Đốc và BCV địa phương được mời gọi bày tỏ sự nhận định và biểu quyết về đơn xin tiếp nhận (phải lưu ý rằng trong trường hợp này Giám Đốc có thể bỏ phiếu cùng với BCV). Các biên bản về việc tiếp nhận, được ký tên bởi Giám Đốc và từng Cố Vấn, phải được gửi cho Giám Tỉnh.

Tập sư, người đã đóng một vai trò đặc biệt trong việc hướng dẫn tập sinh trên hành trình ơn gọi của họ, có mặt trong phiên họp của Nhà Tập cho việc tiếp nhận tuyên khấn.

3. *Nhận định và phiếu biểu quyết của BCV Tỉnh*: sau khi nhận được ý kiến BCV địa phương, BCV tỉnh được mời gọi duyệt xét đơn xin của ứng sinh, bày tỏ sự nhận định riêng của mình và bỏ phiếu về việc tiếp nhận tuyên khấn (trong trường hợp này, Giám tỉnh không bỏ phiếu). Biên bản của BCV tỉnh được ký bởi tất cả các Cố vấn. Để cho có một sự lượng định có cân nhắc, đặc biệt trong trường hợp có nghi

² Xem FSDB 386.

vấn, BCV có thể lắng nghe ý kiến của Giám tỉnh mà ứng sinh thuộc về (trong trường hợp tiếp nhận tuyên khẩn bên ngoài tỉnh của ứng sinh).

4. Sau khi có được sự ưng thuận của BCV Tỉnh, *Giám Tỉnh là người có thẩm quyền đối với việc chấp nhận cho tuyên khẩn*. Cần lưu ý rằng đây là vị Giám Tỉnh của tỉnh nơi có Nhà Tập, cho dù ứng sinh có thể thuộc về một tỉnh khác.

5.2.4 Các tài liệu cho việc tuyên khẩn lần đầu

63 Dưới đây là các tài liệu cho việc tuyên khẩn trọn đời phải được lưu tại Văn Khố Tỉnh (trong hồ sơ cá nhân hội viên):

- Đơn xin khẩn của ứng sinh;
- Biên bản cuộc họp BCV địa phương và biên bản cuộc họp BCV tỉnh, với các nhận định được ghi lại và được ký tên bởi các Cố Vấn liên quan. Các biên bản này phải viết trên Mẫu “ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN VÀO TUYÊN KHẨN LẦN ĐẦU” (F3 – PP’85).
- Mẫu tường trình chứng thực rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra, được ký tên phù hợp bởi hội viên tuyên khẩn, Bề Trên nhận lời khẩn, hai nhân chứng và Thư Ký tỉnh.

Cần lưu tâm đến tầm quan trọng của các nhận định do các BCV liên hệ bày tỏ, địa phương và tỉnh, đối với việc tiếp nhận vào tuyên khẩn, vì thế những nhận định này phải được đặc biệt quan tâm.

Các tài liệu sau đây phải gửi về Văn Phòng Trung Ương sớm bao có thể:

- Các Biên Bản Tiếp Nhận của BCV địa phương và BCV tỉnh (“ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN VÀO TUYÊN KHẨN LẦN ĐẦU” – (F3 – pp’85).
- Mẫu tường trình chứng thực việc tuyên khẩn đã diễn ra, được điền đầy đủ và ký tên phù hợp.

5.3 Tái khẩn tạm

- 64** 5.3.1 Khi mãn hạn thời gian khẩn tạm (1 năm, 3 năm, hay 2 năm trong trường hợp đặc biệt), cần tiến hành việc tái khẩn (x. CIC 657 §1).

Cần lưu ý rằng *không được để có khoảng cách thời gian* giữa lúc mãn hạn khẩn tạm và lúc tái khẩn.³

Trong trường hợp mà vì những lý do nghiêm trọng phải *hoãn* việc tái khẩn một thời gian (trừ khi lượng thời gian trì hoãn này quá ngắn không bị coi là làm mất sự liên tục), phải thực hiện việc tái khẩn “*ad tempus*” “tạm thời” trong tay Bề Trên để nối kết lần tuyên khẩn hiện tại với lần tuyên khẩn tiếp theo.

Giám Tỉnh có thể cho phép tái khẩn *trước thời hạn* vì nhiều lý do khác nhau, nhưng chỉ trong một thời gian hạn chế (tối đa một tháng).

- 5.3.2 *Thủ tục* để tái khẩn cũng giống như thủ tục khẩn lần đầu (x. số **60**), đó là:

1. hội viên tuyên khẩn tự do viết đơn xin;
2. nhận định và biểu quyết của Giám Đốc và BCV địa phương;
3. nhận định và biểu quyết của BCV tỉnh;
4. sự tiếp nhận của Giám Tỉnh, sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV tỉnh.

- 5.3.3 Cần có *những tài liệu* sau đây cho những lần khẩn tạm sau tuyên khẩn lần đầu:

- các tài liệu sau đây phải lưu trong *Văn Khố tỉnh*: đơn xin của hội viên Salêdiêng, các biên bản về việc tiếp nhận tuyên

³ Xem FSDB và “Tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng,” số 126. Luật của chúng ta đòi hỏi việc tái khẩn phải được thực hiện ngay không chậm trễ.

khẩn của BCV địa phương và BCV tỉnh, Mẫu tường trình được điền và ký tên đầy đủ, chứng thực rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra;

- Chỉ có Mẫu tường trình, được điền và ký tên đầy đủ và chứng thực rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra, là phải gửi về Văn Phòng Trung Ương.

5.3.4 Trong thời kỳ khẩn tạm (hậu tập viện, tập vụ), phải thực hiện *các cuộc duyệt xét (hay đánh giá) định kỳ*.⁴ Nhờ các cuộc đánh giá này, cộng thể đào luyện cho ý kiến của mình về tiến bộ của hội viên trẻ trong hành trình ơn gọi và việc đào luyện của họ. Các nhận định được phát biểu trong các cuộc đánh giá này phải được gửi cho Giám Tỉnh. Chúng trở thành một phần tài liệu làm chứng cho hành trình Salêdiêng của cá nhân hội viên, và chúng phải được lưu trong hồ sơ cá nhân của hội viên tại Văn Khố tỉnh.

5.4 **Khẩn trọn**

Như đã nói ở trên, *khẩn trọn biểu thị điểm đến trong hành trình tăng trưởng ơn gọi của hội viên Salêdiêng*; khẩn trọn là sự hiến mình hoàn toàn và suốt đời cho Thiên Chúa và cho giới trẻ. Vào lúc khẩn lần đầu, hội viên đã có ý hướng này rồi và diễn tả nó một cách minh nhiên vào lúc long trọng nói lên sự cam kết dứt khoát của mình.

Vì tầm quan trọng của việc tuyên khẩn trọn đời trong cuộc đời của hội viên Salêdiêng và trong chính cộng thể, cả luật phổ quát và luật riêng của Tu Hội đều đưa ra một số yêu cầu đặc biệt.

65 5.4.1 *Chuẩn bị trực tiếp cho khẩn trọn*

Toàn thể thời kỳ đào luyện là để chuẩn bị cho khẩn trọn.⁵ Nhưng

⁴ Xem FSDB 296 và 444.

⁵ Xem TTN21, 290.

vì tầm quan trọng của hành vi tuyên khẩn trọn đời, luật riêng của chúng ta qui định rằng *phải có một thời gian chuẩn bị trực tiếp xứng hợp* (HL 117) và muốn rằng cả cộng thể tỉnh cần tham gia đồng hành với người sắp khẩn trọn (HL 117).

Văn kiện *Ratio* của Tu Hội cắt nghĩa ý nghĩa, các điều kiện và thời gian chuẩn bị cho việc khẩn trọn.⁶ Cách riêng FSDB số 513 nói rõ: “Tỉnh phải soạn một *chương trình chuẩn bị* cho khẩn trọn, trong đó nêu rõ cách thức, nội dung, thời gian và những người chịu trách nhiệm, và cũng bao gồm cuộc tĩnh tâm trước khi tuyên khẩn.”

66 5.4.2 *Thủ tục tiếp nhận vào khẩn trọn* về cơ bản tuân theo cùng những trình tự như đối với khẩn lần đầu (x. số **60**), đó là:

1. *Đơn xin của ứng sinh*, trong đơn họ phải đặc biệt nói lên sự tự do của họ và diễn tả sự hiểu biết đầy đủ về hành vi dứt khoát mà họ sắp thực hiện, và chứng tỏ những yếu tố xác nhận sự trưởng thành mà họ đã đạt được trong thời kỳ khẩn tạm;⁷
2. nhận định và biểu quyết của *Giám Đốc* và *BCV địa phương*;
3. nhận định và biểu quyết của *BCV tỉnh*.

Như có thể thấy, qui trình pháp lý phải theo ở đây cũng giống với qui trình của các lần khẩn trước; nhưng đối với bước quyết định này, cần nhấn mạnh hai chi tiết:

- a. vì cộng thể đồng trách nhiệm trong sự phát triển của mỗi hội viên, nên *tất cả cộng thể* được mời gọi phát biểu—bằng

⁶ xem FSDB Ch. VI, Chuẩn bị khẩn trọn, số 501 và tiếp theo.

⁷ Xem FSDB, 517. Ở đây FSDB nhắc nhở rằng đơn xin khẩn cũng phải nói lên ý muốn rõ ràng là tiếp tục nếp sống Salêdiêng mà họ đã sống, nhắc tới việc họ đã đối thoại với Giám Đốc và được ngài ưng thuận, nhắc tới việc phân định họ đã làm và đã xin ý kiến của vị linh hướng và cha giải tội.

một hình thức thích hợp và hợp với bác ái—ý kiến của mình về người anh em đang xin tuyên khẩn.⁸

- b. do tầm quan trọng của hành vi này, để có một sự phân định chắc chắn và đủ, BCV tỉnh sẽ có trước mặt mình (cùng với các ý kiến của cộng thể và của BCV địa phương), *quá trình đào luyện chi tiết của ứng sinh*, với tất cả các nhận xét đã được phát biểu trong thời kỳ đào luyện trước đó của ứng sinh.

Sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV của mình, Giám Tỉnh là người có thẩm quyền quyết định cho tuyên khẩn.

67 5.4.3 Thời điểm khẩn trợn

Hiến Luật Salêdiêng qui định rằng việc khẩn trợn *thông thường được thực hiện sáu năm sau khi khẩn lần đầu* (HL 117).

Vì vậy, thông thường việc khẩn trợn sẽ được thực hiện sau khi mãn hạn sáu năm khẩn tạm.

Trong những trường hợp đặc biệt, khẩn trợn có thể được thực hiện *trước thời hạn*, vẫn luôn luôn tuân thủ những gì được qui định bởi điều 658 của Bộ Giáo Luật.⁹ Văn kiện *Ratio* của chúng ta cắt nghĩa rằng tình huống ngoại lệ này (một điều khác thường) đòi phải có một lý do được Giám Tỉnh và BCV tỉnh nhìn

⁸ Xem QC 81. Xin lưu ý rằng điều này của QC chỉ chung về tất cả các việc tiếp nhận tuyên khẩn; tuy nhiên ở đây có ý muốn nhấn mạnh đặc biệt việc tiếp nhận khẩn trợn (cũng như tiếp nhận vào chức phó tế và linh mục). Cũng xem FSDB, 302.

⁹ Liên quan tới việc khẩn trợn trước thời hạn, Bộ Giáo Luật có hai hướng dẫn phải theo: Điều 658 nói đến điều kiện để việc khẩn trợn có hiệu lực là “phải đã khẩn tạm trước đó ít là ba năm”; trong khi điều 657 §3 cho phép khẩn trợn trước thời hạn nếu có lý do chính đáng, nhưng không được sớm hơn ba tháng, chiếu theo điều 658. Trái lại, đối với người Salêdiêng chúng ta, luật riêng của chúng ta nói rằng thông thường thời gian khẩn tạm là sáu năm. Chỉ có những lý do nghiêm trọng (cho các trường hợp rất đặc biệt) thì có thể có ngoại lệ so với luật thông thường, nhưng trong mọi trường hợp phải luôn tôn trọng các qui định của luật phổ quát.

nhận là tương xứng.¹⁰

Vì những lý do thích hợp, luật riêng của chúng ta cho phép Giám Tỉnh *kéo dài thời gian khẩn tạm, nhưng không quá chín năm* (HL 117). Nhưng quyết định gia hạn thời gian này phải được thực hiện sau một phán đoán thận trọng, dựa trên lý do đủ và hợp lý, để việc gia hạn không trở thành một thực hành thông thường.¹¹

Cũng cần lưu ý rằng trước khi khẩn trọn, hội viên phải làm *tờ di chúc* phù hợp với các qui tắc của luật dân sự (x. CIC 668 §1; HL 74). Di chúc phải được lập thành hai bản, một bản sẽ được lưu tại Văn Khố tỉnh (x. QC 52).

68 5.4.4 *Các tài liệu phải lưu tại Văn Khố tỉnh gồm:*

1. Đơn xin của hội viên tuyên khẩn;
2. Các biên bản tiếp nhận tuyên khẩn của BCV địa phương và của BCV tỉnh (viết trên mẫu “ĐỀ NGHỊ CHO TIẾP NHẬN TUYÊN KHẨN: F4 PR’85) được ký bởi các thành viên của các BCV liên quan;
3. Chứng từ xác nhận rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra, được ký bởi hội viên tuyên khẩn, Bề Trên nhận lời khẩn, hai nhân chứng và Thư Ký tỉnh.

Các tài liệu sau đây phải gửi về Văn Phòng Trung Ương:

1. Các biên bản tiếp nhận tuyên khẩn của BCV địa phương và của BCV tỉnh (“ĐỀ NGHỊ CHO TIẾP NHẬN TUYÊN KHẨN: F4 PR’85);
2. Chứng từ xác nhận rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra, được điền và ký tên thích đáng.

Thư Ký tỉnh sẽ thông tri cho *cha xứ của nơi hội viên tuyên khẩn*

¹⁰ Xem FSDB, 511.

¹¹ Xem FSDB, 510.

đã rửa tội để ngài ghi hành vi tuyên khẩn này của đương sự vào Sổ Rửa Tội.

5.5 Cử hành việc Khẩn Dòng

69 Tuyên khẩn được cử hành theo “*Nghi Thức Khẩn Dòng Salêdiêng*”. Khẩn trọn phải được cử hành một cách trọng thể đặc biệt. Trong cuộc cử hành này, Giám Tỉnh hay Phó Giám Tỉnh nhận lời khẩn nhân danh Bề Trên Cả và tiếp nhận người đã tuyên khẩn vào Tu Hội. Khi cần thiết, Giám Tỉnh có thể uỷ quyền cho một hội viên Salêdiêng khác thay mặt mình tiếp nhận lời khẩn. Sự uỷ quyền này phải được ghi lại một cách thích đáng (ví dụ, viết trên mẫu chứng nhận ghi lại việc tuyên khẩn). Như đã chỉ ra ở trên, trong cuộc cử hành phải điền vào một *giấy chứng nhận hay mẫu xác nhận* rằng việc tuyên khẩn đã diễn ra. Giấy chứng nhận này được ký tên bởi hội viên tuyên khẩn, Bề Trên nhận lời khẩn, hai nhân chứng, và Thư Ký tỉnh.

5.6 Nhận lại vào Tu Hội

70 Việc nhận lại vào Tu Hội, mà không buộc phải bắt đầu lại thời kỳ Tập Viện, là *thuộc thẩm quyền duy nhất của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của Ban Tổng Cố Vấn* (CIC điều 690).

Có thể có hai trường hợp sau đây:

1. Trường hợp ***một tập sinh đã hoàn tất trọn vẹn thời kỳ Tập Viện và đã rời bỏ Tu Hội cách hợp pháp*** (không phải vì bị thải hồi) vào cuối thời kỳ Tập Viện mà không tuyên khẩn. Nếu muốn được nhận vào Tu Hội mà không phải bắt đầu lại thời kỳ Tập Viện, đương sự phải làm đơn lên Giám Tỉnh, nêu rõ lý do cho đơn này. Giám Tỉnh sau khi cùng BCV tỉnh xem xét các lý do, sẽ trình bày yêu cầu này lên Bề Trên Cả với một bản tường trình chi tiết về hoàn cảnh của trường hợp này. (Bản tường trình nêu rõ các lý do tại sao đương sự

đã không tuyên khẩn vào lúc ấy và các lý do tại sao bây giờ xin được nhận vào Tu Hội)

2. Trường hợp ***một hội viên đã khẩn và rời bỏ Tu Hội một cách hợp pháp sau khi tuyên khẩn*** (lúc mãn hạn lời khẩn, được miễn chuẩn lời khẩn, hay chuyển sang giáo phận). Nếu hội viên này muốn được tiếp nhận lại vào Tu Hội, đương sự phải trình yêu cầu của mình lên Bề Trên Cả, nêu rõ các lý do cho lời xin này. Trong trường hợp này cũng thế, Giám Tỉnh sau khi cùng BCV tỉnh xem xét các lý do, sẽ gửi đơn xin này lên Bề Trên Cả, cùng với:

- một *sơ yếu lý lịch* của người xin;
- một *bản tường trình đầy đủ* nêu rõ các lý do tại sao hội viên này đã rời bỏ Tu Hội và các lý do bây giờ khiến đương sự viết đơn xin được nhận lại vào Tu Hội. Điều rất quan trọng (từ bản tường trình của Giám Tỉnh và từ việc xem xét của BCV tỉnh) là phải phát biểu rõ ràng các lý do tại sao cựu hội viên đã bỏ Tu Hội, cũng như các lý do tại sao bây giờ đương sự nghĩ rằng việc mình xin nhận lại vào Tu Hội là điều thích hợp.

Trong cả hai trường hợp, Bề Trên Cả là người có thẩm quyền quyết định có *một thời kỳ thử thích hợp* trước khi khẩn tạm, cũng như thời hạn khẩn tạm trước khi khẩn trọn. Cần lưu ý rằng Bộ Giáo Luật luôn luôn dự liệu một thời gian khẩn tạm trước khi nhận cho khẩn trọn (Xem CIC 690 §1).

Đặc ân nhận lại vào Tu Hội phải được nói tới trên chứng từ làm chứng về việc tuyên khẩn.

Cũng phải nhớ gửi một bản của giấy chứng nhận này cho Văn Phòng Trung Ương sau khi việc tuyên khẩn đã diễn ra (khẩn tạm trước, rồi đến khẩn trọn).

72 Trong trường hợp đặc biệt đơn xin nhận lại vào Tu Hội được làm bởi một cựu hội viên từng bị thải hồi khỏi Tu Hội hay được miễn chuẩn chức phó tế hay độc thân linh mục, cần phải nại đến **Tông Toà** là thẩm quyền duy nhất cho phép nhận lại trong các hoàn cảnh như thế. Đương sự sẽ gửi đơn lên Đức Thánh Cha. Giám Tỉnh cùng BCV sẽ xét đơn và cho ý kiến của mình. sau đó Giám Tỉnh sẽ gửi đơn lên Bề Trên Cả, và sau khi có sự ưng thuận của Ban Cố Vấn của mình, Bề Trên Cả sẽ gửi hồ sơ này lên Bộ thẩm quyền của Tông Toà (Bộ các Tu Hội Thánh Hiến hay Bộ Giáo Lý Đức Tin).

5.7 **Tu sĩ đang làm nghĩa vụ quân sự**

73 Trước hết cần lưu ý rằng, vì nghĩa vụ quân sự không phù hợp với đời tu,¹² nên ở đâu có thể, các ứng sinh đời tu phải kịp thời làm đơn xin miễn nghĩa vụ quân sự thông thường. Các quốc gia mà ở đó các tu sĩ không được hưởng quyền miễn nghĩa vụ quân sự phải tham chiếu các hướng dẫn cơ bản của Sắc Lệnh “*Militare servitium*” (nghĩa vụ quân sự) được công bố bởi CRIS ngày 30-7-1957¹³ và hiện vẫn còn hiệu lực.

5.7.1 Không ai có thể được nhận khấn trọn *một cách thành sự* nếu trước đó đã không được miễn nghĩa vụ quân sự thông thường.

5.7.2 *Việc khấn tạm được treo* trong thời gian thi hành nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, *hội viên có thể làm đơn và Giám Tỉnh—sau khi nghe ý kiến BCV của mình—có thể cho phép việc tuyên khấn vẫn còn hiệu lực* cả trong thời gian thi hành nghĩa vụ quân sự. Trong

¹² Bằng cách suy diễn, chúng ta có thể áp dụng cho đời tu những gì điều 289 của Bộ Giáo Luật nói về bậc giáo sĩ: “Vì nghĩa vụ quân sự hầu như không thích hợp cho bậc giáo sĩ, cho nên các giáo sĩ cũng như các ứng sinh chuẩn bị lãnh chức thánh không được tình nguyện tòng quân” (nếu không có phép của Đấng Bản Quyền mình).

¹³ *Militare servitium*, AAS XLIX 1957, các số 13-14, tr. 871-872.

trường hợp này, nếu có lý do chính đáng và nghiêm trọng, sau này Giám Tỉnh cũng có thể treo lời khẩn của đương sự.

5.7.3 *Đối với những tu sĩ mà việc khẩn vẫn có hiệu lực trong thời gian nghĩa vụ quân sự:*

- họ được coi giống như một hội viên vắng mặt hợp pháp khỏi nhà dòng và chỉ buộc giữ những điều luật nào của Hiến Luật mà Giám Tỉnh cho là phù hợp với nghĩa vụ quân sự.
- thời gian thi hành nghĩa vụ quân sự được tính như là thời gian khẩn tạm cần thiết trước khi khẩn trọn đời.

5.7.4 *Đối với các hội viên được treo lời khẩn khi thi hành nghĩa vụ quân sự:*

- họ vẫn là một hội viên của Tu Hội;
- tuy nhiên, họ có thể tự do rời bỏ Tu Hội mà chỉ cần viết cho Giám Tỉnh một văn bản tuyên bố rằng họ muốn bỏ Tu Hội, hay tuyên bố bằng miệng trước các nhân chứng;
- họ có thể bị Giám Tỉnh tuyên bố thải hồi vì một nguyên nhân chính đáng.

5.7.5 Khi hết thời gian nghĩa vụ quân sự, hội viên phải trải qua với lời khẩn tạm *ít là ba tháng trong cộng thể*. Tuy nhiên Giám Tỉnh với ý kiến của BCV có thể rút ngắn thời gian này, hay cũng có thể kéo dài tới một năm trước khi nhận cho đương sự khẩn trọn đời.

5.7.6 Trong thời gian nghĩa vụ quân sự, các tập sinh tiếp tục được kể là người thuộc Tu Hội, nếu họ không tự ý rời bỏ Tu Hội hay bị thải hồi.

6. CÁC TÁC VỤ VÀ CHỨC THÁNH

Đối với những tu sĩ Salêdiêng hướng tới đời sống linh mục và phó tế, các tác vụ thánh (Đọc Sách và Giúp Lễ) và các chức thánh (Phó Tế và Linh Mục) là những bước quan trọng và rất ý nghĩa cho ơn gọi và sứ mạng mà Chúa ban cho họ. Cả luật phổ quát và luật riêng của chúng ta đều đưa ra những qui tắc chi tiết để họ có thể đạt được ý nghĩa Hội Thánh và Salêdiêng đích thực của các giai đoạn này.

Cuốn Cẩm Nang này không trực tiếp bàn về các chỉ dẫn có tính chất đào luyện làm cơ sở cho việc lãnh nhận có ý thức và hiệu quả các thừa tác vụ và chức thánh. Các yếu tố này được trình bày trong văn kiện Salêdiêng *Ratio Institutionis et Studiorum* (FSDB). Thay vào đó, Cẩm Nang này sẽ trình bày các điều kiện pháp lý chính liên quan đến việc tiếp nhận và ban các tác vụ và các chức thánh.¹⁴

6.1 Các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ

- 74** 6.1.1 Việc ban các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ cho các ứng viên chịu chức Phó Tế (cả các phó tế vĩnh viễn) và chức Linh Mục là một *bó buộc được phê chuẩn bởi Giáo Luật* (xem CIC 1035; ASC 293, 26). *Chỉ Tòa Thánh có thẩm quyền miễn chuẩn bó buộc này khi có những lý do đặc biệt.*
- 6.1.2 Để được tiếp nhận vào các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ, các ứng viên—không nhất thiết phải đã khấn trọn—*nộp đơn xin với tất cả tự do* lên Giám Đốc của cộng thể đào luyện nơi họ đang được đào luyện. Trong đơn, họ sẽ nêu lên những lý do họ xin lãnh

¹⁴ Xem ASC số 293, 1979, tr. 27.

nhận các tác vụ này của Hội Thánh theo tinh thần Don Bosco.¹⁵

6.1.3 *Thủ tục tiếp nhận* được thực hiện như sau:

1. BCV địa phương xét đơn xin của ứng viên, cho nhận định và biểu quyết (Giám Đốc có thể bỏ phiếu cùng với BCV);
2. BCV tỉnh xét đơn xin này, cho nhận định và biểu quyết, dựa theo ý kiến của BCV địa phương;
3. Sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV tỉnh, *việc tiếp nhận được thực hiện bởi Giám Tỉnh.*

75 6.1.4 Ngoài giám mục, *việc ban các tác vụ* có thể được thực hiện bởi Bề Trên Cả hay Phó Bề Trên Cả, và bởi Giám Tỉnh hay Phó Giám Tỉnh hay bởi một linh mục khác do Giám Tỉnh ủy quyền. Sau khi xong nghi thức ban tác vụ, phải soạn giấy chứng nhận ứng viên đã lãnh nhận tác vụ (trên mẫu liên quan).

76 6.1.5 Luật chung (xem CIC điều 1035) và luật riêng của chúng ta¹⁶ đòi hỏi các tác vụ phải *được thi hành một thời gian dài thích hợp* để có một sự chuẩn bị thoả đáng và chuyên biệt cho việc phục vụ Lời Chúa và Bàn Thờ.

Cách riêng, *“phải có một khoảng cách ít là sáu tháng, từ khi lãnh nhận tác vụ giúp lễ cho đến khi chịu chức phó tế”* (CIC 1035 §2; FSDB 492). Cũng phải có một khoảng cách ít là vài tháng giữa các thừa tác vụ.¹⁷

77 6.1.6 Các tài liệu sau đây phải được lưu trữ tại Văn Khố tỉnh:

1. Đơn xin của chính ứng viên;
2. Các biên bản về việc tiếp nhận của BCV địa phương và BCV

¹⁵ Xem “Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng”, Roma 2000, số 132: một số tiêu chí chung cho việc tiếp nhận vào các thừa tác vụ.

¹⁶ Xem FSDB, 492.

¹⁷ Xem FSDB, 492.

tỉnh (Mẫu: “ĐỀ NGHỊ CHO TÁC VỤ...”);

3. Chứng thư xác nhận việc ban các tác vụ được soạn bởi Thư Ký Tỉnh (xem Mẫu: “XÁC NHẬN VIỆC BAN TÁC VỤ ĐỌC SÁCH HAY GIÚP LỄ”).

Chứng thư xác nhận đã lãnh nhận mỗi tác vụ là tài liệu duy nhất phải gửi về *Văn Phòng Trung Ương* (Mẫu: “XÁC NHẬN VIỆC BAN TÁC VỤ ĐỌC SÁCH HAY GIÚP LỄ”).

6.2 Chức phó tế

Nhờ chức phó tế, người chịu chức trở thành một phần tử của phẩm trật thánh; chức phó tế được bảo vệ bởi các qui tắc đặc biệt của giáo luật, những qui tắc này có mục đích thiết lập những yêu cầu cho việc lãnh nhận và thi hành chức thánh một cách thành sự. Các qui tắc của luật riêng chúng ta bổ sung cho các qui tắc của giáo luật. Các qui tắc này bảo vệ phong cách Salêdiêng mà theo đó chức phó tế được lãnh nhận và thi hành trong cộng thể.

78 6.2.1 Các điều kiện cần có trước để tiếp nhận vào chức phó tế

Chiếu theo giáo luật và luật riêng của chúng ta, các điều kiện phải có trước để tiếp nhận vào chức phó tế (để tiến tới chức linh mục cũng như chức phó tế vĩnh viễn) là:

1. Đã lãnh nhận các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ, đồng thời lưu ý tới khoảng cách thời gian được qui định giữa thừa tác vụ trước và tác vụ sau, và giữa tác vụ Giúp Lễ và chức phó tế (xem CIC 1035; FSDB, 492);
2. Đã tuyên khấn trọn đời (CIC 1037);
3. Không mắc các điều bất hợp luật (*irregularitates*) và các ngăn trở (*impedimenta*) được liệt kê trong các điều giáo

luật 1042-1043;¹⁸

4. Đơn xin phải do ứng viên tự do và tự tay viết và ký tên (CIC 1036) và đính kèm các tài liệu được qui định bởi giáo luật (giấy chứng nhận rửa tội và thêm sức, giấy chứng nhận đã lãnh các thừa tác vụ, giấy chứng nhận các chương trình học đã hoàn tất) (x. CIC 1050);
5. Về các chương trình học: luật riêng của chúng ta nói rằng chỉ được chịu chức phó tế sau năm thứ ba thần học, đối với những phó tế sẽ tiến tới chức linh mục.¹⁹

Những khả năng phải có để thi hành chức thánh được trình bày trong “*Các tiêu chí và qui tắc cho việc phân định ơn gọi Salêdiêng*”.²⁰

79 6.2.2 Tiếp nhận vào chức phó tế

Việc tiếp nhận vào chức phó tế phải được thực hiện một cách *kỷ lưỡng và nghiêm túc*.²¹ Các bước cho việc tiếp nhận là những bước đã được nói đến rồi:

1. Đơn xin chi tiết của ứng viên: giáo luật điều 1036 nói rõ rằng ứng viên “xác nhận rằng mình tự nguyện và tự do lãnh nhận chức thánh và sẽ vĩnh viễn hiến thân cho thừa tác vụ của Hội Thánh” trong tư cách của một người Salêdiêng.
2. Ý kiến của cộng thể đào luyện; chiếu theo Qui Chế Tổng Quát điều 81, cộng thể địa phương được mời gọi đồng trách

¹⁸ CIC 1047 §4 cho phép Đấng Bản Quyền (Giám Tỉnh) miễn chuẩn các rắc rối và các ngăn trở trừ khi chúng được dành riêng cho Tông Toà như được nêu trong cùng điều giáo luật 1047 §1, 2, 3. Tuy nhiên, khi giải quyết một ứng viên có những rắc rối hay ngăn trở, Giám Tỉnh phải cân nhắc kỹ để có một giải pháp hợp pháp và thích hợp.

¹⁹ Xem FSDB, 494; AGC số 312, 1985, tr. 56.

²⁰ Xem “Criteria and Norms for Vocational Discernment”, Roma 2000, no. 134ff.

²¹ FSDB, 493.

nhiệm bày tỏ ý kiến theo hình thức phù hợp nhất;²²

3. Nhận định và biểu quyết của BCV địa phương (Giám Đốc có thể bỏ phiếu cùng với BCV);
4. Nhận định và biểu quyết của BCV tỉnh, trong khi lưu ý tới tất cả các nhận định đã nhận được. BCV tỉnh nên có trước mắt *toàn thể quá trình đào luyện của đương sự* (cũng xem CIC 1051 §2);
5. *Việc tiếp nhận là thuộc thẩm quyền của Giám Tỉnh* sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV tỉnh.

80 6.2.3 *Các thư giới thiệu*

Sau khi việc tiếp nhận đã được thông qua, để tiến hành việc phong chức, Giám Tỉnh sẽ gửi cho vị giám mục truyền chức các *thư giới thiệu* theo qui định của luật phổ quát (CIC 1021). Trong các *thư giới thiệu* này, phải nói rõ rằng người sắp thụ phong đã được chính thức thâm nhận vào Tu Hội, là tu sĩ thuộc quyền của Bề Trên viết chứng thư này, đã có các cuộc duyệt xét theo qui tắc của luật và thấy được sự thích hợp của ứng viên.

Nếu vị giám mục truyền chức không phải là giám mục của giáo phận, thì phải thông báo cho giám mục giáo phận (phù hợp với các tập tục địa phương).

81 6.2.4 *Các tài liệu*

Sau khi lễ truyền chức đã diễn ra, các tài liệu sau đây phải được lưu giữ tại *Văn Khố tỉnh*:

1. Đơn xin của hội viên đã khẩn;
2. Các biên bản của BCV địa phương, được ký tên bởi Giám Đốc và BCV địa phương;
3. Các biên bản của BCV tỉnh, được ký tên bởi Giám Tỉnh và

²² Cũng xem FSDB, 301-302.

BCV tỉnh;

4. Giấy chứng nhận của giám mục xác nhận việc truyền chức đã diễn ra.

Các tài liệu sau đây phải được gửi về *Văn Phòng Trung Ương*:

1. Các biên bản của BCV địa phương và BCV tỉnh với các nhận định của mỗi BCV (Mẫu: “ĐỀ NGHỊ CHO VIỆC TRUYỀN CHỨC PHÓ TẾ”);
2. Giấy chứng nhận được Giám Tỉnh ký tên, xác nhận rằng việc truyền chức đã diễn ra.²³

Việc truyền chức phó tế đã diễn ra phải được thông tri cho *giáo xứ nơi đang sự đã được rửa tội* để ghi vào *Sổ Rửa Tội*.

82 6.2.5 *Thi hành chức phó tế*

Bộ Giáo Luật qui định rằng, sau khi chịu chức phó tế, các phó tế phải “*thi hành chức phó tế một thời gian thích hợp*” trước khi được giới thiệu để chịu chức linh mục (x. CIC 1032 §2). Điều 1031 §1 của Bộ Giáo Luật nói rằng khoảng thời gian từ lúc chịu chức phó tế tới lúc chịu chức linh mục phải ít là sáu tháng.

Văn kiện *Ratio* của chúng ta, theo sau hướng dẫn của Bề Trên Cả và BCV của ngài,²⁴ đã chỉ dẫn như sau: “Sau khi chịu chức phó tế, mỗi phó tế vẫn tiếp tục các môn học của mình theo qui định, nhưng đồng thời thi hành thừa tác vụ phụng vụ và các hoạt động mục vụ chuyên biệt của chức phó tế. Điều quan trọng là việc thi hành thừa tác vụ này phải được thực hiện một cách hệ thống và dưới sự hướng dẫn, với những cuộc đánh giá thích

²³ Để thuận tiện, Văn Phòng Trung Ương đã cho in ra một mẫu xác nhận việc truyền chức phó tế do Giám Tỉnh ký tên, để tránh gửi về Văn Khố Trung Ương giấy chứng nhận do giám mục ký tên, là tài liệu được lưu trữ tại Văn Khố tỉnh.

²⁴ Xem AGC số 312, 1985, tr. 56-57.

hợp từ phía những vị đặc trách đào luyện.²⁵ Trong mọi trường hợp, “thời gian thích hợp” [mà giáo luật nói đến ở đây] phải được lượng định theo mỗi cá nhân và theo nét đặc trưng của Tu Hội chúng ta.²⁶

83 6.2.6 Chức phó tế vĩnh viễn

Về các phó tế vĩnh viễn, *Ratio* của chúng ta đưa ra một số điều kiện cụ thể sau đây:

1. Việc chuẩn bị các phó tế vĩnh viễn phải có một số liên quan đối với Hội Thánh địa phương nơi họ sẽ thi hành thừa tác vụ. Họ sẽ được liên kết với các cộng thể đào luyện hay các học viện của Salêdiêng hay của địa phương ấy.²⁷
2. Một phó tế tu sĩ, tạm trú hay thường trú, tại một khu vực mà chức phó tế vĩnh viễn chưa được thiết lập ở đó, thì không thể thi hành các chức năng phó tế nếu không được sự ưng thuận của Đấng Bản Quyền sở tại.²⁸
3. Sư huynh Salêdiêng mà muốn bắt đầu một chương trình đào luyện để trở thành phó tế vĩnh viễn hay linh mục thì phải đệ đơn lên Bề Trên Cả, sau khi đã được sự chấp thuận của Giám Tỉnh với BCV tỉnh;²⁹
4. Người Salêdiêng phó tế vĩnh viễn mà muốn bắt đầu các môn học để trở thành linh mục thì phải đệ đơn lên Bề Trên Cả, sau khi đã được sự chấp thuận của Giám Tỉnh với BCV tỉnh.³⁰

²⁵ Xem FSDB, 494.

²⁶ Xem FSDB, 494.

²⁷ Xem FSDB, 498.

²⁸ Xem Phaolô VI, *Sacrum diaconatus ordinem* (1967), số 34; FSDB, 499.

²⁹ Xem FSDB, 481.

³⁰ Xem FSDB, 500.

Trong cả hai trường hợp, các đơn xin sẽ được xét với một sự phân định đặc biệt, với sự cân nhắc thận trọng và dè dặt vì sự thay đổi chọn lựa trong ơn gọi đòi như thế.³¹

6.3 Chức linh mục

Nhiều điều đã được nói về chức phó tế cũng được áp dụng cho chức linh mục. Đây là một tổng hợp của các điểm chính:

84 6.3.1 *Các điều kiện phải có trước cho việc chịu chức linh mục*

Nói chung, các điều kiện phải có trước để một ứng sinh được chịu chức linh mục là tất cả những gì đã được chỉ ra cho chức phó tế (x. số **78**).

Thêm vào những điều trên là trước đó ứng viên đã phải được chịu chức phó tế rồi (với chứng từ liên quan; xem CIC 1050 §2).

Bộ Giáo Luật cũng vạch ra rằng tuổi tối thiểu để được tiếp nhận vào chức linh mục là 25 tuổi (CIC 1031 §1); đối với chúng ta, khi một hội viên đã tuyên khấn sau khi tròn 18 tuổi và đã theo chương trình đào luyện bình thường, thì không có lý do gì để giả thiết rằng đương sự dưới tuổi qui định.

Ratio của chúng ta qui định rằng ứng viên có thể được tiếp nhận vào chức linh mục sau khi đã *học hết năm 4 thần học hay năm thứ nhất của chương trình lấy bằng cử nhân*.³²

85 6.3.2 *Tiếp nhận vào chức linh mục*

Các bước để tiếp nhận vào chức linh mục thì cũng giống như các bước tiếp nhận vào chức phó tế, đó là:

1. *Ứng viên* tự do viết đơn xin, với sự hiểu biết rõ ràng về bốn

³¹ Ibid.

³² Xem FSDB, 499; AGC số 312, 1985, tr. 57.

phận mình sắp sửa đảm nhận trước mặt Hội Thánh và Tu Hội (x. CIC 1034 và 1036).

2. *Cộng thể địa phương* trong tinh thần trách nhiệm cho ý kiến về việc tiếp nhận hội viên bằng hình thức phù hợp (QC 81).³³
3. *BCV địa phương* xét đơn xin, cho nhận định của mình và biểu quyết (Giám Đốc có thể bỏ phiếu cùng với BCV).
4. *BCV tỉnh* xét đơn xin, ý kiến của cộng thể và nhận định của BCV địa phương, trong khi lưu tâm tới quá trình đào luyện của hội viên đã khẩn, cho nhận định của mình và rồi biểu quyết.³⁴
5. Sau khi được sự ưng thuận của BCV tỉnh, Giám Tỉnh *tiếp nhận hội viên để được chịu chức linh mục*.

86 6.3.3 *Các thư giới thiệu*

Giống như đối với chức phó tế (x. số **80**), Giám Tỉnh gửi các “*thư giới thiệu*” cho vị giám mục truyền chức, để ngài có thể tiến hành việc truyền chức. Nếu vị giám mục truyền chức không phải là giám mục của giáo phận, thì giám mục của giáo phận phải được thông báo, và việc truyền chức sẽ diễn ra với sự thoả thuận của vị giám mục giáo phận.

87 6.3.4 *Các tài liệu*

Sau đây là các tài liệu phải được lưu giữ tại *Văn Khố tỉnh*:

1. Đơn xin của chính ứng viên;
2. Các biên bản của cả BCV địa phương và BCV tỉnh với các nhận định được phát biểu (Mẫu: “ĐỀ NGHỊ CHO VIỆC TRUYỀN CHỨC LINH MỤC”);

³³ Xem FSDB, 301/302.

³⁴ Xem FSDB, 303 về trách nhiệm của BCV tỉnh trong việc tiếp nhận.

3. Giấy chứng nhận của giám mục xác nhận việc truyền chức đã diễn ra.

Các tài liệu sau đây phải gửi về *Văn Phòng Trung Ương*:

1. Các biên bản của BCV địa phương và BCV tỉnh, với các nhận định được phát biểu (Mẫu: “ĐỀ NGHỊ CHO VIỆC TRUYỀN CHỨC LINH MỤC”);
2. Giấy chứng nhận của Giám Tỉnh xác nhận việc truyền chức đã diễn ra.³⁵

Việc truyền chức linh mục đã diễn ra phải được thông tri cho *cha xứ nơi đương sự đã được rửa tội* để ghi vào Sổ Rửa Tội.

³⁵ Xem ghi chú số 10 liên quan tới một giấy chứng nhận tương tự cho việc truyền chức phó tế.

7. RA KHỎI TU HỘI

Chương này trình bày các hình thức khác nhau của việc ra khỏi Tu Hội, ít nhiều có tính chất nghiêm trọng, theo các qui tắc của Bộ Giáo Luật (Quyển II, Phần II, Chương VI) và của Hiến Luật chúng ta (HL 194).

Các hình thức khác nhau của việc ra khỏi Tu Hội mà chúng ta sẽ trình bày là:

- 7.1 Chuyển sang một Tu Hội khác
- 7.2 Tạm thời vắng mặt khỏi nhà dòng
- 7.3 Sống ngoài nội vi
- 7.4 Một hội viên khẩn tạm rời Tu Hội khi lời khẩn mãn hạn
- 7.5 Đặc ân rời Tu Hội của một hội viên khẩn tạm
- 7.6 Đặc ân rời Tu Hội của một hội viên khẩn trọn
- 7.7 Chuyển sang giáo phận
- 7.8 Miễn chuẩn chức phó tế
- 7.9 Miễn chuẩn độc thân linh mục
- 7.10 Thải hồi khỏi Tu Hội

Chương này cũng nhắc đến sự giúp đỡ mà các Bề Trên và cộng thể phải dành cho các hội viên rời bỏ Tu Hội (số 7.11).

7.1 Chuyển sang một Tu Hội khác

88 Việc chuyển sang một Tu Hội khác xảy ra khi một tu sĩ rời bỏ Tu Hội của mình để được kết nạp vào một Tu Hội khác *mà không có sự cắt đứt các lời khẩn tu trì*. Có một sự thay đổi trong tính chuyên biệt của đoàn sủng. Hiến Luật Salêdiêng xét đến khả năng này tại điều 194; Qui Chế Tổng Quát tại điều 94 xét đến khả năng một tu sĩ từ một Tu Hội khác chuyển sang Tu Hội chúng ta. Toàn bộ vấn đề được qui định bởi các điều 684-685 của Bộ Giáo Luật.

7.1.1 Nếu sau khi đã phân định nghiêm túc, một tu sĩ Salêdiêng *đã khẩn trọn*¹ mà quyết định chuyển sang một tu hội khác, họ phải đệ đơn lên Bề Trên Cả của Tu Hội chúng ta cũng như lên Bề Trên Tổng Quyền của Tu Hội mà họ muốn gia nhập.

7.1.2 *Các Bề Trên Tổng Quyền của cả hai Tu Hội* (Tu Hội chúng ta và Tu Hội mà hội viên muốn chuyển sang) sẽ đưa đơn xin của đương sự ra các BCV của ngài để xin sự ưng thuận của họ². Sau khi nhận được sự ưng thuận của các BCV, các Bề Trên Tổng Quyền có năng quyền cho phép người xin gia nhập được vào thời thử trong Tu Hội mới.

7.1.3 Sau khi được hai Bề Trên Tổng Quyền chấp thuận, tu sĩ này sẽ trải qua một *thời kỳ thử luyện* trong Tu Hội mới. Thời kỳ thử này được luật riêng của Tu Hội mới ấn định, nhưng trong mọi trường hợp nó phải kéo dài ít là ba năm (x. CIC 684 §2).

Trong thời kỳ thử, tu sĩ, dù vẫn còn liên kết với Tu Hội cũ của mình, nhưng bắt đầu sống trong Tu Hội mới, tuân giữ Hiến Luật của Tu Hội này và vâng phục các Bề Trên của Tu Hội này.

Khi kết thúc thời gian thử, đương sự có thể được chấp nhận cho khẩn trọn đời trong Tu Hội mới.

Nếu không, đương sự sẽ trở về lại Tu Hội gốc của mình.

89 7.1.4 Một thủ tục tương tự được áp dụng cho một *tu sĩ từ một Tu Hội khác muốn xin chuyển sang Tu Hội Salêdiêng chúng ta*. Điều 94

¹ Đối với một *hội viên khẩn tạm* mà muốn chuyển dòng, thủ tục thông thường để được tiếp nhận vào một Tu Hội khác được tiến hành sau khi đương sự đã nhận được phép miễn thời kỳ tập viện hay lời khẩn tạm theo qui định của CIC điều 688 §2. Nếu tiến hành theo cách khác sẽ cần có Đặc Ân từ Tổng Tòa.

² Trong trường hợp Tu Hội chúng ta, để Bề Trên Cả với BCV của ngài có thể xem xét và đánh giá, ngoài đơn xin của đương sự (gửi cho Bề Trên Cả), *Giám Tỉnh sẽ gửi cho Bề Trên Cả một tường trình chi tiết kèm theo ý kiến riêng của mình về vấn đề này.*

Qui Chế Tổng Quát của chúng ta nói về khả năng này, và qui định thời gian thử trong Tu Hội chúng ta là ba năm.

90 7.1.5 Đối với việc một tu sĩ (Salêdiêng) xin chuyển sang một *Tu Hội đời* hay một *Tu Đoàn tông đồ* hay ngược lại (từ *Tu hội đời* hay *Tu đoàn tông đồ* sang một *Tu hội Dòng*), cần có phép và phải theo các qui định của Tông Toà (CIC 684 §5).³

7.1.6 Khi có một hội viên (Salêdiêng) xin chuyển sang một *Tu Hội* khác hay ngược lại, một điều quan trọng cần nhớ là phải *gửi cho Văn Phòng Trung Ương các tài liệu* liên quan đến cả lúc bắt đầu thời gian thử và lúc tuyên khấn trọn đời trong *Tu Hội* mới.

7.2 **Vắng mặt tạm thời khỏi nhà dòng**

91 7.2.1 *Năng quyền ban sự vắng mặt tạm thời*

Giáo Luật điều 665 §1 nói rằng “các tu sĩ phải cư ngụ trong nhà dòng của mình và tuân giữ đời sống chung; họ không được vắng khỏi nhà nếu không có phép của Bề Trên.” Cũng điều giáo luật này cho các Bề Trên Cấp Cao (= Bề Trên Cả hay Giám Tỉnh, và các vị Phó của các ngài), với sự ưng thuận của các BCV của các ngài, được năng quyền cho phép một tu sĩ sống ngoài nhà dòng, nhưng không được *quá một năm*, trừ khi vì lý do sức khoẻ hay học hành, hay làm việc tông đồ nhân danh *Tu Hội*.

7.2.2 Sau đây là *thủ tục phải theo*:

³ Trong trường hợp một tu sĩ Salêdiêng muốn chuyển sang một *Tu Hội đời* hay một *Tu Đoàn tông đồ*, phải gửi cho Bề Trên Cả *các tài liệu sau đây*:

- đơn xin của đương sự, gửi cho Đức Thánh Cha;
- nhận định của Bề Trên *Tu Hội đời* (hay *Tu Đoàn tông đồ*) sẵn sàng chấp nhận hội viên Salêdiêng.
- ‘*curriculum vitae*’ đầy đủ của hội viên;
- tường trình của Giám Tỉnh kèm theo ý kiến riêng của ngài.

- hội viên Salêdiêng làm đơn gửi cho Giám Tỉnh, trình bày lý do xin tạm thời ở ngoài nhà dòng;
- nếu hội viên là một linh mục hay phó tế, cần có một văn thư của giám mục nói rằng ngài sẵn sàng cho phép tu sĩ thi hành thừa tác vụ trong giáo phận của ngài;⁴
- Giám Tỉnh đưa đơn xin này ra trước BCV tỉnh và xin sự chấp thuận của họ (bằng phiếu kín);
- sau khi được sự ưng thuận của BCV, Giám Tỉnh ban phép vắng mặt *bằng một văn thư* trong đó mô tả chính xác các điều kiện sống của hội viên Salêdiêng này trong thời gian vắng mặt khỏi nhà dòng (xem một bản mẫu trong PHỤ LỤC A-8). *Đương sự cũng phải ký tên* vào văn bản này.
- một bản sao văn thư mà đương sự đã ký phải được gửi ngay cho Văn Phòng Trung Ương.

7.2.3 Giám Tỉnh chỉ có thể ban phép vắng mặt này cho hội viên *một lần duy nhất và không được quá một năm*.

Phép vắng mặt này có thể được Giám Tỉnh gia hạn —*quá một năm*—vì những lý do đặc biệt được ghi trong Bộ Giáo Luật:

- các lý do liên quan đến sức khoẻ thể chất hay tâm thần;
- các lý do liên quan đến việc học hành;⁵
- làm việc tông đồ nhân danh Tu Hội ("*absentia ratione apostolatus*").⁶

⁴ Trong những trường hợp đặc biệt mà người làm đơn xin (là linh mục hay phó tế) *không có ý định thi hành thừa tác vụ*, thì phải thông báo cho giám mục của giáo phận mà giáo sĩ nói trên (linh mục hay phó tế) đến ở.

⁵ Phải lưu ý rằng đây là những lý do liên quan đến học hành cả về "*học*" và "*dạy học*"; tuy nhiên phép này không dành cho các hội viên đang trong thời kỳ đào luyện ban đầu vì *Ratio* của chúng ta qui định rằng các hội viên này phải học tại các cộng thể đào luyện Salêdiêng (và vì thế không được ban phép vắng mặt cho dạng hội viên này).

⁶ Trong trường hợp cho phép vắng mặt vì lý do làm việc tông đồ, Giám Tỉnh phải nhớ làm

Các phép vắng mặt được ban vì những lý do nói trên được duy trì bao lâu các lý do nói trên vẫn còn tồn tại.

- 7.2.4 Khi cân nhắc các lý do, Giám Tỉnh phải lưu ý rằng việc ban phép vắng mặt khỏi nhà dòng ("*absentia a domo*") đòi phải có một **lý do chính đáng và tương xứng**. Theo thông lệ của chúng ta, chúng ta thường không ban phép vắng mặt vì lý do khủng hoảng ơn gọi cho những hội viên khẩn tạm, những hội viên ở thời kỳ đào luyện ban đầu, và những hội viên sư huynh.⁷
- 7.2.5 Cho phép một hội viên vắng mặt khỏi nhà dòng chỉ có nghĩa là *tạm treo bốn phận "phải cư ngụ trong nhà dòng của mình và tuân giữ đời sống chung."*

Vì thế chúng ta có thể định nghĩa tình trạng pháp lý của tu sĩ vắng mặt như sau:

- Họ vẫn còn là một hội viên của cộng thể gốc của họ, bị ràng buộc bởi các lời khấn và các nghĩa vụ đã cam kết; họ vẫn giữ các quyền ứng cử và bầu cử, trừ khi được quyết định cách khác trong việc cho phép họ vắng mặt;
- Tu sĩ vắng mặt vẫn hoàn toàn ở dưới sự chăm sóc của các Bề Trên hợp pháp của họ và họ phải trở về nhà dòng nếu được các Bề Trên gọi về;
- Tu sĩ vắng mặt phải báo cáo các khoản tiền họ nhận được hay chi tiêu;
- Trong văn bản cho phép hội viên vắng mặt, nên nêu rõ các dự liệu liên quan đến:
 - các liên lạc họ phải duy trì với Tu Hội;

một "*Hợp Đồng*" với tổ chức giáo quyền hay dân sự nơi hội viên Salêdiêng này đến làm việc tông đồ (về vấn đề này, xem số **136** của Cẩm Nang này).

⁷ Về vấn đề này, xem Thư Cha Phó Bề Trên Cả gửi các Giám Tỉnh, đề ngày 20-1-1985 (Prot. n. 85/64).

- việc thực thi các quyền (ứng cử và bầu cử, v.v...);
 - việc chu toàn các bốn phận tu trì;
 - sự trợ giúp tài chánh được coi là cần thiết;
- Trường hợp tu sĩ vắng mặt vi phạm nghiêm trọng các bốn phận tu trì theo các điều kiện của phép vắng mặt, các Bề Trên có quyền sử dụng các biện pháp sửa sai đối với tu sĩ ấy.

7.2.6 Sau khi hết thời gian được phép vắng mặt, hội viên Salêdiêng *phải mau mắn trở về lại cộng thể*. Giám Tỉnh sẽ mau chóng thông báo cho Văn Phòng Trung Ương khi hội viên trở về nhà dòng.

7.3 **Sống ngoài nội vi**

92 *Sống ngoài nội vi (exclaustration)* là tình huống một người vẫn đang là hội viên của Tu Hội, nhưng trên thực tế sống ngoài Tu Hội với phép của Bề Trên có thẩm quyền, và với một số quyền và nghĩa vụ được tạm treo.

Sống ngoài nội vi là một hình thức “vắng mặt” khỏi nhà dòng lâu dài, được ban phép bởi Bề Trên Cả hay bởi Tổng Toà vì các lý do nghiêm trọng hay trong các trường hợp nhất định được áp đặt và điều hành theo luật: x. các điều giáo luật 686-687.

A. Ban phép sống ngoài nội vi

7.3.1 Vì những lý do nghiêm trọng và với sự ưng thuận của BCV, *Bề Trên Cả* có thể cho phép một hội viên đã khấn trọn của Tu Hội được *Đặc Ân sống ngoài nội vi*, có hiệu lực cho một thời kỳ *không quá ba năm*.

7.3.2 Sau đây là *thủ tục*:

1. Hội viên Salêdiêng khấn trọn trình bày cho Giám Tỉnh *đơn xin của mình gửi cho Bề Trên Cả*, cắt nghĩa những lý do nghiêm trọng khiến họ xin Đặc Ân này, sau khi đã phân định

thoả đáng;⁸

2. Nếu đương sự là một linh mục hay một phó tế, cần có thêm một văn thư của vị giám mục của giáo phận trong đó cho phép hội viên Salêdiêng nói trên thi hành thừa tác vụ trong giáo phận;
3. Sau khi nghe ý kiến của Ban Cố Vấn mình, Giám Tỉnh gửi cho Bề Trên Cả đơn xin của đương sự và văn bản của Giám Mục, cùng với một tường trình chi tiết và nhận định của mình. Giám Tỉnh cũng gửi thêm những thông tin về hội viên và bản “*curriculum vitae*” của đương sự.
4. Bề Trên Cả, sau khi đưa đơn xin của đương sự ra trước BCV của ngài và nhận được sự ưng thuận của BCV, sẽ ra Phúc Chiếu với Đặc Ân sống ngoài nội vi được ban cho hội viên, và thông báo cho Giám Mục.

7.3.3 Việc *gia hạn thời gian sống ngoài nội vi* sau ba năm do phép của Bề Trên Cả, hay một Đặc Ân cho một thời gian quá ba năm, là thuộc thẩm quyền duy nhất của *Tông Toà* (thông qua Bộ các Tu Hội thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ).⁹

Trong trường hợp này, đương sự phải *đề đơn lên Đức Thánh Cha*; các tài liệu (bao gồm—như vừa nói trên—đơn xin của hội viên, bản “*curriculum vitae*”, văn thư của giám mục cho các linh mục và phó tế, và bản tường trình của Giám Tỉnh với ý kiến của BCV tỉnh) phải được Giám Tỉnh gửi tới Bề Trên Cả, và Bề Trên

⁸ Các lý do để xin Đặc Ân sống ngoài nội vi có nhiều loại khác nhau tùy theo ước muốn của người xin hay các hoàn cảnh khác và như thế một phép vắng mặt đơn giản theo giáo luật điều 665 không thể đáp ứng đủ hay phù hợp. Cần có những lý do nghiêm trọng để ngưng sống đời sống chung theo một cách lâu dài hơn là trong trường hợp vắng mặt

⁹ Mặc dù có thể xin Tông Toà ban phép sống ngoài nội vi trong một thời gian dài hơn ba năm, nhưng theo thông lệ Tông Toà không ban phép này. Do đó cách thông thường để tiến hành việc xin loại phép này là xin phép Bề Trên Cả cho sống ngoài nội vi trong ba năm, sau đó nếu cần thiết thì xin gia hạn từ Tông Toà.

Cả sau khi nghe ý kiến BCV của mình, sẽ gửi lên Tổng Toà.

- 7.3.4 ***Tình trạng pháp lý của tu sĩ sống ngoài nội vi*** được định nghĩa bởi điều 687 của Bộ Giáo Luật: “Thành viên sống ngoài nội vi được miễn giữ những nghĩa vụ không tương hợp với tình trạng sống mới của mình, nhưng vẫn tùy thuộc quyền của các Bề Trên cũng như của Đấng Bản Quyền sở tại và vẫn được các ngài săn sóc, nhất là khi đương sự là giáo sĩ. ... Tuy nhiên đương sự mất quyền bầu cử và ứng cử.”

So với phép đơn thuần “vắng mặt khỏi nhà dòng”, Bộ Giáo Luật xác định rõ các điều kiện:

- Tu sĩ sống ngoài nội vi *vẫn là một hội viên của Tu Hội*, lệ thuộc quyền của các Bề Trên hợp pháp và của Đấng Bản Quyền sở tại;
- *Không có quyền bầu cử và ứng cử*: do đó họ không thể bầu hay được bầu cho các Tu Nghị hay cho các trách nhiệm trong Tu Hội;
- Họ phải tuân giữ Luật đời sống Salêdiêng trong tất cả những gì không xung khắc với hoàn cảnh sống mới của họ (đòi hỏi một sự tự trị thích đáng trong đời sống và trong việc hoạt động tông đồ của họ).

Cần lưu ý rằng Bộ Giáo Luật, trong khi nói rằng người sống ngoài nội vi vẫn lệ thuộc các Bề Trên và Đấng Bản Quyền địa phương, thì cũng nhắc đến bốn phận của các Bề Trên này là phải chăm sóc người hội viên vắng mặt với tình phụ tử.

93 B. Áp đặt sống ngoài nội vi

- 7.3.5 Khi có thỉnh cầu của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài, Tổng Toà có thể áp đặt sống ngoài nội vi đối với một hội viên của một Tu Hội thuộc quyền giáo hoàng.

Sự áp đặt này cần phải có những lý do nghiêm trọng và phải giữ

sự hợp tình hợp lý và bác ái (CIC 686 §3).

7.3.6 Trong trường hợp có những lý do để tiến hành áp đặt sống ngoài nội vi, Giám Tỉnh cùng với BCV sẽ cẩn thận xem xét tình huống và gửi cho Bề Trên Cả một bản tường trình rất chi tiết, trong đó chỉ rõ những lý do cho yêu cầu này và những cố gắng đã được thực hiện để giải quyết một cách khác.

7.4 **Một tu sĩ khẩn tạm rời Tu Hội “khi lời khẩn mãi hạn”**

94 7.4.1 Một hội viên khẩn tạm muốn rời Tu Hội khi lời khẩn mãi hạn thì có thể tự do rời Tu Hội (CIC 688 §1; HL 194). Trên thực tế, khi lời khẩn mãi hạn thì nghĩa vụ của tu sĩ trước Hội Thánh và Tu Hội chấm dứt và họ được tự do rút lui.

Đương sự sẽ *viết thư thông báo quyết định của mình cho Giám Tỉnh*, sau khi đã phân định thích đáng và bàn hỏi với các Bề Trên.¹⁰

7.4.2 Ngoài ra còn có trường hợp một hội viên khẩn tạm ra khỏi Tu Hội vào lúc lời khẩn mãi hạn *khi Giám Tỉnh và BCV không tiếp nhận* cho họ tái khẩn hay tuyên khẩn trọn đời (CIC 689, §1).

7.4.3 Phải nhớ lại những gì giáo luật điều 689 §2 và §3 nói:

- Một căn bệnh thể lý hay tâm lý mà theo đánh giá của các chuyên gia, căn bệnh khiến cho hội viên không thích hợp để sống trong Tu Hội, cho dù mắc phải sau khi khẩn, tạo thành lý do để không tiếp nhận hội viên tái khẩn hay khẩn trọn đời, trừ khi căn bệnh mắc phải là do sự thiếu chăm sóc của Tu Hội, hay do công việc họ làm trong Tu Hội;
- Một tu sĩ nếu bị mất trí trong thời gian giữ lời khẩn tạm, cho

¹⁰ Cần lưu ý rằng khi một hội viên khẩn tạm không nộp đơn xin tái khẩn, điều đó chứng tỏ đương sự đã có ý định rời bỏ Tu Hội.

dù không đủ điều kiện để khẩn lại, đương sự không thể bị sa thải khỏi Tu Hội.

7.4.4 Khi một hội viên khẩn tạm rời bỏ Tu Hội vào lúc mãn hạn lời khẩn, ***Giám Tỉnh phải mau chóng thông tri sự kiện này cho Văn Phòng Trung Ương***, bằng cách cung cấp thông tin về việc đương sự rời tu hội và các lý do chính của việc này. Một điều quan trọng cần nhấn mạnh là Giám Tỉnh (với sự giúp đỡ của nhân viên đào luyện nếu có thể) phải phân tích các nguyên nhân đã dẫn tới việc rời bỏ này (cả trong trường hợp của hội viên khẩn tạm không xin tái khẩn cũng như trường hợp không được nhận tái khẩn). Ngoài ra, trong sự cộng tác với Ban Đào luyện Trung ương, cũng phải mau chóng gửi về Văn Phòng Trung Ương một MẪU THÔNG TIN đã được soạn (xem PHỤ LỤC A-3).¹¹ ***Giám Tỉnh cũng phải gửi kèm một lá thư*** mô tả lịch sử ơn gọi của hội viên đã khẩn, với một phân tích cẩn thận các lý do đã khiến hội viên bỏ Tu Hội.

95 7.5 Ân Ban rời Tu Hội cho một hội viên khẩn tạm

7.5.1 *Bề Trên Cả, với sự ưng thuận của BCV ngài, có năng quyền ban cho một hội viên khẩn tạm được Đặc Ân rời bỏ Tu Hội khi mà, vì một nguyên nhân nghiêm trọng,*¹² đương sự xin đặc ân này

¹¹ Xem FSDB, 305.

¹² Cần lưu ý rằng trong khi qui định theo cách thức mới việc rời Tu Hội trong thời gian giữ lời khẩn tạm, Bộ Giáo Luật cũng đòi hỏi phải có một *nguyên nhân nghiêm trọng* để có thể xin miễn chuẩn lời khẩn tạm. Do đó người hội viên khẩn tạm cần phải đánh giá tính nghiêm trọng của các nguyên nhân dẫn họ tới việc xin rời bỏ Tu Hội trước khi các lời khẩn tạm mãn hạn. Nhưng chỉ có đơn xin của hội viên mà thôi thì không đủ: Bề Trên thẩm quyền phải đánh giá rằng có đủ lý do để rời bỏ đời tu từ phía người đã cam kết sống đời sống này, mặc dù theo các yêu cầu của Giáo Hội, đó chỉ là những cam kết tạm thời. Mức độ nghiêm trọng của các lý do sẽ thường được liên kết với việc không có ơn gọi hay do hành vi của người tu sĩ không tương xứng với ơn gọi của họ và có thể gây nguy hại cho người khác.

trước khi mãn hạn lời khẩn (x. CIC 688 §2).

7.5.2 **Thủ tục** để nhận được Đặc Ân này là:

- a. Hội viên khẩn tạm trình bày cho Giám Tỉnh *đơn gửi Bề Trên Cả*, trong đó đương sự cắt nghĩa các lý do của lời xin.
- b. Giám Tỉnh cùng với BCV tỉnh xem xét lời yêu cầu, và gửi cho Bề Trên Cả một bản tường trình nêu rõ những lý do nghiêm trọng dẫn tới việc hội viên yêu cầu Đặc Ân rời Tu Hội trước khi mãn hạn lời khẩn. Trong bản tường trình của Giám Tỉnh cũng nên bao gồm một ‘*curriculum vitae*’ vắn tắt của hội viên khẩn tạm (cũng có thể bằng một tài liệu riêng biệt đính kèm).
- c. Trong Ban Tổng Cố Vấn, Bề Trên Cả xét đơn yêu cầu của hội viên khẩn tạm cùng với bản tường trình của Giám Tỉnh, rồi với sự ưng thuận của Ban Tổng Cố Vấn, ngài ban Đặc Ân này.

7.5.3 Một khi Đặc Ân đã được ban, Văn Phòng Trung Ương gửi đến Giám Tỉnh Đặc Ân này *bằng ba bản*.¹³ Sau đó Giám Tỉnh sẽ thông báo cho đương sự biết Đặc Ân đã được ban.

7.5.4 Đặc Ân có hiệu lực vào chính lúc người xin được thông báo và không từ chối. Đặc Ân này bao hàm việc miễn chuẩn lời khẩn tạm và tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ việc ~~tuyên~~ khẩn dòng (x. CIC 692).

Tuy nhiên người hội viên được đặc ân phải *ký tên vào văn kiện*, đề ngày tháng lúc nhận được thông báo để chứng minh mình đã chấp nhận đặc ân này.

7.5.6 *Một bản của văn kiện có chữ ký của hội viên khẩn tạm phải mau*

¹³ *Ba bản* được gửi tới sẽ được đưa cho đương sự ký tên. Sau đó: một bản được trao cho đương sự; một bản giữ tại Văn Khố Tỉnh; bản thứ ba được gửi về lại Văn Phòng Trung Ương (như được nói ở số 7.5.5).

chóng được gửi về Văn Phòng Trung Ương.

Cần nhớ rằng qui trình này chỉ kết thúc sau khi bản thông báo Đặc Ân được ký bởi đương sự.¹⁴

7.6 **Đặc Ân rời bỏ Tu Hội cho một hội viên khẩn trọn**

- 96 7.6.1 Luật phổ quát dành riêng cho Tông Toà quyền ban Đặc Ân rời bỏ Tu Hội cho một hội viên khẩn trọn (CIC 691 §2).

Trong Tu Hội chúng ta, Bề Trên Cả có năng quyền ban đặc ân này, với sự ưng thuận của BCV ngài, do các “đặc quyền” đã được ban cho Tu Hội.

- 7.6.2 *Bộ Giáo Luật* khuyến cáo rằng một hội viên khẩn trọn không nên xin rời Tu Hội trừ khi có những lý do *rất nghiêm trọng* được cân nhắc kỹ trước mặt Chúa (CIC 691 §1).

Điều này đòi hỏi người tu sĩ khẩn trọn phải phân định nghiêm túc, nhưng cũng đòi hỏi một trách nhiệm đặc biệt từ phía các Bề Trên (Giám Tỉnh, Giám Đốc, các nhân viên đào luyện) để giúp hội viên đang gặp khó khăn có thể cẩn thận đánh giá tình trạng của mình và cách trả lời trước mặt Thiên Chúa.¹⁵

- 7.6.3 Sau đây là **thủ tục** phải theo trong việc xin miễn chuẩn:

- a. *Hội viên khẩn trọn* mà có ý định xin Đặc Ân thì làm đơn gửi cho Bề Trên Cả, cắt nghĩa những lý do nghiêm trọng khiến họ làm đơn này, sau khi đã đánh giá sự việc trong đối thoại với Chúa và với sự giúp đỡ của một vị linh hướng thích hợp.

¹⁴ Trong trường hợp không thể nhận được chữ ký của đương sự, một bản của Phúc Chiếu (ban Đặc Ân) phải được gửi về Văn Phòng Trung Ương với lời tuyên bố rằng đặc ân đã được thông báo và không bị từ chối. *Trong trường hợp Đặc Ân không được đương sự chấp nhận, họ vẫn thuộc về Tu Hội*: sự kiện này phải được thông báo nhanh cho Văn Phòng Trung Ương.

¹⁵ Về phương diện này, xem AGC số 312, 1985, tr. 48-49.

Họ trình bày đơn cho Giám Tỉnh để Giám Tỉnh chuyển cho Bề Trên Cả.

- b. *Giám Tỉnh* sẽ gửi những tài liệu cần thiết để giúp Bề Trên Cả và BCV ngài đánh giá với lương tâm của mình xem có đủ các lý do hay không để ban miễn chuẩn. Những tài liệu này phải gồm:
- đơn xin của hội viên khẩn trọn;
 - đầy đủ chi tiết cá nhân;
 - quá trình đào luyện, từ lúc được tiếp nhận vào tập viện tới lúc khẩn trọn và hơn nữa, với các nhận xét và biểu quyết của các BCV địa phương và tỉnh vào mỗi lần được tiếp nhận;¹⁶
 - một bản tường trình cẩn thận của *Giám Tỉnh* về nguồn gốc và nguyên nhân của khủng hoảng ơn gọi, sự phát triển của nó, các đối thoại của *Giám Tỉnh* và/hay các Bề Trên khác với đương sự trước khi có quyết định xin miễn chuẩn;
 - đánh giá và ý kiến chung cuộc của *Giám Tỉnh* và BCV tỉnh về việc ban đặc ân miễn chuẩn.¹⁷
- c. *Bề Trên Cả* sẽ xét đơn xin của hội viên khẩn trọn trong Ban Tổng Cố Vấn trong ánh sáng của bản tường trình của *Giám Tỉnh*, và sau khi nhận được sự ưng thuận của BCV, có thể ban Đặc Ân mà hội viên yêu cầu.

7.6.4 Sau khi Đặc Ân được ban, Văn Phòng Trung Ương sẽ gửi cho

¹⁶ Bản '*curriculum*' được nhắc đến ở đây sẽ gồm hai phần: một phần liên quan đến các giai đoạn đào luyện (*curriculum đào luyện*), từ lúc được tiếp nhận vào tập viện đến lúc khẩn trọn, với một bản sao các nhận xét và biểu quyết cho mỗi lần tiếp nhận; phần thứ hai liệt kê danh sách các nhà và các trách nhiệm sau khi hội viên khẩn trọn.

¹⁷ Xem ACG số 312, 1985, tr. 49.

Giám Tỉnh Đặc Ân này *bằng ba bản*.¹⁸

Giám Tỉnh sẽ lo thông báo cho đương sự biết Đặc Ân đã được ban.

- 7.6.5 Giống như trong trường hợp miễn chuẩn lời khẩn tạm, Đặc Ân này có hiệu lực từ lúc nó được thông tri và hội viên không từ chối. *Đặc Ân bao hàm việc miễn chuẩn lời khẩn và mọi nghĩa vụ phát sinh từ việc tuyên khẩn (CIC 692).*

Người khẩn trọn mà nhận được đặc ân này phải ký tên và ghi ngày tháng để làm chứng chấp nhận.

- 7.6.6 Văn Phòng Tỉnh sau đó sẽ lo liệu *gửi về lại cho Văn Phòng Trung Ương một bản của Đặc Ân đã được đương sự ký tên*.¹⁹

Về phép chuẩn lời khẩn trọn đã xảy ra, phải thông tri cho *giáo xứ nơi đã rửa tội*, để được ghi trong sổ rửa tội.

7.7 Chuyển sang giáo phận

- 97 “*Chuyển sang giáo phận*” là một dạng “Ân ban rời bỏ Tu Hội”, qua đó người Salêdiêng linh mục hay phó tế *chuyển sang hàng giáo sĩ triều* và được nhập tịch vào một giáo phận, có qua một thời kỳ thử luyện hay không.²⁰

Dạng Đặc Ân này được qui định bởi điều 693 của *Bộ Giáo Luật*, theo hai thể thức:

a. Chuyển sang giáo phận “*praevio experimento*” (hay “*ad experimentum*” hay “*in prova*”- với thử nghiệm trước, để thử

¹⁸ Xem Chú thích số 13.

¹⁹ Những gì nói ở Chú thích số 14 cũng áp dụng ở đây. Nhưng trong trường hợp của hội viên khẩn trọn, phải bằng mọi cách có thể để có được chữ ký của hội viên trên văn bản này.

²⁰ Thuật ngữ “chuyển sang giáo phận” (“*secularization*”) chỉ về một “giáo sĩ dòng” trở thành một “giáo sĩ triều,” hay giáo sĩ của *giáo phận*.

nghiệm, thử luyện); hình thức này được ban với một thời kỳ thử trước khi được nhập tịch giáo phận: theo luật, thời gian thử này có thể kéo dài tới 5 năm;

b. Chuyển sang giáo phận *cách đơn thuần* (“*pure et simpliciter*”): với việc này Giám Mục tuyên bố ngài sẵn sàng cho tu sĩ được nhập tịch ngay, không cần qua thời gian thử.

Dưới đây là tóm tắt các điều kiện và các điểm chính phải tuân thủ:

- 7.7.1 Theo giáo luật điều 693, một điều kiện sơ khởi để một tu sĩ có thể được nhập tịch giáo phận là có một văn thư của *Giám Mục tuyên bố ngài sẵn sàng đón nhận tu sĩ để họ được nhập tịch*. Trong văn thư, Giám Mục phải tuyên bố rõ ngài sẽ chấp nhận tu sĩ với một thời gian thử luyện (“*ad experimentum*”), hay sẽ cho họ nhập tịch ngay (“*pure et simpliciter*”).
- 7.7.2 Sau khi có văn thư này của Giám Mục, có thể tiến hành xin chuyển sang giáo phận. Để làm việc này, phải gửi cho Bề Trên Cả ***các tài liệu sau đây***:
1. *Đơn xin của đương sự gửi Đức Thánh Cha*: trong đơn phải trình bày rõ các lý do và muốn xin chuyển sang giáo phận theo dạng nào (“*praevisio experimento*” hay “*pure et simpliciter*”): xem một bản chụp của mẫu đơn xin trong PHỤ LỤC A-9;
 2. *Văn thư gốc của Giám Mục*, trong đó nói rằng ngài sẵn sàng chấp nhận tu sĩ vào hàng giáo sĩ của giáo phận (“*ad experimentum*” hay “*pure et simpliciter*”), như nói trên.²¹

²¹ Cần lưu ý rằng Giáo Luật điều 693 chỉ nói đến Giám Mục là người sẵn sàng chấp nhận tu sĩ vào giáo phận của ngài. Tuy nhiên cũng cần nhớ điều 381 §2 của Giáo Luật, theo đó các Đại Diện Tổng Toà và Phủ Doãn Tổng Toà tại lãnh thổ của các ngài có thẩm quyền hắp lý tương đương với giám mục giáo phận. Rồi theo Giáo Luật điều 134 §3, các Tổng Đại

3. *Các chi tiết cá nhân và “curriculum vitae” của tu sĩ* cho tới thời điểm làm đơn xin;
4. *Bản tường trình chi tiết và ý kiến của Giám Tỉnh* (cùng với BCV của ngài) về sự thích hợp của việc ban phép chuyển sang giáo phận.

7.7.3 Bề Trên Cả cùng với BCV của ngài, sau khi xem xét đơn xin của hội viên và các tài liệu được cung cấp, sẽ gửi nó—thông qua cha Tổng Đại Diện Tu Hội—cho Bộ các Tu Hội thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ, là Bộ có thẩm quyền ra Phúc Chiếu cho phép Giám Mục tiến hành việc nhập tịch tu sĩ, theo hình thức mà giáo luật dự liệu.

Phúc Chiếu của Bộ các Tu Hội thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ gửi cho Giám Tỉnh phải được chuyển tới Giám Mục.

7.7.4 Sau khi nhận Phúc Chiếu từ Toà Thánh, Giám Mục phải sớm bao có thể ban bố:

- a. *“Sắc Lệnh thi hành”* khi là trường hợp nhập tịch thử nghiệm;
- b. *“Sắc Lệnh nhập tịch”* khi là trường hợp nhập tịch đơn thuần.

Khi chuyển Phúc Chiếu của Bộ Giáo Hoàng, Giám Tỉnh sẽ xin Giám Mục ban sắc lệnh cần thiết.

Sau khi nhận được từ Giám Mục một bản của Sắc Lệnh thi hành hay Sắc Lệnh nhập tịch, Giám Tỉnh sẽ lo *gửi ngay lập tức cho Văn Phòng Trung Ương*, đồng thời giữ lại một bản sao cho Văn Khố Tỉnh.

Cần nhớ rằng bao lâu Sắc Lệnh liên quan chưa được ban hành,

Diện và các Đại Diện Giám Mục có thể ra một văn thư xác nhận việc chấp nhận cho một tu sĩ được nhập tịch vào giáo phận, nhưng chỉ với “uy nhiệm thư đặc biệt” của Giám Mục (giáo phận).

thì việc chuyển sang giáo phận chưa được hoàn tất.²²

- 7.7.5 Tu sĩ được Giám Mục chấp nhận *thử nghiệm* thì được đặt dưới quyền và sự chăm sóc của Giám Mục. *Các lời khẩn và các nghĩa vụ phát sinh từ việc tuyên khấn phải được coi là tạm treo* trong những gì không tương hợp với hoàn cảnh sống mới của đương sự.

Trong thời gian thử luyện (hay thử nghiệm), đương sự được coi là ở trong tình trạng một *tu sĩ sống ngoài nội vi (exclaustrated)*: trong tình trạng này, họ không có quyền bầu cử và ứng cử trong Tu Hội và vì thế không tham dự các cuộc bầu cử cho các Tu Nghị, cũng không thể được chọn để lãnh các trách nhiệm trong Tu Hội.

Họ có thể về lại Tu Hội bất cứ khi nào họ muốn trong thời gian thử nghiệm. Sau 5 năm thử nghiệm, do luật, họ đương nhiên được nhập tịch vào giáo phận, trừ khi trước khi kết thúc thời kỳ này, Giám Mục đã gửi trả họ về lại Tu Hội (CIC 693).²³

- 7.7.6 *Khi một tu sĩ chính thức được nhập tịch vào giáo phận* (sau khi có Sắc Lệnh nhập tịch hoặc sau 5 năm thử), họ được miễn các lời khấn nghèo khó và vâng lời của tu sĩ và mọi nghĩa vụ khác

²² “Sắc Lệnh thi hành” (hay “Sắc Lệnh nhập tịch”, khi được yêu cầu) là một sắc lệnh qua đó Giám Mục tạo hiệu lực thi hành cho Phúc Chiếu của Toà Thánh và do đó trên thực tế ngài chấp nhận tu sĩ nhập tịch trong giáo phận của ngài, sau khi được phép của Toà Thánh. Sắc Lệnh này được chính Phúc Chiếu của Toà Thánh đòi hỏi: trong trường hợp chuyển sang giáo phận “thử nghiệm” (*ad experimentum*), nó cung cấp Đặc Ân sống ngoài nội vi cho toàn thể thời gian thử nghiệm; trái lại, trong trường hợp chuyển sang giáo phận “đơn thuần” (*pure et simpliciter*), sắc lệnh tuyên bố việc nhập tịch. Do đó đây là một Sắc Lệnh xác nhận văn thư chấp nhận mà Giám Mục đã ban trước đó.

²³ Thời kỳ thử tối đa được dự liệu bởi Giáo Luật là 5 năm, nhưng Giám Mục có thể tiến hành cho đương sự nhập tịch (hoặc gửi họ trả về Tu Hội) cả trước khi hết thời hạn 5 năm. Nếu trong thời kỳ thử, tu sĩ quyết định trở về lại Tu Hội, thì không cần làm một thủ tục nào cả: họ có thể trở về và Giám Tỉnh phải nhận họ.

của Luật dòng (x. CIC 692).

7.8 Miễn chuẩn chức phó tế

98 7.8.1 Thẩm quyền để cho phép miễn chuẩn chức phó tế là *Tông Toà*: Đặc Ân này trên thực tế miễn chuẩn cả bậc độc thân, mà CIC 291 chỉ dành riêng cho Đức Giáo Hoàng.

7.8.2 Để tiến hành việc xin miễn chuẩn này, Giám Tỉnh sau khi có những phân định cần thiết và đã chắc chắn rằng có những lý do nghiêm trọng để ban Đặc Ân này cho hội viên phó tế (một phó tế đang hướng tới chức linh mục hay một phó tế vĩnh viễn), sẽ gửi cho Bề Trên Cả **các tài liệu sau đây**:

1. *Đơn xin của đương sự gửi cho Đức Thánh Cha*, trong đó đương sự khiêm nhường xin được miễn chuẩn bậc độc thân và các nghĩa vụ của chức phó tế cũng như các lời khấn tu trì, trình bày tất cả các lý do cho việc xin miễn chuẩn này. Trong đơn xin với hết lòng khiêm nhường đệ lên Đức Thánh Cha, điều quan trọng là phải trình bày rõ ràng các lý do dẫn tới quyết định này, cùng với tiến trình phân định mà đương sự đã thực hiện.
2. Bản “*curriculum vitae*” của phó tế, cũng bao gồm các nhận xét và biểu quyết của các Bề Trên từ những lần tiếp nhận vào Tập Viện cho tới chức Phó Tế;²⁴ trong bản “*curriculum*” cũng phải ghi những việc phó tế đã làm từ khi lãnh chức phó tế cho tới hiện tại.
3. Một *tường trình chi tiết của Giám Tỉnh* (gửi cho Bề Trên Cả) trình bày rõ ràng các lý do cho đơn xin này và kết bằng ý

²⁴ Như đã nói ở trên khi bàn về việc miễn chuẩn lời khấn trọn (x. Chú thích 16), *nên ghi lại tất cả các nhận xét và biểu quyết của các lần tiếp nhận (từ lúc vào Tập Viện cho tới chức Phó Tế)*. Mục đích là để có một bức tranh đầy đủ và gọn gàng về toàn thể quá trình đào luyện của đương sự. Không cần đính kèm các bản sao của các tài liệu về việc tiếp nhận.

kiến của Giám Tỉnh về sự thích hợp và sự cần thiết của việc ban phép miễn chuẩn.

4. Nếu có thể, cũng nên thêm một số *phát biểu của các nhân chứng có uy tín* (các bề trên hay nhân viên đào luyện), trình bày ý kiến về sự khủng hoảng của phó tế, các lý do và sự thích hợp của việc ban phép miễn chuẩn.

Tất cả các tài liệu này phải được gửi cho Văn Phòng Trung Ương ***bằng hai bản*** (bản gốc và bản sao).

- 7.8.3 Sau khi nhận được các tài liệu, Bề Trên Cả cùng với BCV xem xét và sau đó, thường là thông qua Tổng Đại Diện, chuyển tài liệu—cùng với ý kiến riêng của ngài—lên Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích (Bộ này đã được trao thẩm quyền phân tích các đơn xin rồi trình lên Đức Thánh Cha).

- 7.8.4 Khi đã nhận được Phúc Chiếu ban phép miễn chuẩn, một bản được gửi cho Giám Tỉnh, ngài sẽ thông báo cho đương sự biết về Phúc Chiếu này. Giống như trong trường hợp miễn chuẩn lời khấn, Đặc Ân này có hiệu lực vào lúc hội viên nhận được thông báo và không từ chối.

Giám Tỉnh sẽ lo để *Phúc Chiếu này được thông tri cho Văn Phòng Trung Ương và cho giáo xứ gốc của phó tế*, để ghi vào Sổ Rửa Tội.

Phép miễn chuẩn bao hàm sự *chấm dứt các nghĩa vụ phát sinh từ bậc độ thân giáo sĩ, các bổn phận của chức phó tế và các lời khấn dòng*.

7.9 **Miễn chuẩn bậc độ thân linh mục**

- 99 7.9.1 *Chỉ một mình Đức Giáo Hoàng Roma có thẩm quyền ban phép miễn chuẩn bậc độ thân linh mục (và mọi nghĩa vụ khác của chức thánh) (x. CIC 291).*

7.9.2 *Các điều kiện*

Yêu cầu xin miễn chuẩn bậc độc thân linh mục phải dựa trên các điều kiện được thiết lập bởi Tông Toà. Vào năm 1980 Tông Tòa đã ban hành “*Normae substantiales*” (“Những Quy tắc cơ bản”) mà các Đấng Bản Quyền và các Thẩm Tra Viên trong các vụ án loại này phải tham chiếu (x. *Thư của Bộ Giáo Lý Đức Tin* đề ngày 14 tháng 10 năm 1980). Có thể tóm lược một cách cơ bản các điều kiện này vào các tình huống chung sau đây:

- a. Trường hợp một linh mục đã bỏ thừa tác vụ một thời gian dài bây giờ muốn hợp lệ hoá vị trí của mình;
- b. Trường hợp một linh mục đã được tiếp nhận vào chức linh mục trong những hoàn cảnh có thể thấy và chứng minh được là:
 - thiếu tự do cá nhân;
 - thiếu trách nhiệm đầy đủ;
 - không đủ trưởng thành;
 - thiếu phán đoán đúng từ phía các vị hướng dẫn đào luyện và các bề trên, liên quan đến tính thích hợp của ứng viên cho bậc sống độc thân linh mục.

Rõ ràng là nhiều tình huống cá nhân khác nhau có thể được qui về một trong những tình huống chung trên đây. Ví dụ, có thể nói tới sự thiếu tự do cá nhân khi việc chọn lựa chức linh mục của ứng viên được thực hiện trong một tình huống quá sợ cha mẹ, bà con họ hàng hay các bề trên; có thể nói đến sự thiếu trách nhiệm đầy đủ khi một ứng viên có thể đã quyết định trong một trạng thái khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng hay rối loạn nhân cách; cũng có thể nói tới tình trạng không đủ trưởng thành, nếu ứng viên đã được tiếp nhận vào chức linh mục mà không có một sự chuẩn bị thoả đáng về tri thức, tâm lý hay thiêng liêng; trong nhiều trường hợp, có thể nhận ra sự thiếu trưởng thành tình cảm-tính dục.

Trong mọi trường hợp, cần nhấn mạnh đặc biệt hai khía cạnh:

- a. Các luận cứ được đưa ra để mô tả tình huống phải thực sự có thể chứng minh và ủng hộ được bằng các tài liệu và nhân chứng;
- b. Nhất là cần nhìn vào các điều kiện và hoàn cảnh có trước khi thụ phong. Nếu không, sẽ rất khó có thể được ban phép miễn chuẩn. Để bảo đảm an toàn hơn, yếu tố hết sức quan trọng là các chứng từ của các bề trên, bạn học, họ hàng hay bạn bè, và cả các giấy chứng nhận y khoa và tâm lý.

101 7.9.3 Thủ tục để đệ trình vụ án này như sau:

7.9.3.1 Đương sự viết một thư *gửi Đức Thánh Cha*, thư có đề ngày tháng và ký tên, trong thư thỉnh xin ơn chuẩn. Đơn xin được viết với tâm tình khiêm nhường, và phải bao gồm một mô tả vắn tắt về các sự kiện và các lý do cơ bản để xin phép miễn chuẩn.

Đơn xin được trao cho Giám Tỉnh, ngài phải bắt đầu mở vụ án.

7.9.3.2 Sau khi nhận được đơn xin, Giám Tỉnh phải *thẩm định xem có đủ các điều kiện cơ bản để có thể trình lên Tông Tòa hay không* (x. số 7.9.2). Nếu thấy có những điều kiện ấy, Giám Tỉnh có thể tiến hành mở vụ án và thu thập các tài liệu cần thiết.

7.9.3.3 Giám Tỉnh có thể đích thân tiến hành hay nhờ một đại diện. Trong trường hợp thứ hai này, bằng một văn thư thích hợp (x. PHỤ LỤC A-13-1), Giám Tỉnh chỉ định một linh mục Salêdiêng làm Thẩm Tra Viên vụ án (*"Instructor causae"*): từ lúc được chỉ định, vị này lãnh trách nhiệm chính trong vụ án.

7.9.3.4 Sau đó Giám Tỉnh chỉ định bằng văn bản (x. PHỤ LỤC A-13-2) một hội viên, (thường là Thư Ký Tỉnh) để vị này thi hành vai trò "công chứng viên" và đưa ra công khai về tính xác thực của các tài liệu trong vụ án. Công chứng viên phải:

1. hiện diện tại cuộc thẩm vấn linh mục xin miễn chuẩn, và lập

- biên bản chính xác về cuộc đối thoại giữa Thẩm Tra viên và linh mục xin miễn chuẩn;
2. hiện diện tại cuộc thẩm vấn các nhân chứng đồng thời ghi lại biên bản các cuộc đối thoại và chứng thực bằng chữ ký của mình;
 3. chứng thực tất cả các văn bản tư liệu khác (ý kiến các chuyên gia, các văn bản làm chứng, tất cả các loại giấy chứng nhận, v.v...).

7.9.3.5 Sau khi thực hiện các phần mở đầu này, Giám Tỉnh hay Thẩm Tra viên do ngài chỉ định bắt đầu tiến hành:

- a. thẩm vấn linh mục đã xin miễn chuẩn, dựa trên một bảng hỏi đã được soạn cho mục đích này (x. một Mẫu tại PHỤ LỤC A-13-4); các câu hỏi phải liên quan tới các yếu tố lấy từ bản *curriculum* và trên hết là từ các lý do được nêu trong đơn xin;
- b. hỏi hay xin một lời thề bằng văn bản từ những người được người xin miễn chuẩn chỉ định, và của tất cả những người được coi là có điều kiện để đóng góp cho vụ án này (x. một lược đồ hay ví dụ về việc thẩm vấn các nhân chứng trong PHỤ LỤC A-13-5; trong trường hợp một nhân chứng được yêu cầu trình bày bằng văn bản, có thể chỉ ra các câu hỏi chính yếu cần được trả lời, nhưng sau đó phải có một bản tường trình tổng thể, không nhằm trả lời cho những câu hỏi riêng rẽ);
- c. tìm kiếm tất cả các tài liệu khác có thể hữu ích để chứng minh những gì linh mục xin miễn chuẩn đã trình bày (rất hữu ích nếu có các giấy xác nhận y khoa hay tâm lý có thể có trong một số trường hợp).

7.9.3.6 Khi đã có đủ tất cả các tài liệu, Thẩm Tra viên vụ án làm bản tường trình cuối cùng, trong đó diễn tả phán đoán của chính Thẩm Tra viên về các lý do được nêu ra và tính thích hợp của

việc ban phép miễn chuẩn. Rồi đến bản tường trình chung cuộc của Giám Tỉnh, cũng diễn tả phán đoán của ngài về việc ban phép miễn chuẩn, cũng như phiếu của ngài về “*de rei veritate*” (“về sự thật của sự việc”).

Rồi *Giám Tỉnh* gửi tất cả các tài liệu cho *Bề Trên Cả*.

Bề Trên Cả và các Cố Vấn của ngài khảo sát tài liệu, với sự hỗ trợ của Văn phòng pháp lý. Các tài liệu được chuyển tới Bộ Phụng Tự và Kỷ luật bí tích – thường qua vị Tổng Đại Diện – có kèm theo phiếu của Bề Trên Cả.

7.9.4 Các tài liệu phải có

- 102** Liên quan đến các tài liệu, *Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích* - hiện là Bộ có thẩm quyền xem xét các vụ án miễn chuẩn bậc độ thân linh mục - đã cung cấp một bản liệt kê đầy đủ các tài liệu mà các Đăng Bản Quyền (các Giám Mục và các Bề Trên Dòng) phải trình cho các trường hợp này.

Bản liệt kê được in dưới đây cũng xác định hình thức mà các tài liệu cần phải theo. Một số chú thích cắt nghĩa được chúng tôi thêm vào (bằng cỡ chữ nhỏ hơn).

CÁC TÀI LIỆU CẦN THIẾT CHO VIỆC THẨM CỨU MỘT VỤ ÁN MIỄN CHUẨN CÁC NGHĨA VỤ CỦA CHỨC LINH MỤC

1. *Thư của linh mục gửi Đức Thánh Cha*, viết trong tinh thần khiêm nhường và sám hối, tóm tắt những lý do chính đã khiến đương sự từ bỏ chức linh mục và tất cả những điều khác mà đương sự cho là khiến cho mình không thể quay lại để vượt qua khủng hoảng và thi hành lại tác vụ.
Đơn xin phải được *người xin tự tay ký*. Phải nói rõ là xin miễn chuẩn khỏi các nghĩa vụ linh mục và xin hồi tục.

2. Một *“curriculum vitae”* của người xin [NB: viết bởi người xin].²⁵
 Trong curriculum vitae này, ngoài những giai đoạn và ngày tháng quan trọng của cuộc đời mình, việc đào luyện của mình và tác vụ của mình, phải trình bày lại, giải thích và đưa lý do, một cách rõ ràng và sâu xa về sự khủng hoảng và rời bỏ của mình, và nếu có, cả những lý do khiến cho mình nghĩ rằng không thể quay lại nữa (*“Curriculum có vai trò như ‘libellus’ - đơn dẫn nhập cho vụ án, đi liền với lá đơn xin miễn chuẩn*]).
3. Một văn kiện trong đó tóm tắt về mọi cố gắng của Đấng Bản Quyền giáo phận hay Bề Trên Dòng đã thực hiện trong việc khuyên đương sự không nên xin hồi tục, cùng với mọi biện pháp giúp đỡ đương sự vượt qua khủng hoảng, trở lại đời sống ngay chính và lại tiếp tục thừa tác vụ. [NB: Tất cả nội dung này có thể được bao gồm trong bản tường trình cuối cùng của Giám Tỉnh.]
4. Một tài liệu chứng minh rằng đương đơn, do đã quyết định dứt khoát rời bỏ, nên việc thực thi thừa tác vụ thánh đã được treo từ lúc lá đơn xin miễn chuẩn được trình bày và tiếp nhận bởi Đấng Bản Quyền riêng để tránh mọi gương xấu có thể có và bảo vệ danh dự của đương sự. [NB: Văn bản chính thức này không cần nếu linh mục đã từ bỏ thừa tác vụ trên thực tế.]
5. Một sắc lệnh bổ nhiệm Thẩm Tra Viên vụ án và Công Chứng Viên giáo hội, bao gồm tuyên bố rõ ràng về bốn phạm phải tiến hành vụ án theo “Các Qui Tắc cơ bản” được công bố bởi Bộ Giáo Lý Đức Tin 14-10-1980 (AAS LXII (1980), tr. 1132-1137). [NB: Xem các mẫu sắc lệnh bổ nhiệm này trong PHỤ LỤC A-13-1 và PHỤ LỤC A-13-2.]

²⁵ *“Curriculum vitae”* ở đây là một tài liệu do đương đơn viết, đính kèm với đơn xin của đương sự gửi cho Đức Thánh Cha. Sổ này rất hữu ích. Nó có thể được đính kèm vào đơn xin.

6. *Bản Thẩm vấn đương sự, với lời thề nói sự thật*, do Thẩm Tra Viên thực hiện trước sự hiện diện của Công Chứng Viên, với những câu hỏi liên quan đã soạn sẵn, nhất là về thời gian đào luyện trước khi thụ phong, với một sự thẩm tra sâu về tất cả những gì liên quan đến các lý do được đương sự nêu lên trong ‘Curriculum’ về cơn khủng hoảng, việc bỏ chức linh mục, và tình trạng không thể đảo ngược của chọn lựa của đương sự. [NB: Các câu hỏi “liên quan” trong cuộc thẩm vấn phải nhắm đi sâu hơn vào các lý do được đương sự đưa ra trong đơn xin và trong ‘curriculum’, điều tra các nguyên nhân gần của khủng hoảng, nhưng cả những nguyên nhân xa, thường là đi ngược về thời gian đào luyện trước khi chịu chức.]
7. *Việc thẩm vấn hay trình bày của các nhân chứng*; cả những người do đương sự đề nghị, lẫn những người do Thẩm Tra Viên chọn: nghĩa là, cha mẹ và các bà con họ hàng của đương sự, các Bề Trên và bạn học từ thời đào luyện, các Bề Trên và hội viên hiện tại. [NB: Như có thể thấy, hình thức của việc làm chứng có thể thuộc hai loại: *bằng việc thẩm vấn (các câu hỏi và trả lời)* hay *cung cấp chứng cứ bằng văn bản (nghĩa là được nhân chứng viết ra và ký tên)*. Luôn luôn nhớ bao gồm lời thề nói sự thật – Tối thiểu phải có ba chứng từ]
8. *Tất cả các chứng từ giám định y khoa, phân tích tâm lý hay tâm thần học có thể có*-trong thời gian đào luyện hay cả sau đó.
9. *Một bản về các cuộc duyệt xét - scrutini trước khi chịu các chức thánh và các tài liệu khác liên quan đến đương sự và có thể tìm được trong Văn khố của các nhà đào luyện*. [N.B. Phần này tạo thành **curriculum mở rộng**, được soạn bởi Thư Ký Tỉnh (hay Công Chứng Viên), trong đó—ngoài các dữ kiện về các giai đoạn đào luyện và các chức vụ đã nắm giữ—cũng bao gồm các nhận xét và phiếu biểu quyết vào các lần tiếp nhận khác nhau tại tất cả các giai đoạn đào luyện.]
10. *Phiếu biểu quyết cá nhân của Thẩm Tra Viên về tính thích hợp của vụ án xét trên tổng thể*, và sự có nên hay không nên

cũng như sự lợi ích của việc ban phép miễn chuẩn. Các điểm cần xem xét: không chỉ các lý do được nêu trong bản thẩm cứu, cũng như lợi ích của đương sự, nhưng cả lợi ích chung của Giáo Hội, của giáo phận hay của Tu Hội nói chung, và của các linh hồn trước đây đã được giao phó cho thừa tác vụ của đương sự.

11. *Phiếu biểu quyết cá nhân của Giám Mục hay Bề Trên Dòng* là những người đã thu xếp việc thẩm án— cả về sự tầm mức của vụ án đến từ việc đọc phần án từ (*Acta*) do Thẩm Tra Viên chuẩn bị, cả về *khả thể* và *sự thích hợp* hay *không để ban phép miễn chuẩn*. Phải bao gồm một phát biểu rõ ràng về việc bảo đảm rằng sẽ *không có gương xấu* nếu phép miễn chuẩn được ban. [NB: Cần nhớ rằng bản tường trình của Giám Tỉnh—với phiếu biểu quyết của riêng ngài—cũng phải chứa một nhận định “*de rei veritate*” (“về sự thật của sự việc”) về tính khả tín của các nhân chứng và các tài liệu.]
12. *Phiếu biểu quyết cá nhân của Bản quyền sở tại của nơi* đương sự đang sống từ khi rời bỏ tác vụ, về việc sẽ *không có gương xấu* nếu phép miễn chuẩn được ban. [N.B. Đây là tài liệu gọi là “*de non timendo scandalo*” được tuyên bố bởi Giám Mục của nơi mà đương sự đang sống.]
13. *Một bản chính thức* nếu có về: *việc đã mưu toan kết hôn dân sự hay các tuyên bố tiêu hôn, hay ly hôn dân sự đối với đương sự và người phụ nữ*. [N.B. Rõ ràng đây là trường hợp linh mục đã mưu toan kết hôn dân sự. Đối với các tu sĩ chúng ta, cũng còn phải bao gồm *tuyên bố thái hồi* của Giám Tỉnh và BCV ngài, như sẽ nói ở số 105.]

Về tất cả các tài liệu này, **bốn bản (bản gốc + 3 bản sao)** — dưới hình thức những tờ giấy rời, không đóng — phải được gửi về Văn Phòng Trung Ương (cách trực tiếp hoặc là cho Phó Bề Trên Cả hoặc cho Tổng Đại Diện).²⁶

²⁶ Toà Thánh khuyên rằng nếu đây là những tài liệu viết tay (đặc biệt nếu chữ viết khó đọc)

103 7.9.5 Khi phép miễn chuẩn được ban, Phúc Chiếu của Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích được gửi - *bằng ba bản*²⁷ - cho Giám Tỉnh.

Giám Tỉnh thông báo cho đương sự về Phúc Chiếu,²⁸ chỉ ra những chỉ thị và điều kiện được viết bao gồm trong đó.

Giám Tỉnh thông tri bằng văn bản cho *Văn Phòng Trung Ương* rằng đương sự đã được thông báo (x. PHỤ LỤC A-13-8).

Ngài cũng thông tri cho *Đấng Bản Quyền địa phương và giáo xứ gốc của đương sự* về phép chuẩn đã xảy ra để ghi vào Sổ Rửa Tội của giáo xứ.

7.10 Thải hồi khỏi Tu Hội

104 Thải hồi là qui trình qua đó một hội viên bị tách ra khỏi Tu Hội hoặc do sự cưỡng chế của luật hay do một sắc lệnh của Bề Trên Tổng Quyền.

Theo qui tắc của giáo luật, phân biệt ba trường hợp thải hồi:

1. thải hồi “ipso facto” – cách tự động (CIC 694);
2. thải hồi bắt buộc (CIC 695);
3. thải hồi theo phán xử của Bề Trên (CIC 696).

Hiến Luật Salêdiêng nói về việc thải hồi khỏi Tu Hội tại điều 194. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, vì việc thải hồi khỏi Tu Hội thường gây nên “chấn thương” mạnh, nên bao có thể nên thuyết phục hội viên để họ tự nguyện xin rời bỏ Tu Hội, khi có lý do để

thì phải được chép lại, đánh máy và ký tên bởi công chứng viên.

²⁷ Cần lưu ý rằng phải có các bản sao của Phúc Chiếu bởi vì bản gốc được giữ lại tại Bộ Giáo Hoàng. Trong số ba bản sao (tất cả phải có chữ ký): một được gửi cho đương đơn, một giữ tại Văn Khố tỉnh, và một gửi về cho Trung Ương của Tu Hội.

²⁸ Việc thông báo về Phúc Chiếu có thể được thực hiện bởi đích thân Giám Tỉnh hay một người đại diện của ngài (với giấy ủy nhiệm) hay bằng thư bưu điện bảo đảm (được chứng thực).

làm như thế.

Nói chung, cần lưu ý rằng thủ tục để thải hồi đối với hội viên khẩn tạm và khẩn trọn đều giống nhau.**105**

105 7.10.1 Thải hồi «ipso facto»

7.10.1.1 Giáo Luật điều 694 qui định rằng một tu sĩ bị sa thải khỏi Tu Hội “do chính sự việc” khi đương sự đã phạm các tội phạm sau đây:

1. *minh nhiên chối bỏ đức tin Công Giáo* (bội giáo hay ủng hộ các giáo lý nghịch với đức tin);
2. *đã kết hôn hoặc mưu toan kết hôn dù chỉ là hôn nhân dân sự.*
3. *đã vắng mặt khỏi nhà dòng cách bất hợp luật, như được nói tới ở GL 665 §2, trong mười hai tháng liên tiếp, lưu ý đến việc không thể tìm được dấu vết của người ấy. (số 3 này do ĐTC Phanxicô thêm vào ngày 19/3/2021 với tự sắc “Communis vita”)*

7.10.1.2 Trong những trường hợp này, việc thải hồi được ấn định bởi chính luật, nhưng luật này cũng qui định rằng việc thải hồi phải được “**tuyên bố**” bởi Bề Trên cấp cao, để việc thải hồi thành rõ ràng theo pháp lý. Mặc dù là một sự thải hồi đương nhiên (*ipso facto*), nó có hiệu lực pháp lý kể từ lúc nó được tuyên bố bởi Bề Trên thẩm quyền.

Do đó Giám Tỉnh phải thu thập các chứng cứ, và *không chậm trễ*, cùng với BCV ngài, ra một tuyên bố thải hồi (một mẫu tuyên bố có thể thấy ở PHỤ LỤC A-10).

Các **chứng cứ** (đi kèm và chứng minh cho lời tuyên bố) có thể là: một giấy chứng nhận kết hôn (trường hợp kết hôn), những chứng từ kèm theo lời thề (nghĩa là lời chứng của người làm chứng—bằng lời thề và bằng văn bản—về sự thật của một tội phạm), các bài viết có thể có của đương sự, các ấn phẩm hay bài viết trên báo (ví dụ, trong trường hợp công khai ủng hộ những

giáo lý nghịch với đức tin), v.v...

7.10.1.3 Tuyên bố của Giám Tỉnh và BCV ngài, cùng với chứng cứ, phải được gửi ngay cho Văn Phòng Trung Ương.

Sau đó Giám Tỉnh phải thông báo cho đương sự về tuyên bố này.

7.10.2 Thải hồi bắt buộc

106a

7.10.2.1 Bề Trên Cấp Cao (Giám Tỉnh) bị buộc do luật phải thải hồi một hội viên khẩn tạm hay khẩn trọn của Tu Hội, trong những trường hợp sau:

- a. nếu đương sự sống trong tình trạng tư hôn [concupinato] (CIC 1395 §1);
- b. nếu đương sự sống trong tình trạng tội nghiêm trọng chống lại điều răn thứ sáu, gây gương xấu (CIC 1395 §1);
- c. nếu đương sự phạm tội giết người, hoặc dùng vũ lực hay mưu kế để bắt cóc, giam giữ, huỷ hoại thân thể hay gây thương tích trầm trọng cho một người (CIC 1397);
- d. nếu đương sự thi hành việc phá thai (CIC 1398). [ngày 23/05/2021 theo Tông hiến *Pascite Gregem Dei*, ĐTC Phanxicô đã thay đổi CIC 1398, thêm các vi phạm tình dục đối với trẻ dưới 18 tuổi trọn]

7.10.2.2 Trong những trường hợp này, việc thải hồi được gọi là “bắt buộc” vì Giám Tỉnh *buộc phải* tiến hành việc thải hồi, nhưng để làm việc này, phải có một qui trình được luật xác định rõ ràng. Đây không phải là một trường hợp thải hồi “ipso facto”.

Thủ tục như được chỉ ra tại CIC điều 695 §2 là:

- a. Giám Tỉnh thu thập chứng cứ về sự kiện và về việc qui trách nhiệm tội phạm, và *thông báo cho đương sự về lời tố cáo và chứng cứ*. Ngài sẽ đích thân làm việc này trước hai nhân

chứng, hay bằng cách gửi một thư bảo đảm (có chứng thực, và một biên nhận gửi trả về): ngài sẽ thông báo cho đương sự biết các sự kiện hay các hành vi tội phạm khiến đương sự bị thả hồi, và cho họ quyền tự biện hộ.

- b. Không cần có thêm lời cảnh cáo khác (những gì nói ở điểm a đã đủ), vì việc thả hồi được áp đặt bởi luật, nhưng giả thiết rằng Bề Trên đã sử dụng mọi phương tiện có thể để làm cho hội viên thay đổi cách sống.
- c. *Tất cả các tài liệu*, được ký bởi Giám Tỉnh và Thư Ký Tỉnh trong vai trò công chứng viên, *được gửi cho Bề Trên Tổng Quyền* để ngài ra quyết định thả hồi (theo cách thức sẽ nói dưới đây).

Trong số các tài liệu gửi cho Bề Trên Tổng Quyền, cũng phải có bản trả lời của đương sự đối với các lời cáo buộc chống lại mình, được chính đương sự viết và ký tên, kèm thêm một bản sao có chứng thực lá thư (hay các lá thư) trong đó Giám Tỉnh đã chính thức trình bày cho đương sự các lời cáo buộc. Giám Tỉnh gửi kèm các tài liệu này một *bản tường trình của mình cho Bề trên cả*, trình bày tiến trình đã thực hiện, và với một bản trích biên bản của BCV tỉnh mà trong đó – sau các giai đoạn của tiến trình – BCV tỉnh đã bỏ phiếu thuận của mình cho việc thả hồi. Ngoài ra, còn kèm thêm bản “curriculum vitae” của hội viên.

- d. Cần lưu ý rằng hội viên luôn luôn có quyền liên hệ với Bề Trên Tổng Quyền và có quyền trình bày trực tiếp các lý chứng để tự biện hộ (CIC 698). Giám Tỉnh phải cho đương sự biết về khả năng này.

106b

- 7.10.2.3 Cần nói thêm rằng Bộ Giáo Luật dành cho Bề Trên quyền thẩm định có thích hợp hay không việc thả hồi hội viên trong các trường hợp được nói tới tại điều 1395 §2, nghĩa là trường hợp

các hành vi tội phạm không “quen thuộc”²⁹ chống lại giới răn thứ sáu của Thập Giới, đặc biệt nếu tội phạm có tính chất bạo lực, đe dọa hay công khai, hay tội phạm với một trẻ vị thành niên dưới 16 tuổi. Trong các trường hợp này, Bề Trên có thể tiến hành việc thả hồi, hay nếu ngài thấy thích hợp, dự liệu cách khác cho tu sĩ sửa mình, đồng thời cũng để phục hồi công bằng và đền bù về việc gây gương xấu (x. CIC 695 §1).

Trong mọi trường hợp, phải đặc biệt chú ý tới các *tội phạm về tính dục với trẻ vị thành niên*, mà gần đây đã bị Đức Thánh Cha liệt vào số những “tội phạm rất nghiêm trọng” (“*delicta graviora*”), bằng cách giao cho *Bộ Giáo Lý Đức Tin* xem xét và có thể ra những biện pháp chế tài. Thủ tục phải theo trong các trường hợp này đã được nói đến ở trên (số 7.10.2.2), nhưng do bản chất tể nhị và mức độ nghiêm trọng của vấn đề, *Bộ Vatican* đòi hỏi phải có *những tài liệu rất chi tiết* (xác định rõ ràng tuổi của nạn nhân và các hành vi phạm tội cũng như các hành động có thể có theo luật dân sự).

7.10.3 Thái hồi dựa trên phán đoán của Bề Trên

107 Chúng ta gọi loại thả hồi này là “*dựa trên phán đoán của Bề Trên*” bởi vì nó đòi hỏi phán đoán của Bề Trên, theo đó ngài phải phân định xem có hay không có các lý do nghiêm trọng được giáo luật nói tới để thả hồi một tu sĩ, ngoài các trường hợp được nói tới ở trên.

7.10.3.1 Các lý do để thả hồi

Giáo luật điều 696 dành cho sự phán đoán của Bề Trên để thả hồi một hội viên vì các lý do khác, không phải những lý do thuộc

²⁹ Về các hành vi “quen thuộc” chống lại giới răn thứ sáu của Thập Giới, kèm theo gương xấu nghiêm trọng bên ngoài, phải áp dụng những gì được nói ở số 7.10.2.1, b liên quan đến qui định của CIC 1395 §1 về việc thả hồi “bắt buộc”.

dạng thái hồi “ipso facto” hay bắt buộc. Vì mức độ nghiêm trọng của qui trình thái hồi, Bộ Giáo Luật đòi hỏi rằng các nguyên nhân này phải *ng nghiêm trọng, bên ngoài, có thể qui trách nhiệm và được chứng minh về pháp lý*. Ví dụ, chính luật đã đề ra những nguyên nhân chính sau đây:

- a. thường xuyên sao nhãng các bốn phận của đời sống thánh hiến;
- b. vi phạm tái diễn các ràng buộc thánh;
- c. cố chấp bất tuân phục các xếp đặt hợp pháp của Bề Trên trong các vấn đề nghiêm trọng;
- d. hành vi xấu của hội viên gây gương xấu nghiêm trọng;
- e. cố chấp ủng hộ hay phổ biến các học thuyết bị *Huấn Quyền* của Hội Thánh kết án;
- f. công khai gắn bó với các ý thức hệ duy vật và vô thần;
- g. vắng mặt khỏi nhà dòng không có phép nếu quá sáu tháng, với mục đích cố tình tránh lệ thuộc quyền bính của Bề Trên (x. CIC 665 §2).

7.10.3.2 Trong số các trường hợp thái hồi “dựa trên phán đoán của Bề Trên”, cũng có thể nghĩ đến những gì đã được nói ở số 7.10.2.3, nhưng cần lưu ý rằng trong vấn đề được xác định ở đó, thủ tục tiến hành chính là những gì đã nói trên đây trong các trường hợp thái hồi “bắt buộc” (x. CIC 695 §2).

7.10.3.3 Một hội viên *khẩn tạm* cũng có thể bị thái hồi vì những lý do ít nghiêm trọng hơn những lý do đã nói trên (CIC 696 §2), ví dụ, rõ ràng thiếu tinh thần tu sĩ, không có hi vọng cải thiện.

108

7.10.3.4 ***Thủ tục phải theo*** được thiết lập bởi các điều 697-700 của giáo luật và bao gồm các giai đoạn sau:

- a. Trước hết Giám Tỉnh phải ***tham khảo BCV*** về việc có nên

tiến hành qui trình thải hồi hay không; sau cuộc họp tham khảo, phải soạn một bản “TRÍCH LỤC BIÊN BẢN”;

- b. Sau khi nghe ý kiến BCV, nếu Giám Tỉnh xét thấy phải tiến hành việc thải hồi, ngài cần thu thập đầy đủ mọi chứng cứ rằng tội phạm có thể bị qui trách nhiệm; trong trường hợp ngài muốn một hội viên đang vắng mặt không có phép phải trở về, ngài phải ra một **lệnh bắt buộc vì lời khấn vâng lời** (x. HL 68) bằng văn bản và gửi bằng thư bảo đảm (có chứng thực, với một biên nhận gửi trả về), hay bằng miệng trước hai nhân chứng; trong lệnh, Giám Tỉnh thông báo rõ ràng cho hội viên một hạn chót hợp lý họ phải trở về với cộng thể (với lời cảnh cáo minh nhiên rằng việc thải hồi sẽ được tiến hành nếu họ không tuân lệnh). Cũng vậy, đối với những lý do khác, Giám Tỉnh phải thông báo—bằng văn bản—một cách chính thức và rõ ràng cho hội viên rằng nếu họ không chấm dứt hành vi phạm tội, thì trong một hạn định rõ ràng, sẽ tiến hành việc thải hồi;
- c. Sau khi đã hết thời hạn chót (*ít là 15 ngày sau khi hết hạn*), nếu hội viên đã không vâng lệnh hay không từ bỏ hành vi tội lỗi của mình, Giám Tỉnh sẽ cho họ một **cảnh cáo lần thứ nhất** bằng văn bản hay trước hai nhân chứng, ra một hạn chót mới với lời cảnh cáo minh nhiên rằng họ sẽ bị thải hồi nếu không sửa mình, đồng thời thông báo rõ ràng cho họ lý do thải hồi và cho họ mọi cơ hội để tự biện hộ (xem một mẫu trong PHỤ LỤC A-11);
- d. Nếu lần cảnh cáo thứ nhất không kết quả, thì *sau một quãng ít là mười lăm ngày* sau hạn chót mà họ phải tuân theo, *Giám Tỉnh sẽ cho một **cảnh cáo lần thứ hai***, với cùng cách thức như lần thứ nhất;
- e. Nếu cảnh cáo lần thứ hai cũng không kết quả, thì *sau một quãng ít là mười lăm ngày* tính từ khi đương sự nhận được cảnh cáo), **Giám Tỉnh triệu tập BCV** và cùng với BCV, sau

khi đã thấy có đủ bằng chứng và tình trạng không thể sửa sai cũng như sự biện hộ của hội viên là không đủ, bỏ phiếu kín để quyết định có phải tiến hành gửi lên Bề trên cả lời yêu cầu thái hồi hội viên: cần lưu ý rằng trong trường hợp này Giám Tỉnh bỏ phiếu cùng với BCV; về cuộc họp này, cũng phải soạn thảo một bản “TRÍCH LỤC BIÊN BẢN” để thêm vào bộ hồ sơ;

- f. Nếu BCV nhất trí việc thái hồi, ***Giám Tỉnh sẽ gửi cho Bề Trên Cả bản tường trình chung cuộc của mình cùng với tất cả các tài liệu***,³⁰ được ngài và Thư Ký Tỉnh trong vai trò công chứng ký tên, cùng với tất cả những trả lời của hội viên và có chữ ký của hội viên.
- g. Đương nhiên hội viên luôn luôn có thể liên lạc cá nhân với Bề Trên Cả và đưa ra những lý chứng để trực tiếp tự biện hộ;
- h. Bề Trên Cả, trong thể thức làm việc hiệp đoàn với BCV (phải gồm ít là bốn thành viên để có hiệu lực³¹), tiến hành đánh giá một cách cẩn thận các bằng chứng, các lý chứng và các lời biện hộ, và nếu việc biểu quyết bằng phiếu kín có kết quả thuận, thì có thể ban hành ***sắc lệnh thái hồi***.
- i. Sắc lệnh thái hồi được ***chuyển về Tông Toà*** (Bộ các Tu Hội thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ, hay Bộ Giáo Lý Đức Tin trong trường hợp thuộc thẩm quyền Bộ này), cùng với tất

³⁰ Các tài liệu phải gửi cho Bề Trên Cả gồm: 1) Bản trích lục Biên Bản cuộc họp BCV tỉnh để bắt đầu tiến hành; 2) bản sao lệnh chính thức với những tài liệu liên quan (tài liệu về việc chứng thực lá thư hay việc trao thư tận tay); 3) bản sao lần cảnh cáo thứ nhất theo giáo luật, với tài liệu đính kèm; 4) bản sao lần cảnh cáo thứ hai theo giáo luật, với tài liệu đính kèm; 5) Bản trích lục Biên Bản cuộc họp BCV để biểu quyết đồng ý tiến hành việc thái hồi; 6) bản tường trình cuối cùng của Giám Tỉnh. Cũng phải thêm: 7) một “*curriculum vitae*” mở rộng về hội viên; 8) tất cả những phản hồi có thể có từ hội viên và các tài liệu hữu dụng khác.

³¹ Xem CIC 699 §1.

cả các tài liệu để Bộ này có thể tiến hành thông qua; để có hiệu lực, sắc lệnh thải hồi phải nói rõ hội viên bị thải hồi có quyền kháng cáo lên giới chức có thẩm quyền (cấp thứ nhất là Bộ các Tu Hội thánh hiến và các Tu Đoàn tông đồ, rồi đến cấp thứ hai là Tòa Tối Cao Tông Toà) trong vòng mười ngày sau khi nhận được thông báo: khi có kháng cáo, sắc lệnh được tạm treo.

109

7.10.3.5 *Thông báo về sắc lệnh thải hồi*

- a. Sau khi sắc lệnh thải hồi được Tông Toà phê chuẩn,³² đương sự sẽ được thông báo hoặc bằng một thư bảo đảm (có biên nhận trả về) hoặc thông báo trực tiếp trước sự hiện diện của hai nhân chứng.
- b. Sắc lệnh thải hồi không thể bị từ chối, nhưng sau khi nhận thông báo, đương sự có thể kháng cáo lên Tông Toà trong vòng mười ngày từ lúc nhận được thông báo như nói trên. Trong thời gian kháng cáo, hiệu lực pháp lý của sự thải hồi được tạm treo.
- c. Việc thải hồi hội viên cũng phải được thông tri cho Đấng Bản Quyền của nơi đương sự đang sống (đặc biệt nếu đương sự là linh mục hay phó tế).
- d. Phải mau chóng thông báo cho Văn Phòng Trung Ương về việc sắc lệnh đã được thông báo cho đương sự.

110

7.10.3.6 *Hiệu quả của việc thải hồi*

- a. Hội viên bị thải hồi không còn là một Salêdiêng nữa. Các lời

³² Cần nhấn mạnh rằng sắc lệnh thải hồi chỉ có hiệu lực sau khi được phê chuẩn hay xác nhận bởi Tông Toà (CIC 700).

khẩn và mọi nghĩa vụ khác từ việc tuyên khẩn Salêdiêng của hội viên chấm dứt.

- b. Nếu hội viên là linh mục hay phó tế, do việc bị thải hồi, họ bị huyền chức và không được thi hành các chức thánh cho tới khi họ tìm được một Giám Mục chấp nhận họ vào nhập tịch vào giáo phận của ngài hay ít là cho phép họ thi hành thừa tác vụ.

111

7.10.3.7 *Các lưu ý về thủ tục*

Như đã nói trên, vì thải hồi là một biện pháp vô cùng nặng, nên cần phải được Toà Thánh phê chuẩn (CIC 700), và vì trong các trường hợp đặc biệt, nó cũng có thể bị tranh biện trước “phiên toà thứ hai” của Tòa Tối Cao Tông Toà, nên điều quan trọng là ***phải lưu ý hết sức cẩn thận về tính hợp lệ và chính xác của các tài liệu***, không cho phép có những ngoại lệ về hình thức, càng không có luật trừ về nội dung.

Cần nhớ một số qui cách pháp lý đáng chú ý liên quan đến các tài liệu:

- a. Tất cả các tài liệu phải có thứ tự hoàn hảo: nơi, ngày tháng, chữ ký, con dấu, đồng ký tên bởi công chứng viên (Thư Ký Tỉnh);
- b. Nếu thư truyền lệnh vâng phục chính thức, cũng như hai cảnh báo theo giáo luật được gửi tay, cần soạn một văn bản theo mẫu sau đây để xác nhận thư đã được trao:

Người ký tên dưới đây,, sau khi đã nhận nhiệm vụ trao lá thư vâng phục (với lần cảnh cáo thứ nhất; với lần cảnh cáo thứ hai:) từ Cha....., Giám Tỉnh của Tỉnh Salêdiêngcó trụ sở tại, tuyên bố là đã hoàn thành nhiệm vụ tại (*nơi*)ngày hôm nay (*ngày tháng*), trước sự hiện

diện của hai nhân chứng

Kính báo.

.....(nơi và ngày tháng)..... Chữ ký của người chịu trách nhiệm đưa thư và của hai nhân chứng.

- c. Nếu việc thông báo được thực hiện trực tiếp bằng miệng, Giám Tỉnh sẽ làm việc này trước hai nhân chứng và cho soạn một văn thư chính thức tường thuật về sự kiện, được mọi người liên quan ký tên. Nếu đương sự không muốn ký tên, phải thêm một câu tuyên bố về việc này ở cuối văn bản và được ký bởi Giám Tỉnh và hai nhân chứng.
- d. Khi thông báo bằng thư, thư này phải được gửi bảo đảm với một biên nhận trả về (thư “bảo đảm”). Sau đó các biên nhận của các lá thư này được thêm vào với các tài liệu.
- e. ***Nên chú ý đặc biệt tới khoảng cách thời gian*** được dự liệu bởi luật giữa một lần can thiệp và lần tiếp theo (giữa hạn chót của lệnh vâng phục và giữa các cảnh báo theo giáo luật lần thứ nhất và lần thứ hai, giữa hạn chót của cảnh báo lần thứ hai và cuộc họp chung cuộc của BCV tỉnh). Bộ Giáo Luật luôn luôn đòi hỏi một khoảng cách thời gian *ít là mười lăm ngày*.
- f. Tất cả các tài liệu phải được làm thành hai bộ: bộ thứ nhất với các bản gốc phải gửi cho Bề Trên Cả, bộ thứ hai giữ tại Văn Khố tỉnh. Nếu một thư bảo đảm đã bị từ chối, phong thư dán kín đó phải được đính kèm với bản được chứng thực của lá thư có trong phong thư ấy.

(Nên gửi cho Văn Phòng Trung Ương một bộ thứ hai của các tài liệu, ngoài bộ tài liệu gốc gửi cho Bề Trên Cả).

7.10.4 **Hội viên đi mất tung tích**

- 112** Khi mất liên lạc với một hội viên vắng mặt khỏi cộng thể (vì bất cứ lý do gì), Giám Tỉnh với sự trợ giúp của Giám Đốc địa phương sẽ làm mọi cách có thể để tìm ra tung tích của hội viên ấy và

khôi phục việc đối thoại huynh đệ và thẳng thắn với họ, hầu giúp họ vượt qua khó khăn và quay trở về với cộng thể.

Tuy nhiên, nếu sau một thời gian hợp lý mà việc tìm kiếm không thành, hội viên vẫn “*không thể tìm thấy*”, Giám Tỉnh cùng với BCV phải quyết định có nên bắt đầu tiến trình thải hồi hay không.

Thủ tục để tiến hành cũng giống như trong các trường hợp thải hồi theo phán đoán của Bề Trên (xem số **108**), nhưng trong trường hợp này, lệnh vâng phục chính thức và các cảnh cáo theo giáo luật được thực hiện “*per edictum*” (bằng “thông cáo”), nghĩa là dán các văn bản như thế lên bảng thông báo của tỉnh và bảng thông báo của cộng thể mà hội viên ấy thuộc về theo pháp lý (xem một mẫu trong PHỤ LỤC A-12). Các thông cáo phải được đặt ở Bảng thông báo suốt thời gian dự liệu theo các đạo hạn liên hệ

7.10.5 **Trục xuất khỏi cộng thể trong trường hợp cấp bách**

113 Các qui tắc liên quan đến các **trường hợp cấp bách** được nêu tại *điều 703 của Bộ Giáo Luật*: “Trong các trường hợp sinh gương xấu nặng bên ngoài hoặc sắp xảy ra một thiệt hại nặng cho Tu Hội, thì Bề Trên Cấp Cao, hoặc nếu chò đợi sẽ có nguy hại, thì Bề Trên địa phương, với sự chấp thuận của BCV, có thể trục xuất một thành viên ra khỏi nhà dòng ngay tức khắc. Nếu cần, Bề Trên Cấp Cao phải lo tiến hành thủ tục sa thải chiếu theo qui tắc của luật hoặc phải đệ trình sự việc lên Tòa Thánh.”

Giáo Luật dự liệu một *phương thuốc ngoại thường* trong các tình huống cá biệt, nghĩa là trong trường hợp gây gương xấu nghiêm trọng bên ngoài hay sự thiệt hại hết sức nghiêm trọng mà chính sự có mặt của hội viên ấy trong một nhà có thể ảnh hưởng tới Tu Hội: rõ ràng tính chất ngoại thường của biện pháp này đòi hỏi một sự phân định rất nghiêm túc về “tính chất ngoại

thường” của các lý do: Bề Trên sẽ thực hiện việc phân định này cùng với BCV.

Theo luật, thẩm quyền để quyết định việc trục xuất ngay tức khắc khỏi nhà dòng là Bề Trên Cấp Cao (Bề Trên Cả hay Giám Tỉnh), với sự ưng thuận của BCV của mình. Nhưng trong những trường hợp hết sức khẩn cấp mà việc chậm trễ chờ Bề Trên Cấp Cao quyết định có thể được coi là nguy hiểm, thì *Bề Trên địa phương* (Giám Đốc) có thể thi hành quyết định này với sự ưng thuận của BCV ngài.

Cần lưu ý rằng việc trục xuất một hội viên khỏi nhà dòng tự nó không tương đương với việc sa thải khỏi Tu Hội, mặc dù kết cục có thể sẽ là như thế.³³ Đây là một loại *biện pháp ngoại thường, nhưng tạm thời*. Do đó sau khi trục xuất hội viên, cần phải:

- Nếu việc này được quyết định bởi Giám Đốc, ngài phải thông báo ngay cho Giám Tỉnh, để Giám Tỉnh có thể có những bước cần thiết tiếp theo;
- Giám Tỉnh, dù đích thân ngài đã trục xuất trong trường hợp khẩn cấp, hay do Giám Đốc báo cho ngài là đã thực hiện việc này, ngài phải quyết định cùng với BCV về sự cần thiết bắt đầu một tiến trình dẫn tới việc sa thải đương sự khỏi Tu Hội, nếu có những lý do có cơ sở: trong trường hợp này ngài sẽ tiến hành mọi việc theo hướng dẫn ở số **108** (thải hồi dựa trên phán đoán của Bề Trên)

Rõ ràng là biện pháp trục xuất khỏi nhà dòng cũng có thể được giải quyết bằng việc đương sự trở về lại với cộng thể (nếu các nguyên nhân gây gương xấu hay thiệt hại đã được gỡ bỏ) hoặc cũng có thể, trong các trường hợp đặc biệt,

³³ Xem “*Communicationes*”, 1981, tr. 361.

bằng việc đệ trình vấn đề trực tiếp lên Tòa Thánh, để Tòa Thánh quyết định phải giải quyết thế nào.³⁴

7.11 Giúp đỡ các hội viên trong trường hợp rời bỏ Tu Hội

114 Liên quan tới các hội viên rời bỏ Tu Hội - theo bất cứ cách nào - *điều 54 của Qui Chế Tổng Quát* nói như sau:

“Trong trường hợp ra khỏi Tu Hội, hội viên sẽ lấy lại toàn quyền trên các bất động sản mà họ còn giữ quyền sở hữu, nhưng không được phép đòi huê lợi hay xin tính sổ về việc quản trị các tài sản ấy.

Trong tình huynh đệ họ sẽ được nâng đỡ để vượt qua những khó khăn ban đầu của hoàn cảnh mới; tuy nhiên họ không được quyền đòi hỏi gì về thời kỳ họ sống trong Tu Hội.”

Do đó, trong khi luật của chúng ta một mặt chỉ ra rằng việc tuyên khấn là một sự dâng hiến hoàn toàn tự do và cho không và vì thế hội viên không thể đòi hỏi gì về những việc mình đã làm trong cộng thể, nhưng mặt khác luật cũng mời gọi Bề Trên và cộng thể nâng đỡ hội viên trong hoàn cảnh mới, cả bằng sự trợ giúp kinh tế thực tiễn, đặc biệt khi họ gặp tình cảnh thiếu thốn. Rõ ràng là Giám Tỉnh sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để đáp ứng các nhu cầu của hội viên.

Về vấn đề này, cũng cần lưu ý tới những gì điều 1350 của Giáo Luật nói liên quan đến một linh mục bị sa thải khỏi bậc giáo sĩ: “Nếu một giáo sĩ nào bị sa thải khỏi bậc giáo sĩ đang sống trong sự bần cùng thật sự do hình phạt ấy, thì Đấng Bản Quyền phải liệu giúp đỡ đương sự cách tốt nhất có thể”.

³⁴ Về việc trục xuất trong trường hợp khấn cấp, cũng xem “*Il Direttore salesiano*”, Roma 1986, số 293.

8. NHÀ VÀ CỘNG THỂ ĐỊA PHƯƠNG

Chương này sẽ nói về một số điểm liên quan đến các Nhà Salêdiêng: việc thiết lập và đóng cửa theo giáo luật, việc chỉ định hội viên tới một nhà, chỉ định Giám Đốc, nhận một giáo xứ.

8.1 Mở và thiết lập một Nhà Salêdiêng theo giáo luật

115 8.1.1 Cần phân biệt giữa việc đơn thuần mở một nhà và việc thiết lập một nhà theo giáo luật:

— *Mở* là sự kiện bắt đầu một hiện diện Salêdiêng tại một nơi nhất định cho một sứ mạng cụ thể;

— *Thiết lập theo giáo luật* là hành vi pháp lý qua đó sự hiện diện Salêdiêng được nhìn nhận như là “*domus religiosa*” (nhà dòng/tu viện), có tư cách pháp nhân hợp pháp, đặt dưới quyền của một Bề Trên (x. CIC 608).

Giáo Luật qui định nhà dòng phải được “*lập hợp pháp*” (CIC 608), nghĩa là được thiết lập theo giáo luật. Do đó thông thường việc thiết lập theo giáo luật phải đi theo việc mở một hiện diện Salêdiêng.

Nếu vì lý do đặc biệt, ở giai đoạn chuyển tiếp, một hiện diện được mở nhưng chưa được thiết lập theo giáo luật, hiện diện này phải được coi là *liên kết với một nhà đã lập theo giáo luật và lệ thuộc nhà này*; vì thế Giám Tỉnh phải liệu để xác định các hội viên của điểm hiện diện phải lệ thuộc vào nhà nào và Giám Đốc nào, dẫu rằng ngài chỉ định một “người trách nhiệm” trong điểm hiện diện mới.

8.1.2 *Ngay cả việc mở đơn giản một hiện diện Salêdiêng cũng đòi hỏi có phép của Bề Trên Cả* với sự ưng thuận của BCV (HL 132 §1,2).

Do đó Giám Tỉnh, sau khi đã đưa hiện diện mới ra xem xét trước

BCV và được sự ưng thuận của BCV, sẽ gửi cho Bề Trên Cả đơn xin mở hiện diện mới đó, kèm theo một bản tường trình về mục đích của điểm hiện diện cũng như kết quả bỏ phiếu của BCV tỉnh.

8.1.3 *Về việc thiết lập theo giáo luật một nhà, cần một số điều kiện được xác định trong luật phổ quát và luật riêng của chúng ta. Cách riêng, luật đòi hỏi:*

1. phải có những điều kiện cần thiết để bảo đảm các hội viên có thể sống đời tu một cách đều đặn theo các mục đích và tinh thần riêng của Tu Hội (x. CIC 610);
2. phải bảo đảm có ít là ba hội viên để tạo thành một tập hợp nhân sự pháp lý trong Hội Thánh (x. CIC 115 §2); nhưng cần lưu ý điều 150 của Qui Chế Tổng Quát của chúng ta nói rằng thông thường số hội viên không được dưới sáu người.
3. phải có văn bản đồng ý của Giám Mục giáo phận (CIC 609 §1).

8.1.4 *Sau đây là thủ tục để thiết lập một nhà theo giáo luật:*

- a. Giám Tỉnh cùng với BCV tỉnh xem xét việc thiết lập nhà theo giáo luật và xin sự ưng thuận của BCV này (HL 165 §5);
- b. Giám Tỉnh gửi cho Bề Trên Cả một đơn xin thiết lập nhà theo giáo luật kèm theo một bản tường trình về:
 - mục đích của nhà và các lý do để thiết lập theo giáo luật;
 - phiếu biểu quyết của BCV tỉnh;
 - Bốn mạng của nhà (Màu nhiệm của Chúa hay Đức Mẹ hay một vị Thánh hay Chân Phước).

Văn thư ưng thuận của Đấng Bản Quyền sở tại sẽ được đính kèm với đơn xin.

- c. Bề Trên Cả, sau khi được sự ưng thuận của Ban Cố Vấn ngài, sẽ ra sắc lệnh thiết lập nhà được in thành ba bản, một bản

cho Văn Khố Trung Ương, một cho Văn Khố tỉnh, và một cho Văn Khố nhà.

8.1.5 *Tách Nhà thành hai (hay nhiều hơn) Nhà mới*

- 116** Việc tách một Nhà thành hai hay nhiều cộng thể (vì quá lớn và phức tạp, hay vì những lý do khác) không cần phép của Đấng Bản Quyền sở tại, trừ khi các cộng thể mới ở cách quá xa cộng thể đầu tiên, dù trong cùng một thành phố.

Trường hợp chia nhỏ một nhà thành một hay hai ba cộng thể trong cùng một nơi, nếu chỉ là sự sắp xếp nội bộ, thì chỉ cần Giám Tỉnh, với sự ưng thuận của BCV tỉnh, xin Bề Trên Cả ban sắc lệnh thiết lập cộng thể (hay các cộng thể) mới theo giáo luật, như đã nói ở trên.

Nhưng trong trường hợp cộng thể mới—do chia nhỏ từ một nhà ra—ở một địa điểm cách xa nhà thứ nhất (dù trong cùng thành phố) thì cần thực hiện tất cả những điều đã nói trong các số trước (x. số **115**, 8.1.4).

8.2 **Thay đổi mục đích một Nhà**

- 117** Điều 132, §1.2 của Hiến Luật qui định rằng để thay đổi mục đích của một công cuộc, cần phải có *phép của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài*. Đây là vấn đề *thay đổi quan trọng* về mục đích của công cuộc. Không chỉ là đơn giản thêm một điều vào mục đích nguyên thủy hay một thay đổi nhỏ về địa chỉ, còn mục đích của công cuộc không thay đổi; nhưng là thêm những hoạt động hoàn toàn mới hay xoá bỏ và/hay thay đổi các hoạt động vốn là mục đích nguyên thủy trong đơn xin lúc công cuộc được thiết lập.

Trong những trường hợp này, Giám Tỉnh sau khi được sự ưng thuận của BCV, gửi cho Bề Trên Cả một đơn xin thay đổi mục đích công cuộc với một bản tường trình trong đó cắt nghĩa

những hoạt động mới, những lý do ủng hộ các hoạt động này và ý kiến của BCV tỉnh. Cần lưu ý rằng khi sự thay đổi mục đích khiến cho Nhà Dòng hướng tới các mục đích khác với những mục đích đã được xin khi Nhà được thiết lập, thì cũng cần phải có sự *ung thuận của Giám Mục giáo phận* (x. CIC 612).

8.3 **Bổ nhiệm Giám Đốc của một Nhà được thiết lập theo giáo luật**

118 Với sự *ung thuận* của BCV tỉnh và sự phê chuẩn của Bề Trên Cả, Giám Tỉnh là người bổ nhiệm Giám Đốc của một cộng thể địa phương, sau khi tham khảo ý kiến các hội viên của tỉnh (HL 177; x. HL 165.2).

Đây là **thủ tục** phải theo trong việc bổ nhiệm một Giám Đốc:

- 8.3.1 Để bổ nhiệm một hay nhiều Giám Đốc, Giám Tỉnh thực hiện một cuộc *tham khảo ý kiến các hội viên của tỉnh*. Giám Tỉnh và BCV ngài phải quyết định việc tham khảo sẽ được thực hiện như thế nào (bao nhiêu lần, cách tham khảo, v.v...); Tu Nghị Tỉnh có thể đưa ra các chỉ dẫn (không ràng buộc) về cách thực hiện việc tham khảo (QC 170).
- 8.3.2 Sau khi đã đọc các đề nghị và xác định được kết quả tham khảo, Giám Tỉnh triệu tập BCV tỉnh để xem xét kết quả và, *với sự ung thuận của BCV tỉnh, ngài tiến hành việc bổ nhiệm Giám Đốc*.
- 8.3.3 Sau khi chỉ định Giám Đốc, Giám Tỉnh *xin sự phê chuẩn của Bề Trên Cả*, bằng cách gửi về Roma mẫu phù hợp (“PHÊ CHUẨN VIỆC BỔ NHIỆM GIÁM ĐỐC”) với các thông tin về kết quả tham khảo và phiếu biểu quyết của BCV tỉnh, và cũng cho nhận định riêng của mình. Nếu không được Bề Trên Cả phê chuẩn, Giám Tỉnh sẽ cùng với BCV tỉnh đề cử một hội viên khác (thật vậy, sự phê chuẩn của Bề Trên Cả là điều kiện cần để việc bổ nhiệm Giám Đốc có hiệu lực).

8.3.4 Sau khi đề nghị bổ nhiệm Giám Đốc được Bề Trên Cả phê chuẩn, Giám Tỉnh sẽ đích thân hay cử người đại diện chủ sự nghi lễ *nhận chức* của Giám Đốc trong Nhà mà ngài được gửi tới. Trong nghi lễ nhậm chức này, Giám Đốc *Tuyên xưng Đức Tin* (x. HL 121) và ký tên vào mẫu phù hợp, mẫu này *sau đó được gửi sớm bao có thể cho Văn Phòng Trung Ương*.

119 8.3.5 Hết nhiệm kỳ ba năm, *để xác nhận một Giám Đốc cho một nhiệm kỳ thứ hai tại cùng một Nhà*, Giám Tỉnh:

- phải được sự ưng thuận của BCV tỉnh (HL 165.2);
- nhưng không cần sự phê chuẩn của Bề Trên Cả (QC 170).

Tuy nhiên Giám Tỉnh phải *thông tri cho Văn Phòng Trung Ương về nhiệm kỳ ba năm lần thứ hai này* (x. Mẫu: XÁC NHẬN NHIỆM KỲ MỘT GIÁM ĐỐC).

120 8.3.6 Cần phải có sự phê chuẩn của Bề Trên Cả để xác nhận một Giám Đốc cho một *nhiệm kỳ ba năm lần thứ ba* (hay lần thứ tư, thứ năm, v.v...) tại cùng một Nhà.

Thủ tục phải theo trong các trường hợp này cũng giống như đã nói trên cho lần bổ nhiệm đầu tiên (x. các số 8.3.1 – 8.3.4).

8.4 **Bổ nhiệm các Cố Vấn và các chức vụ khác trong cộng thể địa phương**

Luật riêng của chúng ta giao cho *Giám Tỉnh cùng với BCV tỉnh* trách nhiệm bổ nhiệm một số cộng sự viên của Giám Đốc trong việc sinh động hoá cộng thể địa phương.

Sau đây là một số qui tắc chung cần lưu ý:

121 8.4.1 *Bổ nhiệm Phó Giám Đốc*

Theo điều 183 của Qui Chế Tổng Quát, Giám Tỉnh là người bổ nhiệm Phó Giám Đốc nhưng trước hết ngài nghe ý kiến của nghe ý kiến của họ. Giám Tỉnh sẽ lưu tâm tới những gì QC 182 nói:

“Phó Giám Đốc theo thông lệ đặc trách một trong những lãnh vực chính yếu của các hoạt động giáo dục và mục vụ của cộng thể. Tuy nhiên, thông thường chức vụ Phó Giám Đốc không nên kiêm chức vụ Quản Lý.”

122 8.4.2 *Bổ nhiệm Quản Lý nhà (hay Thủ Quỹ)*

Việc bổ nhiệm Quản Lý nhà cũng được xác định bởi QC 183; Giám Tỉnh là người bổ nhiệm và ngài trước hết sẽ nghe ý kiến của Giám Đốc nhà. Trong trường hợp này cũng thế, không cần sự ưng thuận của BCV tỉnh.

123 8.4.3 *Bổ nhiệm các thành viên BCV cộng thể*

HL điều 180 nói: “Sau khi lắng nghe ý kiến của cộng thể địa phương, và với sự ưng thuận của BCV mình, Giám Tỉnh sẽ xác định lãnh vực nào của cộng thể cần được đại diện trong BCV.” Với sự ưng thuận của BCV tỉnh và sau khi nghe ý kiến của cộng thể địa phương, Giám Tỉnh trước hết phải xác định thành phần của BCV địa phương và quyết định những hội viên nào tham dự trong đó, tương ứng với các hoạt động chính của nhà, ngoài Phó Giám Đốc và Quản Lý là những thành viên theo luật (HL 179, 1).

Sau đó chính Giám Tỉnh bổ nhiệm các hội viên chịu trách nhiệm các lãnh vực hoạt động chính và đặt họ làm thành viên BCV địa phương.

Về các thành viên khác của BCV địa phương được bầu lên bởi Hội Nghị hội viên, đặc biệt trong những cộng thể rất lớn, HL 180 nói: “Ngài (Giám Tỉnh) sẽ xác định xem Hội Nghị hội viên có cần bầu các Cố Vấn hay không và bầu bao nhiêu người.”

Nói chung, phải lưu ý đến HL 178, trong đó nói *các hội viên trong thời kỳ đào luyện ban đầu không được là thành viên của BCV địa phương*; có nghĩa là các sư huynh phải đã khấn trọn và các tư giáo phải đã hoàn tất việc đào luyện với việc chịu chức

linh mục (hay chức phó tế vĩnh viễn).

124 8.4.4 *Các chức vụ khác*

HL điều 185 nói: “Diện mạo và nhiệm vụ của những người đặc trách các lãnh vực hoạt động chính trong cộng thể sẽ được Tu Nghị Tỉnh ấn định”. Đây là nói về những người đặc trách các công cuộc cũng như các lãnh vực khác nhau của kế hoạch giáo dục và mục vụ của cộng thể Salêdiêng. Họ không nhất thiết và không phải tất cả phải là thành viên của BCV cộng thể, nhưng chỉ những hội viên nào được Giám Tỉnh cùng với BCV tỉnh quyết định theo HL 180.

Trong tất cả các trường hợp, việc bổ nhiệm các hội viên cho các chức vụ nói trên hoàn toàn tùy thuộc Giám Tỉnh (QC 183).

Ở đây cần nhớ lại những gì HL 182 nói: “Nếu hoàn cảnh đòi hỏi phải có một vài luật trừ, nhất là khi cộng thể có ít hội viên, Giám Tỉnh với sự ưng thuận của BCV ngài, sau khi lắng nghe ý kiến của cộng thể địa phương liên hệ, *có thể đối những cơ cấu bình thường và những vai trò trong nội bộ cộng thể, nhưng luôn phải giữ nguyên diện mạo của Giám Đốc.*”

Được kể vào số các hoàn cảnh ngoại lệ này là trường hợp mà, vì lý do đặc biệt, trong một cộng thể nhỏ, Giám Tỉnh với sự ưng thuận của BCV ngài, phải quyết định cộng thể này không cần một BCV địa phương.

8.5 Chỉ định hội viên cho một Nhà

125 Luật riêng của chúng ta nói: “Hội viên được đăng ký vào một nhà nhất định qua lệnh vâng phục nhận từ Giám Tỉnh hay từ một thẩm quyền khác.” (QC 150)

Do đó khi Giám Tỉnh (hay Phó Giám Tỉnh, Bề Trên Cả hay Phó Bề Trên Cả) ban lệnh vâng phục cho một hội viên tới một nhà nào đó để thực hiện một nhiệm vụ nhất định, hội viên được chỉ

định cho nhà đó; vì vậy họ trở thành một thành viên thường trú của nhà đó và dưới quyền của Giám Đốc nhà.

8.6 Nhận một Giáo Xứ

126 Điều 520 của Bộ Giáo Luật cho phép ủy thác một giáo xứ cho một Hội dòng. Sau đây là các điều kiện được thiết định bởi luật:

§1. *Giám Mục giáo phận* (chứ không phải Giám Quản giáo phận), với sự đồng ý của Bề Trên có thẩm quyền, *có thể ủy thác một giáo xứ cho một Hội dòng giáo sĩ* hoặc cho một Tu đoàn tông đồ giáo sĩ, kể cả bằng việc thành lập giáo xứ tại nguyện đường của hội dòng hay của tu đoàn, nhưng với điều kiện là chỉ có một linh mục là cha sở của giáo xứ, hoặc nếu trách nhiệm mục vụ được ủy thác cách liên đới cho nhiều linh mục, thì chỉ có một linh mục là người điều hành, như được nói đến ở điều 517 §1.

§2. Việc ủy thác một giáo xứ được nói đến ở §1 có thể là vĩnh viễn hoặc chỉ trong một thời gian nhất định; trong cả hai trường hợp, việc ủy thác phải có Hợp đồng bằng văn bản giữa Giám Mục giáo phận và Bề Trên có thẩm quyền của Hội dòng hay của Tu đoàn; trong Hợp đồng đó, ngoài những điều khác, phải xác định rõ ràng và kỹ lưỡng những hoạt động phải thực hiện, nhân sự lãnh trách nhiệm, và những vấn đề tài chánh.

Luật riêng của Tu Hội Salêdiêng chúng ta nói:

“Chúng ta cũng thực hiện sứ mệnh trong các giáo xứ để đáp ứng nhu cầu mục vụ của Giáo Hội địa phương tại những vùng cống hiến được một lãnh vực thích hợp cho việc phục vụ giới trẻ và giới bình dân.

Việc tiếp nhận các giáo xứ phải được thực hiện qua một hợp đồng giữa Giám Tỉnh và Đấng Bản Quyền sở tại, với sự

chấp thuận trước của Bề Trên Cả cùng với sự ưng thuận của BCV ngài.” (QC 25)

Thủ tục phải theo cho việc nhận một giáo xứ Salêdiêng như sau:

- 8.6.1 Sau khi cân nhắc lý do chấp nhận một giáo xứ và các điều kiện được Qui Chế đòi hỏi về “tính Salêdiêng” của giáo xứ (QC 25-26), Giám Tỉnh sẽ soạn một *bản dự thảo hợp đồng với Đấng Bản Quyền sở tại* chiếu theo các qui tắc của điều 520 §2 của Giáo Luật. Trong bản hợp đồng này, ngài sẽ lo xác định rõ ràng và chính xác những hoạt động phải thực hiện, nhân sự lãnh trách nhiệm, và những vấn đề tài chánh. (Xem lược đồ mẫu cho một Hợp Đồng trong PHỤ LỤC A-14).
- 8.6.2 Sau đó Giám Tỉnh sẽ cùng với BCV tỉnh xem xét bản Hợp Đồng và các lý do để chấp nhận giáo xứ và xin sự ưng thuận của BCV (QC 156.2).
- 8.6.3 Sau khi được sự ưng thuận của BCV tỉnh, Giám Tỉnh sẽ *xin phép Bề Trên Cả với Ban Tổng Cố Vấn*. Để làm việc này, ngài sẽ gửi cho Bề Trên Cả:
 - một bản tường trình nêu lý do để nhận giáo xứ, các đặc tính Salêdiêng của giáo xứ và phiếu biểu quyết của BCV tỉnh;
 - một văn thư của Giám Mục tuyên bố phê chuẩn việc uỷ thác giáo xứ cho Tu Hội Salêdiêng;
 - một bản dự thảo hợp đồng.
- 8.6.4 Sau khi Bề Trên Cả, với sự ưng thuận của BCV, đã cho phép chấp nhận giáo xứ, và có thể có một vài nhận xét về bản dự thảo hợp đồng, Giám Tỉnh sẽ tiến hành soạn bản hợp đồng chính thức và ký hợp đồng với Đấng Bản Quyền sở tại.

Một bản sao của Hợp Đồng, được Giám Mục và Giám Tỉnh ký tên, phải được gửi về Văn Phòng Trung Ương.

8.7 Đóng cửa một Nhà theo giáo luật

127 Việc đóng cửa một nhà được thiết lập theo giáo luật là *thuộc thẩm quyền Bề Trên Cả* với sự ưng thuận của BCV ngài (CIC 616 §1; HL 132 §1.2)

Để tiến hành đóng cửa một Nhà, cần:

- Giám tỉnh, sau khi được sự ưng thuận của BCV (HL 165.5), gửi cho Bề Trên Cả một tường trình với các lý do cho việc đóng cửa, và phiếu biểu quyết của BCV tỉnh;
- Giám Tỉnh tham khảo ý kiến Giám Mục giáo phận. Không cần có văn bản đồng ý của Giám Mục, nhưng luật qui định rằng phải thông tri cho Giám Mục. Điều này phải được nói rõ trong bản tường trình gửi Bề Trên Cả.

Sau khi nhận được quyết định đóng cửa từ Bề Trên Cả, liên quan đến *tài sản của nhà bị giải thể*, Giám Tỉnh sẽ tiến hành theo các qui tắc của Hiến Luật (x. HL 188), tuy nhiên luôn với sự kính trọng các ước muốn của những người sáng lập hay những ân nhân và các quyền đã có được một cách hợp pháp (CIC 616 §1).

Về việc *chấm dứt một hoạt động*, sẽ tiến hành theo thủ tục đã được chỉ ra ở điểm 8.2 (số **117**) nếu nó liên quan đến một thay đổi quan trọng về mục đích của Nhà.

9. TỈNH DÒNG

9.1 Thiết lập hay giải thể một Tỉnh

128 Theo luật riêng của chúng ta, *chỉ có Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài có thẩm quyền* trong việc thiết lập hay giải thể một Tỉnh (HL 132 §1.1; HL 156). Để thiết lập một tỉnh, Hiến Luật đòi hỏi phải chắc chắn rằng có các điều kiện cần thiết để phát triển và duy trì trong hạt pháp lý ấy đời sống và sứ mạng của Tu Hội với sự tự trị cần thiết để tỉnh hoạt động (liên quan đến nhân sự, khả năng sinh tồn và đào luyện, các hoạt động và công cuộc, khả năng tồn tại về kinh tế).

Để thiết lập một tỉnh, trước hết Bề Trên Cả cần mở một *cuộc tham khảo* giữa các hội viên liên quan trong hạt mới này (HL 156).

Việc giải thể một tỉnh cũng phải theo một thủ tục tương tự.

9.2 Thiết lập một Á Tỉnh

129 Luật riêng của chúng ta có dự liệu cho sự hiện hữu của một hạt pháp lý gọi là *Visitatoria* (Á Tỉnh), tương tự như một Tỉnh nhưng không có sự tự trị đầy đủ của một Tỉnh. Một á tỉnh được thiết lập khi khoảng cách, số lượng hay các hoàn cảnh khác đòi hỏi một số nhà phải tách ra khỏi một hay nhiều tỉnh; nhưng tình trạng thiếu nhân sự, phương tiện tài chánh hay một số lý do khác khiến khuyên không nên thiết lập một tỉnh mới (x. HL 158). Trong số các lý do, có thể có một sứ mạng đặc biệt được uỷ thác cho một á tỉnh.

Việc thiết lập một Á Tỉnh theo giáo luật, giống như đối với Tỉnh dòng, cũng thuộc thẩm quyền của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài.

Thủ tục tham khảo các hội viên liên quan cũng giống như thủ tục được mô tả ở trên đối với một tỉnh. Bề Trên Cả sẽ lo việc này nhằm thiết lập một á tỉnh.

Cần nói thêm rằng *Bề Trên của một á tỉnh* có quyền đại diện thông thường. Cách thức bổ nhiệm Bề Trên Á Tỉnh, nhiệm kỳ và việc chỉ định BCV á tỉnh hoàn toàn tương tự với các cách thức đã được nói về Giám Tỉnh và BCV tỉnh (xem Chương 1).

9.3 **Hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt**

- 130** Trong các hoàn cảnh cụ thể và ví các lý do đặc biệt, Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài cũng có thể thiết lập các hình thức hạt pháp lý khác được gọi là các *“hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt”* do sự kiện diện mạo pháp lý của chúng được xác định bởi qui chế “đặc biệt” gắn liền với việc thiết lập chúng.

Đoạn 3 của HL 156 có thể được áp dụng cho các hạt này: “Đối với các hạt pháp lý khác có thể được thiết lập, thì cơ cấu nội bộ và việc đại diện tại Tổng Tu Nghị sẽ được xác định trong sắc lệnh thành lập, theo tinh thần và truyền thống Salêdiêng.”

9.4 **Phụ Tỉnh**

- 131** Hiến Luật điều 159 nói: “Nếu trong phạm vi một tỉnh, khoảng cách hay các lý do khác không cho phép Giám Tỉnh chăm sóc thích đáng một vài cộng thể địa phương, là những cộng thể tuy có một sự hiệp nhất nào đó với nhau, nhưng không có đủ những điều kiện cần thiết để được thiết lập thành Tỉnh, thì Giám Tỉnh, với sự ưng thuận của BCV ngài và sự phê chuẩn của Bề Trên Cả, có thể thiết lập một *Phụ Tỉnh*.”

Phụ Tỉnh không phải là một hạt pháp lý độc lập. Nó là một *phần của một Tỉnh*, lệ thuộc một Giám Tỉnh mặc dù ngài uỷ thác một số quyền cho người đại diện của ngài, gọi là Bề Trên Phụ Tỉnh.

Như đã nói trên kia, để thành lập một Phụ Tỉnh, Giám Tỉnh sau

khi chắc chắn rằng có những điều kiện cần thiết, còn cần có:

- Sự ưng thuận của BCV ngài;
- Sự phê chuẩn của Bề Trên Cả (ngài xin sự phê chuẩn này bằng việc gửi cho Bề Trên Cả một bản tường trình thích hợp).

Hiến Luật cũng xác định cách thức *bổ nhiệm Bề Trên Phụ Tỉnh* (“đại diện” của Giám Tỉnh):

- Giám Tỉnh tổ chức một cuộc tham khảo các hội viên trong phụ tỉnh;
- sau đó Giám Tỉnh bổ nhiệm Bề Trên Phụ Tỉnh với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn Tỉnh và đề nghị vị này lên Bề Trên Cả.
- Bề Trên Cả phê chuẩn việc bổ nhiệm này.

Bề Trên Phụ Tỉnh¹ có thẩm quyền thụ ủy; vì thế ngài thi hành các quyền mà Giám Tỉnh thấy thích hợp để uỷ thác cho ngài (HL 159).

9.5 Trụ sở Tỉnh

132 Giám Tỉnh (hay Bề Trên Á Tỉnh) đặt trụ sở của mình và Trung Tâm Tỉnh tại một nhà được thiết lập theo giáo luật của Tỉnh (hay Á Tỉnh); đây có thể là một nhà “*ad hoc*” (“nhằm mục đích này”), một nhà mà cộng thể dành chuyên biệt cho các công việc phục vụ của tỉnh; hay cũng có thể là một nhà của tỉnh có các sinh hoạt khác bên cạnh các công việc phục vụ của tỉnh.

Đối với việc thiết lập theo giáo luật một nhà dành cho các công việc phục vụ của tỉnh, thủ tục phải theo hiến nhiên cũng giống

¹ HL sử dụng từ “Bề Trên”, nhưng theo nghĩa chính xác thì “đại diện” của Giám Tỉnh không phải là một Bề Trên cấp cao (như Giám Tỉnh hay Bề Trên Á Tỉnh); Bề Trên Phụ Tỉnh có năng quyền “đại diện” như trình bày ở đây.

như cho việc thiết lập bất cứ nhà nào theo giáo luật.

Để thay đổi trụ sở Tỉnh, Giám Tỉnh (hay Bề Trên Á Tỉnh) phải xin sự ưng thuận của BCV của mình; rồi phải xin sự phê chuẩn của Bề Trên Cả (x. QC 153; QC 156, 5).

9.6 **Việc nhập tịch của một hội viên vào một tỉnh**

133 Hiến Luật 160 nói rằng: “Với việc tuyên khấn lần đầu, hội viên được đăng ký vào hạt pháp lý (Tỉnh hay Á Tỉnh) mà mình đã xin gia nhập để phục vụ.”

Do đó hội viên được *nhập tịch vào Tỉnh (hay Á Tỉnh)* mà *Giám Tỉnh đã nhận họ vào Tập Viện*, đồng thời từ lúc đó tiếp nhận họ phục vụ cho Tỉnh (hay Á Tỉnh); điều này cũng vẫn như thế cho dù việc nhận vào tuyên khấn lần đầu được thực hiện bởi một Giám tỉnh khác (là chuyện thông thường trong các Tập Viện liên tỉnh).

Cũng trong trường hợp của một tiền tập viện liên tỉnh, chính Giám Tỉnh gốc của họ là người tiếp nhận họ vào Tập Viện và rồi kể tập sinh vào sổ thành viên của Tỉnh ngài.

9.7 **Thuyên chuyển hội viên từ một hạt sang một hạt khác**

Việc thuyên chuyển một hội viên từ một hạt (Tỉnh, hay Á Tỉnh) sang một hạt khác (Tỉnh, hay Á Tỉnh, hay một nhà trực thuộc Bề Trên Cả) có thể là *dứt khoát hay tạm thời*.

134 9.7.1 Việc ***thuyên chuyển dứt khoát*** là do Bề Trên Cả quyết định. Việc thuyên chuyển này có thể được thực hiện:

- a. *bởi một bài sai* của Bề Trên Cả, chỉ định dứt khoát một hội viên vào một hạt cho một sự phục vụ đặc biệt, sau khi lắng nghe hội viên liên quan và các Bề Trên cấp cao của hai hạt (hạt gốc và hạt được chuyển đến);

b. *bởi lời xin của hội viên:*

Trong trường hợp này phải gửi cho Bề Trên Cả các tài liệu sau đây:

- đơn xin của chính đương sự, gửi cho Bề Trên Cả, trong đó nêu lý do xin chuyển;
- văn thư đồng ý của Giám Tỉnh gốc;
- văn thư đồng ý của Giám Tỉnh sẽ tiếp nhận hội viên này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các lý do, Bề Trên Cả có thể ra một quyết định chuyển dời dứt khoát.

135 9.7.2 ***Thuyên chuyển tạm thời*** cũng có thể diễn ra theo hai cách:

- a. *bằng việc chỉ định cho hội viên một nhiệm vụ tại một hạt khác với hạt của chính họ cho đến khi hết nhiệm vụ.* Khi hết thời gian làm nhiệm vụ, hội viên trở về tỉnh của mình trừ khi có điều gì mới phát sinh.
- b. *bằng thoả thuận giữa các Bề Trên* (các Giám Tỉnh hay Bề Trên Á Tỉnh) của hai hạt: chiếu theo qui tắc của QC 151, một Giám Tỉnh (hay Bề Trên Á Tỉnh) sau khi nghe ý kiến BCV của mình, có thể gửi một hội viên đến một hạt khác trong một thời gian nhất định (cũng xem QC 157.3). Trong trường hợp này phải có một sự đồng ý bằng văn bản để chứng thực việc thuyên chuyển tạm thời.

Trong suốt thời gian hội viên được thuyên chuyển tạm thời đến một Tỉnh (hay Á Tỉnh) khác, họ hoàn toàn lệ thuộc Giám Tỉnh (hay Bề Trên Á Tỉnh) của Tỉnh (hay Á Tỉnh) mới. Họ tham dự trong cuộc bỏ phiếu cho Tu Nghị Tỉnh tại nhà họ đang ở và trong cuộc bỏ phiếu trên danh sách bỏ phiếu cấp tỉnh của Tỉnh họ đã được chuyển tới (trừ khi họ chỉ được thuyên chuyển vì lý do học hành hay sức khoẻ).

9.8 Các hội viên làm việc tại các cơ cấu ngoài Salêdiêng

136

Luật riêng của chúng ta có dự liệu cho trường hợp các hội viên được gửi tới làm việc tại các tổ chức hay các cơ cấu không thuộc Salêdiêng:

- để phục vụ các Giáo Hội địa phương (các giáo phận và giáo xứ);
- trong các cơ quan giáo dục và xã hội để phục vụ giới trẻ hay giới lao động (x. QC 35).

Để chỉ định một hội viên cho loại công việc này, Giám Tỉnh phải được *sự ưng thuận của BCV ngài* và ngài phải theo dõi và thường xuyên đánh giá công việc của hội viên đang tiến triển như thế nào (QC 35; 156.4).

Cách riêng, các điều kiện đã được dự liệu cho sự kiên kết cụ thể với cộng thể Salêdiêng phải được Giám Tỉnh xác định rõ ràng trong văn bản trao công việc cho hội viên:

- cả trong tương quan với Bề Trên nhà mà hội viên lệ thuộc;
- và trong các mối tiếp xúc phải duy trì với Cộng Thể Salêdiêng.

Điều 681 của Bộ Giáo Luật cũng qui định rằng, khi chỉ định một hội viên tới một cơ cấu ngoài Salêdiêng, Giám Tỉnh phải lập một *văn bản hợp đồng* với cơ quan giáo hội (giáo phận hay giáo xứ) hay cơ quan xã hội-giáo dục mà hội viên được chỉ định đến phục vụ.

10. BỐN PHẬN VÀ NĂNG QUYỀN ĐẶC BIỆT CỦA GIÁM TỈNH

Chương này thu tập các nhiệm vụ và năng quyền đặc biệt của Giám Tỉnh mà Bộ Giáo Luật đã dành cho họ với danh nghĩa là các Đấng Bản Quyền Dòng.

Các bốn phận và các năng quyền này liên quan tới các lãnh vực khác nhau của đời sống và hoạt động, nên cần phải được lưu tâm cùng với các nhiệm vụ được nói tới ở các chương trước.

10.1 Các bốn phận và năng quyền liên quan đến đời sống thiêng liêng của tu sĩ

Cách riêng có ba điểm được xem xét ở đây:

- Các bốn phận của Giám Tỉnh trong việc dự liệu cho việc xưng tội của các người thuộc quyền;
- Các năng quyền của Giám Tỉnh trong việc ban bí tích Sám Hối;
- Các năng quyền của Giám Tỉnh trong việc miễn chuẩn các lời khẩn tu.

137 10.1.1 *Các bốn phận của Giám Tỉnh trong việc dự liệu cho việc xưng tội của các người thuộc quyền*

Sau đây là các qui tắc được nêu tại điều 630 của Bộ Giáo Luật: *điều giáo luật này hướng tới tất cả các Bề Trên Dòng*: cách riêng nó bao hàm một trách nhiệm đặc biệt của Giám Tỉnh trên danh nghĩa là một Đấng Bản Quyền.

- §1. Các Bề Trên phải nhìn nhận sự tự do chính đáng của các thành viên trong những gì liên quan đến bí tích sám hối và việc linh hướng, miễn là vẫn giữ nguyên kỷ luật của Tu Hội.
- §2. Các Bề Trên, chiếu theo qui tắc của luật riêng, phải liệu sao cho có các cha giải tội thích hợp, sẵn sàng để các tu sĩ có thể thường

xuyên xưng tội với các ngài.

§4. Các Bề Trên đừng giải tội cho những người thuộc quyền mình, trừ khi những người này tự ý yêu cầu điều này.

§5. Các hội viên phải đến với các Bề Trên của mình với lòng tin tưởng, họ có thể tự do và tự ý cởi mở tâm hồn với các ngài. Tuy nhiên các Bề Trên không được xúi giục họ giải bày lương tâm bằng bất cứ cách nào.

Trong điều giáo luật này, những điểm sau đây được nêu lên một cách minh nhiên:

1. *Bề Trên có bốn phận* lo liệu cẩn thận để các tu sĩ có các cha giải tội thích hợp.
2. *Tự do lương tâm của các hội viên* phải được bảo đảm, dẫu cho mời gọi họ tin tưởng và cởi mở với các bề trên của họ.
3. Bề trên có thể giải tội cho thuộc quyền của mình, nhưng chỉ khi được chính họ tự ý yêu cầu.

Trong luật riêng của chúng ta, ở điều 174 QC, nhắc nhở các bốn phận này cách đặc biệt đối với các giám đốc: «(Giám đốc) phải bảo đảm cho các hội viên có thể xưng tội thường xuyên và tự do về hướng dẫn lương tâm».

138 10.1.2 *Các năng quyền của Giám Tỉnh liên quan đến việc ban bí tích Sám Hối*

Điều 152 của Quy Chế Tổng Quát nói: “Các hội viên sẽ thi hành thừa tác vụ giải tội với phép của Giám Tỉnh, theo qui định của giáo luật.”

Ở đây cần nhớ lại các qui tắc chính của giáo luật liên quan đến vấn đề này, trước tiên là “Để tha tội thành sự, ngoài quyền thánh chức, thừa tác viên buộc phải có năng quyền thi hành quyền thánh chức ấy đối với những tín hữu mà ngài ban ơn xá giải.” (CIC 966 §1).

Cần lưu ý tới các qui tắc sau đây:

CIC 968

- §1. Chiều theo chức vụ, Đấng Bản Quyền địa phương, vị kinh sĩ xá giải, cũng như cha sở và những người thay quyền cha sở, đều có năng quyền giải tội, và mỗi người trong địa hạt của mình.
- §2. Chiều theo chức vụ, Bề Trên các hội dòng giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng hoặc các tu đoàn tông đồ giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng có quyền hành pháp trong việc lãnh đạo chiều theo qui tắc của hiến pháp, thì có năng quyền giải tội cho các người thuộc quyền mình và cho những người khác ngày đêm cư ngụ trong nhà mình, miễn là vẫn giữ nguyên những qui định của điều 630 §4.

Điều giáo luật này nói rõ ai là những người có năng quyền tài thẩm, và *do chức vụ* có quyền này đối với những ai: Cha Xứ (hay người thay thế) trong giáo xứ của mình, Bề Trên Dòng đối với những người thuộc quyền mình và đối với những người ngày đêm cư ngụ trong nhà, theo hạt pháp lý của họ; Bề Trên Cả trong tất cả các nhà của Tu Hội, Giám Tỉnh (hay Bề Trên Á Tỉnh) trong các nhà của Tỉnh (hay Á Tỉnh), Giám Đốc trong nhà của mình.

CIC 969

- §1. Chỉ có Bản Quyền sở tại mới có thẩm quyền ban cấp cho bất cứ linh mục nào được năng quyền giải tội cho bất cứ tín hữu nào. *Tuy nhiên, các linh mục thuộc dòng tu không nên sử dụng năng quyền ấy nếu không có phép của Bề Trên, ít là cách suy đoán.*
- §2. Bề Trên của dòng tu hoặc tu đoàn tông đồ nói ở điều 968 §2, có thẩm quyền ban cho bất cứ linh mục nào được hưởng năng quyền giải tội cho những người thuộc quyền mình và những người khác cư ngụ ngày đêm trong nhà.

CIC 971

Đấng Bản Quyền sở tại không được cấp năng quyền giải tội thường xuyên cho một linh mục, cho dù linh mục ấy có cư sở hay

bán cư sở trong lãnh thổ của mình, trước khi tham khảo ý kiến với Đấng Bản Quyền của linh mục ấy, bao có thể.

Trong các điều giáo luật này đặt ra *những nguyên tắc sau đây*:

1. Bề Trên dòng có thẩm quyền ban cho một tu sĩ linh mục năng quyền giải tội cho các hội viên và các tín hữu cư ngụ ngày đêm trong nhà dòng, theo hạt pháp lý của mình: Giám Tỉnh cho cả tỉnh, Giám Đốc cho Nhà của mình.
2. Năng quyền giải tội cho mọi tín hữu chỉ có thể được ban bởi Đấng Bản Quyền sở tại, nhưng điểm nhấn ở đây là Đấng Bản Quyền sở tại bao có thể nên tham khảo ý kiến của Đấng Bản Quyền Dòng (đối với tu sĩ linh mục), và tu sĩ này không được thi hành thừa tác vụ nếu không được phép, ít là suy đoán, của Bề Trên của mình.

Chúng ta cần nhớ rằng thẩm quyền được ban bởi Đấng Bản Quyền sở tại có giá trị để giải tội cho các tín hữu tại bất cứ nơi nào, ngoại trừ tại nơi cụ thể mà Đấng Bản Quyền cấm trong các trường hợp đặc biệt (x. CIC 967).

139

Sau cùng, điều 974 của Giáo Luật nói về việc *thu hồi năng quyền giải tội thường xuyên*. Chúng tôi chỉ ra ở đây hai mục mà các Bề Trên dòng cần lưu tâm:

CIC 974

- §1. Bản Quyền sở tại cũng như Bề Trên có thẩm quyền không nên thu hồi năng quyền giải tội thường xuyên đã cấp nếu không có lý do nghiêm trọng.
- §2. Một khi năng quyền giải tội bị thu hồi bởi Bề trên cấp cao của mình, thì linh mục mất năng quyền giải tội cho mọi thuộc quyền của Tu Hội ở mọi nơi; khi bị thu hồi bởi một Bề trên thẩm quyền khác, thì chỉ mất năng quyền đối với những thuộc quyền trong địa hạt vị đó thôi.

Ở đây nên nhớ rằng theo *CIC 975*, tu sĩ linh mục sẽ mất năng quyền giải tội đã được cấp bởi Đấng Bản Quyền sở tại nếu đương sự mất cư sở tại giáo phận, nghĩa là nếu Bề Trên cấp cao của đương sự chuyển họ tới một nhà tại một giáo phận khác. Chỉ cần xin phép tại giáo phận mới là đủ.

140 10.1.3 *Các năng quyền miễn chuẩn các lời khẩn tư*

Ở đây áp dụng *CIC 1196*, theo đó:

Ngoài Đức Giáo Hoàng, các vị sau đây có thể ban phép miễn chuẩn lời khẩn tư, miễn là sự miễn chuẩn này không phương hại đến quyền lợi của những người khác:

1. Đấng Bản Quyền sở tại và cha xứ, đối với tất cả những người thuộc quyền mình và cả người ngoài;
2. Bề Trên của một Tu hội hay một Tu đoàn tông đồ - nếu là các Tu hội và Tu đoàn giáo sĩ và thuộc quyền giáo hoàng - đối với các hội viên, tập sinh, và những người cư trú ngày và đêm trong một nhà của Tu hội hay Tu đoàn;
3. những người đã được Tông Tòa hay Đấng Bản Quyền sở tại uỷ thác cho năng quyền miễn chuẩn này.

Chiếu theo số 2 của điều giáo luật trên, Giám Tỉnh có thẩm quyền miễn chuẩn lời khẩn tư cho những người thuộc quyền mình trong tất cả các nhà của tỉnh; Giám Đốc cho những người thuộc quyền trong nhà mình (với những điều kiện do luật chỉ ra).

10.2 Việc tông đồ của các hội viên

141 Sau đây là một số điều giáo luật liên quan đến việc tông đồ được thực hiện bởi các tu sĩ, và điểm nhấn ở đây là trách nhiệm của các Giám Mục và các Bề Trên dòng:

CIC 678

- §1. Trong các lãnh vực coi sóc các linh hồn, cử hành phụng tự công khai, và các hoạt động tông đồ khác, thì các tu sĩ phải thuộc quyền của các Giám Mục: họ phải tỏ lòng kính trọng đạo đức và kính cẩn với các ngài.
- §2. Trong khi hoạt động tông đồ bên ngoài, các tu sĩ cũng tùy thuộc các Bề Trên riêng của mình, và phải trung thành với kỷ luật của dòng. Các Giám Mục đừng bỏ qua việc thúc bách nghĩa vụ ấy, khi cần.
- §3. Trong sự điều hành hoạt động tông đồ của các tu sĩ, các Giám Mục giáo phận và các Bề Trên dòng cần phải tiến hành theo kế hoạch đã trao đổi ý kiến với nhau.

CIC 679

Khi có lý do trầm trọng và cấp bách, Giám Mục giáo phận có thể ngăn cấm một hội viên của dòng không được lưu trú trong giáo phận của ngài, nếu Bề Trên cấp cao đã được thông báo mà không chịu áp dụng biện pháp. Tuy nhiên phải lập tức trình sự việc lên Tòa Thánh.

Cần nhớ lại các nguyên tắc của CIC 681 về việc tu sĩ điều hành các công cuộc được giám mục uỷ thác. Điều này đã được nhắc đến khi nói về việc nhận các giáo xứ:

CIC 681

- §1. Các công việc đã được Giám Mục giáo phận uỷ thác cho các tu sĩ, thì thuộc quyền bính và sự chỉ đạo của Giám Mục ấy, miễn là vẫn tôn trọng quyền của các Bề Trên dòng chiếu theo quy tắc của điều 678, §2 và §3.
- §2. Trong những trường hợp ấy, Giám Mục giáo phận và Bề Trên có thẩm quyền trong dòng phải *lập một văn bản hợp đồng*, trong đó, ngoài những điều khác, cần phải xác định rõ ràng và kỹ lưỡng công việc phải thực hiện, tu sĩ phải lãnh trách nhiệm, và những

vấn đề tài chánh.

Cũng cần nhớ điều 682 liên quan đến việc ban một giáo vụ cho một tu sĩ (ví dụ bổ nhiệm làm cha xứ):

CIC 682

- §1. Khi phải trao một giáo vụ trong giáo phận cho một tu sĩ, thì chính Giám Mục là vị bổ nhiệm, sau khi có sự đề cử hay ít là đồng ý của Bề Trên có thẩm quyền.
- §2. Tu sĩ nói trên có thể bị bãi chức đã được trao phó, hoặc tùy ý của nhà chức trách đã ủy thác chức vụ sau khi đã báo cho Bề Trên của tu sĩ, hoặc tùy ý Bề Trên sau khi đã báo cho người ủy thác, trong cả hai trường hợp không cần có sự chấp thuận của bên kia.

Cũng có mối liên quan là qui định của Giáo Luật về việc Giám Mục kinh lý nhà dòng:

CIC 683

- §1. Trong dịp kinh lý mục vụ hay trong trường hợp cần thiết, Giám Mục giáo phận có thể, tự mình hay nhờ người khác, thanh tra các nhà thờ và nhà nguyện có giáo dân thường xuyên lui tới, các trường học và các công cuộc khác có tính cách tôn giáo và bác ái về tinh thần hay vật chất đã được ủy thác cho các tu sĩ. Nhưng Giám Mục không được thanh tra các trường học chỉ dành riêng cho các học sinh của dòng.
- §2. Nếu nhận thấy có lạm dụng nào, và sau khi đã khuyến cáo Bề Trên dòng mà không có kết quả, thì Giám Mục có thể dùng quyền hành của mình để xử lý.

Sau cùng, ở đây cũng có một số qui định giáo luật liên quan đến các bốn phận cụ thể của các tu sĩ:

CIC 765

Để giảng cho các tu sĩ trong các nhà thờ hay nhà nguyện của họ, cần phải được phép của Bề Trên có thẩm quyền theo qui tắc hiến

pháp.

Hiến Luật Salêdiêng tại điều 162 nói rằng Bề Trên có thẩm quyền ban phép này là Giám Tỉnh.

CIC 832

Để xuất bản sách báo về các vấn đề tôn giáo và phong hóa, tu sĩ các Dòng Tu còn phải có phép của Bề Trên cao cấp của họ chiếu theo Hiến Luật.

Cần lưu ý trong điều giáo luật này có thêm trạng từ “còn”, để nhắc nhở rằng ngoài phép của Bề Trên dòng, cũng có thể có những qui định tổng quát (từ Toà Thánh) hay địa phương (Hội Đồng Giám Mục hay Giám Mục).

Đối với người Salêdiêng chúng ta, điều 162 của Hiến Luật nói rằng Giám Tỉnh là Bề Trên cấp cao có thẩm quyền ban phép xuất bản.

Về cách thức tiến hành, phải lưu ý đến điều 830 của giáo luật nói về việc có thể có sự chỉ định các kiểm duyệt viên và năng quyền của Đấng Bản Quyền (cả Bản quyền sở tại lẫn Bề trên dòng), tùy theo sự phán đoán thận trọng của ngài, trong việc ban phép xuất bản.

10.3 Các nơi thờ phượng

142 Sau đây là các điều của Bộ Giáo Luật liên quan đến các nơi thờ phượng: đây là những điều cần quan tâm đối với các Giám Tỉnh, là những người phải quan tâm tới các nhà thờ và nhà nguyện thuộc về các cộng thể của chúng ta.

CIC 936

Trong nhà của một dòng tu hay trong một nhà nào khác dành cho việc sùng mộ, chỉ được lưu trữ Thánh Thể trong nhà thờ hay nhà

nguyện chính gắn liền với nhà ấy. Tuy nhiên, khi có lý do chính đáng, Đấng Bản Quyền có thể cho phép lưu trữ Thánh Thể cả ở trong nhà nguyện khác của cùng một nhà.

CIC 1207

Các nơi thánh được làm phép bởi Đấng Bản Quyền; tuy nhiên, việc làm phép nhà thờ được dành cho Giám Mục giáo phận. Cả hai vị đều có thể thừa ủy cho một linh mục khác làm thay.

CIC 1212

Các nơi thánh mất sự cung hiến và làm phép, nếu bị phá hủy một phần lớn, hoặc bị sử dụng thường xuyên vào những công việc phạm tục, do một nghị định của Đấng Bản Quyền có thẩm quyền, hay do một sự kiện thực tế.

CIC 1223

Tên gọi Nhà Nguyện được hiểu là một nơi được Đấng Bản Quyền ban phép dành vào việc phụng thờ Thiên Chúa, vì ích lợi của một cộng đoàn hay một nhóm tín hữu qui tụ tại đó, và các tín hữu khác cũng có thể lui tới đó với sự chấp thuận của Bề Trên có thẩm quyền.

CIC 1224

- §1. Đấng Bản Quyền chỉ nên cho phép lập nhà nguyện sau khi đã đích thân hay nhờ người khác đến xem xét nơi muốn dành làm nhà nguyện, và thấy nơi ấy được bố trí thích hợp.
- §2. Khi đã xin được phép rồi, nhà nguyện không được sử dụng vào công việc phạm tục nữa, nếu không có phép của chính Đấng Bản Quyền ấy.

10.4 **Thánh Lễ**

Một nhóm các điều khoản của giáo luật trình bày các *quyền và bổn phận của các Bề Trên liên quan đến việc cử hành Thánh Lễ*, với các nghĩa vụ phát sinh từ các bổn phận.

Sau đây là một số các điều giáo luật liên quan đến các trách nhiệm của Giám Tỉnh: điều 951, về việc cử hành hai hay ba thánh lễ trong cùng một ngày; điều 957, nói chung về bốn phận của các Bề Trên; điều 958, về việc ghi sổ lễ.

CIC 951

- §1. Tư tế dâng nhiều Thánh Lễ trong một ngày, có thể áp dụng mỗi Thánh Lễ theo một ý chỉ có bổng lễ dâng. Tuy nhiên, ngoài ngày lễ Giáng Sinh, tư tế chỉ được hưởng một bổng lễ thôi, còn những bổng lễ khác phải trao về các mục đích do Bản Quyền quy định, tuy rằng đương sự có thể nhận một phần thù lao vì danh nghĩa ngoại tại.
- §2. Tư tế đồng tế Thánh Lễ thứ hai trong một ngày, không có quyền nhận bổng lễ nữa dưới bất cứ danh nghĩa nào.

Về điều 951 §1 và quyền của Giám Tỉnh trong việc đặt các ý chỉ dâng các lễ hai hay ba trong cùng một ngày, Bề Trên Cả và BCV ngài đã làm sáng tỏ một số điểm, được ghi lại trong Công Báo của Ban Tổng Cố Vấn [AGC số 313, 1985, tr. 28-29].

CIC 957

Bốn phận và quyền trông nom cho mọi ý lễ được chu toàn đối với các nhà thờ của giáo sĩ triều thì thuộc về thẩm quyền của Đấng Bản Quyền sở tại; còn đối với nhà thờ của Dòng tu hay Tu đoàn tông đồ thì thuộc các Bề Trên của họ.

CIC 958

- §1. Cha Sở cũng như vị quản đốc nhà thờ hay cơ sở đạo đức khác, nơi quen nhận các bổng lễ, phải có cuốn sổ riêng, ghi chép cẩn thận số lễ phải làm, ý lễ, bổng lễ và nghĩa vụ đã chu toàn.
- §2. Đấng Bản Quyền có bốn phận đích thân hay nhờ người khác, kiểm soát hằng năm các sổ sách đó.

Đây là một nhiệm vụ mà Giám Tỉnh không được quên trong cuộc kinh lý tỉnh của ngài.

10.5 Các chế tài hình sự

144 10.5.1 *Khả thể răn đe bằng những lệnh hình sự*

Vì là một Bề Trên cấp cao, Giám Tỉnh, ngoài việc có thể ra lệnh vì lời khẩn vâng phục (HL 68), cũng có thể răn đe bằng những hình phạt theo qui tắc của giáo luật trong trường hợp cần thiết cụ thể.

Về vấn đề này, *CIC điều 1319* nói một cách tổng quát:

§1. Do quyền cai quản của mình, một người có thể áp đặt những mệnh lệnh ở tòa ngoài tới mức nào, thì người ấy cũng có thể dùng những hình phạt nhất định để răn đe tới mức độ ấy, trừ những thực hình vĩnh viễn.

Cần lưu ý rằng các hình phạt phải được áp đặt bằng một “mệnh lệnh”: CIC nêu rõ những loại mệnh lệnh nào phải đưa ra bằng văn bản (CIC 51) hay bằng miệng trước mặt hai nhân chứng (CIC 55).

Tuy nhiên §2 của cùng điều giáo luật 1319 này khuyến cáo:

§2. Chỉ nên ra một mệnh lệnh hình sự sau khi đã cân nhắc chín chắn và tuân giữ những gì đã dự liệu ở các điều 1317 và 1318 liên quan đến các luật địa phương.

145 10.5.2 *Các loại chế tài hình sự khác nhau*

Bộ Giáo Luật dự liệu các loại hình phạt và việc phạt khác nhau như sau:

1. Các *vạ* gồm: *vạ* tuyệt thông (CIC 1331), *vạ* cấm (1332), *vạ* treo [hay huyền chức] (CIC 1333, 1334);
2. Các *thực hình* được mô tả bởi điều CIC 1336. Đó là: [ngày 23/05/2021 theo Tông hiến *Pascite Gregem Dei*, ĐTC Phanxicô đã thay đổi CIC 1336]

§2. Lệnh buộc:

1⁰ phải cư ngụ tại một nơi hay một địa hạt nhất định;

2⁰ nộp phạt hay nộp một số tiền cho các mục đích của Giáo Hội, theo như quy chế được Hội Đồng Giám Mục xác định.

§3. Lệnh cấm:

1⁰ cư ngụ tại một nơi hay một địa hạt nhất định;

2⁰ thi hành, khắp mọi nơi, hay trong một nơi hay một địa hạt nhất định hay bên ngoài địa hạt, tất cả các giáo vụ hay một số giáo vụ, nhiệm vụ, thừa tác vụ hay chức năng hay chỉ một số nhiệm vụ gắn liền với giáo vụ hay một số nhiệm vụ;

3⁰ thi hành tất cả hay một số hành vi thuộc thánh chức;

4⁰ thi hành tất cả hay một số hành vi thuộc quyền lãnh đạo;

5⁰ thi hành một số quyền lợi hay đặc quyền hay sử dụng phù hiệu hay tước vị;

6⁰ hưởng quyền ứng cử và bầu cử theo giáo luật và tham dự với quyền bỏ phiếu trong các ban Cố vấn hay trong các Hiệp đoàn của Giáo Hội;

7⁰ mang áo giáo sĩ hay tu sĩ.

§4. Tước bỏ:

1⁰ tất cả hay một số giáo vụ, nhiệm vụ, thừa tác vụ hay chức năng hay chỉ một vài công việc gắn liền với giáo vụ và nhiệm vụ;

2⁰ năng quyền giải tội hay năng quyền giảng;

3⁰ quyền lãnh đạo được thừa uỷ;

4⁰ một số quyền lợi hay đặc quyền hay phù hiệu hay tước vị;

5⁰ toàn bộ lương bổng hay một phần, tùy theo quy chế do Hội Đồng Giám Mục ấn định, trừ những gì quy định ở điều 1350, §1.

§5. Sự thải hồi khỏi bậc giáo sĩ.

Riêng đối với các tu sĩ, việc “*thải hồi*” khỏi Tu Hội nằm trong số các loại thực hình này, và được răn đe bởi Bề Trên đối với những trường hợp được dự liệu bởi Bộ Giáo Luật: về điểm này,

xem lại các số **104-111** của Cẩm Nang này.

3. Các *dược hình* và *sám hối* là những loại chế tài được Bề Trên thẩm quyền áp đặt vì mục đích sửa sai. Cụ thể có những loại sau đây:
 - a) *cảnh cáo hay sửa sai* bởi Đấng Bản Quyền theo hình thức giáo luật (x. CIC 1339): về việc cảnh cáo và khiển trách phải luôn luôn thấy rõ bởi một văn bản, văn bản đó phải lưu trong Văn Khố mật của Giáo Triều (Curia) (CIC 1339 §3).
 - b) *việc sám hối*, có thể được áp đặt ở toà ngoài và gồm việc thực hiện một vài việc đạo đức, cầu nguyện hay bác ái (x. CIC 1340).

146 10.5.3 *Áp dụng hình phạt*

Một khi đã chắc chắn rằng sự việc đã tới mức để ra một chế tài hình sự, sau khi đã tìm hết cách để sửa sai trong tình huynh đệ, Bề Trên Cấp Cao phải nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề, dựa trên các qui định của luật, rồi lo tiến hành thủ tục cần thiết. Các điều giáo luật sau đây cần được suy xét:

CIC 1341

Bản Quyền phải xúc tiến thủ tục tư pháp hay hành chính để tuyên kết hay tuyên bố một hình phạt, khi đã chắc chắn rằng những phương thể quan tâm mục vụ, nhất là việc sửa chữa trong tình huynh đệ, việc cảnh cáo cũng như sự khiển trách, không thể đủ để tái lập công lý, cải thiện phạm nhân, sửa chữa gương xấu.

CIC 1342

- §1. Mỗi khi có những lý do chính đáng ngăn cản việc tổ tụng tại toà, thì hình phạt có thể được tuyên kết hay tuyên bố bằng sắc lệnh ngoài toà án, vẫn giữ điều 1720, nhất là về những gì liên quan đến quyền tự biện hộ và sự chắc chắn luân lý trong tâm trí của người ban hành sắc lệnh theo quy tắc của điều 1608. Các *dược*

hình và các việc Sám Hối có thể được áp dụng bằng sắc lệnh trong bất cứ trường hợp nào.

CIC 1348

Khi một phạm nhân không bị buộc tội hay không bị tuyên kết một hình phạt nào cả, thì Đấng Bản Quyền có thể quan tâm đến lợi ích của đương sự cũng như đến công ích bằng việc cảnh cáo thích hợp và bằng những phương thế khác của lòng ưu tư mục vụ, hay cả bằng những được hình, nếu sự việc đòi hỏi điều đó.

CIC 1350

§2. Nếu một người nào bị thải hồi khỏi bậc giáo sĩ đang sống trong sự bần cùng thật sự do hình phạt ấy, thì Đấng Bản Quyền phải liệu giúp đỡ đương sự cách tốt nhất có thể, nhưng không phải bằng cách ban cho họ giáo vụ, thừa tác vụ hay nhiệm vụ.

Về phương diện thực hành, để tuyên các hình phạt, xem *Bộ Giáo Luật*, Phần II, Quyển VI (CIC 1364-1399), nói về “*hình phạt cho từng tội phạm*”: nên nhớ rằng trong một số trường hợp, việc chế tài bằng hình phạt chỉ đơn giản là *tuyên bố* (“*latae sententiae*” [“tiền kết”]), một số trường hợp khác là *bắt buộc tuyên phạt* qua thủ tục thông thường, và trường hợp khác nữa tùy theo *phán đoán của Bề Trên*.

10.5.4 *Kháng cáo các sắc lệnh hành chánh*: xem CIC 1732-1739.

10.6 **Miễn chuẩn và cho phép**

147

Giám Tỉnh có thể miễn chuẩn:

- *các luật liên quan đến kỷ luật*, cả luật phổ quát và luật riêng, do quyền bính tối cao của Giáo Hội đã ban hành, nhưng chỉ theo hướng của điều 87 §2: “Nếu gặp khó khăn trong việc thượng cầu lên Tòa Thánh và đồng thời có nguy cơ gây thiệt hại nặng do sự trì hoãn, thì bất cứ Đấng Bản Quyền nào cũng có thể miễn chuẩn những luật ấy, kể cả khi sự miễn chuẩn

được dành cho Tòa Thánh, miễn là sự miễn chuẩn ấy Tòa thánh vẫn quen thường ban trong những hoàn cảnh tương tự, vẫn giữ nguyên qui định của điều 291” (liên quan đến việc miễn chuẩn luật độc thân mà chỉ một mình Đức Giáo Hoàng có thể ban) (cũng xem CIC 14);

- *luật giữ chay và kiêng thịt*, theo các qui định của CIC 1245, cho những người thuộc quyền mình, các tập sinh và những người khác cư ngụ ngày đêm trong Nhà Salêdiêng (các “Đặc ân” được ban cho Tu Hội 71/2 - cho phép thi hành năng quyền này cả cho các FMA và các tập sinh của họ);
- *luật đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ* trong những trường hợp khẩn cấp (liên quan đến các nghĩa vụ mục vụ hay bác ái đối với tha nhân, không áp dụng các lý do chỉ có tính cá nhân) (xem “*Privileges*” [các “Đặc Ân”] 75/1.4).

148

Theo luật riêng của chúng ta (QC 149) và luật chung (xem CIC 41), Giám Tỉnh có thể *tạm treo việc thi hành một lệnh của một Bề Trên*, khi có những lý do nghiêm trọng trái nghịch khiến ngài tin rằng nếu các Bề Trên thẩm quyền biết những lý do ấy, các ngài có thể đã hành động cách khác. Tuy nhiên, trong những trường hợp như thế, Giám Tỉnh sẽ thông báo ngay mọi sự cho các Bề Trên hữu quan. Nếu lệnh được treo liên quan đến một hội viên, thì trong khi chờ phản hồi của các Bề Trên, đương sự tuân theo lệnh của Giám Tỉnh.

11. QUẢN TRỊ TÀI SẢN VẬT CHẤT

149

Chương này nói về các qui tắc mà luật phổ quát và luật riêng của chúng ta đã thiết lập cho việc quản trị các tài sản vật chất, với sự chú ý đặc biệt về việc quản trị của cộng thể tỉnh. Khi nói về khía cạnh này của đời sống cộng đoàn, Hiến Luật khẳng định rằng Giám Tỉnh “hướng dẫn và kiểm soát việc quản trị tài sản của tỉnh và của từng nhà.” (x. HL 161). Nên tìm hiểu ý nghĩa của trách nhiệm này, cả về các của cải vật chất, trong cuốn Cẩm Nang Giám Tỉnh.²

Trong trách nhiệm quản trị tài sản vật chất của mình, Giám Tỉnh được sự hỗ trợ của BCV tỉnh (x. HL 161, 164), và trước hết là sự giúp đỡ của *Quản Lý tỉnh*, người mà Hiến Luật của chúng ta muốn ở bên cạnh Giám Tỉnh. Theo cách này, luật riêng của chúng ta phù hợp với luật chung rằng: “Trong mỗi dòng cũng như trong mỗi tỉnh có một Bề Trên cao cấp đứng đầu, phải có một người quản lý được đặt theo qui tắc của luật riêng và phân biệt với Bề Trên cấp cao. Quản lý quản trị tài sản dưới sự hướng dẫn của Bề Trên hữu quan.” (CIC 636)

Những gì được nói về Giám Tỉnh và Quản Lý tỉnh thì cũng có thể áp dụng vào cấp địa phương, với những khác biệt cần thiết. Ở cấp địa phương, Giám Đốc là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc quản trị tài sản của nhà (x. HL 176), được quản lý nhà giúp đỡ (x. HL 184). Cần lưu ý rằng điều 636 của giáo luật được trích dẫn ở trên cũng nói: “Nếu có thể được, cả trong các cộng thể địa phương cũng nên có một quản lý phân biệt với Bề Trên địa phương.” Luật riêng của chúng ta nói thêm rằng thông

² Xem *L'Ispezzore salesiano* (“Giám Tỉnh Salêdiêng”), Roma 1987, Ch. 12, các số 439-448.

thường chức vụ phó giám đốc không nên kiêm nhiệm chức vụ quản lý. (x. QC 182).

Sau đoạn nhập đề trên, chương này xét đến một số nhiệm vụ của Giám Tỉnh, được BCV tỉnh và Quản Lý tỉnh trợ giúp, trong việc chu toàn những gì được qui định bởi luật riêng của chúng ta.

11.1 Các hoạt động ngoại thường

150

Sau khi tuyên bố rằng Tu Hội có quyền sở hữu của cải vật chất (“không được do một thể nhân đứng tên và chỉ được duy trì trong mức độ có ích trực tiếp cho các công cuộc”), Hiến Luật điều 187 nói: *“Cấm mua tậu, giữ các bất động sản chỉ vì mục đích kiếm lời và mọi hình thức đầu tư trục lợi lâu dài, trừ những gì được Hiến Luật dự liệu tại điều 188.”*

Điều 188 xác định rõ ràng những trường hợp cần phải có phép của Bề Trên Cả và BCV ngài: đây là sự bảo đảm do luật đòi hỏi để các hoạt động kinh tế và tài chánh được qui hướng về sứ mạng, hoàn toàn tôn trọng các qui định của Hiến Luật. Vì thế điều 188 này nói:

“Cần phải có phép của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của Ban Cố Vấn ngài, để:

1. mua tậu, di nhượng, đổi chác, cầm cố, cho thuê các bất động sản;
2. ký kết giao kèo vay mượn có hay không thế chấp;
3. tiếp nhận tài sản thừa kế, di tặng hay tặng phẩm có kèm nghĩa vụ phải thực hiện; về các của nhận được với không kèm nghĩa vụ thì chỉ cần báo cáo;
4. thiết lập các quỹ trợ cấp lâu dài, quỹ học bổng, quỹ bổng lễ, những tặng lập riêng biệt hay những quỹ phúc lợi;
5. xây dựng công trình mới, phá huỷ công trình hiện hữu

hay thực hiện những biến đổi quan trọng.

Cần lưu ý đến sự thay đổi so với bản Hiến Luật trước (ấn bản 1972). Đây là sự thay đổi mà các thành viên Tổng Tu Nghị 22 muốn thêm vào ở điểm số 3. Họ muốn phân biệt giữa các của thừa kế, di tặng hay tặng phẩm *nhận được với các nghĩa vụ kèm theo và các của nhận được mà không kèm theo một nghĩa vụ nào*. Trong khi loại thứ nhất cần phải xin phép, thì đối với loại thứ hai, Hiến Luật nói rõ là *chỉ cần báo cáo*. Việc báo cáo này được gửi lên Bề Trên Cả và BCV ngài *đối với từng thứ nhận được*, giải thích rõ đã nhận được tài sản gì, giá trị tương đối của nó và nó sẽ được sử dụng như thế nào.

151 Trong khi Hiến Luật xác định rằng cần phải có phép của Bề Trên Cả với sự ưng thuận của BCV ngài đối với các giao dịch được liệt kê tại điều 188, Hiến Luật cũng cho phép Giám Tỉnh với BCV của ngài được hành động mà không phải xin phép *khi một hoạt động không vượt quá số tiền được ấn định*. Điều 189 xác định quyền tự quyết này của Giám Tỉnh và qui định rằng việc ấn định giới hạn giá trị mà Giám Tỉnh được phép hành động là thuộc quyền Bề Trên Cả cùng với BCV của ngài, sau khi đã nghe ý kiến của các Giám Tỉnh với các BCV liên quan của các ngài và lưu tâm tới các quyết định của Toà Thánh. Trên thực tế, Bề Trên Cả cùng với BCV của ngài lưu tâm tới các tình hình thay đổi và định kỳ ấn định cho mỗi tỉnh những giới hạn giá trị mà Giám Tỉnh với BCV tỉnh có thể tự cho phép mình thực hiện các hoạt động kinh tế và tài chánh.

152 Đối với tất cả các hoạt động kể trên, trong mọi trường hợp đều cần có sự ưng thuận của BCV tỉnh. Khi hoạt động liên quan tới một nhà trong tỉnh, thì đòi phải có ý kiến của BCV địa phương, BCV này phải phản ánh kết quả của một cuộc tra cứu trong phạm vi của chính cộng thể ấy.

Sau đây là những thủ tục phải theo trong những trường hợp cần có phép của Bề Trên Cả và BCV ngài:

- Giám Tỉnh gửi cho Bề Trên Cả (nếu cần thông qua Tổng Quản Lý) biên bản của BCV tỉnh, và khi vấn đề liên quan đến một nhà, thì cũng cần biên bản của BCV địa phương. Các biên bản phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tạo thành một ý tưởng đầy đủ về hoạt động (mục đích, qui mô, khoản tài chánh cần thiết, cách để có khoản tài chánh ấy) và các đánh giá, các vấn đề, các hoài nghi có thể có của các Cố Vấn, phiếu biểu quyết.
- Kèm theo biên bản, Giám Tỉnh sẽ gửi kèm thêm một bản *tường trình* với đầy đủ hồ sơ, để có thể trình bày ý kiến với đầy đủ sự hiểu biết và chịu trách nhiệm về quyết định; Giám Tỉnh phải bảo đảm rằng tất cả việc này đã được thực hiện, cho dù công việc thực tiễn thuộc về nhiệm vụ của Quản Lý.

Các đoạn tiếp theo sẽ bàn về một số giao dịch gọi là “ngoại thường” được liệt kê tại điều 188 của HL.

11.2 **Mua tậu bất động sản**

153 Đây là một loại hoạt động không bao giờ được thực hiện chỉ để đầu cơ kiếm lời: trong các cộng thể chúng ta, không được có chuyện mua một thứ gì và đầu tư vốn để sau đó bán lấy lời. Mục đích là để có thể mở rộng các phương tiện của công cuộc hiện hữu hay để mở thêm vào đó (vd.,, một khu đất để cắm trại kỳ nghỉ, một phòng tập thể dục, một sân thể thao hay sân chơi), đương nhiên sau khi đã tìm hiểu kỹ nhu cầu và khả năng tài chánh.

Xác định mục tiêu của công cuộc là điều rất quan trọng, đặc biệt nếu đó là một công trình mới; và không chỉ nói chung chung, nhưng cũng phải dựa vào đó mà có những chọn lựa lãnh vực mục vụ của Tỉnh dòng và do đó phải là định hướng trong sứ

mệnh. Vì lý do này, phải xác định rõ rệt mục đích của công trình. Phải bao gồm một bản vẽ thiết kế và cũng cần nghĩa về khu đất, tầm quan trọng của công trình, các toà nhà có thể có và kích thước của khu đất đang định mua. Sau cùng, phải chỉ ra thực thể nào hay nhà nào đang định mua khu đất, cũng như nó giá bao nhiêu, sẽ phải trả tiền bằng cách nào và ai sẽ phải trả tiền.

11.3 Chuyển nhượng bất động sản có hay không kèm theo nghĩa vụ (bán hay tặng)

154 Vấn đề này liên quan đến các bất động sản chúng ta có được bằng những cách khác nhau, không có công dụng cho các công cuộc của chúng ta hay không còn được dùng tới trong công cuộc của chúng ta. Chắc chắn nên bán đi hay cho đi nếu có lý do khuyến làm hành vi quảng đại này.

Khi là vấn đề bán tài sản đi, cùng một nguyên tắc nghèo khó khiến chúng ta phải bán nó, cũng phải khiến chúng ta không được bán với giá bèo.

Do đó phải chọn những thời điểm và những cách được giá nhất để bán.

Để xin phép «Nulla osta» để bán hay cho đi bất động sản, nói chung, phải theo thủ tục đã nói tới ở số **152** trên kia.

Cần lưu ý rằng để bán bất động sản của một *nhà sắp sửa đóng cửa*, cần xin phép trước cho việc giải thể đóng cửa (x. số **127**), sau khi đã thông báo cho Giám Mục giáo phận tại nơi có nhà ấy.

Trong mọi trường hợp, khi xin phép Bề Trên Cả để bán bất động sản, phải nói rõ số tiền (ít là ước tính) sẽ bán được, và nói rõ số tiền này sẽ dự định dùng vào việc gì. Nếu là một món tiền rất lớn, việc sử dụng món tiền này cần được sự phê chuẩn của Bề Trên có thẩm quyền.

- Đối với việc bán các bất động sản mà cần có *Nulla Osta*

(*phép*) của Toà Thánh (khi vượt quá mức giới hạn được ấn định bởi Bộ Vatican), cần phải thêm vào hồ sơ: 1) một tường trình kỹ thuật chính xác về giá trị của bất động sản; 2) sự đồng ý từ giám mục giáo phận cho việc bán bất động sản này. Các tài liệu này đã được yêu cầu do qui định của Toà Thánh trong việc bảo vệ các tài sản của giáo hội.

11.4 **Vay mượn**

Ký giao kèo cho vay tiền hay vay là những hoạt động đôi khi cần thiết và ngay cả nên làm, nhưng phải được làm với sự thận trọng thích đáng, với sự hiểu biết thực tế về khả năng kinh tế của tỉnh hay của nhà hay một thực thể, và có hiểu biết về thẩm quyền cho vay. Cần lưu ý tới viễn tượng tương lai liên quan đến việc thanh toán đầy đủ khoản cho vay hay khả năng trả dần khoản vay.

Phải luôn luôn nhớ rằng không bao giờ được khởi sự các giao dịch này một cách may rủi với một cái nhìn mơ hồ không chắc chắn về tương lai, thường là với ảo tưởng mong chờ một khoản thu nhập không chắc chắn (quyên góp, hi vọng được tài trợ, biếu tặng). Có sự rủi ro đặt một nhà, một tỉnh vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng và làm cho đời sống những người sẽ đến sau mình thành chật vật.

Bộ các Tu Hội thánh hiến là bộ có thẩm quyền cho phép ký kết các khoản vay nợ vượt quá một mức giới hạn đã ấn định. Giới hạn này nay được ấn định bởi Hội Đồng Giám Mục của mỗi quốc gia.

Trái lại, khi khoản vay không vượt quá mức ấn định nói trên thì chỉ cần phép "*Nulla osta*" của Bề Trên Cả với BCV ngài là đủ.

Nhưng cả trong trường hợp thứ nhất, vẫn là Bề Trên Cả với BCV ngài, chiếu theo HL 188, cho phép tiến hành vụ giao dịch rồi

chuyển đơn lên Bộ Giáo Hoàng.

Về các mục đích để xin phép, không có gì khác biệt giữa *cầm cố*, *vay mượn* hay *một phiếu vay ngân hàng*. Trong mỗi trường hợp, cần có phép *nulla osta* để tiến hành. Thủ tục phải theo để nhận được phép đã được nói tới ở trên (x. số **152**). Các điều khoản cụ thể của việc giao dịch phải được nêu rõ (thời gian, lãi suất, các điều kiện trả nợ hay chuộc lại), các bảo chứng (*cầm cố*, *thế chấp*) và các phương thế cụ thể và bảo đảm mà ngân hàng đòi hỏi để bảo đảm việc hoàn trả. Về tất cả các chuyện này, tốt nhất là xin tư vấn của các chuyên gia.

Trong khi để cho Quản Lý lo công việc và các chi tiết, Giám Tỉnh, vào thời điểm họp BCV tỉnh, phải thấy rõ rằng mọi sự đều minh bạch và đã được tính toán.

11.5 **Tiếp nhận tài sản thừa kế, các vật di tặng hay dâng cúng**

156 Các của di tặng có điều kiện trong một di chúc cũng thuộc loại này. Khi liên quan tới việc gia tăng tài sản từ các thực thể theo giáo luật (*enti canonici*) thì không cần phép của giáo quyền.

Nhưng trong nội bộ Tu Hội, để chấp nhận tài sản thừa kế, của di tặng hay tặng, Hiến Luật đòi phải có phép của Giám Tỉnh với BCV ngài, hay của Bề Trên Cả với BCV ngài, tùy theo quyền tài thẩm tương ứng (x. HL 188-189).

a. Khi các giao dịch này *gắn liền với nghĩa vụ hay ràng buộc*, để tiếp nhận cần phải có phép của Bề Trên Cả và BCV ngài, đặc biệt khi nghĩa vụ này đòi phải thiết lập một công cuộc.

Trong các trường hợp này, trước hết không được nhìn đến và tính theo sự bề thế của gia tài được tặng. Thay vào đó, phải xét xem có đi vào trong các mục đích của chúng ta không, có đáp ứng các nhu cầu của địa phương hay không, có thể thực hiện bằng các phương tiện được dâng tặng

không, có thể duy trì được không, và nhất là trong vấn đề nhân sự, có thể điều hành một cách hiệu quả về hoạt động tông đồ hay không.

Nếu một tài sản được tặng chỉ với danh nghĩa làm phúc, nó phải được bán càng sớm càng tốt, theo các qui tắc quản trị an toàn. Trong trường hợp này, vấn đề được tường trình cho Bề Trên Cả và Ban Tổng Cố Vấn với đơn xin "*Nulla osta*" để tiếp nhận và bán tặng vật ấy.

- b. Về các cửa thừa kế, di tặng và tặng phẩm *được chấp nhận không kèm theo nghĩa vụ*, chỉ cần *thông báo* cho Bề Trên Cả và BCV ngài (x. HL 188, 3).

11.6 **Phá huỷ nhà hiện hữu, xây cất nhà mới, và các thay đổi quan trọng trong một nhà**

157

Các bước sau đây cần có để xin phép thực hiện các hoạt động này, theo ý của HL 188:

1. *Chuẩn bị các đề án*, được soạn bởi các chuyên gia uy tín có hiểu biết về các nhu cầu của chúng ta. Phải tránh biểu lộ sự phô trương, thừa thãi và xa hoa. Cần giữ mọi sự giản dị và chừng mực, hòa hợp các qui chuẩn của khoa kiến trúc hiện đại với tinh thần nghèo khó. Đặc biệt lưu ý tới tính thiết dụng (x. HL 77). Vật tư và kiểu xây dựng phải bảo đảm tính chất an toàn và lâu bền. Đây là cách tốt nhất để trung thành với nguyên tắc tiết kiệm.
2. Tính toán diện tích của đề án và *soạn một ngân sách*.
3. Nghiên cứu *kế hoạch tài trợ đề án*, dựa trên các yếu tố thực tiễn và chắc chắn.
4. Rồi xét duyệt tất cả trong các BCV liên quan (*BCV địa phương và tỉnh*) và gửi cho Bề Trên Cả và BCV ngài các đề nghị kèm theo các tài liệu nói trên cùng với biên bản của BCV tỉnh (và cả của BCV địa phương nếu đề án liên quan tới một nhà).

Cần lưu ý nếu đề án là một cơ sở mới, phép xây cất không tương đương với phép mở cơ sở; cần phải xác định rõ trong đơn xin đây là bắt đầu xây một ngôi nhà mới cho một cơ sở tương lai, hay việc xây dựng này cũng được kèm theo một đơn xin mở một nhà mới, chiếu theo HL 132, 1.2.

5. Công trình luôn luôn được tiến hành dưới sự giám sát và chỉ thị của Giám Tỉnh, được đại diện bởi Quản Lý tỉnh. Trong khi thực hiện công trình, phải kiểm tra tiến độ ở các giai đoạn khác nhau, phải đối chiếu *bảng đã chi với bảng dự chi*, để kiểm soát được tình hình. Nếu ở một thời điểm nào đó, trái với sự dự liệu, hết tiền, phải đình chỉ công trình cho tới khi các khó khăn có thể được giải quyết.

11.7 **Trợ cấp suốt đời, học bổng, bổng lễ hay các quỹ đặc biệt và các tổ chức từ thiện**

158 Không còn được phép nhận các nghĩa vụ dâng thánh lễ suốt đời, nhưng chỉ được nhận với một thời gian nhất định, kể cả thời gian dài (x. CIC 1303 §1.2).

Khoản vốn sinh lời liên quan phải luôn luôn được duy trì cho suốt thời gian thực hiện nghĩa vụ dâng thánh lễ.

Đối với các hoạt động khác được nhắc đến ở trên (trợ cấp lâu dài, học bổng, các quỹ hay các tổ chức từ thiện), cần phải tiến hành một cách thận trọng, xem xét chúng trong các BCV liên quan, tỉnh và địa phương, và cũng phải xin tư vấn của các chuyên gia.

Thủ tục phải theo để xin phép Bề Trên Cả đã được nói ở số **152** trên đây.

11.8 **Các yêu cầu khác chiếu theo Quy Chế**

Đây là một số việc khác cần phải làm và bao gồm trách nhiệm đặc biệt của Giám Tỉnh và BCV ngài.

11.8.1 Báo cáo tài chính hằng năm

159

Điều 636 của Bộ Giáo Luật cho phép việc kiểm soát quản trị định kỳ, được thực hiện chủ yếu bằng việc trình bày báo cáo quản trị (rendiconto). Giáo Luật nói: “Theo định kỳ và cách thức do luật riêng ấn định, các quản lý và các quản trị viên khác phải trình việc quản trị của mình cho nhà chức trách có thẩm quyền.” (CIC 636 §2). Luật riêng của chúng ta xác định thời gian và cách thức mà các quản lý ở các cấp khác nhau phải trình bản báo cáo của họ.

a. Ở cấp tỉnh:

- Điều 196 của Qui Chế Tổng Quát qui định: “Quản lý tỉnh phải lo định kỳ thông báo việc quản trị của mình cho Giám Tỉnh và BCV ngài, và mỗi năm soạn thảo ngân sách dự trù và bảng cân đối thu chi để được phê chuẩn thích đáng.” Điều 156, 10 của Qui Chế nói rõ rằng cần có sự ưng thuận của BCV tỉnh để có thể phê chuẩn bảng cân đối thu chi và ngân sách tài chánh nói trên.
- Điều 196 của Qui Chế cũng nói rằng hằng năm phải gửi về cho Tổng Quản Lý *một bản của bảng cân đối thu chi của tỉnh (báo cáo tài chánh) được Giám Tỉnh và BCV tỉnh ký tên.*
- Để có sự đồng bộ, bảng cân đối thu chi của tỉnh phải được điền vào các mẫu điện tử phù hợp do Tổng Quản Lý gửi tới (bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau).

b. Ở cấp địa phương:

- Điều 202 của Qui Chế Tổng quát qui định: “Quản Lý sẽ luôn luôn mau mắn trình bày việc quản lý của mình cho Giám đốc và BCV. *Hằng năm và mỗi khi được yêu cầu, ngài sẽ báo cáo lên Giám Tỉnh và Quản Lý tỉnh việc quản trị của mình.*”
- Điều 194 của Qui Chế cũng chỉ ra thủ tục cho các báo cáo hằng năm này: “Quản Lý tỉnh phải nhất trí với Giám Tỉnh: ... 4. trong việc yêu cầu mau mắn gửi về bản báo cáo tài

chánh hằng năm và các báo cáo định kỳ khác theo mẫu được gửi cho họ...”;

- Đây có thể là chỗ thích hợp để nhắc lại hai điều của Qui Chế nói rõ về nghĩa vụ *cung cấp thông tin cho cộng thể* về các khía cạnh kinh tế và quản trị:
 - QC 202: “Qua những cách thức và những thời điểm thích hợp, đặc biệt khi lên kế hoạch và lập bảng cân đối thu chi, ngài [Quản Lý nhà] sẽ lưu ý tất cả cộng thể về tình trạng kinh tế tài chánh bình thường và ngoại thường của nhà.”
 - QC 184: “Những nhiệm vụ và bốn phận chính của Hội Nghị Hội Viên liên quan đến cộng thể là: ... 5. tìm hiểu và suy nghĩ về tình hình kinh tế, cũng nhằm thực thi đức nghèo khó tập thể.”

11.8.2 *Đóng góp hằng năm của các Nhà cho Tỉnh*

160 Giám Tỉnh với sự ưng thuận của BCV sẽ quyết định về mức đóng góp phù hợp mà mỗi nhà phải dành cho các nhu cầu của tỉnh (x. QC 197). Giám Tỉnh sẽ ấn định mức đóng góp này dựa trên các nhu cầu của tỉnh, đang khi hiểu biết và lưu tâm đến tình hình kinh tế của mỗi nhà.

Một phần nhiệm vụ sinh động hoá của Giám Tỉnh là thuyết phục các cộng thể địa phương về nghĩa vụ này để góp phần vào việc xây dựng cộng thể tỉnh (ơn gọi, đào luyện, sinh động hoá...).

Việc thanh toán khoản đóng góp này phải được quan tâm cách trung thành vì tình liên đới. Hoàn toàn chính đáng nếu nó được thanh toán thành nhiều lần để tránh nguy cơ mất khả năng thanh toán, và nó được coi là một “món nợ ưu tiên”.

Khi cho phép một nhà được phép mở một công cuộc hay thực hiện những việc mua tậu ngoại thường, các khoản chi tiêu này không bao giờ được phương hại đến phần đóng góp hằng năm

(*quota*) của nhà cho tỉnh. (Có thể có những cách khác để thoả mãn nghĩa vụ này).

11.8.3 *Sử dụng tiền dư thừa*

161 Giám Tỉnh sẽ rút từ các nhà số tiền mà họ có sẵn và với quỹ của tỉnh giúp những nhà túng thiếu hay những nhà đang phải chi tiêu những khoản tiền lớn mà đã được phép thích hợp (x. QC 197); xem “*Orientamenti e direttive*” (“Các đường lối và các chỉ dẫn”) trong AGC số 367, tr. 48.

Bằng cách lập kế hoạch với sự tham gia và hợp tác của các hội viên đặc trách, sẽ không nhiều khó khăn để có thể đi tới một thoả thuận lưu chuyển tài chánh nào đó.

11.8.4 *Các yêu cầu được dự liệu bởi Qui Chế 190*

162 Điều 190 của Qui Chế rất quan trọng cho việc quản lý kinh tế tốt đẹp của tỉnh; nó chạm tới trách nhiệm của Tu Nghị Tỉnh và cả trách nhiệm của Giám Tỉnh và BCV tỉnh. Giám Tỉnh phải lo liệu để TNT cung cấp cho mọi người những yêu cầu đã qui định được nhắc tới ở đây:

“Nhiệm vụ soạn thảo những qui tắc chi tiết về việc quản trị cấp tỉnh và địa phương được dành cho Tu Nghị Tỉnh. Cách riêng phải đưa ra những hướng dẫn:

1. về sổ bộ, các văn thư lưu trữ quản trị để lưu giữ các công báo, hợp đồng, di chúc, thống kê, sổ nợ, sổ kê khai tài sản, v.v... ;
2. về việc lập hồ sơ sản nghiệp, lưu giữ an toàn các vật giá trị và các tài liệu quan trọng;
3. về những của di tặng dành cho việc phụng tự và những trợ cấp phúc lợi;
4. về việc kế toán và thống nhất việc quản trị các lãnh vực khác nhau của một công cuộc;

5. về quan hệ kinh tế giữa giáo xứ và nhà, phù hợp với các qui định của luật phổ quát và Hiến Luật;
6. và về mọi qui tắc khác mà kinh nghiệm địa phương đề ra.

Tu Nghị Tỉnh có thể uỷ thác nhiệm vụ trên cho Giám Tỉnh và Ban Cố Vấn ngài.”

Về trách nhiệm của TNT đối với phần kinh tế của Chỉ Nam Tỉnh, xem AGC số 382, tr. 42-49.

11.9 Các quan hệ kinh tế giữa Nhà Salêdiêng và Giáo xứ Salêdiêng

163 Ở Chương 8, khi thảo luận về việc Tu Hội Salêdiêng nhận một giáo xứ (x. số **126**), Cẩm Nang này đã nói rằng phải lập một hợp đồng giữa Tu Hội Salêdiêng được đại diện bởi Giám Tỉnh (nhân danh Bề Trên Cả) và Đấng Bản Quyền sở tại. Bộ Giáo Luật nói rõ rằng hợp đồng này (x. CIC 681 §2) cũng phải bao gồm các sắp xếp về tài chánh. Chiếu theo qui tắc này, *các vấn đề tài chánh phải được xác định trong hợp đồng* liên quan đến các điểm sau đây:

- mô tả các ranh giới;
- hiện tình tài chánh (có những món nợ trước hay những nghĩa vụ tài chánh khác hay không);
- mức độ các toà nhà (với bản sơ đồ đính kèm); phần đất nào sẽ phải giao cho giáo xứ sử dụng;
- bản liệt kê các động sản và bất động sản (ghi rõ quyền sở hữu);
- các nghĩa vụ và quyền của cha xứ và của các cộng sự của ngài; các hình thức trả công;
- quản trị giáo xứ: quyền pháp lý, cách riêng việc bảo trì bình thường và ngoại thường;
- những hoạt động ngoại thường có thể có trong nhà thờ hay

trong những nơi thuộc giáo xứ.

Lưu ý rằng *bảng kê khai tài sản* được yêu cầu bởi điều 1283, 2 của Bộ Giáo Luật, trong đó có nói: “phải làm bản liệt kê chính xác và riêng rẽ từng bất động sản, và những động sản quý báu hay thuộc kho tàng văn hóa, và những đồ vật khác, cùng với sự mô tả và ước định giá trị của chúng...”, và Giáo luật còn thêm: “. sau khi đã soạn thảo phải được xác nhận”. Quy Chế của chúng ta cũng đòi hỏi điều này: “Cần phải giữ cho phân biệt rõ ràng, qua những tài liệu sổ sách, những tài sản thuộc giáo xứ *theo đúng nghĩa* và những tài sản thuộc về Tu Hội.” (QC 30). Giáo Luật điều 1283, 3 nói thêm: “Một bản liệt kê sẽ được lưu trữ trong văn khố quản trị; một bản khác trong văn khố của giáo toà.” Cũng nên có một bản thứ ba được giữ tại văn khố của nhà dòng (hay văn phòng quản lý tỉnh). Mọi thay đổi và cập nhật liên quan đến tài sản phải được ghi chú trong tất cả các bản.

Về tài sản gắn liền với giáo xứ, cần phân biệt:

a. *Về các bất động sản thuộc tài sản của Tu Hội Salêdiêng (của nhà dòng/tu viện):*

Việc quản trị các tài sản này, có mục đích sử dụng cho giáo xứ nhưng thuộc quyền sở hữu của nhà dòng, *thì thuộc thẩm quyền nhà dòng*, và vì thế cần phải xin phép và phải báo cáo cho Bề Trên thẩm quyền (thông qua quản lý địa phương). Tuy nhiên, rõ ràng là cộng thể có quyền yêu cầu giáo dân của giáo xứ trợ giúp để khôi phục hay tôn tạo nhà thờ hay những khu vực để cho giáo xứ sử dụng; nhưng việc kiểm soát các của dâng cúng và chi phí là công việc của Bề Trên Salêdiêng, là người đương nhiên sẽ hành động thông qua hội viên của mình là cha xứ.

b. *Về các bất động sản thuộc tài sản của Toà Giám Mục (hay một thực thể của giáo xứ):* Thẩm quyền của việc quản trị thuộc *Đấng Bản Quyền* sở tại. Việc quản trị đó nhờ đến cha

xứ, cha xứ phải xin những phép cần thiết và phải báo cáo cho Đấng Bản Quyền sở tại. Trong vấn đề này, cần lưu ý rằng Bề Trên Dòng chịu trách nhiệm trước cộng thể về việc tuân giữ các luật của Hội Thánh, cả luật phổ quát và luật riêng, cũng như các chỉ thị của Giám Mục. Do đó ngài phải cảnh giác để việc quản trị các tài sản giáo hội được uỷ thác cho các tu sĩ của mình được thực hiện phù hợp với luật và tinh thần của luật (x. CIC 678 §2).

c. Phải lưu tâm tới các nguyên tắc sau đây *trong việc quản trị giáo xứ*:

- việc quản trị giáo xứ “trên danh nghĩa là giáo xứ” thuộc về cha xứ, là người được Giám Mục bổ nhiệm qua sự giới thiệu của Giám Tỉnh (x. CIC 532; cũng xem QC 27).
- trong việc quản trị tài sản của giáo xứ, cha xứ được sự trợ giúp của một “*Ban cố vấn về những vấn đề kinh tế*”, mà qui tắc của điều 537 của Bộ Giáo Luật buộc phải được thành lập. Lưu ý rằng uỷ ban này mang tính chất tham vấn, giữ nguyên trách nhiệm của cha xứ (người chủ toạ Ban Cố vấn) được thiết lập bởi CIC 532.

Sau khi đã rõ nguyên tắc là việc quản trị giáo xứ thuộc thẩm quyền của cha xứ, cần xem xét mối quan hệ của ngài với cộng thể tu sĩ Salêdiêng sinh động giáo xứ (cả khi cộng thể Salêdiêng này chính là cộng thể được uỷ thác chỉ nhằm trông coi giáo xứ hay khi cộng thể này cũng có những công cuộc khác ngoài việc trông coi giáo xứ). Theo một tiêu chí chung (ngoài những gì đã được nói đến ở trên về các bất động sản), cần *phân biệt rõ ràng giữa việc quản trị và việc kế toán của giáo xứ với việc quản trị và việc kế toán của nhà dòng (tu viện) trên danh nghĩa là nhà dòng*. Do đó phải có sổ sách kế toán khác nhau.

- Một điểm cần xem xét là về *những thu nhập thuộc về cộng thể và những thu nhập thuộc về giáo xứ*. Trong một số giáo

phận, có những luật xác định cái gì thuộc về cha xứ và các cha phụ tá của ngài, và cái gì thuộc về nhà thờ và giáo xứ. Trong trường hợp của chúng ta, các tiêu chí chính như sau:

- Các khoản thu nhập cá nhân của cha xứ và của các cha phụ tá của ngài, thì thuộc về cộng thể Salêdiêng (theo điều 76 Hiến Luật): tiền công, tiền lương của giáo phận, tiền trợ cấp và tiền xin lễ. Do đó các khoản thu nhập này được đưa vào quỹ của cộng thể tu sĩ.
- Chiếu theo CIC 531, các khoản “dâng cúng” liên quan các cử hành, thì thuộc về giáo xứ. Cũng vậy, các của dâng cúng tự nguyện cho giáo xứ, thì thuộc về giáo xứ, trừ khi người cho có một ý muốn rõ ràng ngược lại. Tuy nhiên về điểm này, giáo phận có những qui tắc cho các trường hợp đặc biệt và phải theo các qui tắc này.

Ý thức được những khó khăn trong các mối tương quan giữa cộng thể tu sĩ và cộng đoàn giáo xứ, đặc biệt trong lãnh vực kinh tế, *điều 190, 5 của Qui Chế yêu cầu các Tu Nghị Tỉnh* đề ra những qui tắc chi tiết cho các mối quan hệ này.

Sau cùng, phải nhớ những gì QC 198 nói: “Cả các hội viên đặc trách các công cuộc, mà theo như điều lệ hay qui ước có một Ban Cố Vấn Quản Trị biệt lập, cũng buộc phải báo cáo việc quản lý của mình cho các Bề Trên dòng.” Đây là một nguyên tắc của đời tu không nghịch với tính tự quản mà các luật giáo hội (và dân sự) ban cho những người quản trị.

Bốn phận *báo cáo việc quản lý* được xác nhận bởi *CIC 687 §2*: “Khi làm việc tông đồ ở ngoài, các tu sĩ còn phải tùy thuộc quyền các Bề Trên của mình và phải trung thành với kỷ luật của Tu Hội.” Rõ ràng việc quản lý kinh tế của cha xứ không thể bị loại trừ khỏi “hoạt động tông đồ ở ngoài” của ngài; trên thực tế, cha xứ là người chịu trách nhiệm về việc quản trị tài sản giáo xứ (x. CIC 532).

Mặt khác, bốn phận *báo cáo việc quản lý* không thể chỉ giới hạn vào việc cung cấp thông tin đơn thuần. Mặc dù không buộc phải được sự phê chuẩn, cha xứ cần phải giải trình trước Bề Trên dòng (Giám Đốc, Giám Tỉnh) các vấn đề kinh tế khác nhau, đặc biệt phải xin các ngài *ý kiến và sự cho phép trước* về các ngân sách dự chi và bảng cân đối thu chi, để giúp lưu ý đến các đòi hỏi của “đặc sủng” Salêdiêng của cộng thể sinh động giáo xứ. Cả cha xứ và bề trên dòng phải tiến hành một cách thận trọng và chừng mực, đầy sự tôn trọng đối với các quyền của giám mục và cũng lưu ý tới giá trị chuyên môn của “Ban cố vấn về những vấn đề kinh tế” của giáo xứ.

11.10 **Các qui tắc giáo luật về của thừa kế, di tặng, dâng cúng và các “thiện ý” khác**

164

Đây là chỗ thích hợp để nói về các qui tắc của Bộ Giáo Luật về các trách nhiệm của “Đăng Bản Quyền” đối với các của thừa kế, di sản, dâng cúng hay nói chung là các “thiện ý” của các tín hữu đối với các tổ chức giáo hội (giáo phận hay tu sĩ).

CIC 1301

- §1. *Bản Quyền là người thi hành tất cả các thiện ý*, dù là qua hành vi có giá trị khi còn sống (*inter vivos*) hay là hành vi có giá trị lúc đã chết (*mortis causa*).
- §2. Do quyền này, Đăng Bản Quyền có thể và phải theo dõi, kể cả bằng việc kinh lý, để cho các thiện ý được chu toàn, và các người thi hành khác, sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, buộc phải tường trình cho ngài.
- §3. Những điều khoản được thêm vào ý muốn cuối cùng mà ngược với quyền này của Đăng Bản Quyền phải được coi như không có.

CIC 1302

- §1. Người nào nhận tài sản, dù bằng hành vi sinh thời hay bằng di chúc tín thác, cho những mục tiêu đạo đức, thì *phải thông báo cho*

Đấng Bản Quyền về sự tín thác, và trình bày tất cả các tài sản, động sản cũng như bất động sản cùng với các nghĩa vụ kèm theo. Nếu người tặng mình thì cấm chỉ tuyệt đối việc thông báo này, thì không được phép nhận tín thác.

- §2 *Đấng Bản Quyền* phải đòi hỏi để tất cả tài sản tín thác được đặt nơi an toàn, và phải theo dõi việc thi hành các thiện ý theo quy tắc của điều 1301.
- §3 Đối với các tài sản được trao tín thác cho một phần tử của một Dòng tu hay Tu đoàn tông đồ, *nếu các tài sản đó được dâng với chủ ý cho một nơi hay một giáo phận hoặc dân cư ở nơi đó*, hoặc để giúp những mục tiêu đạo đức, thì *Bản Quyền* được nói tới tại §1 và §2 là *Bản Quyền sở tại*. Trong các trường hợp khác, *Đấng Bản Quyền* ấy là *Bề Trên cấp cao* trong các Dòng tu giáo sĩ theo luật giáo hoàng.

Điều 1303 của giáo luật giải thích các “thiện quỹ” gồm những gì và thuộc loại nào (tự trị hay không tự trị). Đáng chú ý là những gì điều giáo luật tiếp theo nói về việc cho phép tiếp nhận một thiện quỹ (hiển nhiên đối với chúng ta, còn thêm các qui tắc của HL 188 vào những gì được Bộ Giáo Luật qui định).

CIC 1304

- §1. Để một pháp nhân có thể nhận một thiện quỹ cách hữu hiệu, cần phải có phép bằng giấy tờ của *Đấng Bản Quyền*. Trước khi cho phép, *Bản Quyền* phải kiểm nhận hợp lệ xem pháp nhân có thể chu toàn nghĩa vụ mới lẫn các nghĩa vụ đã nhận trước đây hay không; và nhất là phải giám sát để huê lợi được cân xứng hoàn toàn với nghĩa vụ đã đặt, xét theo phong tục tại nơi và miền ấy.
- §2. Luật địa phương sẽ xác định các điều kiện khác cách tỉ mỉ hơn về sự thành lập và nhận các thiện quỹ.

Trong số các qui tắc khác nhau được đưa ra bởi Bộ Giáo Luật tại các điều 1305 và tiếp theo, liên quan đến các nghĩa vụ của các

thiện ý và thiện quĩ, nên nhớ lại một số năng quyền liên quan đến các **nghĩa vụ dâng Thánh Lễ** (bổng lễ).

CIC 1308

- §1. Chỉ khi nào có lý do chính đáng và cần thiết, thì mới được giảm thiểu các nghĩa vụ dâng Thánh Lễ. Sự giảm thiểu ấy được dành cho Tòa Thánh trừ những trường hợp được quy định sau đây.
- §2. Nếu điều này đã được minh thị dự liệu trong văn tự thành lập quĩ, thì Đấng Bản Quyền có thể giảm thiểu nghĩa vụ dâng lễ khi hoa lợi đã sụt giảm.
- §3. Xét theo bổng lễ hợp lệ hiện hành trong giáo phận, Giám Mục giáo phận có năng quyền giảm thiểu số lễ phải dâng do ý định di sản biệt lập hay do các danh nghĩa tương tự, khi nào hoa lợi đã sụt giảm và bao lâu nguyên nhân ấy kéo dài, miễn là không ai có bốn phận hay có thể bị cưỡng bách để tăng tiền dâng lễ.
- §4. Giám Mục giáo phận cũng có thẩm quyền giảm thiểu các nghĩa vụ hay ý định di sản dâng lễ dành cho các cơ sở Giáo Hội, nếu hoa lợi không đủ để đạt cách cân xứng các mục tiêu của chính cơ sở ấy.
- §5. Các Bề Trên tổng quyền của các hội dòng giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng cũng hưởng những năng quyền nói ở các số §3 và §4.

CIC 1309

Khi có một lý do cân xứng, các quyền bính được nói đến ở điều 1308 còn có quyền chuyển các nghĩa vụ dâng lễ sang những ngày giờ, nhà thờ và bàn thờ khác với những ngày giờ và nơi chốn đã được qui định trong văn bản tặng lập.

Xem thêm *CIC 1310* về nghĩa vụ và cách thức thi hành các thiện ý của tín hữu cho các mục tiêu đạo đức.

12. LIÊN LẠC GIỮA VĂN PHÒNG TỈNH VÀ VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG

12.1 Sự cần thiết của truyền thông. Các liên lạc giữa Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và BCV ngài

165 Để việc phục vụ các tỉnh dòng cũng như toàn thể Tu Hội có hiệu lực và hiệu quả, không thể bỏ qua việc xác lập sự truyền thông mau lẹ và chính xác giữa mỗi tỉnh và Trung Ương.

Hiển nhiên điểm trước tiên cần xét đến là sự liên hệ thông tin và trao đổi giữa *Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và giữa Giám Tỉnh (cùng với các cơ quan của tỉnh) với các Cố Vấn của các Ban ở Trung Ương*. Đây là vấn đề liên quan đến cả các mối liên lạc cá nhân cũng như các thông tin về bước tiến của tỉnh, việc xem xét các vấn đề và các dự án trong các lãnh vực khác nhau của việc sinh động, thông tin về các sự kiện quan trọng, v.v...

Cách riêng, về những gì liên quan đến việc *truyền thông chính thức của Giám Tỉnh với Bề Trên Cả*, luật riêng của chúng ta nói tới nhiều thời điểm liên quan đến những thủ tục phải thực hiện nơi Tỉnh dòng. Giữa những điều khác, chúng ta nhớ tới: việc phê chuẩn Chỉ Nam Tỉnh và các Nghị Quyết của Tu Nghị Tỉnh (HL 170-171), mở và đóng cửa các nhà, và thay đổi các nhà đó (HL 165, 5); nhận các công cuộc đặc biệt, ví dụ, nhận một giáo xứ (QC 25); điều hành kinh tế và quản trị (HL 188); bổ nhiệm các Cố Vấn tỉnh (HL 167) và các Giám Đốc (HL 177); và các vấn đề khác nhau liên quan đến các hội viên. Tất cả các việc này không chỉ thể hiện các bốn phận cai quản tỉnh, mà còn là những phương tiện đối thoại giữa Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và BCV ngài.

Về việc truyền thông giữa Giám Tỉnh và các Cố Vấn của các Ban

Trung Ương, chúng ta có thể tham chiếu một số điều được nói trong Luật Dòng của chúng ta:

- *Với Cố Vấn Đào Luyện*: khi để ý tới các trách nhiệm được HL trao cho ngài trong việc đào luyện ở mọi giai đoạn và các cơ cấu đào luyện (HL 135), ta thấy rõ việc đối thoại với ngài là cần thiết trong tất cả những gì liên quan lãnh vực đào luyện. Điểm nhấn đặc biệt được đặt vào việc kiểm tra định kỳ, ở cấp tỉnh, của phần nói về đào luyện trong cuốn Chỉ Nam. Giám Tỉnh sẽ thường xuyên thông tin cho Cố Vấn Đào Luyện về những vấn đề này (x. FSDB, số 2).
- *Với Cố Vấn Mục Vụ Giới Trẻ*: soạn thảo và duyệt lại kế hoạch giáo dục và mục vụ của tỉnh là một cơ hội đặc biệt để đối thoại (x. HL 136; QC 4).
- *Với Phó Bề Trên Cả*, liên quan đến *Gia Đình Salêdiêng*: Cần lưu ý những điều được nói tại HL 134: “Theo qui định của khoản Hiến Luật 5, ngài cổ vũ sự hiệp thông giữa các nhóm khác nhau, trong khi vẫn tôn trọng tính chuyên biệt và tự quản của mỗi nhóm. Ngoài ra, ngài hướng dẫn và nâng đỡ các tỉnh dòng, để trong các địa hạt mình, theo điều lệ riêng của họ, Hội Cộng Tác Viên Salêdiêng và phong trào Cựu Học Viên phát triển.” Rõ ràng trong lãnh vực này sẽ có nhiều dịp tiếp xúc giữa các cơ quan tỉnh với Phó Bề Trên Cả.
- *Với Cố Vấn Truyền Thông Xã Hội*: mối tương quan của Giám tỉnh và ban truyền thông tỉnh được qui định bởi các nhiệm vụ mà HL 137 uỷ thác cho Cố Vấn Truyền Thông Xã Hội: “Ngài cổ vũ hoạt động Salêdiêng trong lãnh vực truyền thông xã hội; cách riêng ngài phối kiểm, trên cấp toàn cầu, các trung tâm và các cơ cấu mà Tu Hội đảm trách trong lãnh vực này”, cũng như các nhiệm vụ mà Qui Chế đòi hỏi nơi các Giám Tỉnh trong lãnh vực truyền thông (x. QC 31-33).

- *Cố Vấn Truyền Giáo*: Giám Tỉnh sẽ giữ mọi mối tiếp xúc cần thiết cho việc sinh động hoá truyền giáo cũng như cho việc điều hành các công cuộc truyền giáo được uỷ thác cho tỉnh, và cho việc chuẩn bị các người truyền giáo (x. HL 138).

166

Cần có mối liên lạc thường xuyên giữa *Giám Tỉnh* và *Cố Vấn Vùng*. Trên thực tế, chiếu theo Hiến Luật, Cố Vấn Vùng chăm lo cho lợi ích của các tỉnh được trao phó cho ngài, và ngài giữ mối dây liên kết trực tiếp giữa Ban Tổng Cố Vấn với Tỉnh Dòng (x. HL 140). Vì vậy Giám Tỉnh sẽ giữ mối tiếp xúc thường xuyên với Cố Vấn Vùng, cùng ngài xem xét các vấn đề của tỉnh và trình cho ngài các giải pháp mình muốn chọn, tuy vẫn giữ nguyên quyền tự quản của mình về các quyết định như luật đã ấn định (x. QC 137).

Đặc biệt hữu ích nếu *Giám Tỉnh tham khảo ý kiến của Cố Vấn Vùng* và đưa ý kiến này vào trong tất cả các nội dung ngài trình cho Bề Trên Cả (phê chuẩn các vụ bổ nhiệm, mở hay đóng cửa các nhà, các hoạt động mới, các hoạt động kinh tế ngoại thường...). Khi các Cố Vấn Vùng có mặt ở Rôma (trong các cuộc họp toàn thể), Giám Tỉnh có thể gửi các vấn đề trực tiếp cho Cố Vấn Vùng để ngài lo trình cho Bề Trên Cả.

Một cơ hội ưu việt cho việc truyền thông của Tỉnh với Bề Trên Cả và BCV ngài là dịp *Kinh Lý Ngoại Thường*, mà Bề Trên Cả ấn định cho mỗi Tỉnh cứ sáu năm một lần (x. QC 104). Kinh Lý Ngoại Thường được thực hiện nhân danh Bề Trên Cả và với thẩm quyền được Bề Trên Cả trao cho. Thông thường quyền này được uỷ thác cho Cố Vấn Vùng, nhưng Bề Trên Cả cũng có thể uỷ thác nhiệm vụ kinh lý này cho một vị Kinh lược khác do ngài chọn.

Do bản chất của nó, cuộc Kinh Lý này phải được Giám Tỉnh cùng với BCV ngài chuẩn bị chu đáo, để cộng thể tỉnh có thể được

hưởng những kết quả họ mong đợi. Trong cuộc kinh lý này, Giám Tỉnh vẫn giữ quyền cai quản thông thường của mình, nhưng quyền này chịu sự chi phối của các quyền ngoại thường mà Bề Trên Cả trao cho vị Kinh Lược.

12.2 Công việc phục vụ của Văn Phòng Trung Ương

167

Bây giờ chúng ta đề cập một cách đặc biệt tới một hình thức truyền thông có thể được gọi là '*cơ chế*', liên quan đến việc *truyền dữ liệu và thông tin* định kỳ giữa Thư Ký Tỉnh và Tổng Thư Ký. Đây là một việc phục vụ quý báu và hữu ích được thực hiện để thi hành những gì Hiến Luật và Qui Chế (và cả Giáo Luật) đòi hỏi về tính hiệu lực của một số hành vi, cũng như để cung cấp một sự hiểu biết đầy đủ về Tu Hội (các số liệu thống kê nhằm vào mục đích này) và để lưu giữ lịch sử về các sự kiện và các con người.

Việc phục vụ của Văn Phòng Trung Ương cho các Tỉnh được thực hiện trước hết bằng việc gửi đi các tài liệu hay trả lời cho các vấn đề từ chính các tỉnh gửi đến. Có thể dễ dàng liệt kê ở đây một số hình thức truyền thông mà Văn Phòng Trung Ương phải thực hiện với các tỉnh:

- a. Gửi các Công Báo chính thức của Ban Tổng Cố Vấn [AGC] (xem QC 110) và các văn kiện khác của Bề Trên Cả và BCV của ngài mà có giá trị chung cho toàn Tu Hội;
- b. Gửi các sắc lệnh bổ nhiệm (Giám Tỉnh, Cố Vấn Tỉnh, Giám Đốc, Tập Sự) và các vấn đề khác có tính pháp lý (kết hợp với Tổng Đại Diện);
- c. Đưa các tin tức có liên quan đặc biệt tới Tu Hội;
- d. Văn Phòng Trung Ương cũng có nhiệm vụ yêu cầu các tỉnh gửi về các dữ liệu liên quan đến các hội viên và các công cuộc, cũng như tất cả những gì có ích cho Văn Khố Trung Ương của Tu Hội.

12.3 Công việc phục vụ của Văn Phòng Tỉnh

Cuốn Cẩm Nang này nói tới nhiều nhiệm vụ khác nhau của Văn Phòng Tỉnh để giúp Giám Tỉnh và BCV ngài trong việc chu toàn xác đáng nhiều công việc của các ngài. Sau đây là một trình bày tổng hợp các tài liệu chính mà các Thư Ký tỉnh phải gửi về Văn Phòng Trung Ương vào những dịp khác nhau; nó biểu thị một nguồn ưu tuyển về thông tin cho toàn Tu Hội (ngoài ích lợi cho Tỉnh).

Chúng ta phân biệt các tài liệu theo ba cấp độ:

- về mỗi hội viên;
- về mỗi cộng thể;
- về toàn thể tỉnh.

12.3.1 *Các tài liệu về mỗi Hội Viên*

168 Đây là bảng liệt kê các tài liệu cơ bản phải gửi cho Văn Phòng Trung Ương vào các dịp khác nhau về mỗi hội viên:

- Tiếp nhận vào Tập Viện;
- Đề nghị tiếp nhận vào khẩn lần đầu và mẫu xác nhận đã tuyên khẩn;
- Mẫu xác nhận mỗi lần tái khẩn tạm;
- Đề nghị tiếp nhận vào khẩn trọn và mẫu xác nhận đã tuyên khẩn;
- Các mẫu xác nhận việc ban các tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ;
- Đề nghị tiếp nhận vào chức Phó Tế và mẫu xác nhận đã chịu chức;
- Đề nghị tiếp nhận vào chức Linh Mục và mẫu xác nhận đã chịu chức;
- Thông báo một tập sinh đã rời bỏ Tập Viện;
- Thông báo một hội viên khẩn tạm đã rời Tu Hội “khi mãn hạn lời khẩn”;

- j. Thông báo một hội viên đã qua đời;
- k. Thư tang một hội viên.

Ngoài các tài liệu này, còn có các tài liệu liên quan đến các việc bổ nhiệm hay các công việc pháp lý khác, như đã nói ở các trang trước.

169

Liên quan đến thông tin về việc MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI, cần làm hai việc sau đây:

1. Khi một hội viên qua đời, *phải gửi sớm bao có thể một thông báo tới Văn Phòng Trung Ương*, trong thông báo ghi ngày và nơi qua đời và các thông tin khác có liên quan (x. MẪU THÔNG BÁO VỀ MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI: PHỤ LỤC A-4). Thông báo này quan trọng không chỉ để nó có thể được gửi sớm bao có thể tới các tỉnh của Tu Hội (thông qua tờ Công Báo của Ban Tổng Cố Vấn), nhưng trên hết cũng là để hội viên quá cố được tưởng nhớ trong kinh nguyện độ vong của các anh em. Nếu muốn đưa tin về hội viên quá cố trên tờ *Tập San Salêdiêng (Bollettino salesiano)*, phải gửi một bản tóm tắt tiểu sử của hội viên cho Giám Đốc *Tập San Salêdiêng*—via della Pisana 1111 – 00163 ROMA, ITALIA.
2. THƯ TANG là một bốn phần được qui định bởi QC 177: “Khi một hội viên qua đời, Giám Đốc sẽ cấp thời viết thư tang.” Đây cũng là một nghĩa cử của tình huynh đệ chân thành và lòng biết ơn.
Cùng một điều QC này cũng yêu cầu (Thư Ký):
 - *Gửi một ít bản (bốn hoặc năm bản) cho Văn Phòng Trung Ương* để (sau khi cho các Bề trên biết) được lưu giữ tại Văn Khố Trung Ương;
 - gửi một ít bản—ngoài những bản gửi cho các cộng thể trong tỉnh—cho các tỉnh và các cộng thể của Tu Hội, những nơi mà hội viên quá cố được biết đến (nhất là

trong Hội Đồng Liên Tỉnh hay trong Vùng);

- Đặc biệt là gửi thư cho các *cộng thể đào luyện*, nơi mà sự hiểu biết về cuộc sống và hoạt động của các hội viên giúp ích nhiều cho sự tăng trưởng của các Salêdiêng trẻ.

Tất cả những việc này phải được Văn Phòng Tỉnh lo liệu kịp thời.

Cũng phải lưu ý rằng các *tác phẩm xuất bản của các hội viên* luôn luôn được gửi về Văn Phòng Trung Ương (cho Thư Viện Trung Ương).

12.3.2 *Các tài liệu về mỗi cộng thể*

170 Các tài liệu sau đây liên quan đến mỗi cộng thể của tỉnh phải được gửi về Văn Phòng Trung Ương:

- a. Mỗi sáu năm, một *tổng hợp ký sự của mỗi nhà* trình bày những sự kiện chính và những bước quan trọng trong sự phát triển của nhà; vì không thể có ký sự đầy đủ của mỗi nhà trong Văn Khố Trung Ương, nên đây là một cách để lưu giữ lịch sử của các nhà;
- b. Thông tin về các *sự kiện quan trọng và có ý nghĩa của các nhà*, lúc các sự kiện xảy ra, đặc biệt khi chúng có âm hưởng về giáo hội hay xã hội;
Ngoài việc gửi về Văn Phòng Trung Ương, các thông tin này cũng có thể gửi cho *Tập San Salêdiêng* - bản tiếng Ý - nếu muốn được đăng trên Tập San.
- c. Sẽ rất tốt nếu các bản tin từ ký sự có các *hình ảnh tư liệu* kèm theo. Các hình ảnh này phải được ghi chú ở mặt sau: 1) tên của nơi tấm ảnh được chụp; 2) ngày tấm ảnh được chụp; 3) sự kiện trong tấm ảnh; 4) tên những người đặc biệt có ý ghi nhớ.

12.3.3 *Các tài liệu về mỗi Tỉnh*

Đối với Tỉnh dòng xét trong toàn thể, đặc biệt có ba lần Văn

phòng thư ký Tỉnh phải gửi các dữ liệu cho Văn Phòng Trung Ương để sử dụng cho toàn Tu Hội. Các dữ liệu này gồm:

- a. Một bản cho quyển ANNUARIO (*Niên Giám*) của Tu Hội;
- b. Bảng thống kê (FLASH) vào cuối năm;
- c. Bảng thống kê các hoạt động và công cuộc.

A. ANNUARIO (*NIÊN GIÁM*) của Tu Hội

171

Cuốn *NIÊN GIÁM* (danh sách chung các hội viên và các nhà) của Tu Hội là một sự trợ giúp vô giá để biết từng Tỉnh, từng nhà và từng hội viên của toàn Tu Hội: đây là một truyền thống của chúng ta đã có từ thời Don Bosco và nay vẫn còn rất hữu ích. Tính hữu dụng của nó rõ ràng gắn liền với *tính kịp thời và chính xác của các dữ liệu*, và điều này tùy thuộc phần lớn vào tốc độ và sự chính xác của các thông tin từ các Tỉnh gửi đến.

Các dữ liệu được yêu cầu cho việc cập nhật cuốn *Niên Giám* đặc biệt liên quan tới việc chuyển các hội viên từ nhà này sang nhà khác hay từ tỉnh này sang tỉnh khác, và các vai trò của các hội viên trong các cộng thể. Lưu ý tới điều này, chúng ta đã có quyết định in trong bảng danh mục các vai trò chính theo như luật riêng của chúng ta: giám đốc, quản lý, cố vấn (địa phương và tỉnh), cha xứ, hiệu trưởng, người đặc trách nguyện xá, quản đốc một nhà thờ, uỷ viên đặc trách các cộng tác viên, uỷ viên đặc trách các Cựu Học Viên, “người đặc trách” một cộng thể chưa được thiết lập theo giáo luật.

Vì tính tiện lợi thực tiễn, cuốn *Niên Giám* được chia thành hai quyển (tương ứng xấp xỉ với hai bán cầu, với một ít ngoại lệ). Những hạn chót để gửi bản [dữ liệu cho *Niên Giám*] là:

- cho Quyển I: 15 tháng 9;
- cho Quyển II: 15 tháng 2.

B. THỐNG KÊ (“FLASH”) VỀ NHÂN SỰ VÀO CUỐI NĂM (31 tháng 12)

Bức tranh thống kê nhân sự Salêdiêng này của Tỉnh (hội viên Salêdiêng và tập sinh) biểu thị tình hình chính xác của tỉnh vào một ngày chung (31 tháng 12) cho tất cả các tỉnh: nó là một thời điểm cố định để so sánh hằng năm và là cơ sở cho bản thống kê của Tu Hội được gửi lên Tòa Thánh (trên thực tế Tòa Thánh yêu cầu các dữ liệu đúng vào ngày 31 tháng 12). Một bản sao dưới dạng Flash có thể được thấy ở phần Phụ Lục (xem phụ lục A-15). Để có một đánh giá chính xác trong Tu Hội, điều rất quan trọng là lưu ý trước hết tới các *qui tắc tính* các hội viên trong bản “FLASH”. Sau đây là các qui tắc được cung cấp trong ASC số 284, 7 (các tài liệu, phần I):

- a. CÁC HỘI VIÊN *PHẢI* ĐƯỢC TÍNH TRONG BẢN FLASH CỦA TỈNH LÀ NHỮNG NGƯỜI:
 1. là thành phần của tỉnh từ lúc khẩn lần đầu;
 2. đã trở thành thành phần của tỉnh bởi sắc lệnh chuyển dứt khoát của Bề Trên Cả bằng văn bản;
 3. đã đến tạm thời để giúp tỉnh theo sau một thảo thuận giữa các Giám Tỉnh liên quan (chuyển chuyển tạm thời);
 4. cư trú tạm thời trong một tỉnh khác vì lý do học hành hay sức khoẻ (hay vì một công việc chuyên môn nhân danh tỉnh gốc);
 5. sống ngoài nhà dòng, sau khi đã được phép “*absentia a domo*” (“vắng nhà”) hay đã được Đặc Ân sống ngoài nội vi hay chuyển sang giáo phận “*ad experimentum*” (thử nghiệm),¹ hay cả những hội viên sống ngoài nhà dòng một cách bất hợp lệ (không có phép);
 6. có đơn xin miễn chuẩn lời khẩn, xin chuyển sang giáo phận, hay xin miễn chuẩn luật độc thân linh mục, bao

¹ Cần lưu ý rằng hội viên chuyển sang giáo phận “thử nghiệm” thì thuộc tình trạng sống ngoài nội vi trong thời gian thử.

lâu những đơn này còn đang được xem xét, và vẫn chưa đi tới kết luận.

b. CÁC HỘI VIÊN *KHÔNG* ĐƯỢC TÍNH TRONG BẢN FLASH CỦA TỈNH LÀ NHỮNG NGƯỜI:

1. đã được gửi sang một tỉnh khác để làm Giám Tỉnh, Giám Đốc, Tập Sự, v.v... trong suốt thời gian thi hành nhiệm vụ của họ (họ phải được tính trong tỉnh nơi họ đang làm việc, *xem a.3*);
2. đã được gửi đi tạm thời (qua thoả thuận của hai Giám Tỉnh) sang một tỉnh hay á tỉnh khác để giúp đỡ tỉnh ấy (những hội viên này cũng phải được tính trong tỉnh họ đang làm việc, *xem a.3*);
3. đã nhận được phúc chiếu chuyển sang giáo phận dưới dạng "*pure et simpliciter*" (bằng "sắc lệnh nhập tịch") và cả những hội viên đã chuyển sang giáo phận dưới dạng "*ad experimentum*" vào lúc hết thời kỳ thử (hay khi giám mục ra sắc lệnh cho họ nhập tịch);
4. đã nhận được ban Đặc ân rời bỏ dòng: miễn chuẩn khỏi lời khấn (đã chấp nhận), miễn chuẩn phó tế, miễn chuẩn linh mục, hay đã bị thải hồi.
5. đã được tấn phong giám mục, và cả sau khi đã từ nhiệm và quyết định về ở trong nhà Salêdiêng.

173

c. THỐNG KÊ VỀ CÁC CÔNG CUỘC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG

Mỗi sáu năm (khi chuẩn bị cho Tổng Tu Nghị), các Văn Phòng Tỉnh được yêu cầu cung cấp các số liệu thống kê về các công cuộc và các hoạt động đang được thực hiện trong tỉnh.

174

Ngoài việc gửi các số liệu về nhân sự và công cuộc, các dịp liên lạc khác của các Văn Phòng Tỉnh với Trung Ương Tu Hội gồm:

1. Gửi các *Tờ Tin Tức tỉnh* (hay các tờ thông tin tỉnh) với các tin tức định kỳ về cộng thể tỉnh; ngoài việc gửi các tờ tin tức

này cho các Bề Trên hữu quan (Bề Trên Cả, Cố Vấn Vùng, và các Tổng Cố Vấn khác nếu cần), các tài liệu này cũng phải được gửi cho Văn Phòng Trung Ương và Văn Phòng Báo Chí ANS.²

2. Gửi thông tin (kèm theo hình ảnh nếu có thể) về những sự kiện quan trọng hơn của tỉnh để có thể được lưu giữ tại Văn Khố Trung Ương cho lịch sử của Tu Hội. Đây là một việc phục vụ quý giá cho các hội viên Salêdiêng sẽ đến sau chúng ta và muốn biết những người đi trước đã làm gì và tinh thần đã thúc đẩy họ là gì.

12.4 Liên lạc với Toà Thánh

175 Khi có công việc phải trao đổi với Tông Toà, thông qua các Bộ khác nhau của Giáo Triều Rôma, phải lưu ý tới những gì *điều 109 của Quy Chế Tổng Quát* nói: “Để các thủ tục với Tông Toà được tiến hành qui củ hơn, nên chuyển đạt các thủ tục ấy qua Bề Trên Cả.”

Trên thực tế, chính luật cũng đòi hỏi các vấn đề được trình lên Toà Thánh phải thông qua Bề Trên Cả và BCV ngài: ví dụ, tất cả các việc liên quan tới các Đặc Ân hay các miễn chuẩn, hay liên quan đến các phép được ban trong lãnh vực kinh tế-quản trị, là những việc phải có sự ưng thuận trước của Ban Tổng Cố Vấn. Nhưng cả trong những trường hợp mà luật phổ quát không đòi hỏi điều này, thì luật riêng của chúng ta vẫn đòi rằng thủ tục bình thường để chuyển đạt các vấn đề lên Toà Thánh phải thông qua Bề Trên Cả.

Về cách thức chuyển đạt các vấn đề lên Toà Thánh, *điều 145 của*

² Các Tờ Tin Tức có thể được gửi chung thành gói cho Văn Phòng Trung Ương; trên mỗi bản phải đề rõ tên người hay văn phòng nhận tài liệu này.

Hiến Luật nói: “Trách vụ trao đổi các công chuyện với Tông Toà thông thường được trao cho vị Tổng Đại Diện. Ngài được Bề Trên Cả bổ nhiệm với sự ưng thuận của Ban Tổng Cố Vấn và tại chức *ad nutum* (tuỳ ý các ngài).” Do đó Tổng Đại Diện là người thông thường được Bề Trên Cả giao cho các công việc liên hệ và tiếp xúc với Toà Thánh.

Về các công việc có tính chất pháp lý, Tổng Thư Ký và Tổng Đại Diện được sự hỗ trợ bởi một *văn phòng pháp lý* (mà Tổng Đại Diện là một thành viên), văn phòng này có nhiệm vụ xem xét các vấn đề từ quan điểm pháp lý, cả về mặt chúng phải được chính các Bề Trên xem xét cũng như về việc chuyển lên Tông Toà.

12.5 Một số qui tắc chung về các thủ tục

Sau đây là một số qui tắc có tính chất thủ tục và kỹ thuật cần phải luôn luôn lưu ý trong việc liên hệ qua lại giữa các Văn Phòng Tỉnh và Văn Phòng Trung Ương.

12.5.1 Cách viết tên các hội viên

176 Để có sự đồng bộ và chính xác trong tất cả các tài liệu hay các công việc trình lên Bề Trên Cả hay các Ban chuyên trách tại Trung Ương, tên của các hội viên phải được viết theo cách sau đây, là cách đã được chọn chính thức cho Tu Hội:

bắt đầu bằng TÊN HỌ của cha (tất cả bằng chữ in hoa), tiếp theo là TÊN HỌ của mẹ (tại các nước có thông lệ này) (cũng bằng chữ in hoa); rồi đến tên rửa tội (tên thánh).()*

Ví dụ: ACCORNERO FLAVIO

hay ALVAREZ BLANCO JOSÉ

(*) [Riêng đối với tỉnh dòng Việt Nam, xem cách viết tên các hội viên Salêdiêng Việt Nam trong *Annuario (Niên Giám)* chính thức của Tu Hội. – Chú thích của ND]

Tên các hội viên được chính thức sử dụng trong Tu Hội khi họ vào Nhà Tập (vì vậy lần ghi tên đầu tiên là quan trọng) *không được thay đổi* trừ khi có lý do đặc biệt và phải được ghi trong hồ sơ.

Vì tại Văn Phòng Trung Ương, mỗi hội viên được đánh một “mã số” tương ứng với chỗ của họ trong hệ thống máy tính của Văn Khố Trung Ương, nên trong các vấn đề liên quan tới các hội viên, để tiện lợi cũng có thể ghi thêm mã số của họ, trước hết là để tránh lẫn lộn. Phải luôn luôn sử dụng tên họ và tên riêng như được ghi trong cuốn *Annuario* của Tu Hội.

12.5.2 *Cách viết tên các Tỉnh và Nhà*

177 Trong các văn kiện chính thức và trong các vấn đề pháp lý, Tỉnh sẽ được chỉ bằng tên của Thánh Bồn Mạng và thành phố nơi đặt Nhà Tỉnh (v.d., Ispettoria «San Francesco di Sales» di Buenos Aires). Trong thực hành chung chỉ cần ghi tên Tỉnh Dòng bằng tên của thành phố nơi đặt Nhà Tỉnh (v.d., Tỉnh Dòng Buenos Aires). *Cũng nên thêm chữ viết tắt của Tỉnh như được sử dụng trong Annuario* (v.d., ABA).

Cách viết tên các Nhà: tốt nhất nên ghi tên nhà theo tên của nơi có nhà ấy. Nếu có nhiều nhà tại cùng một nơi, có thể phân biệt bằng cách thêm tên đường phố, phường hay quận hay một chỉ dẫn gì khác (v.d., tên bồn mạng công cuộc, loại công cuộc...) để có thể dễ nhận ra Cuốn *Annuario* đã sử dụng cách phân biệt này và là cách được khuyến sử dụng khi có việc liên quan đến các nhà.

Ví dụ: BUENOS AIRES - Leon XIII (bồn mạng); BUENOS AIRES - Colegio Don Bosco (loại công cuộc); BUENOS AIRES - Floresta (quận); RIO GRANDE - Trường (loại công cuộc); RIO GRANDE - Giáo Xứ (loại công cuộc); USHAIA (công cuộc duy nhất tại khu vực).

Mỗi tỉnh và mỗi nhà cũng đã được Văn Phòng Trung Ương cho một “mã số.”

12.5.3 *Hình thức các mẫu đơn trình lên Bề Trên Cả (hay Toà Thánh)*

178 Mỗi đơn xin phép, xin ban cấp, xin miễn chuẩn, v.v... trình lên Bề Trên Cả (hay Toà Thánh) phải luôn luôn được trình bày trên *một tờ giấy rời, mỗi tờ chỉ một yêu cầu*. Không được gửi kèm trong những lá thư viết cùng một lúc về các yêu cầu khác nhau hay nói tới các vấn đề khác. Lý do là để đặt mỗi mục vào kho lưu trữ cùng với tất cả các tài liệu liên quan.

Ví dụ, nếu Giám Tỉnh phải yêu cầu Bề Trên Cả sắc lệnh thiết lập hai nhà theo giáo luật, ngài sẽ viết đơn xin riêng cho mỗi nhà, trong mỗi đơn trình bày các lý do và phiếu biểu quyết của BCV tỉnh cho mỗi nhà, và ngài sẽ kèm thêm văn bản ý kiến của Giám Mục giáo phận đối với mỗi nhà.

Còn một ví dụ khác nữa, nếu Giám Tỉnh phải xin phê chuẩn việc mở một hoạt động mới (như nhận một giáo xứ) và đồng thời ngài phải xin Toà Thánh một Đặc Ân cho một hội viên, ngài sẽ không trình bày cả hai việc trong cùng một thư. Ngài sẽ viết hai thư riêng biệt, trình bày quan điểm của ngài trong mỗi trường hợp và kèm thêm các tài liệu cần thiết cho mỗi trường hợp.

Theo qui tắc, tất cả các tài liệu này phải được *đánh máy*.

Khi đơn xin của một hội viên viết bằng một ngôn ngữ khác với các ngôn ngữ quen thuộc hơn, Thư Ký Tỉnh sẽ gửi kèm thêm một bản dịch xác thực, nếu có thể thì bằng tiếng Ý.

12.5.4 *Đề ngày tháng các tài liệu*

179 *Ngày tháng của các tài liệu phải tương ứng với các nội dung của các tài liệu ấy và cả với bất cứ điều gì mà luật nói rõ liên quan đến mỗi trường hợp.*

Ví dụ, một văn bản cho Tập Viện bắt đầu ngày 15 tháng 8 thì không thể đề ngày 22 tháng 7, nghĩa là tài liệu ấy không thể được soạn và đề trước ngày tháng.

Một ví dụ khác nữa, một văn bản trong đó Giám Tỉnh chỉ định thẩm dự viên (*Instructor causae*) cho vụ án miễn chuẩn bậc độc thân không thể đề ngày tháng trước ngày (hay cùng ngày tháng cho việc này) mà linh mục viết đơn xin; trên thực tế, qui tắc cho các thủ tục này nói rằng Giám Tỉnh, sau khi xét đơn xin và đã có phán đoán về việc có những yếu tố để có thể gửi đơn lên hay không, có thể chỉ định một Thẩm Tra viên.

12.5.5 *Khổ giấy*

180 Để có sự đồng nhất trong việc sắp xếp hồ sơ trong Văn Khố Trung Ương, các tỉnh được yêu cầu, khi gửi các đơn xin và các tài liệu cho Bề Trên Cả hay Văn Phòng Trung Ương, phải luôn luôn và sử dụng duy nhất khổ giấy **UNI A4** (21x29,7cm.).

13. VĂN KHỐ TỈNH VÀ VĂN KHỐ NHÀ

13.1 Tầm quan trọng của Văn Khố đối với Tu Hội chúng ta

181 Bộ Giáo Luật nói đến tầm quan trọng của các văn khố giáo phận và giáo xứ. Giáo luật điều 486 qui định:

1. Tất cả mọi tài liệu liên hệ tới giáo phận hoặc tới các giáo xứ, cần phải được lưu trữ hết sức cẩn thận.
2. Trong mỗi giáo phủ cần phải lập một Văn Khố giáo phận tại một nơi an toàn để lưu giữ mọi văn kiện và giấy tờ liên quan tới mọi công chuyện thiêng liêng hoặc thể sự của giáo phận, được sắp xếp cho có thứ tự rõ ràng và được khóa cẩn thận.
3. Cần phải lập một bản kê khai hay mục lục tất cả mọi tài liệu giữ trong Văn Khố với bản tóm tắt về từng tài liệu.

Những gì được luật phổ quát khẳng định cho các văn khố giáo hội thì cũng được áp dụng cho các văn khố của chúng ta, cả ở cấp Tu Hội ("*Archivio salesiano centrale*" [Văn Khố Salêdiêng Trung Ương]) cả ở cấp tỉnh (*Văn Khố tỉnh*) cũng như từng nhà (*Văn Khố địa phương*).

Khi giới thiệu bản Quy Chế canh tân cho Văn Khố Trung Ương Salêdiêng, Cha Bề Trên Cả E. Viganò đã từng nhấn mạnh tầm quan trọng của văn khố đối với lịch sử và đời sống của Tu Hội và của Gia Đình Salêdiêng; và ngài nói thêm:

"Truyền thống Salêdiêng chúng ta từ rất lâu đời đã đặc biệt quan tâm bảo tồn di sản tài liệu của Tu Hội... Mọi văn khố, trước hết là văn khố tỉnh, nhưng cả các văn khố của các nhà, đều quan trọng và phải được cẩn thận giữ gìn và phát triển, bằng cách sử

dụng các qui tắc khoa học phù hợp và kỹ thuật hiện đại.”¹

Trước đó, Cha Phêrô Ricaldone, trong một Luân Thư ngày 24 tháng 10 năm 1943 về Văn Khố các nhà đã viết: “Các văn khố của chúng ta nếu được tổ chức tốt và cập nhật, sẽ cung cấp những dữ kiện và tư liệu quý giá, nhất là có nền tảng cho biên niên sử của Tu Hội. Nhờ các tài liệu trong văn khố, các hội viên của chúng ta không chỉ có trước mắt bức tranh toàn cảnh rức rõ về hoạt động đa dạng của Tu Hội, để khơi dậy các sáng kiến mới do nhiệt tình của họ, nhưng họ sẽ như thể được cầm tay dẫn đến những nguồn tinh túy nhất của tinh thần và của sự cần mẫn của Gia Đình Salêdiêng.”²

Tất cả điều này được phản ánh trong Qui Chế của chúng ta khi Qui Chế khuyên dạy chúng ta: “Cách riêng phải lo bảo quản thư viện, các văn khố và các tài liệu khác có giá trị lớn lao về văn hoá và cộng đồng.” (QC 62)

Trong cuốn Cẩm Nang này, chúng ta sẽ chủ yếu trình bày về Văn Khố Tỉnh, và một chút về Văn Khố Nhà, đồng thời chỉ ra một số qui tắc cho việc bảo quản các tài liệu quan trọng hơn.

Một *tiêu chí chung* phải lưu ý là, đối với lịch sử, điều luôn quan trọng là phải *bảo tồn các văn kiện và tư liệu khác, trong bản giấy gốc (bản cứng)* của chúng (với các chữ ký và chứng thực thích hợp), cho dù nhờ sự phát triển của các phương tiện thông tin điện tử, các tài liệu có thể được lưu trữ bổ sung dưới dạng các tập tin.

¹ Xem AGC số 314, tr. 53.

² Xem AGC số 120, tr. 279.

13.2 Các văn khố lịch sử và hiện hành, và văn khố “mật”

182

Có thể phân biệt ba cấp độ trong văn khố tỉnh:

- a. Văn khố được gọi thích hợp là văn khố *lịch sử* gồm các tài liệu làm thành “lịch sử” của tỉnh: các tài liệu về việc thiết lập tỉnh, các biên niên sử về các sự kiện đã xảy ra trong những năm khác nhau, các liên lạc thư từ của các Giám Tỉnh với Ban Tổng Cố Vấn và với các hội viên, các tài liệu liên quan tới các hội viên đã từng sống và làm việc trong tỉnh, và đã qua đời, v.v... (x. CIC 491 §2).³
- b. Văn khố được gọi là “*văn khố hiện hành*” gồm tất cả những tài liệu vẫn đang được tham khảo và cập nhật thường xuyên, vì đó là những tài liệu về những người đang còn sống (ví dụ, các hồ sơ với các tài liệu về các hội viên) hay vì liên quan đến các vụ việc vẫn chưa có kết luận dứt khoát.
- c. Chiếu theo qui tắc của CIC 489, trong Văn Phòng Tỉnh phải có một “văn khố *mật*”, hay ít là trong văn khố bình thường phải có một tủ, hay két sắt có khoá an toàn và không thể di chuyển. Trong văn khố này các tài liệu nào cần giữ bí mật phải được canh giữ hết sức cẩn thận”.

Tương tự như những gì được qui định tại điều 490 §1 của Bộ Giáo Luật, chỉ một mình Giám Tỉnh được giữ chìa khoá của văn khố mật.

Tại mỗi nhà thì không luôn luôn có thể nói chính xác về một văn khố “mật”, cũng không thể phân biệt rõ ràng giữa văn khố lịch sử và văn khố hiện hành. Quan trọng là cần phải có một chỗ

³ Trên nguyên tắc, tất cả các tài liệu đã có từ 50 năm trở về trước thì được coi là “lịch sử”. Trong Văn Khố Salêdiêng Trung Ương, Cha Bê Trê-nê Că Vecchi đã ấn định năm 1951 (năm Cha Phê-rô Ricaldone qua đời) là năm mốc: các tài liệu có trước năm này được coi là tài liệu lịch sử và vì thế được mở cho mọi sinh viên tham khảo.

(một hay nhiều tù) được canh giữ cẩn thận, ở đó giữ các tài liệu liên quan đến lịch sử và đời sống của nhà.

13.3 Những người chịu trách nhiệm về văn khố

13.3.1 Văn Khố Tỉnh

183 Người chịu trách nhiệm trước tiên về Văn Khố Tỉnh là chính Giám Tỉnh. Giám Tỉnh là người có thẩm quyền thiết lập các qui tắc cho việc tham khảo và mang các văn liệu ra ngoài, đối với những văn liệu có thể tham khảo (x. đối chiếu tương tự CIC 491 §3).

Như đã nói ở trên, chỉ mình Giám Tỉnh có thẩm quyền trong việc giữ văn khố “mật”.

Thư Ký tỉnh lệ thuộc Giám Tỉnh và làm việc theo ý ngài. Trong tư cách làm chủ trương ẩn của mình, Thư Ký tỉnh được luật riêng của chúng ta trao nhiệm vụ trông nom văn khố tỉnh. Cụ thể, QC 159 nói: “Ngài (Thư Ký tỉnh) chịu trách nhiệm về văn khố tỉnh.”

13.3.2 Văn Khố nhà

184 Tương tự như trách nhiệm mà Bộ Giáo Luật trao cho Giám Mục trông coi các văn khố địa phương (Văn Khố của các nhà thờ chính tòa, của các hợp đoàn, của các giáo xứ..... [x. CIC 481 §1]), Giám Tỉnh cũng phải trông nom để các văn khố của các nhà được giữ gìn cẩn thận. *Đây là một trong những điểm kiểm tra trong các cuộc Kinh Lý tỉnh.*

Ở cấp địa phương, Qui Chế của chúng ta trao cho Giám Đốc nhiệm vụ trông nom văn khố nhà. QC 178 nói: “Ngài (Giám Đốc) hãy lo giữ văn thư lưu trữ nhà cho trật tự và được cập nhật”.

13.4 Nội dung của Văn Khố

Không thể đưa ra một danh sách đầy đủ tất cả những gì mà văn khố nhà và văn khố tỉnh phải giữ. Vì vậy chúng ta sẽ giới hạn vào việc chỉ ra, trong cả hai trường hợp, **những gì mà các văn khố này không được thiếu.**

13.4.1 Văn Khố tỉnh

185 Các tài liệu này không được thiếu trong văn khố tỉnh:

1. *Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát* của Tu Hội;
2. *Sưu tập các Công Báo của các Tổng Tu Nghị* (ít là từ TTN19 và các Tổng Tu Nghị tiếp theo) và các *Công Báo của các Tu Nghị Tỉnh*;
3. *Sưu tập đầy đủ các Công Báo của Ban Tổng Cố Vấn* (trước kia là “Hội Đồng Bề Trên” hay “Ban Thượng Cố Vấn”): từ Don Albera cho tới hiện tại;
4. *Các Tài liệu về việc khởi sự và thiết lập theo giáo luật của tỉnh và từng nhà của tỉnh*;
5. Các mẫu bổ nhiệm các Giám Tỉnh, những vị đã kế tiếp nhau cai quản tỉnh dòng, các Cố Vấn Tỉnh và các Giám Đốc cho các nhà của tỉnh;
6. *Sưu tập Biên bản các cuộc họp BCV tỉnh*;
7. Các bản ghi các nhận xét để lại cho Giám Tỉnh và BCV tỉnh (hay cho tỉnh) sau các cuộc *Kinh Lý ngoại thường*;
8. Các thư của Bề Trên Cả gửi cho Giám Tỉnh (hay cho tỉnh) sau khi kết thúc các cuộc *Kinh Lý ngoại thường* hay các dịp khác;
9. Thư từ liên lạc giữa Giám Tỉnh với Bề Trên Cả, với Ban Tổng Cố Vấn và với các hội viên, có tầm mức quan trọng đối với tỉnh (v.d., các “Luân Thư” của các Giám Tỉnh cho các hội viên);
10. Các tài liệu về Lịch Sử của Tỉnh; đặc biệt biên niên sử về các

sự kiện (với tài liệu hình ảnh và/hay nghe nhìn);

11. Các tài liệu của Hội Đồng Liên Tỉnh (trong các tỉnh thành viên của một Hội Đồng Liên Tỉnh) và/hay các tài liệu liên quan đến Vùng Salêdiêng;
12. Các tài liệu liên quan đến mối quan hệ với các Giám Mục (thư từ, hợp đồng, phép...);
13. Các tài liệu về các hội viên—còn sống, đã qua đời, đã bỏ Tu Hội;
Về các hội viên *đã qua đời*: phải giữ thư tang, cũng như các tài liệu có thể hữu ích để làm nguồn trong tương lai;
Về các hội viên *đã bỏ* Tu Hội: các tài liệu làm chứng về việc họ bỏ Tu Hội (phải giữ lại các văn bản ban Đặc Ân hay phép miễn chuẩn hay các sắc lệnh chuyển sang giáo phận, cũng như các tài liệu khác có thể hữu ích trong tương lai);
14. Các bản sổ liệu thống kê hằng năm của tỉnh, và cũng hữu ích việc giữ sưu tập các quyển Niên Giám (*Annuario* hay *Elenco*) chung của Tu Hội;
15. Các bản tổng hợp các biên niên sử của các nhà trong Tỉnh (bản sao phải được gửi về Văn Khố Trung Ương); khi có thể, cũng nên giữ các bản biên niên sử của chính các nhà;⁴
16. Nếu thấy là ích lợi, cũng nên giữ sưu tập các Tờ Tin Tức của tỉnh;
17. Các tác phẩm xuất bản của các hội viên của tỉnh (các bản tác phẩm này cũng phải gửi về Văn Phòng Trung Ương);
18. Cũng phải có một khu trong Văn Khố gọi là *văn khố quản trị* cấp tỉnh về các qui tắc được thiết lập bởi Tu Nghị Tỉnh hay Giám Tỉnh với BCV ngài, gồm các tài liệu công, các hợp đồng và giao kèo, các di chúc, sổ sách, sổ nợ, bản kê tài sản, v.v... (x. QC 190).

⁴ Các tài liệu và biên niên sử của các nhà đã giải thể phải được giữ lại trong Văn Khố tỉnh.

13.4.2 Văn Khố địa phương

186

Trong văn khố mỗi nhà, **không được thiếu các tài liệu sau đây:**

1. *Hiến Luật và Qui Chế Tổng Quát* của Tu Hội;
2. *Sưu tập các Công Báo của các Tổng Tu Nghị* (ít là từ TTN19 và các Tổng Tu Nghị tiếp theo) và các *Công Báo của các Tu Nghị Tỉnh*;
3. Nếu có thể, sưu tập đầy đủ các *Công Báo của Ban Tổng Cố Vấn*: từ Don Albera cho tới hiện tại;
4. Các *Tài liệu về việc khởi xướng và thiết lập theo giáo luật của nhà*; nếu nhà có một nguyện xá hay một nhà thờ công gắn liền với nhà, một bản của tài liệu làm chứng việc cung hiến hay làm phép nhà thờ; cũng vậy đối với các công cuộc khác của nhà (ví dụ, trường học) một bản của văn kiện thành lập và các tài liệu về sự thừa nhận dân sự;
5. Các mẫu việc *bổ nhiệm các Giám Đốc* đã kế nhiệm nhau trong nhà;
6. Danh sách hằng năm đầy đủ các hội viên của nhà, với các vai trò của họ; cũng nên giữ quyển *Niên Giám* chung của Tu Hội.
7. *Biên bản các cuộc họp Ban Cố Vấn cộng thể* (QC 180);
8. *Ký sự* (hay *biên niên sử*) của nhà, theo QC 178 (và bản tổng hợp ký sự định kỳ gửi cho Văn Khố tỉnh và Văn Khố Trung Ương);
9. Các thư tang về các hội viên của tỉnh;
10. Các nhận xét của Giám Tỉnh (hay của vị Kinh Lược ngoại thường) khi kết thúc cuộc *Kinh Lý tỉnh* (QC 146.3);
11. Thư từ của Bề Trên Cả hay của Giám Tỉnh liên quan đặc biệt đến nhà. Cũng hữu ích nếu giữ các *Luân Thư* của Giám Tỉnh;
12. Các danh sách cập nhật các *Cựu Học Viên* của nhà và các *Cộng Tác Viên*;

13. Một danh sách cập nhật các *Ân Nhân* của nhà;
14. Trong khu vực dành cho *văn khố quản trị*, phải giữ các tài liệu sau: một bản các sơ đồ nhà và các văn bản công liên quan, một bản giao kèo mua bán nhà cửa với các sơ đồ và bản đồ liên quan, các tài liệu riêng tư đủ loại, các sổ sách kế toán, sổ kê khai các đồ đạc (phải được cập nhật định kỳ), các tài liệu pháp lý về các thiện quỹ hay thiện ý của các tín hữu, các bản di chúc và di tặng của các ân nhân, sổ ghi nghĩa vụ dâng lễ nếu có, bản gốc của các hành vi pháp lý nếu có.

Cũng phải có một khu vực **văn khố hình ảnh** (cả ở cấp tỉnh và nhà) ở đó các tài liệu về đời sống và lịch sử của nhà dưới dạng hình ảnh (và nghe nhìn) sẽ được lưu giữ cẩn thận.

13.5 Sắp xếp văn khố

187 Để các tư liệu trong văn khố dễ tìm và tham khảo, cần phải sắp xếp văn khố một cách hợp lý theo một hệ thống PHÂN LOẠI chứa đựng và diễn tả mọi khía cạnh của đời sống và hoạt động của tỉnh.

Dưới đây, theo dạng một ví dụ hay một mẫu, là một hệ thống được gợi ý cho các Văn khố của các tu sĩ trong cuốn *Archivistica Ecclesiastica*⁵ với một ít điểm thêm vào thích ứng với thực tại Salêdiêng chúng ta.

1. TU HỘI SALÊDIÊNG (Bề Trên Cả và BCV ngài)
 - Hiến Luật và Qui Chế
 - Các Tổng Tu Nghị
 - Thư từ của Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và Ban Tổng Cố Vấn
 - Các tài liệu và thư từ của Bề Trên Cả và các Ban Trung

⁵ Xem *Archivistica Ecclesiastica*, Città del Vaticano, 1967, tr. 47-49.

Ương

2. TOÀ THÁNH
 - Các tài liệu và công việc giao dịch với Toà Thánh
3. TỈNH DÒNG
 - Tu Nghị Tỉnh
 - Giám Tỉnh
 - Ban Cố Vấn Tỉnh
4. HỘI ĐỒNG LIÊN TỈNH và/hay VÙNG
 - Các tài liệu liên quan
5. CÁC MỐI QUAN HỆ LIÊN TỈNH
 - Một ngăn cho mỗi tỉnh mà tỉnh mình có liên hệ
6. CÁC ĐĂNG BẢN QUYỀN SỞ TẠI
 - Một ngăn cho mỗi Giám Mục trong tỉnh với các thư từ và giao dịch đã thực hiện
7. CÁC DÒNG TU
 - Các mối quan hệ với các Dòng Tu khác và với Hội Đồng Liên Tu Sĩ
8. CÁC GIỚI CHỨC DÂN SỰ
 - Các tài liệu liên quan
9. LỊCH SỬ CỦA TỈNH
 - Các tài liệu liên quan đến việc xây dựng Tỉnh
 - Các tài liệu về bổ nhiệm các Giám Tỉnh và các Cố Vấn tỉnh
 - Biên niên sử về các sự kiện
10. CÁC NHÀ CỦA TỈNH
 - Một hồ sơ cho mỗi nhà với các tài liệu liên quan đến mỗi cộng thể (cả các nhà hiện hữu và các nhà đã giải thể)⁶
11. ĐÀO LUYỆN
 - Một hồ sơ cho mỗi giai đoạn đào luyện:

⁶ Toàn bộ văn khố của một nhà bị giải thể phải gửi về văn khố tỉnh và được lưu trữ cẩn thận ở đây.

- Nguyễn Sinh Viện và Tiền Tập Viện
 - Tập Viện
 - Hậu Tập Viện
 - Tập Vụ
 - Thần Học
 - Chuyên hoá các Sư Huynh
 - Đào Luyện Thường Xuyên
12. MỤC VỤ GIỚI TRẺ
- Các tài liệu liên quan (Trường học, Hiệp Hội, v.v...)
13. CÁC GIÁO XỨ VÀ CÁC NHÀ THỜ CÔNG
- Các tài liệu liên quan
14. TRUYỀN GIÁO
- Các tài liệu liên quan
15. GIA ĐÌNH SALÊDIÊNG
- Cơ quan Tham vấn của Gia Đình Salêdiêng
 - FMA
 - VDB
 - CDB
 - Cộng Tác Viên Salêdiêng
 - Cựu Học Viên Salêdiêng
 - Các Nhóm khác trong Gia Đình Salêdiêng
16. TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI
- Các tài liệu liên quan
17. NHÂN SỰ
- Các hội viên đang sống
 - Các hội viên đã qua đời
 - Các hội viên sống ngoài nội vi
 - Các hội viên đã bỏ Tu Hội sau khi mãn lời khấn hay đã được miễn chuẩn lời khấn
 - Các hội viên chuyển sang giáo phận
 - Các hội viên linh mục được miễn chuẩn bậc độ thân
 - Các hội viên bị thải hồi

18. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ

- Các dữ liệu thống kê của tỉnh
- Niên Giám (*Elenchi/Annuari*) của Tu Hội

19. VĂN KHỐ QUẢN TRỊ (QC 190)

13.6 Bảo quản tài liệu

188

Cả Giáo Luật và Qui Chế Tổng Quát của chúng ta đều khuyên phải hết sức cẩn thận bảo quản các tư liệu của văn khố (x. CIC 486 §1 và 491 §1; QC 62). Trên thực tế, văn khố biểu thị một di sản *thiên sinh, văn hoá và lịch sử* vô giá đối với Tu Hội, đối với Giáo Hội và đối với chính quốc gia.

Chính vì lẽ này mà Bộ Giáo Luật (x. CIC 486-491) cung cấp một số qui tắc cho việc bảo quản cẩn thận các văn khố: các qui tắc này có thể được bao gồm trong một bản “*Nội Qui cho văn khố*”, rất hữu ích cho các văn khố tỉnh, đặc biệt khi văn khố được mở cho người ngoài tham khảo.

Sau đây là một số qui tắc được áp dụng đặc biệt cho các Văn Khố Tỉnh:

1. *Văn khố thường phải được khoá* để bảo đảm việc bảo quản chắc chắn và chỉ Giám Tỉnh và Thư Ký tỉnh có chìa khoá mà thôi (x. CIC 487 §1).
2. Không ai được phép vào văn khố nếu không có phép của Giám Tỉnh và/hay Thư Ký tỉnh (x. CIC 487 §1).
3. Thông thường *không được phép lấy các tài liệu ra khỏi văn khố*, chỉ được tham khảo trong văn khố mà thôi; Giám Tỉnh và/hay Thư Ký tỉnh có thể cho phép một số tài liệu được lấy ra trong một thời gian ngắn vì những lý do đặc biệt (x. CIC 488).

Trong trường hợp này, Thư Ký tỉnh hay người giữ văn khố phải ghi lại tài liệu ấy vào một sổ thích hợp và sẽ kiểm tra

để tài liệu được trả lại văn khố.⁷

4. Giám Tỉnh có quyền thiết lập các qui tắc cho việc tham khảo các tài liệu trong văn khố lịch sử; tất cả những ai muốn tra cứu các tài liệu trong văn khố phải tuân theo các qui tắc này.
5. Giáo luật điều 487 §2 nói: “Những người liên hệ có quyền đích thân hoặc nhờ người đại diện nhận bản sao xác thực được viết tay hay được chụp của những tài liệu tự bản chất là công khai và liên quan đến tình trạng nhân thân của họ.”

Ngoài các qui tắc có tính chất giáo luật này, để bảo đảm cho các tài liệu được bảo quản tốt hơn, nên nhớ lại một số *hướng dẫn về việc chọn những tư liệu nào* phải được đặt trong văn khố.

- a. Hằng năm Giám Tỉnh (hay Phó Giám tỉnh được ngài uỷ thác làm việc đó) sẽ chọn lựa giữa các thư từ ngài đã nhận được: sẽ gửi cho văn khố những thư từ nào có giá trị lịch sử hay quản trị mà trước đó ngài chưa gửi, rồi đốt bỏ những thư không có gì quan trọng (hay sẽ giữ ở một nơi nào khác).
- b. Tương tự, Thư Ký tỉnh sẽ lo chuyển vào các văn khố (lịch sử hay hiện hành) tất cả những tài liệu cần phải giữ lại của tỉnh, cũng như của các nhà hay các hội viên. Các tài liệu có tính chất quản trị hành chánh phải được lưu giữ bao lâu có thể dự kiến rằng các vấn đề liên quan có thể phải được tiếp tục theo dõi hay có thể có những hệ lụy tranh tụng trong tương lai. Trong mọi trường hợp, các tài liệu lịch sử phải luôn luôn được giữ lại.
- c. *Về các tài liệu liên quan đến các hội viên:*
 - *khi họ còn đang sống*, tất cả các tài liệu và thư từ (theo phán đoán của Giám Tỉnh) liên quan tới họ phải được giữ trong một hồ sơ thích hợp của họ; cách riêng, ngoài

⁷ Ví dụ, xem các qui tắc được Bề Trên Cả thiết lập liên quan đến việc tham khảo Văn Khố Salêdiêng trong bộ Nội Qui tương ứng: x. AGC số 314, tr. 56-58.

các tài liệu về chương trình đào luyện Salêdiêng, các bằng cấp về việc học hành và hàn lâm. v.v... phải được giữ lại, cũng như bản di chúc của mỗi hội viên đã tuyên khấn;

- *sau khi hội viên qua đời*, phải giữ lại một ít bản thư tang cũng như các tài liệu khác (đơn xin và đánh giá về việc tiếp nhận vào tập viện, tuyên khấn, lãnh nhận các thừa tác vụ và chức thánh, các bổ nhiệm), các thư hay ấn phẩm có thể hữu ích trong tương lai đối với các thông tin về hội viên (lược sử cuộc đời, thông tin được yêu cầu bởi những người thân thuộc, bởi các cựu học viên...)⁸
 - *đối với các hội viên đã rời bỏ Tu Hội*: tài liệu làm chứng việc họ rời bỏ Tu Hội phải được lưu giữ và các tài liệu khác có thể hữu ích trong tương lai (kể cả việc đương sự có thể được tiếp nhận lại trong tương lai): các đơn xin và đánh giá về việc tiếp nhận vào tập viện, tuyên khấn, lãnh nhận các thừa tác vụ và chức thánh, các tài liệu liên quan đến việc họ rời bỏ Tu Hội...
- d. Cần lưu ý tới qui định của CIC 489 §2: “Hàng năm phải hủy bỏ những tài liệu về các vụ kiện hình sự liên quan đến phong hóa mà can phạm đã chết rồi, hoặc các vụ kiện đã kết thúc được mười năm sau khi bản án được tuyên bố: chỉ cần lưu lại bản tóm tắt sự kiện cùng với án quyết cuối cùng.” Qui tắc này của giáo luật phải được áp dụng một cách thận trọng với sự lưu ý về những gì vẫn còn có thể hữu ích trong tương lai.
- e. Khi một hội viên thay đổi tỉnh dứt khoát, hồ sơ cá nhân, với tất cả các tài liệu, phải được chuyển tới Thư Ký tỉnh của tỉnh

⁸ Đối với những hội viên đã đạt hạng xuất sắc trong một lãnh vực nào đó (thần học, triết học, sử phạm, lịch sử, âm nhạc, nghệ thuật, v.v...), toàn bộ sản phẩm cũng như các tài liệu liên quan phải được lưu giữ.

mới (ghi lại các chi tiết và ngày tháng chuyển tài liệu). Tuy nhiên trong tỉnh gốc, các vấn đề cơ bản liên quan đến hội viên này phải được giữ lại bằng những ghi chú trên phiếu hồ sơ cá nhân của hội viên. Giữ lại bản *photocopy* các tài liệu đã gửi sang tỉnh mới cũng là điều hữu ích.

Một điểm cuối cùng cũng quan trọng phải lưu ý để bảo quản tốt các tài liệu trong các văn khố là giữ các tài liệu trong một **môi trường điều hoà không khí** thích hợp, thường xuyên kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm trong văn khố.

PHỤ LỤC

CÁC MẪU VĂN BẢN

PHỤ LỤC A-1

DANH SÁCH CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG CHO VĂN KHỐ

Mẫu		Nội dung	Khi nào phải gửi cho Văn Phòng Trung Ương
F1	PN'85	ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN VÀO TẬP VIỆN	*Phải lưu lại ở tỉnh
F2	AN'85	TIẾP NHẬN VÀO TẬP VIỆN	Gửi ngay sau khi nhận vào Tập Viện
F3	PP'85	ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN KHẨN LẦN ĐẦU	Gửi ngay sau khi khẩn lần đầu
F4	PR'85	ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN TUYÊN KHẨN	*Lưu ở tỉnh nếu là tái khẩn tạm. Gửi đi nếu là khẩn trọn
F5	Mod. e	XÁC NHẬN TUYÊN KHẨN	Gửi ngay sau mỗi lần khẩn
F6	MM'85	ĐỀ NGHỊ LÃNH THỪA TÁC VỤ	*Lưu lại ở tỉnh
F7	OL979	XÁC NHẬN BAN TÁC VỤ ĐỌC SÁCH	Gửi ngay sau khi ban tác vụ Đọc Sách
F8	OA979	XÁC NHẬN BAN TÁC VỤ GIÚP LỀ	Gửi ngay sau khi ban tác vụ Giúp Lề
F9	OD'85	ĐỀ NGHỊ TRUYỀN CHỨC PHÓ TẾ	Gửi ngay sau khi tiếp nhận vào chức Phó Tế
F10	OD979	XÁC NHẬN TRUYỀN CHỨC PHÓ TẾ	Gửi ngay sau khi truyền chức Phó Tế
F11	OP'85	ĐỀ NGHỊ TRUYỀN CHỨC LINH MỤC	Gửi ngay sau khi tiếp nhận vào chức linh mục
F12	OP979	XÁC NHẬN TRUYỀN CHỨC LINH MỤC	Gửi ngay sau khi truyền chức Linh Mục
F13	CV'85	KẾT QUẢ THAM KHẢO BỔ NHIỆM PHÓ GIÁM TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Phó Giám Tỉnh
F14	PV	ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM PHÓ GIÁM TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Phó Giám Tỉnh
F15	CE'85	KẾT QUẢ THAM KHẢO BỔ NHIỆM QUẢN LÝ TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Quản Lý Tỉnh
F16	PE'8T	ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM QUẢN LÝ TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Quản Lý Tỉnh

F17	CC'85	KẾT QUẢ THAM KHẢO BỔ NHIỆM CỐ VẤN TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Cố Vấn Tỉnh
F18	PC'85	ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM CỐ VẤN TỈNH	Gửi để bổ nhiệm Cố Vấn Tỉnh
F19	ND'85	PHÊ CHUẨN BỔ NHIỆM GIÁM ĐỐC	Gửi để phê chuẩn việc bổ nhiệm Giám Đốc
F20	NM'87	PHÊ CHUẨN BỔ NHIỆM TẬP SƯ	Gửi để phê chuẩn việc bổ nhiệm Tập Sư
F21		THÔNG BÁO XÁC NHẬN TIẾP TỤC MỘT NHIỆM KỲ BA NĂM THỨ HAI	Gửi ngay sau khi đã xác nhận Giám Đốc tiếp tục một nhiệm kỳ thứ hai
F22	FV'86	THÔNG BÁO RỜI TU HỘI SAU KHI MÃN LỜI KHẨN TẠM	Gửi ngay khi một hội viên rời Tu Hội sau khi mãn hạn lời khẩn
F23	DEF'86	THÔNG BÁO MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI	Gửi ngay khi hội viên qua đời
F24		FLASH" ĐỀ NGÀY 31 THÁNG 12	Gửi trước ngày 10 tháng 1

Các trang tiếp theo sẽ cung cấp bốn Mẫu (TIẾP NHẬN VÀO TẬP VIỆN, RỜI TU HỘI SAU KHI MÃN HẠN LỜI KHẨN, MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI, "FLASH" VÀO NGÀY 31 THÁNG 12) với các dữ liệu được yêu cầu.

(F2)

PHỤ LỤC A-2



TU HỘI THÁNH
PHANXICÔ SALÊ

Tỉnh Dòng(1)

TIẾP NHẬN VÀO TẬP VIỆN

(Mẫu AN 04)

..... đã được chính thức tiếp nhận vào Tập Viện theo các qui tắc của
Giáo Luật và Hiến Luật Salêdiêng bởi Cha Giám Tỉnh, làm ứng sinh
cho đời sống Salêdiêng (2)

CÁC THÔNG TIN TỔNG QUÁT VỀ TẬP SINH

lấy từ các tài liệu gốc lưu tại Văn Khố Tỉnh:

HỌ và Tên (3)

Cha..... Mẹ.....

(Họ và Tên)

(Họ và Tên)

Sinh ngày..... tại.....

(ngày-tháng-năm)

(Nơi sinh)

Giáo phận..... Tỉnh (4)..... QUỐC GIA.....

Rửa Tội ngày.....

Thêm Sức ngày.....

Việc học hay làm việc trước khi vào Tập Viện.....

.....
Tiền Tập Viện tại..... từ..... đến.....

(tháng-năm)

(tháng-năm)

Bắt đầu TẬP VIỆN ngày..... tại.....

Nơi và ngày tháng.....

Cha

Cha

(Thư Ký Tỉnh)

Con dấu
của Tỉnh

(Giám Tỉnh)

Một bản của tờ trình này phải được gửi về Tổng Thư Ký và Nhà Tập.

(1) Tỉnh Dòng của Tập Sinh này.

(2) Nếu ứng sinh đã chịu chức, phải ghi thêm *Phó Tế* hay *Linh Mục*.

(3) Họ của cha được viết trước, sau là Họ của mẹ (tại các nước có tục lệ này); rồi đến tên rửa tội (tên thánh).
[Xem cách viết chính thức trong cuốn *Niềm Giám (Annuario)*].

(4) Tỉnh, hay Thành Phố, hay Quận.

(F22)

PHỤ LỤC A-3



TU HỘI THÁNH PHANXICÔ SALÊ
Mẫu FV'86

Tỉnh Dòng.....

THÔNG TRI
VỀ MỘT HỘI VIÊN RỜI BỎ TU HỘI
KHI MÃN HẠN KHẨN TẠM

GENERALITÀ		THÔNG TIN CHUNG		COD.....	
1	COGNOME HỌ (và TÊN) [*Việt Nam, xem cách viết trong <i>Annuario</i>]		Nome Tên (Tên Thánh)		
2	Data di nascita Ngày sinh		3	Luogo di nascita Nơi sinh	
4	Data della prima professione Ngày khấn lần đầu	In qualità di Chierico Tư giáo với danh nghĩa Coadiutore Sur Huynh	nell'ispettoria di trong Tỉnh Dòng		10
7	Data della scadenza dei voti Ngày mãn hạn lời khấn	in qualità di Chierico Tư giáo với danh nghĩa Coadiutore Sur Huynh	nell'ispettoria di trong Tỉnh Dòng		11
12	Uscirà dalla Casa Salesiana di Ra khỏi Nhà Salêdiêng (tên Nhà)				
	Uscirà dalla Congregazione Ra khỏi Tu Hội	A. per non richiesta di ammissione ai voti do không xin tuyên khấn	crociare la casella corrispondente đánh dấu ô thích hợp	13	
		B. per ammissione ai voti non concessa do không được nhận tuyên khấn		14	

MOTIVAZIONI ESPRESSI DAI SUPERIORI RESPONSABILI
CÁC LÝ DO THEO NHẬN XÉT CỦA BỀ TRÊN HỮU TRÁCH

Per una piu ampia esplicitazione delle
motivazioni, cf. modulo a pagina seguente
Nói rõ hơn về động lực, xem bản mẫu cắt nghĩa
đầy đủ hơn ở trang sau

	Motivazione determinante Lý do chủ yếu	presente lý do khác
3.1 Inconsistenza vocazionale fin dall'inizio Ơn gọi không chắc ngay từ đầu	☐	☐
3.2 Perdita progressiva del senso della vocazione Mất dần ý thức về ơn gọi	☐	☐
3.3 Difficoltà ideologiche o contestazione di valori Khó khăn về ý thức hệ hay phản kháng các giá trị	☐	☐
3.4 Disagio nei rapporti comunitari Khó sống chung	☐	☐
3.5 Difficoltà relative all'obbedienza religiosa Khó khăn liên quan đến vâng phục tu trì	☐	☐
3.6 Difficoltà relative alla povertà religiosa Khó khăn liên quan đến nghèo khó tu trì	☐	☐
3.7 Difficoltà relative al celibato consacrato Khó khăn liên quan đến độc thân thánh hiến	☐	☐
3.8 Calo della vita spirituale Sa sút trong đời sống thiêng liêng	☐	☐
3.9 Handicap psico/somatico Khuyết tật tâm-thể lý	☐	☐
3.10 Situazione di fatto Tình huống thực tế	☐	☐
4 Altra motivazione, allegare foglio a parte Lý do khác, ghi riêng trên một tờ phụ trang	☐	☐

Luogo e data
Nơi và ngày tháng

Firma dell'Ispettore
o Vicario
Chữ ký Giám Tỉnh
hay Phó Giám Tỉnh

ESPLICITAZIONI DELLE MOTIVAZIONI ESPRESSE	LÀM SÁNG TỎ CÁC ĐỘNG LỰC BIỂU HIỆN
3.1 Inconsistenza vocazionale fin dall'inizio 1 Entrata in Congregazione dietro pressioni familiari o ambientali 2 Fuga dall'ambiente familiare o sociale 3 Ambiente formativo poco favorevole ad una presa di coscienza libera	3.1 Ơn gọi không chắc ngay từ đầu 1 Vào Tu Hội do áp lực gia đình 2 Vào để trốn tránh hoàn cảnh gia đình hay xã hội 3 Môi trường đào luyện ít thuận lợi để có ý thức tự do
3.2 Perdita progressiva del senso della vocazione 1 Oscuramento del significato della vocazione religiosa salesiana 2 Senso di incapacità a portare il peso della vita religiosa 3 Rifiuto dello sforzo per una ripresa	3.2 Mất dần ý thức về ơn gọi 1 Ý nghĩa của ơn gọi tu trì Salêdiêng bị lu mờ 2 Cảm thấy không thể chịu đựng gánh nặng đời tu 3 Không muốn cố gắng làm lại
3.3 Difficoltà Ideologiche 1 Scontentezza per il ruolo del salesiano nella società 2 Scontentezza per il ruolo in Congregazione 3 Perdita della fede 4 Rifiuto, per motivi ideologici, delle norme ecclesiastiche 5 Assunzione di ideali politici incompatibili con le norme eccl. 6 Difficoltà in seguito a studi specializzati	3.3 Khó khăn về ý thức hệ 1 Không bằng lòng với vai trò của người Salêdiêng trong xã hội 2 Không bằng lòng với vai trò trong Tu Hội 3 Mất đức tin 4 Từ chối luật giáo hội vì lý do ý thức hệ 5 Theo các lý tưởng chính trị trái với các qui tắc của giáo hội 6 Khó theo các môn học chuyên môn
3.4 Disagio nei rapporti comunitari 1 Disagio per cause soggettive 2 Disagio per cause oggettive 3 Autorealizzazione impossibile in Congregazione 4 Disagio dovuto all'identificazione con gruppi esterni (per attività, sintonia affettiva e ideologica)	3.4 Khó sống chung 1 Bất mãn vì các lý do chủ quan 2 Bất mãn vì các lý do khách quan 3 Không thể hiện thực bản thân trong Tu Hội 4 Bất mãn do tự đồng hoá mình với các nhóm bên ngoài (qua các sinh hoạt, hay tình cảm hay ý thức hệ)
3.5 Difficoltà relativa all'obbedienza religiosa 1 Reazione ad una specifica obbedienza 2 Critica e rifiuto di opere, stili della Congregazione 3 Sì e sentito trattato ingiustamente	3.5 Khó khăn liên quan đến vâng phục tu trì 1 Phản ứng đứng trước một loại vâng lời nào đó 2 Phê bình và bác bỏ các công cuộc, lối sống của Tu Hội 3 Cảm thấy mình bị đối xử bất công
3.6 Difficoltà relativa alla povertà religiosa 1 Contestazione e ricerca di una povertà più totale 2 Uso non controllato di denaro 3 Ricerca di comodità	3.6 Khó khăn liên quan đến nghèo khó tu trì 1 Phản kháng và muốn kiểu nghèo khó nghiêm ngặt hơn 2 Sử dụng tiền bạc tự do 3 Tìm kiếm tiện nghi

3.7 Difficoltà relativa al celibato consacrato 1 Bisogno di rapporto affettivo intimo 2 Esperienze traumatiche nella fanciullezza o adolescenza 3 Deviazioni sessuali (autoerotismo, omosessualità, ecc.) 4 Difficoltà sorte nel lavoro con gruppi giovanili, femminili; con collaboratrici 5 Ideologia che nega il valore della castità 6 Solitudine e isolamento	3.7 Khó khăn liên quan đến độc thân thánh hiến 1 Nhu cầu quan hệ tình cảm thân mật 2 Bị những chấn thương thời thơ ấu hay thiếu niên 3 Lệch lạc tính dục (thủ dâm, đồng tính, v.v...) 4 Khó khăn phát sinh khi làm việc với các nhóm trẻ, phụ nữ; với các cộng sự viên nữ 5 Ý thức hệ phủ nhận giá trị của khiết tịnh 6 Cô đơn và sống cô lập
3.8 Calo della vita spirituale 1 Abbandono della preghiera comunitaria 2 Abbandono progressivo dell'impegno spirituale 3 Accidia spirituale dovuta alla priorità degli impegni professionali o altri centri d'interesse	3.8 Sa sút trong đời sống thiêng liêng 1 Bỏ kinh nguyện cộng thể 2 Bỏ dần dần các cố gắng thiêng liêng 3 Lười biếng thiêng liêng do dành ưu tiên cho các bổn phận nghề nghiệp hay các sở thích khác
3.9 Handicap psico-somatico 1 Gravi disturbi psichiatrici (psicosi) 2 Disturbi nevrotici (ansie, conflitti, compulsività) 3 Tare fisiche o psichiche di origine familiare	3.9 Khuyết tật tâm-thể lý 1 Rối loạn tâm thần nghiêm trọng (tâm bệnh) 2 Rối loạn thần kinh (âu lo, xung đột, ám ảnh cưỡng chế) 3 Khuyết tật di truyền thể lý hay tâm lý
3.10 Situazione di fatto 1 Attività incompatibile con la vita religiosa 2 Convivenza o relazione matrimoniale 3 Appartenenze a movimenti o partiti ostili alla religione 4 Incapacità di reinserimento nella vita religiosa in seguito a situazioni eccezionali (servizio militare, ecc.)	3.10 Tình huống thực tế 1 Các sinh hoạt không phù hợp với đời tu 2 Sống chung hay quan hệ hôn nhân 3 Gia nhập các phong trào hay đảng phái thù nghịch tôn giáo 4 Không thể hội nhập lại với đời tu sau các tình huống ngoại thường (đi nghĩa vụ quân sự, v.v...)

(F 23)

PHỤ LỤC A-4

Mod. DEF'88



TU HỘI THÁNH PHANXICÔ SALÊ

Tỉnh Dòng.....

THÔNG BÁO VỀ MỘT HỘI VIÊN QUA ĐỜI

Tôi xin báo tin,

Hội viên (1) COD

đã qua đời ngày (2)

tại (3)

Ngày và nơi sinh

Ngày khấn lần đầu

Ngày chịu chức linh mục (đối với các linh mục)

NHẬN XÉT (4):

.....
.....
.....
.....

Nơi và ngày tháng

Thư Ký Tỉnh

.....

GHI CHÚ

(1) Lm hay SH, tiếp theo là HQ và TÊN (chữ in hoa) và Tên (Tên thánh) (chữ thường) như được in trong sách *NIÊN GIÁM* về các hội viên.

(2) Đầy đủ ngày tháng năm qua đời.

(3) Nơi qua đời (tỉnh hay thành phố và quốc gia).

(4) Một ít nhận xét văn tắt hữu ích về cuộc đời và tính cách của hội viên quá cố.

CURRICULUM VITAE

Dưới đây liệt kê một số mục chính yếu phải đưa vào “curriculum vitae” của một hội viên, khi được yêu cầu cho một mục đích nào đó (ví dụ: chuyển sang giáo phận, miễn chuẩn lời khấn, miễn chuẩn bậc độc thân linh mục).

1. HỌ và TÊN – TÊN THÁNH
2. NƠI và NGÀY SINH
3. QUỐC TỊCH
4. NƠI và NGÀY RỬA TỘI
5. TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ BẰNG CẤP
6. TIẾP XÚC LẦN ĐẦU VỚI SALÊDIÊNG tại
NGUYỄN SINH VIỆN tại; TIỀN TẬP VIỆN tại
7. TẬP VIỆN tại từ đến
8. TUYÊN KHẤN LẦN ĐẦU tại ngày
9. HẬU TẬP VIỆN tại từ đến
10. TẬP VỤ tại trong những năm
11. TUYÊN KHẤN TRỌN ĐỜI tại ngày
12. NƠI và NGÀY HỌC THẦN HỌC
13. THỪA TÁC VỤ: – ĐỌC SÁCH ngày
– GIÚP LỄ ngày
14. CHỊU CHỨC PHÓ TẾ tại ngày
15. CHỊU CHỨC LINH MỤC tại ngày
16. CÁC TRÁCH NHIỆM TRONG TU HỘI:

Từ..... tới.....

Vai trò

Nơi

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

17. CÁC NHẬN XÉT ĐẶC BIỆT

.....
.....
.....
.....
.....

NB. Đối với các trường hợp *MIỄN CHUẨN LỜI KHẨN TRỌN* và *MIỄN CHUẨN CHỨC PHÓ TẾ* cần thêm vào “curriculum” phần phụ lục gồm bản chép lại tất cả các nhận xét của cả BCV địa phương và BCV tỉnh về việc tiếp nhận vào Tập Viện, Tuyên Khẩn, các Thừa tác vụ và Chức Thánh, với phiếu biểu quyết tương ứng.

Đối với các trường hợp *MIỄN CHUẨN BẬC ĐỘC THÂN LINH MỤC* –ngoài tất cả những điều trên, còn phải bao gồm các bản sao các đơn xin và các nhận xét đã được thực hiện cho các lần tiếp nhận vào Tập Viện, Tuyên Khẩn, các Thừa Tác Vụ và các Chức Thánh.

**SOCIETAS S.FRANCISCI SALESII
“LITTERAE DIMISSORIAE”**

THƯ GIỚI THIỆU TRUYỀN CHỨC

..... sac.
Superiore Maior Ispectoriae
. in Civitate

Dilecto Nobis in Christo Filio
.....

in Domino salutem.

Quoniam religiosorum Moderatores maximam curam gerere debent de iis, quae ad maiorem Dei gloriam et animarum salutem iuxta Instituti finem conferre censentur, Nobis in Domino bonum visum est te ad Sacrum Ordinem promoveri posse.

Ideoque declaramus te, Nostrae Societatis Sodalem professum perpetuum, bonis moribus praeditum, aetatem ab Ecclesia requisitam ad normam can. 1031 CIC assecutum, praescripta studiorum curricula ex integro emensum ad normam can. 1032 §1 et §2, nullo canonico impedimento detineri quin ad praedictam sacram ordinationem promovearis.

Quapropter cum omnia praestiteris, quae in canonibus Codicis Iuris Canonici praescribuntur, te ad normam can. 1019 §1 apud Reverendissimum et Benevolentissimum Episcopum commendamus vel, ipso impedito, apud quemcumque alium Episcopum communionem cum Sede Apostolica habentem ordinationes habiturum; Eumque rogamus, ut pro Nostrae Salesianae Societatis necessitate, tibi praedictam sacram ordinationem conferat, susceptique Ordinis Testimoniales Litteras tibi concedat.

In quorum fidem has dedimus dimissorias ac testimoniales litteras, manu nostra subscriptas ac nostro sigillo munitas.

Datum.....

sigillum
.....

A Secretis

Superior Maior

**“TUYÊN XUNG ĐỨC TIN”
VÀ TUYÊN THỆ TRUNG THÀNH
VÀO LÚC NHẬN GIÁO VỤ**

**“PROFESSIO FIDEI” AND OATH OF FIDELITY
ON ASSUMING AN ECCLESIASTICAL OFFICE**

Đây là mẫu cho lời “Tuyên Xung Đức Tin” và lời thề phải được đọc bởi những người lãnh nhận một giáo vụ. Lời tuyên xưng đức tin được đọc bởi các Bề Trên khi họ nhậm chức (x. CIC 121) và bởi những người khác khi lãnh nhận chức vụ theo các qui tắc của luật.

Mẫu được cung cấp ở đây (với lời thề bổ sung cho bản “tuyên xưng đức tin”) là mẫu được qui định trong Tông Thư “Ad tuendam fidem”¹ của Đức Giáo Phaolô II. Bản Latinh có những đoạn đặc biệt dành cho các tu sĩ).

Sau khi đọc bản tuyên xưng đức tin (với lời tuyên thệ), trước các chứng nhân, người nhậm chức phải ký tên.

BẢN MẪU LATINH

Professio fidei (Tuyên xưng Đức Tin)

Ego N. firma fide credo et profiteor omnia et singula quae continentur in Symbolo fidei, videlicet:

Credo in unum Deum Patrem omnipotentem, factorem coeli et terrae, visibilium omnium et invisibilium et in unum Dominum Iesum Christum, Filium Dei unigenitum, et ex Patre natum ante omnia saecula, Deum de Deo, lumen de lumine, Deum verum de Deo vero, genitum non factum, consubstantialem Patri per quem omnia facta sunt, qui propter nos homines et propter nostram salutem descendit de coelis, et incarnatus est de Spiritu Sancto, ex Maria Virgine, et homo factus est; crucifixus etiam pro nobis sub Pontio Pilato, passus et sepultus est; et resurrexit tertia die secundum Scripturas, et ascendit in coelum, sedet ad dexteram Patris, et iterum venturus est cum gloria iudicare vivos et mortuos, cuius regni non erit finis; et in Spiritum Sanctum Dominum et vivificantem, qui ex Patre Filioque procedit; qui cum Patre et Filio simul adoratur et conglorificatur, qui locutus est per Prophetas; et unam

¹ Tông Thư *Ad tuendam fidem* được công bố dưới dạng *Tự Sắc* ngày 18-5-1998. Mẫu tuyên xưng đức tin được cung cấp ở đây tương ứng với mẫu đã được công bố năm 1989 bởi Bộ Giáo Lý Đức Tin (x. *Acta Apostolica Sedis* 81 [1989], tr. 104. Xem trình bày trong AGC số 365 *Các qui định và qui tắc*).

sanc- tam catholicam et apostolicam Ecclesiam; confiteor unum baptisma in remissionem peccatorum, et exspecto resurrectionem mortuorum, et vitam venturi saeculi. Amen.

Fima fide quoque credo ea omnia quae in verbo Dei scripto vel tradito continentur et ab Ecclesia sive sollemni iudicio sive ordinario et universali Magisterio tamquam divinitus revelata credenda proponuntur.

Firmiter etiam amplector ac retineo omnia et singula quae circa doctrinam de fide vel moribus ab eadem definitive proponuntur.

Insuper religioso voluntatis et intellectus obsequio doctrinis adhaereo quas sive Romanus Pontifex sive Collegium episcoporum enuntiant cum Magisterium authenticum exercent etsi non definitivo actu easdem proclamare intendant.

lusiurandum fidelitatis in suscipiendo officio nomine Ecclesiae exercendo
(Tuyên thệ trung thành thi hành chức vụ nhân danh Hội Thánh)

Ego N. in suscipiendo officio promitto me cum catholica Ecclesia communionem semper servaturum, sive verbis a me prolatis, sive mea agendi ratione.

Magna cum diligentia et fidelitate onera explebo quibus teneor erga Ecclesiam, tum universam, tum particularem, in qua ad meum servitium, secundum iuris praescripta, exercendum vocatus sum.

In munere meo adimplendo, quod Ecclesiae nomine mihi commissum est, fidei depositum integrum servabo, fideliter tradam et illustrabo; quascumque igitur doctrinas iisdem contrarias devitabo.

Disciplinam cunctae Ecclesiae communem fovebo observantiamque cunctarum legum ecclesiasticarum urgebo, earum imprimis quae in Codice Iuris Canonici continentur.

Chistiana oboedientia prosequar quae sacri Pastores, tamquam authentici fidei doctores et magistri declarant, aut tamquam Ecclesiae rectores statuunt, atque cum Episcopis dioecesanis libenter operam dabo, ut actio apostolica, nomine et mandato Ecclesiae exercenda, salvis indole et fine mei Instituti, in eiusdem Ecclesiae communione peragatur.

Sic me Deus adiuvet et sancta Dei Evangelia, quae manibus meis tango.

N.B. Mẫu tuyên thệ ở các đoạn 4 và 5 chung cho các tín hữu khác (nghĩa là cho những người không phải tu sĩ) như sau:

Disciplinam cunctae Ecclesiae communem sequar et fovebo observantiamque cunctarum legum ecclesiasticarum, earum imprimis quae in Codice Iuris Canonici continentur, servabo.

Chistiana oboedientia prosequar quae sacri Pastores, tamquam authentici fidei doctores et magistri declarant, aut tamquam Ecclesiae rectores statuunt, atque Episcopis dioecesanis fideliter auxilium dabo, ut actio apostolica, nomine et mandato Ecclesiae exercenda, in eiusdem Ecclesiae communione peragatur.

VẮNG MẶT KHỎI NHÀ DÒNG

Đây là một Thư mẫu để Giám Tỉnh cho phép một hội viên sống ngoài nhà dòng trong một năm, chiếu theo CIC 665, xác định tính chất tình trạng pháp lý của hội viên khi họ vắng nhà dòng. Thư này phải được hội viên ký tên xác nhận họ chấp nhận phép này.

Người ký tên dưới đây, Lm.

Bề Trên Giám Tỉnh của Tỉnh Salêdiêng

có trụ sở đặt tại

– hội viên đã xin phép vắng mặt khỏi nhà dòng vì các lý do sau đây:

– đã nhận được sự ưng thuận của Ban Cố Vấn Tỉnh tại cuộc họp ngày

– chiếu theo năng quyền được nói đến tại điều 665 §1 của Bộ Giáo Luật,

BAN CHO

.....
PHÉP VẮNG MẶT KHỎI NHÀ DÒNG SALÊDIÊNG TRONG MỘT NĂM,
bắt đầu từ ngày tới ngày

Phép này được ban với các điều kiện sau đây:

- Hội viên chỉ được miễn luật buộc cư ngụ trong một nhà dòng và miễn tất cả những gì liên quan tất yếu và trực tiếp đến luật buộc này.
- Cách riêng, hội viên không được đảm nhận các nhiệm vụ ràng buộc mình vượt ra ngoài thời hạn của phép này; không được thực hiện các hành vi quản trị trái với các điều 74-76 của Hiến Luật hay trái với các điều 51 và tiếp theo của Quy Chế Tổng Quát.

Tu Hội Salêdiêng và Tỉnh không nhận bất cứ trách nhiệm nào về các hành động của hội viên vắng mặt khi vi phạm các qui tắc này.

- Phải trở về lại cộng thể ngay sau khi phép này hết hạn. Nếu có lý do nào khiến hội viên chưa thể trở về cộng thể, hội viên phải cấp thời nhất trí với Giám Tỉnh để tìm cách điều chỉnh tình trạng pháp lý của mình bằng cách khác, vì Giám Tỉnh không có thẩm quyền gia hạn thời gian vắng mặt.
- Vì một lý do chính đáng, Giám Tỉnh luôn luôn có quyền gọi hội viên trở về cộng thể trong thời kỳ vắng mặt. Thẩm quyền này chỉ thuộc một mình trách nhiệm của Giám Tỉnh.

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng

.....

(Chữ ký của Giám Tỉnh)

Tôi tuyên bố đã đọc những điều kiện gắn liền với phép được ban cho tôi. (Tôi cũng tuyên bố rằng trong thời gian vắng mặt tôi tự nguyện từ bỏ quyền ứng cử và bầu cử). Tôi ký tên để làm bằng chứng rõ ràng tôi chấp nhận.

Nơi và ngày tháng
.....
(Chữ ký của Hội Viên)

PHỤ LỤC A-9

ÂN BAN CHUYỂN SANG GIÁO PHẬN – MẪU ĐƠN XIN

Nơi và ngày tháng

Trọng kính Đức Thánh Cha,

Con ký tên dưới đây là(Họ và Tên)..... hội viên đã khấn của Tu Hội Salêdiêng Thánh Gioan Bosco từ ngày (ngày khấn lần đầu) linh mục từ ngày (ngày tháng chịu chức), thuộc Tỉnh dòng Salêdiêng, hết lòng khiêm nhường xin Đức Thánh Cha ban cho con Đặc Ân chuyển sang giáo phận (dạng “*pure et simpliciter*” hay “*praevis experimento*”) để con có thể được nhận và nhập tịch vào hàng giáo sĩ của Giáo Phận (Tổng Giáo Phận)

Các lý do chính để con xin Ân Ban này là:

Ở chỗ này đương sự thành thật kể ra những lý do đã khiến mình đi đến quyết định này sau khi suy xét cẩn thận. Ví dụ, có thể kể ra những lý do như sau:

- ngày càng gặp nhiều khó khăn nặng nề và không thể chịu đựng nổi với đời sống cộng đoàn, kỷ luật tu trì, việc thực hành nghèo khó hay vâng phục tu trì;
- cảm thấy không hài lòng và muốn dẫn thân cho việc tông đồ linh mục tại những nơi và hoàn cảnh khác với những nơi và những hoàn cảnh đã sống cho tới hôm nay.
- cần trực tiếp giúp đỡ người thân (cha mẹ, anh chị em) già cả, cô đơn hay túng thiếu...

Đức Giám Mục (Tổng Giám Mục) Giáo Phận đã sẵn lòng chấp nhận con (“*pure et simpliciter*” hay “*praevis experimento*”) vào hàng giáo sĩ của ngài.

Tin tưởng Đức Thánh Cha sẽ rộng lòng chấp nhận đơn xin này của con, con xin Đức Thánh Cha ưu ái ban phép lành cho con.

Kính xin trong Chúa Kitô
Lm

THẢI HỒI MỘT HỘI VIÊN

Thải hồi “ipso facto” theo CIC 694 §1 số 2

Bản chụp facsimile TUYÊN BỐ thải hồi của Giám Tỉnh với BCV ngày:

Tiêu đề đầu trang của Tỉnh

TUYÊN BỐ THẢI HỒI

Người ký tên dưới đây, Lm Bề Trên Giám Tỉnh của
Tỉnh Dòng Salêdiêng (Tên bốn mạng của Tỉnh) có trụ sở đặt tại, (Tỉnh, thành phố)

vào ngày đã triệu tập Ban Cố Vấn Tỉnh tại nhà
..... Các Cố Vấn đã hiện diện (số lượng)

Giám Tỉnh đã giải thích cho các Cố Vấn rằng (Lm) đã kết hôn
dân sự tại(nơi)..... với Cô (họ và tên người phụ nữ) vào ngày và
đã cung cấp bằng chứng về việc này.

Sau khi xem xét các bằng chứng có được, Giám Tỉnh với Ban Cố Vấn đã tiến hành để
đưa ra TUYÊN BỐ sau đây:

«Tôi TUYÊN BỐ rằng linh mục, hội viên khấn trọn Salêdiêng(tên hội viên)..... đã vi
phạm qui định của điều CIC 694 §1 số 2 và do đó, chiếu theo cùng điều giáo luật này,
đương sự bị thải hồi “ipso facto” khỏi Tu Hội Salêdiêng».

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng

Con dấu của Tỉnh

.....
Tên của Phó Giám Tỉnh

.....
Tên của Giám Tỉnh

.....
Tên của Cố Vấn

.....
Tên của Quản Lý Tỉnh

.....
Tên của Cố Vấn

.....
Tên của Quản Lý Tỉnh

.....
Tên của Thư Ký Tỉnh

THÁI HỒI MỘT HỘI VIÊN
MẪU CẢNH CÁO THEO GIÁO LUẬT

Ở đây chúng tôi cung cấp hai mẫu thư CẢNH CÁO THEO GIÁO LUẬT (lần thứ nhất và lần thứ hai) trước khi thái hồi một hội viên, sau khi đã ra lệnh chính thức vì lời khấn vâng phục cho đương sự phải trở về với cộng thể hay chấm dứt một hành động trái với kỷ luật đời tu (x. CIC 695 và tiếp theo).

I.

Cha (Thầy)(Họ và Tên)..... thân mến,

Với lá thư của tôi đề ngày, tôi đã chính thức cho (Cha/Thầy) một lệnh vâng phục (*cắt nghĩa lệnh đã ra*).

Tôi rất không hài lòng vì nhận thấy (Cha/Thầy) đã không vâng lời và tiếc rằng (Cha/Thầy) đã không lý giải cho tôi về hành vi của (Cha/Thầy).

Sự kiện này buộc tôi vì trách nhiệm nặng nề phải nghiêm túc khiển trách (Cha/Thầy) và vạch ra cho (Cha/Thầy) thấy mức trầm trọng của lập trường (Cha/Thầy) đã chọn, trái với Hiến Luật của chúng ta và luật của Hội Thánh.

Vì vậy, chiếu theo các qui định của điều 697 §2 của Bộ Giáo Luật, và sau khi đã nghe ý kiến của Ban Cố Vấn, tôi phải ra một lời cảnh cáo chính thức lần thứ nhất theo giáo luật, rằng (Cha/Thầy) sẽ bị thái hồi khỏi Tu Hội nếu (Cha/Thầy) tiếp tục cố chấp không vâng lời.

Do đó tôi một lần nữa chính thức ra lệnh cho (Cha/Thầy) vì lời khấn vâng phục mà (Cha/Thầy) đã tuyên khấn, (Cha/Thầy) phải (*ở đây lặp lại lệnh vâng phục đã ra lần trước, đồng thời ra hạn chót cho việc thi hành*).

Tôi tha thiết xin (Cha/Thầy) thành thật suy xét lại trước mặt Chúa sự trầm trọng của tình trạng mà (Cha/Thầy) đang sống, và không còn chống lại việc chu toàn các bổn phận của đời tu mà (Cha/Thầy) đã tự nguyện và công khai chấp nhận. Đương nhiên (Cha/Thầy) có tất cả các quyền lợi và cũng có bổn phận trình bày cho tôi trực tiếp hay bằng thư từ bất cứ điều gì (Cha/Thầy) cảm thấy có thể biện minh cho hành vi của mình. (Cha/Thầy) cũng có thể liên hệ trực tiếp với Bề Trên Cả nếu (Cha/Thầy) nghĩ có bằng chứng bên vực mình để ngài biết. Nhưng (Cha/Thầy) không thể mong đợi sẽ áp đặt quan điểm của mình đối với các Bề Trên hợp pháp của mình.

Tôi bảo đảm lời cầu nguyện của tôi cho (Cha/Thầy), để với ơn Chúa, (Cha/Thầy) có thể khiêm tốn và can đảm đáp lại những đòi hỏi của ơn gọi của mình.

Nơi, ngày tháng, con dấu của Tỉnh và chữ ký của Giám Tỉnh.

II.

Cha/Thầy(Họ và Tên)..... thân mến,

Tôi rất tiếc phải lưu ý Cha (Thầy) rằng ngày.....{ngày cảnh cáo}..... tôi đã ra lệnh vâng phục cho Cha (Thầy) là phải trở về cộng thể trước ngày, nhưng Cha/Thầy đã không thi hành bất chấp lời cảnh cáo theo giáo luật với hạn chót phải tuân thủ (tôi cũng không nhận được một lời giải thích nào của Cha/Thầy—hay: tôi không thể coi là có giá trị các lý do mà Cha/Thầy đã trình bày cho tôi để biện minh cho hành vi của Cha/Thầy).

Do đó, như tôi đã nói trước với Cha/Thầy, tôi buộc phải tiến hành chiếu theo giáo luật và Hiến Luật của chúng ta.

Vì vậy tôi một lần nữa ra lệnh cho Cha/Thầy trở về với cộng thể tại Nhà trước ngày *(giống như trong lần cảnh cáo thứ nhất, nhưng đổi ngày hạn chót).*

Tôi cũng ra cho Cha/Thầy một cảnh cáo chính thức lần thứ hai chiếu theo giáo luật điều 697 §2, khuyên Cha/Thầy rằng nếu hạn chót tôi ra lần này không được tuân thủ, sẽ có hành động tiếp theo để thải hồi Cha/Thầy khỏi Tu Hội Salêdiêng.

(Tiếp theo là những lời khuyên nhủ giống như trong các thư lần trước: luôn là tốt việc nhắc đương sự biết họ có quyền cung cấp lời giải thích để tự biện hộ).

Nơi, ngày tháng, con dấu của Tỉnh và chữ ký của Giám Tỉnh.

N.B. Phải nhớ tầm quan trọng của việc giữ khoảng cách thời gian (ít là 15 ngày) giữa lần ra lệnh trước và lần cảnh cáo tiếp theo, như được Bộ Giáo Luật nói tới.

“THÔNG CÁO”

VỀ VIỆC THẢI HỒI MỘT HỘI VIÊN MẤT TUNG TÍCH

Đây là một ví dụ về một mẫu “Thông cáo” răn đe bằng một lời cảnh cáo theo giáo luật (lần thứ nhất hay thứ hai) đối với một hội viên không thể tìm ra tung tích. Thông cáo phải được dán trên bảng thông cáo riêng của Tỉnh và của Nhà mà hội viên đó thuộc về.

Tiêu đề đầu trang của Tỉnh

GỬI HỘI VIÊN(Họ và Tên)

VÀ TẤT CẢ CÁC HỘI VIÊN CỦA TỈNH

CÓ TRỤ SỞ ĐẶT TẠI

Sau khi đã nhận bài sai chính thức chuyển từ Nhà Salêdiêng
tới Nhà vào ngày....., hội viên (lm.) (họ và tên)..... ,
đã rời bỏ Nhà vào ngày và cho tới hôm nay (ngày tháng năm)
đương sự vẫn chưa có mặt tại nơi phải đến.

Hội viên đã để mất tung tích và mọi cố gắng tìm kiếm hội viên này đều đã thất bại.

Do đó, do chức vụ, vì phải trông coi việc tuân giữ tu trì và kỷ luật đời tu, giờ đây tôi đưa ra thông cáo, một lần nữa ra lệnh cho hội viên (lm.) vì lời khấn vâng phục mà đương sự đã khấn, phải đến Nhà(tên Nhà)..... (tại địa chỉ) trước và không sau ngày và đặt mình dưới quyền của Cha
Giám Đốc của Nhà này.

Đồng thời, do hành vi bất tuân nghiêm trọng của đương sự, tôi cảnh cáo đương sự lần thứ nhất (hay lần thứ hai) theo giáo luật, là đương sự sẽ bị thải hồi khỏi Tu Hội nếu không chấm dứt hành vi bất tuân Luật Dòng của chúng ta.

Tôi nhắc đương sự biết rằng đương sự có quyền giải thích lý do cho hành vi của mình trực tiếp với tôi hay với Bề Trên Cả.

Tôi mời gọi tất cả các hội viên nếu biết địa chỉ hiện thời của hội viên (linh mục) thông báo ngay cho tôi và báo cho hội viên ấy biết lời cảnh cáo này.

Tôi cầu xin Chúa, nhờ lời chuyển cầu của Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu và Thánh Gioan Bosco, soi sáng cho hội viên và giúp họ vâng phục, trở về với kỷ luật tu trì với lòng quảng đại và không tìm cách trốn tránh.

Văn kiện này sẽ được dán trên bảng thông báo của Nhà Tỉnh và của Nhà
từ ngày hôm nay tới ngày

Nơi và ngày tháng

Lm.

Con dấu của Tỉnh

Giám Tỉnh

.....

Thư Ký Tỉnh

MIỄN CHUẨN BẬC ĐỘC THÂN LINH MỤC

Đây là lược đồ các tài liệu và tuyên bố cùng với các mẫu bảng hỏi cho linh mục xin miễn chuẩn độc thân linh mục và những bản văn có thể hữu ích để tiến hành một vụ án miễn chuẩn bậc độc thân linh mục.

A-13-1 CHỈ ĐỊNH THẨM TRA VIÊN

Người ký tên dưới đây, Linh mục Bề Trên Giám Tỉnh của
Tỉnh Dòng Salêdiêng có trụ sở đặt tại
..... BỐ NHIỆM hội viên Salêdiêng linh mục
.....

làm **Thẩm Tra Viên** trong tiến trình miễn chuẩn bậc độc thân linh mục của hội viên
Salêdiêng linh mục thuộc Tỉnh Dòng
..... và qua thư này ban cho Thẩm Tra Viên tất cả các năng
quyền điều tra được đòi hỏi bởi luật Hội Thánh.

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng

Con dấu của Tỉnh

.....
Giám Tỉnh

A-13-2 CHỈ ĐỊNH CÔNG CHỨNG VIÊN

Người ký tên dưới đây, linh mục Bề Trên Giám Tỉnh của
Tỉnh Dòng Salêdiêng có trụ sở đặt tại
..... BỐ NHIỆM hội viên
.....

đảm nhiệm vai trò CÔNG CHỨNG VIÊN trong án kiện miễn chuẩn bậc độc thân linh mục
của hội viên Salêdiêng linh mục thuộc Tỉnh

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng

Con dấu của Tỉnh

.....
Giám Tỉnh

A-13-3 CHỨNG THỰC BẢN SAO VĂN KIẾN

Người ký tên dưới đây, trong vai trò Công Chứng Viên, sau khi đã đối chiếu bản sao này với bản gốc, **chứng thực và tuyên bố** rằng bản sao này trung thực và chính xác với bản gốc và sẽ được gửi đến Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật với mục đích xin miễn chuẩn bậc độc thân linh mục của linh mục Salêdiêng

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng

Con dấu của Tỉnh

.....
Giám Tỉnh

A-13-4 BẢN MẪU NHỮNG CÂU HỎI ĐỂ THẨM VẤN NGƯỜI THỈNH ĐƠN

Đây là một bản mẫu những câu hỏi để thẩm vấn linh mục làm đơn xin chuẩn độc thân. Hiển nhiên, khi nói là bản mẫu, có nghĩa là nó PHẢI ĐƯỢC THÍCH ỨNG vào từng trường hợp riêng, thêm những câu hỏi riêng được cho là hữu ích. Ngay cả những câu hỏi được đề nghị ở đây cũng có thể được chọn tùy theo trường hợp, bỏ đi những câu hỏi được coi là không cần thiết. Cần nhớ rằng việc thẩm vấn phải dựa vào cái nền là đơn xin của linh mục xin chuẩn và phải nhằm làm rõ những lý do và cung cấp bằng chứng về việc này.

Hôm nay (ngày tháng năm) trước sự hiện diện của linh mục ký tên dưới đây, Bề trên giám tỉnh của Tỉnh dòng (hay: được bổ nhiệm bởi Bề trên giám tỉnh của Tỉnh dòng làm *Thẩm định viên vụ án* trong tiến trình xin chuẩn sự độc thân linh mục), linh mục, SDB, người đã làm đơn lên Đức Thánh Cha xin chuẩn sự độc thân linh mục, sau khi được triệu tập thích đáng, đã trình diện, để trả lời các câu hỏi liên quan đến lý do của lời xin của ngài.
(Lm.), SDB, là người làm công chứng viên.

Sau khi tuyên bố, với lời thề, là trình bày sự thật theo lương tâm và trước mặt Thiên Chúa, linh mục nói trên trả lời những câu hỏi mà tôi đặt ra như sau:

1) DỮ KIẾN TỔNG QUÁT

— HỌ, tên, ngày tháng năm và nơi sinh, ngày và nơi Rửa tội, Thêm sức, là hội viên đã

- tuyên khấn trong Tu Hội Salêdiêng từ, là linh mục từ
- Là con của..... và
(*nói rõ cha mẹ còn sống hay đã qua đời*).
 - Các thành viên của gia đình (*các anh chị em*)
 - Nơi ở hiện tại (*nói rõ ở đâu và đang sống với ai*)?
- 2) DỮ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG GIA ĐÌNH
- Hoàn cảnh xã hội, kinh tế, đạo giáo của nơi chốn (đất nước, vùng) và của gia đình vào lúc còn thơ ấu? Và hiện tại thế nào?
 - Môi trường gia đình trong đó đã trải qua thời thơ ấu như thế nào? Nền giáo dục đã nhận được trong gia đình như thế nào?
 - Việc học đã trải qua trước khi bắt đầu chương trình đào luyện Salêdiêng (chỉ rõ nơi và những năm theo học); những bằng cấp đã đạt được.
- 3) Tình trạng pháp lý hiện nay như thế nào, cả về giáo hội lẫn dân sự? Nghề nghiệp hiện đang làm gì (chỉ rõ công việc đang làm)?

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO LUYỆN

- 4) Khi nào và như thế nào mà biết tới các Salêdiêng? Lần đầu tiên nghĩ mình sẽ trở thành Salêdiêng và trở thành linh mục là khi nào? Cha mẹ, họ hàng, và những người khác có ảnh hưởng gì trên quyết định vào nhà hay vào trường Salêdiêng (đệ tử viện hay một trường khác)? Lúc đó bao nhiêu tuổi? Lúc đó hiểu về ơn gọi như thế nào?
- 5) Trong những năm tuổi trẻ, tại gia đình và trường học, và nói chung trước khi vào trong đời sống tu, có xảy ra điều gì làm xáo trộn theo cách nào đó sự quân bình tâm lý-thể lý không? hay đã có một sự phát triển nhân cách bình thường?
- 6) Ở đâu và trong những năm nào đã hoàn tất chương trình đào luyện (tập viện, hậu tập viện, tập vụ, thần học)? Hãy trình bày về môi trường đào luyện, các Bề trên đã đồng hành, các vấn đề có thể đã gặp phải trong việc đào luyện. Sự tín nhiệm với các Bề Trên và vị hướng dẫn thiêng liêng như thế nào?
- 7) Quyết định tuyên khấn trong Tu Hội Salêdiêng đã có tự do và trách nhiệm không, hay có bị ảnh hưởng bởi người nào hay biến cố nào? hay đã không có đủ động lực? Trong trường hợp không có đủ động lực, thì tại sao?
- 8) Trong thời gian đào luyện tu sĩ và linh mục có thể nói là đã đào sâu thích đáng ý niệm về sự thánh hiến tu sĩ và linh mục thừa tác, cũng như các nghĩa vụ mà cuộc sống mà chúng đòi hỏi không? Đây là những kết quả thực tiễn trong cuộc sống mà những xác tín này đem lại: sự tuân giữ các lời khấn tu sĩ, đời sống kinh nguyện, việc tông đồ,... ?
- 9) Trước khi tuyên các lời khấn và tiến tới các chức thánh, đã được các Bề trên xem xét liên quan đến ý hướng, các khó khăn, các trở ngại ... không? Đã có gì thấy không chắc chắn hay ngờ vực liên quan đến bước đường lúc đó sắp thực hiện, đặc biệt khi sắp lãnh chức phó tế? Có tín nhiệm vào cha Giải tội và vào vị linh hướng, vào các bề trên, hay một ai khác không?

- 10) Nếu đã có những khó khăn và ngò vực trong thời gian đào luyện, thì bây giờ nhận định thế nào về cách thức giải quyết vào lúc đó? Đây là những lý do đã thúc đẩy đi tiếp?
- 11) Riêng về vấn đề đức thanh khiết thánh hiến: đã trân trọng hồng ân và sống nó như thế nào? Nền đào luyện nào nhận được về vấn đề này? Trong thời gian học thần học đã có được sự hiểu biết đầy đủ về ý nghĩa của độc thân linh mục không? Đã có những khủng khoảng đặc biệt về tình cảm trong thời gian đào luyện không? Hãy tìm cách chỉ ra các nguyên nhân và những cách thức phản ứng liên quan. Hãy nghĩ lại xem vào lúc tiến tới chức phó tế, đã có đủ trưởng thành thể lý và tâm lý để đảm nhận trách vụ không?
- 12) Nói chung, theo ý kiến của đương sự, còn có những lý do khác có thể giải thích cho những khó khăn hiện thời không?

VIỆC THỰC THI TÁC VỤ LINH MỤC

- 13) Sau khi thụ phong linh mục, đã thực thi tác vụ trong những nhà hay cộng thể nào? Đây là những hoạt động đã được các Bề trên trao phó? Đã hoàn thành thêm một vài việc học chuyên hóa sau khi lãnh chức linh mục không? Hãy diễn tả nhận định về cách thức đã thực thi và sống tác vụ linh mục Salêdiêng của mình. Đây là những khó khăn đã gặp phải?

NGUYÊN NHÂN VÀ HOÀN CẢNH CỦA KHỦNG HOẢNG

N.B. *Điểm này – vì nói tới cách riêng biệt về các động lực của đơn xin chuẩn – rất tế nhị và phải làm rõ những gì liên quan đến lá đơn gửi tới Đức thánh cha.*

- 14) Theo cha, đâu là những nguyên nhân xa của sự khủng hoảng đã đưa cha tới mức phải xin chuẩn khỏi sự độc thân và các nghĩa vụ của linh mục?
Phải chăng những khó khăn đã có ngay từ trước khi vào nhà tập Salêdiêng? Có những khó khăn trong thời đào luyện không, đặc biệt những khó khăn liên quan đến đời sống tình cảm? Có thiếu sự trưởng thành hay thiếu tự do khi đảm nhận những trách vụ của tác vụ linh mục không?
- 15) Đây là những nguyên nhân gần của sự khủng hoảng? Khi nào cha đã bắt đầu nhận ra mình có những dấu hiệu sự khủng hoảng? Cha đã làm gì để vượt qua các khó khăn và để phản ứng tích cực đối với sự khủng hoảng? Cha đã bàn hỏi với ai để xin giúp đỡ (các Bề trên, vị linh hướng, cha giải tội, các bác sĩ, những người khác)?
- 16) Cha đã lấy quyết định xin chuẩn độc thân linh mục khi nào? Đây là những động lực sâu xa đưa đến quyết định cho bước này?² Cha có cho rằng đúng như thế không?

² Trong việc điều tra về những động lực sâu xa của đơn xin phép chuẩn, thật là quan trọng việc đưa ra các động lực mà linh mục trình bày trong đơn gửi cho Đức thánh cha, để làm sáng tỏ và đào sâu chúng.

Tại sao?

- 17) Nếu việc chuẩn được ban, cha có ý định tiến tới hôn nhân không? Tình trạng hiện thời của cha như thế nào? Cha có thực sự tin rằng hôn nhân là giải pháp cho những vấn đề của cha không? Cha đã rời bỏ tác vụ linh mục rồi phải không?
- 18) Tại nơi cha hiện đang ở, đang làm việc, người ta có biết cha là linh mục không? Có nguy hiểm gì nếu phép chuẩn được ban sẽ gây nên ấn tượng tiêu cực hay tạo nên gương xấu không?
- 19) Cha có biết rằng phép chuẩn một khi được ban thì “sine spe readmissionis” không?
- 20) Có ai có thể làm chứng liên quan đến các giai đoạn của cuộc đời cha và liên quan đến các khó khăn của cha không? Có ai có thể xác quyết được các xác quyết và luận cứ mà cha trình bày không?³
- 21) Cha có điều gì khác muốn thêm vào không?

Cuối bản thẩm vấn:

Kết thúc việc thẩm vấn người thỉnh cầu, người ký tên dưới đây, linh mục
(Giám tỉnh hay Thẩm Tra viên) đọc lại toàn bộ những lời khai, để cho người thỉnh đơn có thể thêm hay chỉnh lại những gì người ấy cho là cần thiết. Người thỉnh đơn xác nhận lời khai với những lời sau: “Tôi thề là đã nói sự thật trong tất cả lời khai của tôi và tôi xác nhận toàn bộ những gì tôi đã nói và được ghi chép lại cách trung thành ở đây”.

Nơi và ngày tháng năm

.....
(chữ ký của linh mục thỉnh đơn)

Dấu của Tỉnh Dòng

.....
(Chữ ký của Giám Tỉnh)

.....
(Chữ ký của công chứng viên)

³ Linh mục được hỏi về tên những người (hội viên hay những người khác) có thể làm chứng về thỉnh cầu xin phép chuẩn-

A-13-5 MẪU ĐỀ HỎI CÁC CHỨNG NHÂN

Dưới đây là một số những câu hỏi dành cho các chứng nhân, trong trường hợp việc trình bày được thực hiện theo hình thức hội thoại: kể cả trong trường hợp hội thoại CÙNG PHẢI THÍCH ỨNG vào từng trường hợp cụ thể cá biệt.

Như đã nói trong cuốn sách này, chứng nhân có thể khai cung bằng văn bản (với chữ ký), theo yêu cầu của Thẩm Tra Viên. Trong trường hợp này, Thẩm Tra Viên có thể chỉ ra các câu hỏi, nhưng nên tránh dùng để bản cung khai trở thành dạng hỏi – đáp (như kiểu hội thoại).

Người ký tên dưới đây, linh mục, Bề Trên Giám Tỉnh của Tỉnh Dòng Salêdiêng (hay: Thẩm Tra Viên vụ án), vào ngày đã thẩm vấn ông để lấy chứng từ về linh mục SDB, là người đã làm đơn xin miễn chuẩn sự độc thân linh mục.
Người làm công chứng viên: SDB.

1) DỮ LIỆU TỔNG QUÁT VỀ NHÂN CHỨNG

- Họ, tên, ngày tháng năm và nơi sinh
 - Đã khấn trong Tu Hội Salêdiêng từ (nếu là Salêdiêng)
 - Đã thụ phong linh mục ngày (nếu là linh mục)
 - Hiện ngụ tại
 - Nghề nghiệp
- 2) Ông có thể là sẽ làm chứng về sự thật theo lương tâm và trước mặt Chúa không?
 - 3) Ông biết linh mục ? từ bao lâu rồi? có sống với ngài không? từ khi nào? Đã có tương quan thế nào với ngài và bây giờ còn có tương quan không?
 - 4) Ông có suy nghĩ gì về ngài lúc ban đầu và sau khi đã trải qua thời gian?
 - 5) Ông có tin rằng ngài đã chọn đời sống Salêdiêng và đời sống linh mục cách ý thức và tự do? Hay là đã dưới áp lực của thân nhân và/hoặc của các bề trên hay bị tác động do môi trường hay bởi những hoàn cảnh khác?
 - 6) Ông có nghĩ rằng ngài đã có ơn gọi thực sự và có những phẩm chất cần thiết cho ơn gọi này?
 - 7) Trong những năm đào luyện ông có thấy là đã tiến lên trong sự thanh thản, chẵn chắn về bản thân không? Hay đã có những nghi nan, bối rối, không chắc chắn? Ông có thấy rằng ngài đã có những khủng hoảng hay khó khăn về ơn gọi, nhất là liên quan tới sự thanh khiết và sự độc thân?
 - 8) Với tâm trạng nào ngài đã tuyên các lời khấn và lãnh nhận các chức thánh, nhất là chức linh mục? Ông có nhớ được nhận định nào của các người đào luyện và của các Bề trên liên quan đến không?
 - 9) Sau khi thụ phong đã sống chức linh mục của ngài như thế nào? Ngài đã chu toàn các nghĩa vụ linh mục và thực hiện tác vụ của mình như thế nào? Ngài có được tiếng tốt giữa các hội viên, với giới trẻ, với dân chúng không? Tương quan mà ngài đã có với cộng thể là như thế nào?
 - 10) Lối sống của ngài đã gây nên xầm xì, tố giác hay gương xấu không? Ông có cho rằng là ngài đã có những tương quan không phù hợp hay sự thân thiết quá mức đối với

- phụ nữ không?
- 11) Ông có biết rằng..... đã làm đơn xin miễn chuẩn sự độc thân linh mục không? Làm thế nào mà ông đã biết điều đó?
 - 12) *Post factum* - Sau khi sự việc đã xảy ra, ông có nghĩ rằng trong đời sống quá khứ của đã có điều gì đó khiến có thể dự đoán hay ít là ngờ vực một quyết định như thế?
 - 13) Ông có biết những lý do vì sao lại xin chuẩn? Ông có nhận định thế nào, khi nhìn vào hành trình đào luyện và cuộc sống mà ngài đã trải qua trong Dòng?
 - 14) Theo ý kiến của ông, đáng tin trong các xác quyết của ngài và trong các luận cứ mà ngài viện dẫn để xin chuẩn? Ngài đã nói chuyện với ông về vấn đề này không?
 - 15) Ông có tin rằng có thể hay có hy vọng để phục hồi lại đời sống linh mục cho ngài không?
 - 16) đã rời bỏ cộng thể và rời bỏ việc thực thi tác vụ thánh. Ông có biết ngài sống ra sao ở ngoài đời không?
 - 17) Việc ban miễn chuẩn và việc có thể kết hôn có thể gây nên gương xấu trong môi trường ngài đang sống không?
 - 18) Ông có nghĩ rằng cần thiết và nên ban miễn chuẩn không?
 - 19) Ông có gì khác muốn thêm vào không?

Nơi và ngày tháng năm

.....
(chữ ký của chứng nhân)

Con dấu của Tỉnh

.....
(chữ ký của Giám tỉnh)

.....
(chữ ký của Công chứng viên)

A-13-6 TƯỜNG TRÌNH (HAY PHIẾU CHUNG CUỘC) CỦA THẨM TRA VIÊN VỤ ÁN

Đây là một bản thảo có tính hướng dẫn về bản tường trình của Thẩm Tra Viên vụ án xin chuẩn sự độc thân của một linh mục. Hiện nhiên Bản thảo này phải được hoàn thành và thích ứng cho trường hợp riêng. Khi Thẩm Tra Viên vụ án là chính Giám Tỉnh, ngài sẽ nối kết các ý tưởng chứa đựng trong bản tường trình này với những điểm được trình bày ở bản thảo A-13.7 («de rei veritate»), để làm thành một bản tường trình duy nhất.

Vào ngày Giám Tỉnh của tôi, là linh mục đã bổ nhiệm tôi làm Thẩm Tra Viên vụ án xin chuẩn sự độc thân linh mục của linh mục Salêdiêng (tên) thuộc Tỉnh Dòng Salêdiêng

Có được lá đơn gởi cho Đức thánh cha, tôi đã đọc và đã khảo sát cẩn thận. Tôi cũng đã khảo sát «curriculum vitae» của linh mục nói trên, xem xét đặc biệt các nhận định do các Ban Cố Vấn liên hệ đối với các lần tiếp nhận vào tuyên khấn, vào các tác vụ và vào các Chức thánh, từ thời Tập Viện cho tới chức linh mục.

Tôi đã đọc tất cả các đơn xin đã viết bởi người thỉnh đơn cho các lần tiếp nhận này.

Việc sửa soạn này đã cho phép tôi có thể chọn ra những điểm để có được cuộc đối thoại trong chiều sâu. Cuộc đối thoại này chúng tôi đã thực hiện vào ngày..... như có thể thấy trong tập hồ sơ này.

Tôi đã chọn những người có thể giúp làm sáng tỏ hay làm chứng và tôi đã xin họ trình bày (qua cuộc đàm thoại hay qua bản văn tường trình) để xác minh, trong mức tôi có thể làm, về giá trị của những lý do mà người thỉnh đơn đã trình trong đơn của ngài.

Giờ đây, kết thúc công việc thu thập hồ sơ và khảo sát, tôi tổng hợp ý kiến của tôi với bản tường trình sau đây. *(tiếp theo trình bày bản tường trình về những lý do xin chuẩn, với phiếu của Thẩm Tra Viên về tính thích đáng của việc ban phép chuẩn).*

Nơi chốn và ngày tháng năm

Con dấu

.....
(Thẩm Tra Viên vụ án)

A-13-7 TƯỜNG TRÌNH CHUNG CUỘC CỦA GIÁM TỈNH VÀ PHIẾU «DE REI VERITATE»

Đây là một bản thảo có tính hướng dẫn về bản tường trình của Giám Tỉnh về vụ án xin chuẩn sự độc thân của một linh mục: vì chỉ đơn giản là Bản thảo "hướng dẫn", nó phải được hoàn thành và thích ứng cho trường hợp riêng. Lưu ý rằng bản tường trình được xem như có thể xảy ra mà Giám Tỉnh đã ủy thác cho một Thẩm Tra Viên vụ án, nhưng cũng có thể dễ dàng được đổi lại khi Giám Tỉnh chính là người thẩm án.

Vào ngày (xác định thời gian: vd tháng 10 năm 1982) linh mục đã bày tỏ với tôi ý định của ngài muốn rời bỏ chức linh mục và xin được chuẩn sự độc thân linh mục.

Trong thời gian (chỉ ra giai đoạn: vd, năm 1982/83) tôi đã có những cuộc nói chuyện với ngài, và tôi đã trao đổi với ngài một số thư từ về vấn đề, với mục đích giúp đỡ ngài trong sự phân định và để xem có những lý do đủ để xin chuẩn sự độc thân linh mục. *(Giám Tỉnh trình ra tất cả những gì đã làm để giúp vị linh mục trong sự phân định, mời vị ấy suy nghĩ lại, trước khi đi đến bước nghiêm trọng như vậy).*

Cuối cùng, vào ngày , linh mục đã trao cho tôi lá đơn chính thức, gởi lên Đức thánh cha.

Tin rằng có đủ lý do và vì thế tôi đã phải cho phép lời thỉnh xin này được tiến hành, tôi đã chỉ định hội viên Salêdiêng làm Công chứng viên và chỉ định linh mục làm Thẩm Tra Viên, như thấy được trong các tài liệu liên quan, được ký

ngày...(ngày tháng năm), và được đặt tất cả trong bộ hồ sơ này.⁴
Giờ đây, đã chuyển tới tay tôi tất cả toàn bộ tài liệu, tôi đã khảo sát cẩn thận bản thẩm vấn đương sự, các người thẩm vấn và những lời cung khai hay tuyên bố có lời thề của các chứng nhân, các tài liệu kèm theo, và lời thẩm định chung cuộc của Thẩm Tra Viên vụ án.⁵

Từ sự đánh giá khách quan về những lời cung khai và về các chứng từ, từ sự nghiêm túc đã được tiến hành, và từ sự hiểu biết cá nhân mà tôi có về đương sự và về những người đã liên can vào trong tiến trình điều tra, tôi đưa ra kết luận bằng lá phiếu «de rei veritate» của tôi.

Tôi không có gì khác để thêm vào nữa. Với tư cách là Giám Tỉnh, tôi cho phiếu thuận về việc ban ơn chuẩn khỏi sự độc thân linh mục và khỏi các nghĩa vụ của việc khấn dòng đối với, với sự tin tưởng rằng điều đó sẽ giúp ích cho người thỉnh đơn và giúp ích cho Giáo Hội, vì đương sự không thể tiếp tục phục vụ trong Giáo Hội như linh mục và tu sĩ nữa.

Chứng thực.

Nơi (trụ sở Tỉnh) và ngày tháng năm

Dấu của Tỉnh Dòng
.....
(Tên Giám Tỉnh)

A-13-8 SỰ TRUYỀN ĐẠT BẢN THÔNG TRI VỀ PHÉP CHUẨN ĐÃ BAN

Người ký tên dưới đây, linh mục, Bề Trên Giám Tỉnh của Tỉnh Dòng Salêdiêng..... có trụ sở tại tuyên bố rằng vào ngày(ngày tháng năm)..... đã trực tiếp thông tri (*hay*: qua lá thư bảo đảm) chính thức cho ông Phúc Nghị của Bộ Phụng tự và kỷ luật các Bí tích, văn

⁴ Trong trường hợp chính Giám Tỉnh đã là Thẩm Định viên (Instructor), ngài sẽ viết: «Tin rằng có đủ căn cứ, và vì thế tôi đã phải cho phép lời thỉnh xin được tiến hành, chính tôi đã đảm nhận nhiệm vụ Thẩm Định viên vụ án, tôi đã chỉ định hội viên Salêdiêng..... làm “Công chứng viên”, như thấy được bởi tài liệu đính kèm với bộ hồ sơ này».

⁵ Rõ ràng là khi chính Giám Tỉnh đã tiến hành thẩm định vụ án, thì phần này của bản tường trình phải được viết khác đi, bởi vì Giám Tỉnh phải đưa ra đánh giá tổng thể về Vụ án, với ý kiến tổng kết (như được chỉ ra trong A-13-6).

thư số ngày theo đó đã ban ơn chuẩn khỏi sự độc thân linh mục đi
đôi với sự mất bậc giáo sĩ, với sự chuẩn khỏi các lời khấn tu sĩ và xá giải khỏi các hình
phạt giáo luật có thể đã mắc.

Ngài cũng tuyên bố rằng:

- a. đã cho đương sự biết từng điều khoản phân biệt của Phúc Nghị nói trên;
- b. đã báo sự ban ơn chuẩn này cho Bản Quyền sở tại nơi mà người được chuẩn hiện
đang cư ngụ;
- c. đã báo sự ban ơn chuẩn này cho Giáo xứ nơi đã ghi sổ bí tích rửa tội của người được
chuẩn, như là dữ liệu thuộc các văn khố.

Chứng thực.

Nơi và ngày tháng năm

Dấu của Tỉnh Dòng

.....
(Thư ký Tỉnh)

.....
(Giám Tỉnh)

MẪU DỰ THẢO HỢP ĐỒNG - NHẬN GIÁO XỨ

*Dưới đây là bản dự thảo HỢP ĐỒNG giữa Giám Mục và Giám Tỉnh về việc nhận một giáo xứ. Như đã nói ở số **126**, trước khi ký hợp đồng chính thức, bản dự thảo phải được trình lên Bề Trên Cả và Ban Cố Vấn ngài để được phê chuẩn.*

Giữa Giáo Phận đại diện bởi Giám mục Giáo phận và Tu Hội Salêdiêng Don Bosco, là Tu Hội giáo sĩ có trụ sở tại Roma, được đại diện hợp pháp bởi linh mục Bề Trên Giám Tỉnh của Tỉnh Dòng có trụ sở tại , với sự phê chuẩn của Bề Trên Cả, bản HỢP ĐỒNG này được ký kết, theo quy tắc của khoản GL 520, để ủy thác giáo xứ

1. Giám mục giáo phận ủy thác cho Tu Hội Salêdiêng Don Bosco qua Bề trên Giám tỉnh, là người theo như Hiến Luật của Tu Hội này, chấp nhận việc chăm sóc mục vụ giáo xứ..... được thiết lập tại theo như các điều kiện đã trình bày trong sắc lệnh liên quan đến ranh giới (phụ lục A) và theo như tình trạng về thực thể và về luật mà giáo xứ hiện đang là.
2. Giám Tỉnh Salêdiêng chịu trách nhiệm đặt cho giáo xứ một cha xứ và ít nhất ...(số)... cha phụ tá làm việc toàn thời gian, để chăm sóc mục vụ cho các tín hữu, và ngài có thể đặt thêm những tu sĩ khác làm việc một phần thời gian. Sự cung ứng và sự chuyển đổi những nhân sự này được điều hành bởi luật riêng của Tu Hội, trừ những gì nói ở số 3; tuy nhiên Giám Tỉnh có trách nhiệm bảo đảm có sự ổn định nào đó về nhân sự và lưu tâm đến các đòi hỏi về mục vụ của Giáo xứ trong trường hợp chuyển nhân sự.
3. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm cha xứ và các phụ tá giáo xứ được điều hành bởi khoản 682 của Bộ GL.
4. Giáo xứ, tức là một cộng đoàn tín hữu xác định, được thiết lập ổn định trong phạm vi của Giáo hội địa phương, là một thực thể có pháp nhân. Phân biệt với pháp nhân giáo xứ là pháp nhân cộng đoàn địa phương của các tu sĩ Salêdiêng, gắn liền với giáo xứ.

Các bên đồng ý rằng:

(ở đây có hai khả thể có thể được vạch ra)

- a. Các tu sĩ sinh động giáo xứ, cùng sống với nhau trong cộng thể, được thiết lập theo giáo luật, theo các qui tắc của luật: cộng thể này có Bề trên riêng, được bổ nhiệm theo Hiến luật Salêdiêng, và, những gì liên quan đến tác vụ mục vụ, sẽ được điều hành theo qui tắc của khoản GL 678;

- b. Các tu sĩ sinh động giáo xứ, thuộc về một cộng thể rộng lớn hơn, có những hoạt động khác: các tu sĩ này giữ mối liên kết cộng thể, vâng phục Bề Trên theo như Hiến Luật của Tu Hội và, những gì liên quan đến tác vụ mục vụ, sẽ điều hành theo qui tắc của khoản GL 678.
5. Giáo xứ được điều hành và sinh động bởi cha xứ, là người phối hợp mọi hoạt động giáo xứ theo như những hướng dẫn của Bản Quyền giáo phận, là người mà cha xứ phải đích thân trả lời về sự chăm sóc mục vụ, vẫn giữ qui định của khoản GL 678. Các tu sĩ được đặt chăm sóc giáo xứ thực thi tác vụ trong sự hài hòa với đường hướng mục vụ của giáo phận trong tinh thần và theo sắc thái riêng của Tu Hội Salêdiêng, trong sự cộng tác huynh đệ với các tu sĩ của cộng thể Salêdiêng, với hàng giáo sĩ giáo phận, với các tu sĩ khác và các thành viên của các Tu Hội thánh hiến và với các giáo dân dẫn thân tông đồ trong giáo phận.
6. Giám mục nhìn nhận rằng sự hiện diện của các Salêdiêng trong Giáo Phận tạo thành một sự phong phú cho Giáo phận. Vì thế, ngài khích lệ các Salêdiêng được đặt làm việc cho giáo xứ biểu lộ căn tính đặc sủng riêng của họ với chứng từ đời sống huynh đệ và với long trung thành với tinh thần của Tu Hội trong hoạt động mục vụ, bằng việc dành quan tâm đặc biệt cho việc mục vụ giới trẻ, cổ vũ các hoạt động chuyên biệt để thăng tiến và giáo dục, sinh động các nhóm hoạt động theo phương pháp của Don Bosco, chăm sóc các ơn gọi vì lợi ích của toàn thể Giáo Hội và Tu Hội của họ.
7. Cha xứ và các cha phụ tá có cùng những nghĩa vụ và quyền của các linh mục giáo phận, trong việc hướng dẫn mục vụ giáo xứ cũng như trong quản trị tài sản, luôn tuân theo các qui tắc giáo luật và luật riêng.
8. Các bên cùng nhìn nhận rằng nhà thờ và các tòa nhà giáo xứ, như được chỉ rõ trong bản họa đồ kèm theo (phụ lục B), là tài sản của (chỉ rõ chủ thể sở hữu của tòa nhà: giáo phận, giáo xứ, Tu Hội, thực thể nào khác của giáo hội, là pháp nhân hay thể nhân...) và được cung cấp để cho giáo xứ sử dụng miễn phí (hoặc: xác định rõ điều kiện) với trách nhiệm gìn giữ hay bảo trì. Các đồ vật và các động sản của nhà thờ là tài sản của, theo những gì đã được chỉ ra trong bản kê khai (phụ lục C).
9. Sự quản trị giáo xứ phải tuân theo giáo luật và các qui chế của giáo phận. Sự quản trị này hoàn toàn phân biệt với sự quản trị tài sản của cộng đoàn tu sĩ. Theo những qui định của giáo phận, sẽ phải đệ trình lên văn phòng thẩm quyền thuộc Tòa Giám mục bản dự chi và kết toán quản trị giáo xứ, vẫn giữ quyền kiểm soát của Bề trên tu sĩ (CIC 678).
10. Các cửa dâng cúng của giáo dân thì thuộc về giáo xứ (x. CIC 1267 §1), trừ khi thấy rõ thể khác do tuyên bố của người dân cúng.

Trong trường hợp nhà thờ có những hoạt động mục vụ phân biệt với hoạt động Giáo xứ (vd, đền thánh, hoạt động liên giáo xứ,...), với sự thỏa thuận của các bên, bản Hợp Đồng phải xác định rõ những của dâng cúng khác đó thuộc về ai.¹

Tất cả các chi phí cho sự bảo trì thông thường của nhà thờ và các tòa nhà của giáo xứ, chi phí liên quan đến các dịch vụ (điện, nước, gas, điện thoại....) thì thuộc về trách nhiệm của giáo xứ, và các chi phí liên quan đến hoạt động giáo xứ cũng như những đóng góp cho giáo phận, thì thuộc về trách nhiệm của những nhân sự nào gắn liền với các tòa nhà của giáo xứ.

11. Việc trả lương cho các tu sĩ làm việc toàn thời gian cho giáo xứ sẽ phù hợp với những gì được qui định bởi các qui tắc về trợ cấp giáo sĩ cấp giáo phận. Đối với các tu sĩ làm việc một phần thời gian, thì sẽ thực hiện như sau: (*nếu rõ sẽ dự liệu thế nào*).

Lương bổng cấp dưỡng nhận được do trợ cấp giáo sĩ của cha xứ và các cha phụ tá, toàn thời gian hay bán thời gian, đều thuộc về sự quản trị của cộng đoàn tu sĩ. Cũng thuộc về sự quản trị này các bổng lễ mà mọi tu sĩ cử hành. Các bổng lễ binae sẽ thuộc về Đấng Bản quyền tu sĩ.

Các chi phí cá nhân của tu sĩ thì thuộc về sự quản trị của nhà dòng²: chi phí ăn uống, nơi ở và đời sống chung, tức là những chi phí liên quan đến các dịch vụ ăn ở của tu sĩ.

- 12a *Khi nhà thờ và các tòa nhà là tài sản của Tu Hội*: các công việc ngoại thường trong nhà thờ và các tòa nhà giáo xứ sẽ được thực hiện bởi các dâng cúng của tín hữu, với phép trước của Bản quyền giáo phận và Bề trên tu sĩ có thẩm quyền, theo qui tắc của Hiến Luật. (các qui tắc khác có thể được đưa vào đối với các nhà thờ hay các tòa nhà có giá trị đặc biệt đối với Tu Hội).

- 12b. *Khi nhà thờ và các tòa nhà không phải là tài sản của Tu Hội, nhưng là của Tòa Giám Mục hay của thực thể giáo xứ*: các công việc ngoại thường thực hiện trong nhà thờ hay trong những tòa nhà giáo xứ sẽ được thực hiện bởi cha xứ với phép bằng văn bản của Bản Quyền giáo phận. Cộng thể tu sĩ sẽ hưởng dụng nhà xứ: các chi phí bảo trì thông thường nhà xứ và điều hành cộng thể sẽ thuộc về trách nhiệm của cộng thể tu sĩ; các chi phí bảo trì ngoại thường của nhà xứ sẽ thuộc trách nhiệm của giáo xứ.

¹ Nếu nhà thờ cũng có những phận vụ mục vụ phân biệt với các phận vụ giáo xứ (vd, các đền thánh, hoạt động liên giáo xứ, vv...), tiêu chuẩn phải theo liên quan đến của dâng cúng đã được vạch ra ở khoản GL 1267 §1 (áp dụng chung):

- Những gì thuộc riêng phận vụ giáo xứ thì việc dâng cúng được đổ vào quỹ giáo xứ là;
- Trong những trường hợp khác, đối với những thứ được xem là dành cho nhà thờ của một đền hay của bất cứ phận vụ đặc biệt.

² Các chi phí cá nhân của các tu sĩ là, vd, những thứ thuộc bảo hiểm, chi phí y tế và bệnh viện, chi tiêu những ngày tham dự hay các khóa học cập nhật tu sĩ...

12c. Khi nhà thờ và các tòa nhà là sở hữu của một thực thể khác (nhà nước, xã, tư nhân,...), nếu họ có một hợp đồng với Tu Hội, thì sẽ điều hành theo những gì qui định ở số 12a; nếu có một giao kèo với một giáo phận, thì sẽ điều hành theo những gì qui định ở số 12b.

13. Việc ủy thác giáo xứ cho Tu Hội Salêdiêng, theo như những điều kiện đã đề cập, đã được nhất trí có hiệu lực từ ngày.....

- Cách vĩnh viễn
- Hoặc: với một thời gian có hạn định: có thể bị hủy bỏ từ phía Tu Hội hay từ phía Giáo phận với sự thông tri trước ít là một năm;
- Hoặc: trong thời gian năm: và sẽ tự động được tái hợp đồng trừ khi không có tuyên bố minh nhiên trái ngược.

(Có thể thêm, đối với các giáo xứ đã được ủy thác và làm lại Hợp Đồng: Các bên nhìn nhận rằng giáo xứ đã được ủy thác cho các Salêdiêng trong quá khứ, từ năm)

Bản Hợp Đồng này có thể được thay đổi bất cứ khi nào với sự đồng ý của cả hai bên.

Nơi và ngày tháng năm.....

.....

Giám Tỉnh Salêdiêng

.....

Giám Mục Giáo Phận

THỐNG KÊ CUỐI NĂM (“FLASH”)

STATISTICS AT THE END OF THE YEAR (“FLASH”)

Đây là tài liệu “FLASH VÀO NGÀY 31 THÁNG 12” cung cấp các số liệu thống kê của Tỉnh vào ngày cuối năm.

Biến chuyển về nhân sự Salêdiêng
từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12....., trong Tỉnh
.....

N = Tập sinh
L = Sư huynh
D = Phó tế (vĩnh viễn)
S = Tư giáo và Phó tế (không vĩnh viễn)
P = Linh mục

1. TẬP SINH

- 1.0 Số liệu cung cấp ngày 31 tháng 12 (năm vừa qua)
- 1.1 Các tập sinh đã vào trong năm
- 1.2 Các tập sinh bỏ tập viện trong năm
- 1.3 Các tập sinh đã qua đời.....
- 1.4 Các tập sinh đã tuyên khấn lần đầu
- 1.5 Số hiện diện vào ngày 31 tháng 12 (năm hiện tại)

	N
+	
-	
-	
-	
=	
	=

2. HỘI VIÊN KHẨN TẠM

- 2.0 Số liệu cung cấp ngày 31 tháng 12 (năm vừa qua).
- 2.1 Các hội viên khẩn tạm mới.....
- 2.2 Chuyển từ sang tư giáo hay sang sư huynh
.....
- 2.3 Chuyển sang một Tỉnh khác.....
- 2.4 Đến từ một Tỉnh khác hay được tiếp nhận
lại.....
- 2.5 Miễn chuẩn lời khấn
- 2.6 Rời bỏ Tu Hội sau khi mãn lời
khấn.....
- 2.7 Hội viên qua đời.....
- 2.8 Hội viên khẩn trọn mới.....
- 2.9 Số hiện diện vào ngày 31 tháng 12 (năm hiện tại)
.....

	L	S	D	P
+				
-				
+				
-				
+				
-				
-				
-				
=		+	+	+
		=		

3. HỘI VIÊN KHẨN TRỌN

- 3.0 Số liệu cung cấp ngày 31 tháng 12
(năm vừa qua).....
- 3.1 Các hội viên khẩn trọn mới.....
- 3.2 Các linh mục mới.....
- 3.3 Các phó tế vĩnh viễn mới.....
- 3.4 Chuyển sang tư giáo hay sư huynh.....
- 3.5 Được tấn phong giám mục.....
- 3.6 Chuyển sang một Tu hội khác.....
- 3.7 Thuyên chuyển sang một Tỉnh Dòng khác.....
- 3.8 Đến từ một Tỉnh khác hay được tiếp nhận lại.....
- 3.9 Được miễn chuẩn lời khẩn
Được miễn chuẩn độc thân linh mục (hay phó tế)
- 3.11 Chuyển sang hàng giáo sĩ triều.....
- 3.12 Bị thải hồi.....
- 3.13 Qua đời.....
- 3.14 Số hiện diện vào ngày 31 tháng 12 (năm hiện tại)
.....

(Xem các ô đánh dấu trong bản pdf gốc tiếng Anh, trang 213-214)

Tổng Chung:

4. HỘI VIÊN TRONG THỜI KỲ ĐÀO LUYỆN

TIỀN TẬP SINH **Tổng:**

ĐÃ TUYÊN KHẨN

- Hội viên sau Tập Viện.....
- Hội viên thời kỳ tập vụ.....
- Sinh viên thần học.....
- Sinh viên đại học ⁽⁶⁾.....

(Xem các ô đánh dấu trong bản pdf gốc tiếng Anh, trang 213-214)

5. TUỔI CỦA HỘI VIÊN

- <- 20
- 21-25
- 26-30
- 31-35
- 36-40
- 41-45
- 46-50
- 51-55
- 56-60
- 61-65
- 66-70
- 71-75
- 76-80
- 81 ->

Tổng:

(6) Ở đây chỉ về các sinh viên tại các đại học giáo hội hay dân sự, mặc dù họ có thể đã được tính trong các nhóm khác ((tiền tập sinh, tập vụ hay sinh viên thần học).

6. ĐỊA HẠT (LÃNH THỔ) CỦA TỈNH

Các quốc gia.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

**(Xem các ô đánh dấu trong
bản pdf gốc tiếng Anh,
trang 213-214)**

Tổng:

CẤT NGHĨA CHI TIẾT

TẬP SINH

- 1.0 Phải cung cấp con số chính xác các tập sinh thuộc tỉnh của mình vào cuối năm trước.
- 1.1 Các tập sinh đã vào trong cùng năm (từ 1 tháng 1 đến tháng 12).
- 1.2 Các tập sinh đã bỏ Tập Viện trong năm. Ghi tên của họ trên một tờ riêng.
- 1.3 Các tập sinh đã qua đời trong năm.
- 1.4 Các tập sinh của tỉnh mình đã tuyên khấn lần đầu.
- 1.5 Con số tập sinh từ tỉnh mình hiện diện trong Tập Viện vào ngày 31 tháng 12 (cả những tập sinh có thể đang qua thời kỳ Tập Viện ở ngoài tỉnh).

N.B.: Cần lưu ý bản danh sách này chỉ về những *Tập Sinh của Tỉnh mình* (cả những tập sinh có thể đang qua thời kỳ tập viện ở các tỉnh khác).
Cũng cần lưu ý rằng đối với các tập sinh, tổng số phải được tính không phân biệt các thành phần (sư huynh, tư giáo, phó tế vĩnh viễn, linh mục).

KHẨN TẠM

- 2.0 *Cùng một dữ liệu đã được ghi trong Flash của năm trước phải được ghi một cách trung thành.*
- 2.1 Phải cung cấp số liệu các hội viên khẩn tạm trong năm: đây là số liệu đã cung cấp ở tổng của số 1.4, nhưng ở đây được xếp thành các thành phần (sư huynh, tư giáo, phó tế vĩnh viễn, linh mục).
- 2.2 Để hiểu rõ hơn, xem chú thích (1). *Cung cấp họ tên của các hội viên trên một tờ riêng.*
- 2.3 Con số hội viên khẩn tạm được chuyển sang tỉnh khác vĩnh viễn với phép của Bề Trên Cả, hay tạm thờ bởi một thoả thuận giữa hai giám tỉnh liên quan. *Cung cấp họ tên của các hội viên đã chuyển trên một tờ riêng.*
- 2.4 Con số hội viên khẩn tạm đã đến tỉnh (vì cùng những lý do đã nói ở số 2.3, nghĩa là do chuyển vĩnh viễn hay tạm thời, ngoại trừ vì các lý do học hành và hay bệnh tật) và các hội viên đã được nhận lại vào Tu Hội mà không phải làm lại thời kỳ Tập Viện (với phép của Bề Trên Cả). *Ghi họ tên của họ trên một tờ riêng.* (Cần lưu ý các hội viên bình thường được nhận lại vào Tu Hội thì tuyên khấn tạm trước khi được nhận cho khấn trọn đời).
- 2.5 Các hội viên được miễn chuẩn lời khấn bởi Bề Trên Cả trong năm. Phải ghi tất cả các hội viên được miễn chuẩn lời khấn, nhưng cần nhớ gửi bản chấp nhận phép miễn chuẩn lời khấn sớm bao có thể.
- 2.6 Các hội viên khẩn tạm đã rời Tu Hội khi mãn hạn lời khấn (vì không làm đơn xin khấn tiếp, hay vì không được chấp nhận). Chỉ ghi những hội viên đã mãn hạn lời khấn mà thôi. *Họ tên của các hội viên này* (đã phải được gửi cho Văn Phòng Trung Ương bằng mẫu thích hợp) *phải được ghi riêng.*
- 2.7 Tất cả các hội viên nào đã qua đời trong năm.

- 2.8 Các hội viên khẩn tạm đã tuyên khẩn trọn đời.
- 2.9 Hàng này ghi tổng số của các hàng từ 2.0 đến 2.8.

KHẨN TRỌN

- 3.0 Cùng một dữ liệu đã được ghi trong Flash của năm trước phải được ghi một cách trung thành.
- 3.1 Cho cùng dữ liệu như ở số 2.8.
- 3.2 Con số các phó tế không vĩnh viễn (S) hay các phó tế vĩnh viễn (D) đã được thụ phong linh mục. Con số các phó tế được trừ từ con số các thầy tư giáo (S) hay các phó tế vĩnh viễn (D) và cộng với con số các linh mục (P). Ví dụ:

	L	S	D	P
-	●	1		●
+	●			→1

(Các hình tiếp theo, xem bản gốc pdf tiếng Anh, trang 216)

- 3.3 Các sư huynh và tư giáo đã lãnh chức phó tế vĩnh viễn. Trong trường hợp này, con số phó tế mới được trừ từ số sư huynh (L) hay số tư giáo (S) và cộng vào số phó tế vĩnh viễn (D). Ví dụ:

	L	S	D	P
-		1		●
+			→1	●

(Xem hình ở bản gốc pdf tiếng Anh, trang 216)

Cần lưu ý rằng các tư giáo đã lãnh chức phó tế để lên chức linh mục không được kể ở đây: họ vẫn là tư giáo (S). *Họ tên của các phó tế vĩnh viễn phải ghi ở một tờ riêng.*

- 3.4 Để hiểu rõ hơn, xem chú thích (1). *Ghi họ tên của các hội viên này ở một tờ riêng.*
- 3.5 Các hội viên linh mục đã được tấn phong Giám Mục trong năm.
- 3.6 Các hội viên khẩn trọn đã chuyển sang một Tu Hội (hay một Tu Đoàn tông đồ) khác trong năm.
- 3.7 Con số các hội viên khẩn trọn đã chuyển sang một tỉnh khác, một cách vĩnh viễn bởi quyết định của Bề Trên Cả, hay tạm thời bởi thoả thuận giữa hai giám tỉnh liên hệ (xem cắt nghĩa ở số 2.3). *Họ tên của các hội viên này ghi ở một tờ riêng.*
- 3.8 Con số các hội viên đã đến tỉnh từ một tỉnh khác (theo diện vĩnh viễn hay tạm thời, trừ trường hợp vì lý do học hành hay bệnh tật) và các hội viên đã trở về tỉnh sau những lần chuyển chuyển trước. *Họ tên của các hội viên này ghi ở một tờ riêng.*

- 3.9 Các hội viên khẩn trọn (sư huynh hay tư giáo) đã được miễn chuẩn lời khẩn. Phải ghi tất cả các hội viên đã được miễn chuẩn lời khẩn trong năm, và nhớ rằng phải gửi ngay bản xác nhận họ chấp nhận phép miễn chuẩn.
- 3.10 Các linh mục hay phó tế đã được phép miễn chuẩn bậc độc thân theo sau phúc chiếu của Toà Thánh. Chỉ phải ghi các linh mục (hay phó tế) đã nhận phúc chiếu miễn chuẩn và trước đó đã không bị thải hồi.
- 3.11 Các linh mục hay phó tế đã *dứt khoát* vào một giáo phận, do một sắc lệnh nhập tịch đã được công bố, hay do họ đã hết thời kỳ thử (đối với những người đã chuyển sang giáo phận theo diện "*ad experimentum*"). Cần nhớ rằng những hội viên chuyển sang giáo phận "*ad experimentum*" trong thời kỳ thử thì ở tình trạng sống ngoài nội vi ("*exclaustration*"). Đối với những người đã được chuyển sang giáo phận theo diện "*pure et simpliciter*", họ cần phải được một sắc lệnh nhập tịch từ phía Giám Mục.
- 3.12 Con số các hội viên đã bị thải hồi bởi CIC 694 ("*ipso facto*") (*khi Giám Tỉnh và BCV tỉnh đã tuyên bố*) hay bởi một sắc lệnh của Bề Trên Cả (được Toà Thánh chuẩn y).
- 3.13 Con số các hội viên khẩn trọn đã qua đời trong năm.
- 3.14 Hàng này chứa *tổng số các hàng trên (từ hàng 3.0 tới 3.13)* và cho tổng số các hội viên khẩn trọn tính tới ngày 31 tháng 12 năm hiện tại.

Ghi chú (1) Nếu một thầy tư giáo trở thành một sư huynh, phải trừ thầy khỏi số các tư giáo (S) và cộng thêm vào số các sư huynh (L). Ngược lại là trường hợp một sư huynh trở thành một tư giáo.

Ví dụ: (Xem hình ở bản gốc pdf tiếng Anh, trang 216).

CÁC CẤT NGHĨA KẾT THÚC

1. Như đã nhiều lần nói tới ở trên, *phải thêm một tờ riêng vào bản Flash* để ghi họ tên của các hội viên mà trong năm đã rơi vào những tình huống đặc biệt (thuyên chuyển, được tiếp nhận lại, rồi bỏ Tu Hội dưới theo các diện khác nhau, qua đời), đồng thời ghi rõ hội viên này được ghi ở hàng nào (trong bản Flash).
Để thuận tiện hơn, đây là các mục được nói tới (với bản liệt kê và tên):
 - 1.2 Các tập sinh rời bỏ trong năm:
 - 1.3 Các tập sinh qua đời trong năm:
 - 2.2 Các tư giáo khẩn tạm chuyển sang sư huynh:
Các sư huynh khẩn tạm chuyển sang tư giáo:
 - 2.3 Các hội viên khẩn tạm chuyển đi: tới tỉnh Dòng.....
..... tới tỉnh Dòng.....
 - 2.4 Các hội viên khẩn tạm đến từ tỉnh Dòng
..... từ tỉnh Dòng.....
Được nhận lại vào Tu Hội:
 - 2.5 Các hội viên khẩn tạm được miễn chuẩn lời khẩn: ngày tháng.....

- 2.6 Các hội viên đã khẩn rời Tu Hội khi mãn hạn lời khẩn: ngày tháng.....
 - 2.7 Các hội viên khẩn tạm qua đời:
 - 3.4 Các hội viên tư giáo khẩn trọn chuyển sang sư huynh:
Các hội viên sư huynh khẩn trọn chuyển sang tư giáo:
 - 3.5 Các linh mục được tấn phong Giám Mục:
 - 3.6 Các hội viên chuyển sang Tu Hội khác: chuyển sang Tu Hội.....
 - 3.7 Các hội viên chuyển đi: tới tỉnh Dòng.....
 - 3.8 Các hội viên đến: từ tỉnh.....
 - 3.9 Các tư giáo hay sư huynh được miễn chuẩn lời khẩn: ngày tháng.....
 - 3.10 Các linh mục (hay phó tế) được miễn chuẩn độc thân linh mục: ngày tháng.....
 - 3.11 Các linh mục chuyển sang giáo phận: vào trong giáo phận.....
(ngày tháng ra sắc lệnh hay kết thúc thời kỳ thử “ad experimentum”).
 - 3.12 Các hội viên bị thải hồi: ngày tháng.....
 - 3.13 Các hội viên khẩn trọn qua đời: ngày tháng.....
2. Ở mặt sau (trang hai) của tờ Flash có ghi một số thông tin về: *hội viên trong thời kỳ đào luyện, tuổi* và sự phân chia lãnh thổ của tỉnh (khi một tỉnh gồm nhiều hơn một nước).¹ Khi soạn bản kê khai về sự phân chia lãnh thổ, điều quan trọng là phải kiểm tra xem các tổng số tương ứng với các tổng số ở trang trước của tờ Flash.
 3. Cùng với tờ Flash (thống kê số liệu), hằng năm cũng nên gửi bản ***danh sách các hội viên trong tỉnh được phân chia theo các thành phần*** (các hội viên khẩn tạm: sư huynh, tư giáo, phó tế vĩnh viễn và linh mục; các hội viên khẩn trọn: sư huynh, tư giáo, phó tế vĩnh viễn và linh mục). Trong danh sách bao gồm các hội viên đang sống và làm việc trong tỉnh, cũng như các hội viên chỉ thuyên chuyển tạm thời (trừ lý do học hành hay bệnh tật); *cũng phải bao gồm các hội viên trong tình trạng bất qui tắc*, nhưng là những trường hợp chưa được kết luận bằng việc ra khỏi Tu Hội (ngoài họ và tên của các hội viên này, cũng nên chỉ ra tình trạng của họ: vắng mặt, đang xin miễn chuẩn độc thân linh mục hay chuyển sang giáo phận hay đang trong tiến trình bị thải hồi, v.v...). Không ghi vào sổ các hội viên đã ra khỏi Tu Hội (tiến trình đã hoàn tất), và các hội viên chuyển sang một tỉnh khác, dù chỉ tạm thời (ngoại trừ vì lý do học hành hay sức khỏe).
 4. Bản Flash phải được lập thành *2 bản*: một cho Văn Phòng Trung Ương và một cho Văn Khố tỉnh.
 5. Bản Flash phải được gửi đi ***trước và không muộn hơn ngày 10 tháng 1*** mỗi năm.

¹ Hằng năm Toà Thánh yêu cầu gửi các bản thống kê về các tu sĩ được phân chia theo lãnh thổ các “nước.” Do đó điều quan trọng là việc phân chia (theo quốc gia) về nhân sự trong tỉnh được hoàn tất khi tỉnh này bao gồm nhiều hơn một nước.

PHỤ LỤC A-16

MẪU VỀ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHO HỘI VIÊN

Sau đây là một ví dụ về mẫu văn bản chi tiết cá nhân cho mỗi hội viên như được dùng trong Văn Khố Trung Ương của Tu Hội (được in ra từ dữ liệu trong máy tính). Ví dụ này có thể hữu ích để xem những chi tiết cốt yếu được lưu giữ ở cấp trung ương. Trong mỗi tỉnh, mẫu này sẽ được điền cho đầy đủ bằng các thông tin địa phương. Mẫu này gồm hai phần: a) chi tiết cá nhân; b) lịch sử Salêdiêng (các mục chính từ “curriculum vitae”).

KHO LƯU TRỮ TRUNG ƯƠNG SALÊDIÊNG
Mẫu lưu trữ cá nhân

Code

.....

HỌ TÊN

L/S/D/P

.....

Sinh

.....

tại

.....

giáo phận

.....

Thuộc cộng thể

.....

(nhưng được nhập tịch gốc tại.....)

Thuộc

cộng

thể

.....

từ

.....

Email

.....

Tập Viện

Nhà	từ	đến	Ghi chú
.....			

Tuyên khẩn

Ngày tháng	Loại	Nơi	Ghi chú
.....			
.....			
.....			
.....			

Chịu chức

Ngày tháng	Loại	Nơi	Ghi chú
.....			
.....			
.....			
.....			

Sống tại cộng thể

từ	đến	Nhà	Ghi chú
.....			
.....			
.....			
.....			

Trách nhiệm trong cộng thể

từ	đến	Trách nhiệm	Nhà	Ghi chú
.....				
.....				
.....				
.....				

Trách nhiệm trong tỉnh

từ	đến	Trách nhiệm	Tỉnh	Ghi chú
.....				

Trách nhiệm trong Tu Hội

từ	đến	Trách nhiệm	Tu Hội	Ghi chú
.....				

Ghi chú tổng quát:

.....
.....
.....

Bảng cấp trong Giáo Hội

Ngày tháng	Học vị	Thành phố	Viện
.....			

Bảng cấp dân sự

Ngày tháng	Học vị	Thành phố	Viện
.....			

Biết các ngôn ngữ:

Chi tiết về gia đình:

Cha: Mẹ:

MẪU CHO MỖI NHÀ

Đây là mẫu thông tin về mỗi nhà như được dùng trong Văn Khố Trung Ương của Tu Hội.

KHO LƯU TRỮ TRUNG ƯƠNG SALÊDIÊNG

Mẫu lưu trữ Nhà

Code

TÊN CỦA NHÀ

Được dâng hiến cho

Khi bắt đầu các hoạt động Ngày thiết lập theo giáo luật

Thuộc về Tỉnh từ

Địa chỉ bưu điện:

Thông tin hiện nay

.....

Hoạt động: Nguyễn Xá, Trung Tâm Trẻ, Trường Học, Giáo Xứ, v.v...

Bối cảnh lịch sử:

.....

.....

Phương tiện truyền thông:

Loại	Số, v.v...	Mô tả
Điện thoại		
Điện thoại		
Fax		
E-mail		
E-mail		
Web		
Telex		
Tài khoản ngân hàng		

Các vị trí trách nhiệm

Vị trí	Họ và Tên	Từ	Ghi chú
Giám Đốc			
Phó Giám Đốc			
Quản Lý/v.v...			
Cố Vấn			

Các hội viên của cộng thể

Họ và Tên	từ	Ghi chú

MẪU CHO VĂN KHỐ TRUNG ƯƠNG

Đây là một bản sao của mẫu cho các tài liệu như được dùng trong Văn Khố Trung Ương với các cắt nghĩa liên quan

VĂN KHỐ TRUNG ƯƠNG SALÊDIÊNG

Collocaz. XXXX/XX/XX	Classificaz. XXXXX	Tipo Docum. XX/X
Data XX-XX-XXXX	Luogo	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
Riferimento ad altri archivi	XXXXXXXXXXXX Autore/i	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
Destinatario/i	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
	Titolo/Regesto	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
		XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
		XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
		XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
Supporto XX	N.	XXXX
	Presentazione X	Autenticita X
	Pubblicato X	
Chiavi:	XXXXXX	XXXXXX
Chiavi:	XXXXXX	XXXXXX
Chiavi:	XXXXXX	XXXXXX

CẮT NGHĨA

Collocazione (Vị trí): bốn số đầu chỉ về hộp hay quyển; hai số tiếp theo chỉ về thư mục hay tập tin hay bao thư bên trong hộp; hai số cuối chỉ về tài liệu. Các hộp được đánh số từ A000 tới A999 cho một ngàn hộp đầu tiên cho tới z000-z999 cho hộp thứ 25 ngàn. Từ hộp thứ 26 ngàn tới 50 ngàn, mẫu tự được đặt ở cuối: 000A-999A, 000Z-999Z.

Classificazione (Phân loại): chỉ về danh sách các Tựa Đề và sử dụng một mã số số học alpha gồm không quá 6 chữ số hay ký tự (vd., Giovanni Bosco 78A001).

Tipo (Loại): chỉ bằng hai ký tự dù là về Thư Từ (CO-Correspondence), Tường Trình hay Báo Cáo (RO-Report), v.v...; xem bảng các chữ viết tắt. Hộp thứ ba để chỉ chia khoá để đến với các tài liệu mật được dành riêng.

Data (Ngày tháng): không quá 6 con số.

Riferimento (Tham chiếu): ở đây chỉ đến các Văn Khố khác có thể tìm thấy tại liệu, đặc biệt nếu tài liệu được bảo quản tại Văn Khố Trung Ương Salêdiêng không phải là bản gốc.

Titolo e/o Regesto (Tựa đề và/hay số đăng ký): Chỉ về tựa đề của tài liệu (nếu có) và/hay chỉ về đề tài, dưới dạng tóm lược (trong giới hạn ba hàng chữ).

Supporto (Hình thức): với hai ký tự để chỉ nó thuộc dạng viết tay (Ms), đánh máy (Dt), in (ST), vẽ hay thiết kế bằng tay (Gr), ghi âm/hình (Rg), photocopy (Ft).

Nº p/f/c/n: chỉ về số trang (hai mặt), số tờ (nếu chỉ một mặt), số giấy, hay băng đĩa.

Presentation (Trình bày): với chữ L để chỉ các trang/tờ khâu lại, với chữ S để chỉ các trang/tờ rời.

Autenticità (Xác thực): chữ o để chỉ bản gốc viết tay (=Original MS) và chữ a để chỉ một bản có chữ ký của tác giả (Autograph).

Chiavi (Chìa khoá): là những từ dạng số học alpha hay các mã số được dùng trong việc Phân loại hay liệt kê các Tựa đề, giúp dễ tìm các tài liệu theo các nội dung khác nhau.

MỤC LỤC PHÂN TÍCH

Á Tỉnh [Vice-Province]

thiết lập một — 129; Bề Trên — (đại diện của Giám Tỉnh) 129

Bãi nhiệm/miễn nhiệm [Exoneration]

— một Cố Vấn Tỉnh đương nhiệm 17

Ban Cố Vấn địa phương [Local Council]

ý kiến của — để tiếp nhận vào Tập Viện 54; ý kiến của — để tiếp nhận vào tuyên khẩn lần đầu 62; ý kiến của — để tiếp nhận vào tái khẩn 64; ý kiến của — để tiếp nhận vào tuyên khẩn trọn đời 66; ý kiến của — để tiếp nhận vào các thừa tác vụ 74; vào chức Phó Tế 79; vào chức Linh mục 85; bổ nhiệm các thành viên BCV địa phương 121-124

Ban Cố Vấn Tỉnh [Provincial Council]

nhu cầu và bản chất của — 12; Giám Tỉnh triệu tập — 12; thành phần — 13; bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh 14, 15; tham khảo để bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh 16; nhiệm kỳ của các Cố Vấn Tỉnh 17; miễn nhiệm một Cố Vấn Tỉnh đương nhiệm 17; các trường hợp cần có sự ưng thuận của — 19; các trường hợp cần có ý kiến của — 20; sự ưng thuận của — để tiếp nhận vào Tập Viện 54; sự ưng thuận của — để tiếp nhận vào khẩn lần đầu 62; để tái khẩn tạm 64; để khẩn trọn đời 66; sự ưng thuận của — để tiếp nhận vào các thừa tác vụ 74; vào chức phó tế 79; vào chức linh mục 85; sự ưng thuận của — để cho phép vắng mặt khỏi Nhà Dòng 91; ý kiến của — để miễn chuẩn lời khẩn 95-96; tuyên bố bởi — cho việc thải hồi 'ipso facto' 105; bỏ phiếu của — để tiến hành việc thải hồi một hội viên 108

Bán [Selling]

— các bất động sản 154

Báo cáo/Tường trình (tài chánh) [Rendiconto (financial)]

— hằng năm 159

Bất động sản [Immovable goods]

các giao dịch ngoại thường liên quan đến — 150, 151; thủ tục xin phép Bề Trên Cả 152; mua — 153; chuyển nhượng các nghĩa vụ kèm theo bất động sản hay được cho không 154

cũng xem: Quản trị

Bầu cử [Elections]

thủ tục — ở cấp mỗi Nhà cho Tu Nghị Tỉnh 27; thủ tục — ở cấp Tỉnh cho Tu Nghị Tỉnh 28; các thành viên tham dự các cuộc — cho Tu Nghị Tỉnh 29

Bề Trên Cả [Rector Major]

— cùng BCV bổ nhiệm Giám Tỉnh 9; — cùng BCV bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh 15; Giám Tỉnh tham khảo — để triệu tập Tu Nghị Tỉnh Đặc Biệt 25; — phê chuẩn việc bổ nhiệm Tập Sư 50; thẩm quyền của — để nhận lại một hội viên hay tập sinh 70-71; sự ưng thuận của — để một hội viên chuyển sang một Tu Hội khác hay ngược lại 88-89; năng quyền của — cùng BCV để ban phép sống ngoài nội vi 92; — với BCV miễn chuẩn lời khấn của hội viên 95-96; ý kiến của — với BCV để một hội viên Salêdiêng chuyển sang giáo phận 97; ý kiến của — với BCV để miễn chuẩn độc thân linh mục; thẩm quyền của — với BCV để thải hồi một hội viên 108; phép của — với BCV để mở và lập một Nhà theo giáo luật 115; để thay đổi mục đích của một Nhà 117; để đóng cửa một Nhà 127; để chấp nhận một giáo xứ 126; thẩm quyền của — phê chuẩn việc bổ nhiệm một Giám Đốc 118-120; thẩm quyền của — với BCV để thiết lập hay giải thể một Tỉnh 128; một Á Tỉnh 129; một hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt 130; thẩm quyền của — để chuyển một hội viên từ một hạt sang một hạt khác 134; phép của — với BCV cho các giao dịch kinh tế được dự liệu bởi HL 188. 150tt; năng quyền của — liên quan đến các nghĩa vụ từ bồng lể 164; các mối quan hệ giữa Giám Tỉnh với — 165

Bộ của Giáo Triều Rôma [Roman Congregations]

liên hệ với các — 175

Bổ nhiệm/Chỉ định [Appointment]

— Giám Tỉnh 9; — Cố Vấn Tỉnh 15-16; — Điều Hành Viên Tu Nghị Tỉnh 32; — Thư Ký Tỉnh 42; — Tập Sư 50; — Giám Đốc một nhà 118-120; — Phó Giám Đốc 121; — Quản Lý nhà 122; — các thành viên Hội Đồng cộng thể 123; — một tu sĩ vào một chức vụ của giáo hội 141

Bỏ phiếu [Voting]

cách thức — cho Tu Nghị Tỉnh 27, 28; bỏ phiếu bằng thư 30

Cha Xứ [Parish priest]

ý kiến của BCV Tỉnh để bổ nhiệm — 20; bổ nhiệm chức vụ — bởi Giám Mục 141; năng quyền của — ‘ex officio’ liên quan đến việc ban Bí Tích Sám Hối 138; bốn phận của — đối với việc giữ Sổ Lễ 143

Chế tài/Hình phạt [Penal sanctions/Penalty]

năng quyền — 144; các loại — khác nhau 145; áp dụng — 146

Chết [Death]

thông báo về cái — của một hội viên 169 (mẫu trong PHỤ LỤC A-4); thư báo tang 169

Chỉ định [Assignment]

— một hội viên cho một Nhà 125; một hội viên cho một Tỉnh 133

Chỉ Nam [Directory]

các Chỉ Nam Tổng Quát và Chỉ Nam Tỉnh trong luật riêng của chúng ta 3; thẩm quyền của Tu Nghị Tỉnh liên quan đến Chỉ Nam Tỉnh 22; các qui tắc mà Chỉ Nam Tỉnh phải thiết lập liên quan đến Tiền Tập Viện 43, 45

Chí Nguyễn Don Bosco (VDB) [Volunteers of Don Bosco (VDB)]

bốn phận của Giám Tỉnh đối với các — 6

Cho vay [Loans]

gây quỹ — 155

Chuẩn bị [Preparation]

— cho Tập Viện (Tiền Tập Viện) 43-46; — trực tiếp cho khẩn trọn 65

Chức linh mục [Priesthood]

các đòi hỏi phải có trước khi tiếp nhận vào — 84; tiếp nhận vào — 85; các thư giới thiệu 86 (mẫu: PHỤ LỤC A-6; LƯU GIỮ CHÚNG TỪ 87

Chức phó tế [Diaconate]

các đòi hỏi để tiếp nhận vào — 78; tiếp nhận vào — 79; thư giới thiệu 80 (mẫu PHỤ LỤC A-6); lưu giữ tài liệu 81; thi hành thừa tác vụ phó tế 82; chức phó tế vĩnh viễn 83; miễn chuẩn — 98

Chuyển sang giáo phận [Secularisation (passage to secular clergy)]

— của một linh mục Salêdiêng 97

Chuyển đến [Passage]

xem: Thuyên chuyển

Cơ cấu [Structures]

ý nghĩa của — cộng thể 1; — ngoài Salêdiêng; các hội viên làm việc tại các cơ cấu ngoài Salêdiêng 135; được đảm nhận bởi Giám Tỉnh 10; — được đảm nhận bởi Giám Đốc 118

Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu [Daughters of Mary Help of Christians]

Bốn phận của Giám Tỉnh đối với — 6

Công chứng viên [Notary]

Thư Ký Tỉnh giữ vai trò công chứng viên 37; — trong các vụ án miễn chuẩn độc thân linh mục 101; — trong các thủ tục thải hồi hội viên 106, 108

Cộng thể/Cộng đoàn [Community]

các cuộc bầu cử cho Tu Nghị Tỉnh tại — địa phương 27, 29; bầu cử trong — tỉnh 28, 29; ý kiến của — địa phương cho việc tiếp nhận khẩn trọn 66; ý kiến của — địa phương

cho việc tiếp nhận thụ phong phó tế 79; ý kiến của — địa phương cho việc tiếp nhận thụ phong linh mục 85

cũng xem: Nhà Salêdiêng

Cộng Tác Viên Salêdiêng [Salesian Cooperators]

bốn phần của Giám Tỉnh đối với các — 6

Cử hành [Celebration]

— tuyên khấn 69

Cựu học viên [Past Pupils]

bốn phần của Giám Tỉnh đối với các — 6

Di chúc [Will]

phải làm — trước khi khấn trọn đời 67

Di sản [Legacies/Bequests]

nhận — 156

Thẩm Tra viên [Instructor of the cause (Instructor causae)]

— cho thủ tục miễn chuẩn độc thân linh mục 101

Đặc ân [Indult]

— sống ngoài nội vi 92; — rời bỏ Tu Hội trong trường hợp một hội viên khấn tạm (qua việc miễn chuẩn lời khấn) 95; — rời bỏ Tu Hội cho một hội viên khấn trọn (qua việc miễn chuẩn lời khấn) 96; — chuyển sang giáo phận 97

Đại biểu/đại diện [Delegate/s]

Đại biểu được bầu bởi Tu Nghị Tỉnh cho Tổng Tu Nghị 22; ‘Đại diện của Giám Tỉnh’ (‘Bề Trên Phụ Tỉnh’) cho một Phụ Tỉnh 131

Đấng Bản Quyền địa phương [Ordinary of the place]

các chứng từ của — cho các thủ tục pháp lý cá nhân: chuyển sang giáo phận 97; miễn chuẩn bậc độc thân linh mục 102; thẩm quyền của — trong việc ban năng quyền giải tội cho các linh mục dòng 138; quan hệ giữa Giám Tỉnh và — đối với việc tông đồ của tu sĩ 141

cũng xem: Giám Mục

Điều hành viên [Moderator]

chỉ định — cho Tu Nghị Tỉnh 32

Điều kiện [Conditions]

— để tiếp nhận vào Tập Viện 52; — cho hiệu lực của tuyên khẩn lần đầu 61; — cho yêu cầu miễn chuẩn độc thân linh mục 100; — cho việc thiết lập một Á Tỉnh theo giáo luật 129; — để thiết lập một hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt 130; — để thiết lập một Phụ Tỉnh 131

cũng xem: Yêu cầu, phẩm chất

Đình chỉ/Tạm ngưng [Suspension]

— việc thi hành quyết định của một bề trên trong trường hợp khẩn cấp 147

Đóng cửa/Giải thể [Closure]

— đóng cửa một Nhà theo giáo luật 127; — một Tỉnh 128; các tài liệu về các nhà bị đóng cửa phải chuyển về văn khố Tỉnh 185 chú thích; 187 chú thích

Đóng góp [Contribution]

— hằng năm của mỗi Nhà cho Tỉnh 160

Đơn xin [Request (petition)]

— tiếp nhận vào Tập Viện 53; — tuyên khẩn lần đầu 62; — tái khẩn tạm 64; — tuyên khẩn trọn đời 66; — các thừa tác vụ 74; — chức phó tế 79; — chức linh mục 85; — ‘vắng mặt tại Tu Viện’ 91; — sống ngoài nội vi 92; — miễn chuẩn lời khẩn tạm 95; — miễn chuẩn lời khẩn trọn đời 96; — chuyển sang giáo phận 97; — miễn chuẩn chức phó tế 98; — miễn chuẩn độc thân linh mục 191; cách thức đệ đơn xin lên Bề Trên Cả 178; mẫu — chuyển sang giáo phận PHỤ LỤC A-9

Flash

thống kê bằng — vào ngày 31 tháng 12 hằng năm 172; mẫu — PHỤ LỤC A-15

FMA

xem: Con Đức Mẹ Phù Hộ các Giáo Hữu

Gia Đình Salêdiêng [Salesian Family]

bốn phận của Giám Tỉnh đối với — 6

Gia hạn, kéo dài [Prolonging]

— thời gian Tập Viện 57; — thời gian khẩn tạm 59, 64, 67; — thời gian sống ngoài nội vi 92

Giải thể [Suppression]

— một Nhà hay một Tỉnh

xem: Đóng cửa

Giám Đốc [Rector]

— xét đơn xin của ứng sinh vào Tập Viện 54; thẩm định của — cùng với BCV địa phương để tiếp nhận vào tuyên khấn lần đầu 62; để tái khấn tạm 64; để khấn trọn đời 66; thẩm định của — và BCV địa phương để tiếp nhận vào các thừa tác vụ 74; vào chức phó tế 79; vào chức linh mục 85; thủ tục bổ nhiệm — 118; tái bổ nhiệm — cho một nhiệm kỳ 3 năm thứ hai tại cùng một Nhà 119; tái bổ nhiệm — cho một nhiệm kỳ 3 năm thứ ba 120; — có bốn phận lo cho các hội viên có cha giải tội 137; năng quyền của — trong việc ban Bí Tích Sám Hối cho những người sống ngày đêm trong Nhà 138; — chịu trách nhiệm về văn khố địa phương 184

Giám Mục [Bishop]

sự ưng thuận của — giáo phận để thiết lập một Nhà 115; thoả thuận giữa — và Giám Tỉnh để chấp nhận một giáo xứ 126; — liên hệ giữa Giám Tỉnh và Giám Mục cho việc tông đồ của hội viên 141; thẩm quyền của — giáo phận đối với việc làm phép thánh đường 142; thăm viếng của — trong cuộc thăm viếng mục vụ 141

cũng xem: Đấng Bản Quyền địa phương

Giám Tỉnh [Provincial]

vai trò của Giám Tỉnh 5; — Bề Trên Cấp Cao 5; — Đấng Bản Quyền Dòng 5; các bốn phận của — theo HL và QC 6-7; các phẩm chất để được bổ nhiệm làm — 8; bổ nhiệm — 9; nhậm chức — 10; nhiệm kỳ — 11; bốn phận của — trong việc cung cấp cha giải tội cho các hội viên 137; các năng quyền của — liên quan đến việc ban Bí Tích Sám Hối 138-139; các năng quyền của — để miễn chuẩn các lời khấn tư 140; — và việc tông đồ của các hội viên 141; — và nơi thờ phượng 142; các năng quyền của — để áp đặt các chế tài 144-146; các năng quyền của — để miễn chuẩn các luật về kỷ luật 147; các năng quyền của — để miễn chuẩn việc giữ chay và hãm mình 147; các năng quyền của — để miễn chuẩn đọc Các Giờ Kinh Phụng Vụ 147; các năng quyền của — để tạm ngưng thi hành quyết định của một bề trên 148; — chịu trách nhiệm việc quản trị các tài sản vật chất; — chịu trách nhiệm về Văn Khố Tỉnh 183

Giáo dân [Laity]

bốn phận của Giám Tỉnh đối với các cộng sự — 6

Giao dịch kinh tế [Economic operations]

— cần phải có phép của Bề Trên Cả cùng với Ban Cố Vấn ngài 150; giới hạn thẩm quyền của Giám Tỉnh đối với các — 151; thủ tục phải theo cho các — 152

Giáo xứ [Parish]

chấp nhận một — Salêdiêng 126 (thủ tục): liên hệ kinh tế giữa — Salêdiêng và Nhà Salêdiêng 163; lập bản Thoả Thuận để chấp nhận một — PHỤ LỤC A-14

Hạt pháp lý [Circumscription]

— qui chế đặc biệt 130; chỉ định một hội viên tới một — của Tu Hội 133; chỉ định một hội viên từ một — tới một — khác 134-135

xem: Tỉnh, Ấ Tỉnh

Hiến Luật [Constitutions]

— bộ luật cơ bản của Tu Hội 3

Hiến tặng [Donations]

— bất động sản 154; chấp nhận — 156; các qui tắc giáo luật liên quan đến — 164

Hình phạt [Penalty]

xem: Chế tài

Học bổng [Scholarships]

thủ tục lập — 158

Hợp đồng/Giao kèo [Contract]

xem: Thỏa thuận

Kế hoạch giáo dục và mục vụ [Educative and pastoral project]

các nhiệm vụ của Tu Nghị Tỉnh liên quan đến — 22

Khoảng cách (thời gian) [Interstices]

— giữa thừa tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ, và giữa thừa tác vụ Giúp Lễ và Phó Tế 76; — giữa Phó Tế và Linh Mục 82, 84

Kinh lý [Visitation]

— Tỉnh 7; — đặc biệt 166; — của Giám Mục tới các cộng đoàn tu sĩ 141

Kinh tế [Economy]

xem: Quản trị

Ký sự [Chronicle]

— của Nhà trong văn khố địa phương 186; tóm lược — của Nhà (để gửi cho Tổng Thư Ký) 170

Lịch sử [History]

tầm quan trọng của văn khố đối với — 181; — Tỉnh, phải được lưu trữ tại văn khố Tỉnh 185, 187; — Nhà, phải được lưu trữ tại văn khố địa phương 186

Lời thề/Tuyên thệ [Oath]

trung thành, một phần của bản tuyên xưng đức tin: *xem* PHỤ LỤC A-7

xem: Tuyên xưng đức tin

Luật [Law]

trung thành, một phần của bản tuyên xưng đức tin: xem PHỤ LỤC A-7

xem: Tuyên xưng đức tin

Mẫu (văn bản) [Forms]

bảng liệt kê các — văn bản thông dụng cho văn khố PHỤ LỤC A-1; — cho việc tiếp nhận vào Tập Viện PHỤ LỤC A-2; — cho việc thông tin về một hội viên rời bỏ Tu Hội sau khi mãn thời gian khấn tạm PHỤ LỤC A-3; — để thông báo về cái chết của một hội viên PHỤ LỤC A-4; — cho bản Flash (thống kê cuối năm) PHỤ LỤC A-15

Miễn chuẩn [Dispensation]

— khấn tạm 95; — khấn trọn đời 96; — chức phó tế 98; — độc thân linh mục 99-103; các điều kiện — 100; thủ tục phải theo 101; các văn bản phải có 102; thông báo — độc thân linh mục 103; — các lời khấn tư 140; — các luật về kỷ luật 147; — giữ chay và hãm mình 147; — Phụng Vụ các Giờ Kinh 147; các mẫu thủ tục về — độc thân linh mục PHỤ LỤC A-13

Mở [Opening]

— một cơ sở hay một Nhà Salêdiêng 115

Mua [Purchasing]

— bất động sản 153

Năng quyền [Faculty]

— đặc biệt cho Giám Tỉnh, trong Giáo Luật 137-148

Ngày tháng [Date]

cách ghi — cho các văn bản 179

Ngăn trở [Impediments]

— cho việc tiếp nhận vào Tập Viện 52; — cho việc tiếp nhận vào chức Phó Tế 78; — cho việc tiếp nhận vào chức linh mục 84

Nhà cửa [Buildings]

thủ tục để phá bỏ, xây mới, sửa chữa — 157

Nhà nguyện [Chapel]

xem: Nơi thờ phượng

Nhà Salêdiêng [Salesian House]

— Nhà Tập Viện: thiết lập, giải thể hay di dời 47; các năng quyền của Bề Trên Cả để cho phép một tập sinh trải qua thời kỳ Tập Viện tại một Nhà khác trong Tu Hội 48; các năng quyền của Giám Tỉnh để cho phép một nhóm tập sinh qua một thời gian nhất định tại một Nhà của Tu Hội 49; mở và thiết lập — theo giáo luật 127; thay đổi mục

đích của — 117 văn khố của — 181, 184, 186; ký sự của — 186; tóm tắt ký sự của — 170

Nhà Tỉnh [Provincial House]

xem: Trung Tâm Tỉnh

Nhập tịch [Incardination]

— vào một giáo phận (qua việc chuyển sang giáo phận) 97; nhập tịch = chỉ định vào một Tỉnh 133

Niên Giám [Annuario/Year Book]

— danh sách chung các hội viên và các Nhà 171

Niên Giám Tu Hội [Elenco (General List of the Society)]

xem: Niên Giám

Nơi thờ phượng [Place of worship]

các bốn phận và năng quyền của Giám Tỉnh liên quan đến — 142

Phẩm chất [Qualities]

— để được bổ nhiệm Giám Tỉnh 8; — để bổ nhiệm làm Cố Vấn Tỉnh 14; — để bổ nhiệm làm Phó Giám Tỉnh 14; — của Thư Ký Tỉnh 41

cũng xem: các Yêu cầu/Đòi hỏi

Phần đóng góp [Quota]

xem: Đóng góp

Phê chuẩn [Approval]

— việc bổ nhiệm Tập Sự 50; — bổ nhiệm Giám Đốc bởi Bề Trên Cả 118-120; — Bề Trên Phụ Tỉnh cho một Phụ Tỉnh 131; phép của BTC cho các giao dịch kinh tế tài chánh 150, 152

Phép [Permissions]

— và các sự miễn chuẩn mà Giám Tỉnh có thể ban theo luật 147-148

Phó Giám Tỉnh [Vice provincial]

các điều kiện để bổ nhiệm —, tuyên xưng đức tin 14; thủ tục để bổ nhiệm — 15-16; bổ nhiệm Phó Giám Đốc, 121

Phụ Tỉnh [Delegation]

Phụ Tỉnh 131

Quan hệ/Liên hệ [Relationships]

— của Giám Tỉnh với Gia Đình Salêdiêng 6; — với các cộng sự giáo dân 6; — với thực tại xã hội và giáo hội 6; — với các giám mục về việc tông đồ của các hội viên 141; — của Giám Tỉnh với Bề Trên Cả và với các Tổng Cố Vấn 165-166; — với Tổng Toà 175

Quản lý (thủ quỹ, quản trị viên) [Economer (bursar/administrator/treasurer)]

— tỉnh: thủ tục bổ nhiệm 15-16; — địa phương: bổ nhiệm 122; — tỉnh: chịu trách nhiệm quản trị tài sản cùng với Giám Tỉnh 149

Quân sự [Military]

yêu cầu thi hành hay miễn nghĩa vụ — 53, 73; tu sĩ trong thời kỳ thi hành nghĩa vụ — 73

Quản trị [Administration]

— tài sản vật chất 149; các giao dịch ngoại thường (được phép của Bề Trên Cả) 150-152; mua bất động sản 153; chuyển nhượng bất động sản 154; vay mượn 155; chấp nhận của thừa kế, di sản, của hiến tặng 156; đập bỏ nhà cửa hiện hữu, xây nhà mới, tu sửa lớn một nhà 157; trợ cấp suốt đời, học bổng, các nghĩa vụ dâng lễ hay các quỹ từ thiện 158; các yêu cầu khác theo Qui Chế 159-163; liên hệ kinh tế giữa Nhà Salêdiêng và giáo xứ Salêdiêng 163; các luật giáo hội liên quan đến của thừa kế, di sản, của hiến tặng và các 'nghĩa vụ làm các việc đạo đức' khác 164

Quản trị viên [Administrator]

xem: Quản lý

Qui Chế [Regulations]

Qui Chế Tổng Quát của Tu Hội 3; các qui tắc tiến hành Tu Nghị Tỉnh 34; các qui định cho văn khố

Qui tắc [Norms]

ý nghĩa của các qui tắc cộng thể 1; các qui tắc cộng thể chứa đựng trong luật phổ quát và luật riêng 2; các qui tắc chung để Thư Ký lưu giữ tài liệu 176-180

Qui trình/Tiến trình [Curriculum]

Cơ hội để lưu ý tới tất cả — đào luyện, để tiếp nhận vào tuyên khấn trọn đời 66; để tiếp nhận vào chức phó tế 79; để tiếp nhận vào chức linh mục 85; — cần phải có để tiến hành thủ tục cho phép sống ngoài nội vi 92; — cho các thủ tục để miễn chuẩn lời khấn 95-96; — cho các thủ tục để chuyển sang giáo phận 97; — cho các thủ tục để miễn chuẩn chức phó tế 98; — cho các thủ tục để miễn chuẩn độc thân linh mục 102; các yếu tố thiết yếu phải có trong 'curriculum vitae' PHỤ LỤC A-5

Quỹ [Foundations]

lập — đặc biệt 158

Quyền bính/Thẩm quyền [Authority]

việc phục vụ của — để tuân thủ các qui tắc của cộng thể 4; — của Giám Tỉnh như là Bề

Trên Cấp Cao và Đấng Bản Quyền Dòng 5; các năng quyền đặc biệt của Giám Tỉnh với tư cách là Đấng Bản Quyền Dòng 137-147

Ra khỏi Tu Hội [Separation from the Society]

qua việc chuyển sang một Hội Dòng khác 88-90; — qua việc tạm thời vắng mặt khỏi cộng thể 91; — của một hội viên khẩn tạm 'khi hết lời khẩn' 94; — qua việc được miễn chuẩn lời khẩn tạm 95; qua việc được miễn chuẩn lời khẩn trọn 96; — qua việc chuyển sang giáo phận 97; — qua việc được miễn chuẩn chức phó tế 98; — qua việc được miễn chuẩn độc thân linh mục 99-103; — qua việc bị thải hồi khỏi Tu Hội 104-111; giúp đỡ các hội viên đã rời bỏ Tu Hội 114

Cũng xem: miễn chuẩn, sống ngoài nội vi, đặc ân, chuyển đến, chuyển sang giáo phận, rời bỏ Tu Hội

Rời bỏ Tu Hội [Leaving]

— của một tập sinh 57; — của một hội viên khẩn tạm khi 'mãn hạn lời khẩn' 94; — của một hội viên khẩn trọn bằng cách chuyển sang một Hội Dòng khác 88, 90; — của một hội viên khẩn tạm nhờ được miễn chuẩn lời khẩn 95; — của một hội viên khẩn trọn nhờ được miễn chuẩn lời khẩn 96; — của một hội viên linh mục nhờ được miễn chuẩn độc thân linh mục 99-103; của một hội viên khẩn trọn qua việc bị thải hồi 104-111; giúp đỡ các hội viên rời bỏ Tu Hội 114.

Sắc lệnh/Quyết định [Decree]

— thi hành việc chuyển sang giáo phận theo dạng 'thử luyện' ('*praeviso experimento*') 97; — nhập tịch 97; — thải hồi 109

Sám Hối (bí tích) [Penance (sacrament)]

Giám Tỉnh có bốn phận lo cho các hội viên có điều kiện đến với bí tích này 137; Giám Tỉnh có năng quyền pháp lý trong việc ban bí tích — 138; rút lại năng quyền ban bí tích — 139

Sắp xếp [Arrangement]

— văn khố tỉnh 187

Sống ngoài nội vi [Exclaustration]

— được ban bởi Bề Trên Cả (thời hạn ba năm) 92; gia hạn phép — bởi Tổng Toà 92; — bắt buộc bởi Tổng Toà 93

Sư huynh [Brothers/Coadjutors]

sự hiện diện của — trong các Tu Nghị và Ban Cố Vấn 31; — yêu cầu trở thành phó tế vĩnh viễn hay linh mục 83

Tài liệu/Chứng từ [Documentation]

— cần thiết để được tiếp nhận vào Tập Viện 53; chứng thực việc tiếp nhận vào Tập

Viện (ba bản) 54; — tuyên khấn lần đầu 63; — tuyên khấn tạm 64; tuyên khấn trọn đời 68; — ban các thừa tác vụ 77; — thụ phong phó tế 81; — thụ phong linh mục 87; — nhận Đặc Ân sống ngoài nội vi 92; — miễn chuẩn khấn tạm 95; — miễn chuẩn khấn trọn 96; — nhận Đặc Ân chuyển sang giáo phận 97; — miễn chuẩn chức phó tế 98; — miễn chuẩn độc thân linh mục 102; — thải hồi khỏi Tu Hội (sắc lệnh của Bề Trên Tổng Quyền) 108; — Văn Phòng Tỉnh phải gửi cho mỗi hội viên 168-169; — Văn Phòng Tỉnh phải gửi cho mỗi cộng thể 170; — Văn Phòng Tỉnh phải gửi cho Tỉnh 171-173; bảng liệt kê các mẫu — phải giữ tại Văn Khố trung ương PHỤ LỤC A-1

Tập San Salêdiêng [Salesian Bulletin]

gửi thông tin cho — về các thông báo liên quan đến các hội viên quá cố 169; gửi thông tin cho — về các sự kiện quan trọng 170

Tập Sư [Director of Novices]

bổ nhiệm — 50; nhiệm kỳ của — 51; có thể tái bổ nhiệm — 51

Tập Viện/Nhà Tập [Novitiate/House of novitiate]

Nhà của Tập Viện: thiết lập, giải thể hay di dời 47; Bề Trên Cả có năng quyền cho phép một tập sinh trải qua thời kỳ Tập Viện tại một nhà khác của Tu Hội 48; Giám Tỉnh có năng quyền cho phép nhóm tập sinh trải qua một thời gian tại một Nhà khác của Tu Hội 49; tiếp nhận vào — 52-54; thời gian — 55; vắng mặt trong thời gian — 56; kết thúc — 57

Tên [Name]

cách ghi họ tên của hội viên 176

Thải hồi [Dismissal]

— khỏi Tập Viện 57; — khỏi Tu Hội: các loại khác nhau 104; — ‘ipso facto’ 105; — ‘bắt buộc’ 106; sắc lệnh — bởi Bề Trên Tổng Quyền 107-111; các lý do để — 107; thủ tục — 108; thông báo sắc lệnh — 109; hiệu quả của — 110; các ghi chú liên quan đến bản chất thủ tục 111; mẫu văn bản tuyên bố thải hồi ‘ipso facto’ PHỤ LỤC A-10; các mẫu ‘cảnh cáo theo giáo luật’ PHỤ LỤC A-11; mẫu ‘sắc lệnh’ thải hồi một hội viên không thể tìm được PHỤ LỤC A-12

Tham khảo [Consultation]

— cho việc bổ nhiệm Giám Tỉnh 9; — cho việc bổ nhiệm các Cố Vấn Tỉnh 16; — cho việc bổ nhiệm Giám Đốc 118; — cho việc thiết lập một Tỉnh 128; — cho việc thiết lập một Á Tỉnh 129; — cho việc bổ nhiệm Bề Trên Phụ Tỉnh cho một Phụ Tỉnh 131

Thánh Lễ [Masses]

bốn phận và quyền của Giám Tỉnh liên quan đến cử hành — 143; giới hạn nghĩa vụ đối với — 158

Thâu nhận [Enrolment]

xem: Chỉ định

Thay đổi/Sửa đổi [Modifications]

— mục đích của một Nhà 117; — của Nhà Tỉnh 132; các thay đổi quan trọng về nhà cửa trong một Nhà 157; — về cơ cấu bình thường của các vai trò trong một cộng thể 124

Thi hành [Exercise]

— các thừa tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ 76; — Phó Tế 82

Thiết lập theo giáo luật [Canonical erection]

— một Nhà 115; — một Tỉnh 128; — một Á Tỉnh 129; — một hạt pháp lý theo qui chế đặc biệt 130; — một Phụ Tỉnh 131

Thoả thuận/Hợp đồng [Agreement]

— với Giám Mục giáo phận để chấp nhận một giáo xứ 126, 163; — với các tổ chức giáo hội hay dân sự để cho hội viên tới đó làm việc 136; — với giám mục giáo phận đối với mỗi công cuộc được giám mục uỷ thác cho tu sĩ 141

Thời gian/Thời điểm [Time]

tính toán — để Tập Viện có hiệu lực 55-56; — cho tuyên khấn lần đầu 60; — cho tuyên khấn trọn đời 67; — cho việc thi hành các thừa tác vụ 76; — cho việc thụ phong phó tế 78; — cho việc thụ phong linh mục 84

Thời hạn [Duration]

— nhiệm kỳ của Giám Tỉnh 11; — nhiệm kỳ của các Cố Vấn Tỉnh 17; — nhiệm kỳ của Thư Ký Tỉnh 42; — nhiệm kỳ của Tập Sư 51; — của Tiền Tập Viện 46; — của Tập Viện 55; — của thời kỳ khấn tạm 59; — của thời kỳ chuẩn bị khấn trọn 65

Thống kê [Statistics]

nhiệm vụ của Thư Ký thu thập các số liệu thống kê 38; nội dung — hằng năm của Niên Giám Tu Hội 171; — về nhân sự vào ngày 31 tháng 12 (Flash) 172; — các công cuộc và các hoạt động 173

Thông tin [Information]

xem: Truyền thông

Thư báo tang [Mortuary Letter]

bốn phần của Giám Đốc viết — gửi cho các trung tâm cần thiết 169; — phải lưu trữ tại văn khố địa phương 186

Thư giới thiệu truyền chức [Dimissorial Letters]

— để truyền chức phó tế 80; — để truyền chức linh mục; mẫu — PHỤ LỤC A-6

Thư Ký Tỉnh [Provincial Secretary]

vai trò của — 36; các nhiệm vụ của — 37-40; các phẩm chất của — 41; việc bổ nhiệm và nhiệm kỳ của — 42

Thủ quỹ [Treasurer]

xem: Quản lý

Thừa kế [Inheritances]

chấp nhận — 156; các qui tắc giáo luật liên quan đến — 164

Thừa tác vụ [Ministries]

Các — bắt buộc đối với các ứng viên chức Phó Tế và Linh Mục 74; tiếp nhận vào — Đọc Sách và Giúp Lễ 74; xác nhận — 75; thi hành — 76; các chứng từ về việc ban — 77

Thừa tác vụ Đọc Sách [Reader/Lector ministry]

tiếp nhận vào thừa tác vụ — 74; các đòi hỏi cho thừa tác vụ — 75-77

Thừa tác vụ Giúp Lễ [Acolyte ministry]

tiếp nhận vào thừa tác vụ — 74; khoảng thời gian giữa — và chức phó tế 76

Thuyển chuyển/Di dời [Transfer]

— một Giám Tỉnh đương nhiệm 11; — một Trung Tâm Tỉnh 132; — dứt khoát một hội viên từ một hạt sang một hạt khác 134; — tạm thời một hội viên từ một hạt sang một hạt khác 135

Tiền [Money]

việc sử dụng — dư thừa

Tiền Tập Viện [Prenovitate]

các qui tắc liên quan đến — 43-46; tiếp nhận vào — 43; các mục đích của — 44; môi trường đào luyện của — 45; thời gian — 46

Tiếp nhận [Admissions]

— vào Tiền Tập Viện 43; — vào Tập Viện 52-54; — vào tuyên khấn lần đầu 62; — vào tái khấn (tạm) 64; — vào tuyên khấn trọn đời 66; — vào các thừa tác vụ Đọc Sách và Giúp Lễ 74; vào chức Phó Tế 79; vào chức Linh Mục 85

Tiếp nhận lại [Re-admission]

— một tập sinh đã rời bỏ hợp pháp khi xong thời kỳ Tập Viện 70; — một hội viên (khẩn tạm hay khẩn trọn) đã rời bỏ Tu Hội một cách hợp pháp 71; — một hội viên đã khẩn và đã bị thải hồi khỏi Tu Hội 72

Tỉnh [Province]

quyền bính và trách nhiệm của Giám Tỉnh đối với — 5; các nhiệm vụ của Tu Nghị Tỉnh cho việc điều hành tốt đẹp của — 22; báo cáo của Giám Tỉnh về tình trạng của — 22; thiết lập và giải thể một — 128; các chỉ dẫn cho — về các thủ tục pháp lý 177

Tờ Tin Tức của Tỉnh [Province Newsletter]

— phải được gửi cho Văn Phòng Báo Chí và Tổng Thư Ký 174; — phải lưu tại văn khố Tỉnh 185

Tổng Đại Diện [Procurator General]

các nhiệm vụ của — trong quan hệ với Tông Toà, trình bày các thủ tục pháp lý 175

Tông Toà/Toà Thánh [Apostolic See]

thẩm quyền của — để tiếp nhận lại một hội viên đã bị thải hồi trước kia 72; thẩm quyền của — để gia hạn đặc ân sống ngoài nội vi 92; để bắt buộc sống ngoài nội vi 93; để một tu sĩ chuyển sang giáo sĩ triều 97; để miễn chuẩn chức phó tế 98; để miễn chuẩn bậc độc thân linh mục 99ff; phê chuẩn việc thải hồi bởi — 108; quan hệ với — (các Bộ của giáo triều Rôma) 175

Tổng Tu Nghị [General Chapter]

các nhiệm vụ của Tu Nghị Tỉnh liên quan đến — 22; Công Báo của — phải được lưu trữ tại văn khố tỉnh và văn khố địa phương 185-186

Trục xuất [Expulsion]

một hội viên khỏi cộng thể trong trường hợp khẩn cấp 113

cũng xem: Thải hồi

Trung Tâm Tỉnh [Province Centre]

xác định — và khả năng di dời 132

Trước thời hạn [Anticipation]

khẩn lần đầu — 60; tái khẩn — 64; khẩn trọn — 67

Truyền thông/Thông tin [Communication]

Thư Ký Tỉnh và — 39; — giữa Giám Tỉnh và Ban Tổng Cố Vấn 165; — giữa Giám Tỉnh và Cố Vấn Vùng 166; — của Văn Phòng Tổng Thư Ký tới các Tỉnh 167; — các tài liệu liên quan đến mỗi hội viên 168; — về một hội viên mới qua đời 169; — các sự kiện quan trọng trong các Nhà 170; — các sự kiện quan trọng trong Tỉnh 174

Tu Nghị Tỉnh [Provincial Chapter]

bản chất của — 21; các nhiệm vụ của — 22; triệu tập — 23; tần suất — 24; — đặc biệt 25; thành phần tham dự — 26; thủ tục bầu cử cho — 27, 28; các thành phần tham dự trong các cuộc bầu cử cho — 29; bầu bằng thư 30; các thành viên giáo dân và giáo sĩ đại diện tại — 31; bổ nhiệm Điều Hành Viên — 32; các chuyên gia và quan sát viên tại — 33; các

qui tắc cho việc tiến hành — 34

Tuổi [Age]

— tối thiểu để vào Nhà Tập 52; — tối thiểu để tuyên khấn lần đầu 61; — tối thiểu để thụ phong linh mục 84

Tuyên bố [Declaration]

— về sự thái hời '*ipso facto*' ('đương nhiên') 105; mẫu của — thái hời '*ipso facto*' PHỤ LỤC A-10

Tuyên khấn/Khấn dòng [Religious profession]

— tạm và trọn đời 59; tiếp nhận vào — lần đầu 60-63; thời gian — tạm 59; kéo dài thời gian — tạm 59; tái khấn tạm 64; chuẩn bị trực tiếp cho — trọn đời; tiếp nhận vào — trọn đời 66; thời điểm — trọn đời 67; cử hành — 69

Tuyên xưng Đức Tin [Profession of Faith]

— bởi Giám Tỉnh 10; — bởi Phó Giám Tỉnh 14; — bởi Giám Đốc 118; mẫu — với lời tuyên thệ đính kèm PHỤ LỤC A-7

Ưng thuận [Consent]

nghĩa của từ 'ưng thuận' mà các bề trên phải hỏi Ban Cố Vấn 18; các trường hợp buộc phải có — của Ban Cố Vấn Tỉnh 19

Văn khố/Kho lưu trữ văn thư [Archives]

tầm quan trọng của — đối với Tu Hội chúng ta 181; — lịch sử, hiện hành và 'mật' 182; trách nhiệm về — tỉnh 40, 183; phụ trách — địa phương 184; nội dung — tỉnh 185; nội dung — địa phương 186; sắp xếp — 187; bảo quản các tư liệu của — 188-189; các mẫu được sử dụng trong — Trung Ương Salêdiêng PHỤ LỤC A-18

Văn Phòng [Secretariat]

việc phục vụ của Văn Phòng Trung Ương 167; việc phục vụ của Văn Phòng Tỉnh và các tài liệu chính phải gửi về Trung Ương 168-174; liên lạc giữa thư ký tỉnh và tổng thư ký 167-180

Văn thư lưu trữ [Register of correspondence/protocol]

Thư Ký Tỉnh chịu trách nhiệm về — của Tỉnh 38

Vắng mặt [Absence]

— trong thời gian Tập Viện 56; "vắng mặt khỏi Nhà Dòng" do giám tỉnh cho phép (trong thời hạn một năm) 91; thái hời vì lý do vắng mặt không phép 107; mẫu văn thư cho phép vắng mặt khỏi nhà dòng PHỤ LỤC A-8

Xác nhận/Tái bổ nhiệm [Confirmation]

— một Tập Sự 51; — Giám Đốc cho một nhiệm kỳ thứ hai tại cùng một Nhà 119; — Giám Đốc cho một nhiệm kỳ thứ ba (và hơn nữa) 120

Xây dựng [Construction]

— nhà cửa mới 157

Xuất bản/Ấn phẩm [Publications]

các ấn phẩm cần có phép của Giám Tỉnh 141; — của các hội viên phải được gửi về Văn Phòng Trung Ương 169

Xưng tội [Confession]

xem: Sám Hối (bí tích)

Ý kiến [Opinion]

nghĩa của từ 'ý kiến' trong các việc mà Bề Trên phải hỏi Ban Cố Vấn 18; các trường hợp đòi hỏi — của BCV Tỉnh 20

Yêu cầu/Đòi hỏi [Requirements]

— để được tiếp nhận vào chức Phó Tế 78; — để được tiếp nhận vào chức Linh Mục 84;

cũng xem: Điều kiện, Phẩm chất

NB: Bản này do Phêrô Nguyễn quốc Thuấn dịch từ tiếng Anh thực hiện và được lm. Giuse Đỗ đức Dũng SDB hiệu đính, đối chiếu với bản tiếng Ý (xong ngày 10.10.2017).